


H.T. THÍCH THIỆN TÂM



*mây diêu*  
**SEN THANH**

QUYỂN 2

 NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

PHƯƠNG LIÊN TỊNH XỨ MẬT TỊNH ĐẠO TRÀNG

*Viết dịch: Hòa thượng Thích thượng Thiên hạ Tâm*

*Mấy Điều  
Sen Thanh*

**TẬP II**



**NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM  
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC  
65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội  
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com;  
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

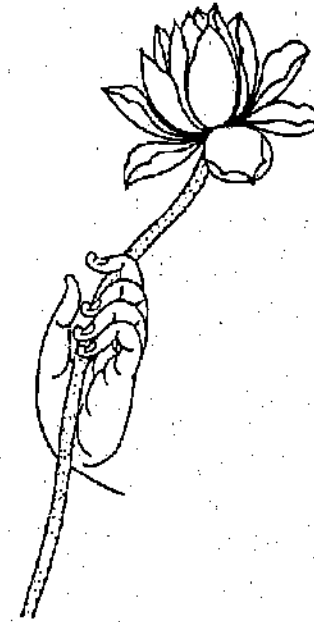
**MẤY ĐIỀU SEN THANH - TẬP 2**

Tác giả: Phương liên tình xứ mật tịnh đạo tràng -  
**HT. Thích thượng Thiên hạ Tâm**

Chịu trách nhiệm xuất bản  
*Giám đốc* BUI VIỆT BẮC  
Chịu trách nhiệm nội dung  
*Tổng biên tập* LÝ BẢ TOÀN  
Biên tập: PHAN THỊ NGỌC MINH  
Sửa bản in: Hoàng Chuyên  
Trình bày: Thanh Duy

**ĐỐI TÁC LIÊN KẾT**  
Phòng phát hành Kinh Sách & Văn hóa phẩm  
Phật Giáo Thanh Duy  
ĐC: 484 Tô Ngọc Vân, Tam Phú, Q.Thủ Đức, Tp.HCM  
ĐT: 028.37290620, Website: nhasachthanhduy.com

In 3.000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm, tại Công ty TNHH cơ khí  
in Tuệ Mẫn 327 Đất Mới, khu phố 4, P.Bình Bình Trị Đông  
A, Quận Bình Tân, TP.HCM.  
Số XNKKH: 1323 - 2018/CXBIPH/19 - 24/HĐ. Số QĐXB của  
NXB: 271/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 21/4/2018. In xong và nộp  
hưu chiếu năm 2018. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN):  
978-604-89-3732-4.



*Mấy điều sen thanh đóa đặt trời*

*Vang thành ảnh ngọc nổi liên phương*

PHẦN BA  
**TỬ CHÚNG VÃNG SANH**  
(Tiếp Theo)



**DIỆU HIỆP**

**Đ**iệu Hiệp đại sư, người ở huyện Cần tại Minh Châu. Ngài xuất gia khoảng cuối đời nhà Nguyên sang đầu triều Minh, nghiên cứu tinh tường về Thiên Thai giáo quán, chuyên tu môn Niệm Phật tam muội. Đại sư có soạn thuật hai quyển Niệm Phật Trục Chi, trong đó thiên Trục Chi Tâm Yêu phá vọng hiển chân, biện giải đến chỗ tinh vi. Văn rằng:

“... Đức Thế Tôn thấy cõi Ta Bà có các sự khổ: sanh, già, bệnh, chết, nghiệp phiền não thiêu đốt buộc ràng, nên khuyên chúng hữu tình niệm Phật A Di Đà cầu sanh về Cực Lạc. Nhưng cách Phật lâu xa, con đường thánh đạo càng bị cô tranh khuất lấp. Nhiều người nghe nói: “Các pháp đều ở nơi tâm”, liền lầm nhận nghiệp vọng tướng thuộc bóng duyên sáu trần trong thân là tâm mình. Do đó nên bảo: “Phật ở nơi đây, cõi Cực Lạc cũng ở trong ấy, không cần tìm cầu đâu xa!” Họ không biết thể huyễn bóng duyên sáu

trần đó, thuộc về vọng tâm, vốn không bền chắc. Nếu tiền trần tiêu tan, vọng tâm ấy liền diệt. Như thế, làm sao có cõi Cực Lạc ở trong đó được?

Có kẻ lại miến cưỡng bảo: "Các bậc ngộ đạo thấy tánh đều nói cõi Phật ở nơi tâm. Đã thấy tánh, lẽ đâu còn chấp bóng duyên của sáu trần nữa!" Các người ấy đâu biết rằng sự ngộ đạo thấy tánh đó, là ngộ được bản tâm chân thật, chứ không phải là vọng tâm như họ tưởng. Muốn ngộ được chân tâm ấy, phải thấu suốt tâm vọng thuộc bóng duyên sáu trần vốn ở trong huyền thân, huyền thân lại ở trong thế giới, và tất cả thế giới thật lành hoặc như ác đều ở trong hư không. Thế hư không ấy tuy bao gồm tất cả y báo chánh báo của mười phương, rộng lớn không ngần mé, nhưng lại ở trong chân tâm sáng suốt bất động vô cùng vô tận của ta, ví như một cụm mây nhỏ điểm lơ lửng giữa khoảng thái thanh bao la lặng lẽ. Chân tâm đã rộng lớn như thế, làm sao tất cả mười phương thế giới hoặc như hoặc sạch lại không ở trong tâm? Thế thì đức Phật hoặc các bậc ngộ đạo nói các pháp ở nơi tâm, là chỉ cho chân tâm đó, chứ không phải vọng tâm thuộc bóng duyên sáu trần trong huyền thân này đâu! Chân tâm ấy vượt niệm hiểu biết, là sự thấy nghe, dứt hẳn các tướng sanh, diệt, thêm, bớt. Tất cả thế giới gồm thân chư Phật và chúng sanh đã ở trong chân tâm đó, thì cảnh Ta Bà cùng Cực Lạc đều là tâm của ta. Cho nên các hữu tình ở trong đó tùy ý bỏ đông cầu tây, chán cõi như thích cảnh sạch, dù có trước tướng, vẫn không là ngoài chân tâm.

Bởi thế, khi cảnh tướng đẹp của cõi Cực Lạc và đức A Di Đà hiện ra, tức từ tâm ta hiển lộ. Và khi tâm ta hiển lộ thì đức A Di Đà hiện ra. Tâm ta là tâm đức Phật kia, đức

Phật kia là Phật của tâm ta, đồng một thể không khác, nên gọi "duy tâm Tịnh độ, bản tánh Di Đà". Cho nên khi nói duy tâm hay bản tánh, chẳng phải chỉ cho cái vọng tâm sanh diệt thuộc bóng duyên sáu trần trong huyền thân. Và ở phương Tây chẳng phải không có cõi Cực Lạc cùng đức A Di Đà, mà nói không cần tìm cầu. Cầu đức Phật kia chính là cầu tâm mình, muốn sớm ngộ chân tâm mình, phải cầu đức Phật kia. Thế thì tại sao đời nay các nhà thức giả vừa mới biết chút ít lý thiền, những tăng sĩ nông cạn phá rối Phật pháp, không nghiên tâm sâu chân lý để ngộ cảnh tức là tâm? Mà trở lại ở trong môn Bất nhị, họ chia trong chia ngoài, phân tâm phân cảnh, dạy người tìm trong bỏ ngoài, lia cảnh để cầu tâm, khiến lòng thương ghét thêm rộng nhiều, niệm phân biệt càng sâu đậm? Khi phân chia cảnh, thì cho cõi Cực Lạc ở ngoài, dạy người chẳng nên cầu vãng sanh ... Và khi phân chia tâm, lại lầm nhận vọng thức là tâm, bảo cõi Cực Lạc ở trong đó. Càng sai lầm hơn nữa, họ cho chân tâm là rỗng không, lia tất cả cảnh tướng nhân quả lành dữ tội phước, nên từ đó muốn tỏ ra mình là vô ngại, lại buông lung theo duyên đời, dạy người không cần lễ Phật. Tụng kinh, sám nguyện, tu phước bảo là trước tướng. Đòi với cảnh Thiên cung, Địa ngục và các cõi Tịnh độ, tuy nghe trong kinh nói đến, nhưng vì mắt phàm không thấy, họ bác hẳn nói không có, cho lời kinh là quyền thuyết. Họ lại bảo cảnh vui hiện tại, hay một niệm vui tươi là Thiên đường, cảnh khổ trước mắt, hoặc một niệm phiền não là Địa ngục. Sự hiểu biết cạn cợt nông nổi như trên, thật đáng thương xót!

Phải biết tâm ta cùng tâm Phật đồng một chân thể. Đức A Di Đà chứng ngộ đầy đủ tâm ấy, nên phóng ánh sáng oai

đức soi khắp mười phương, dùng sức nguyện thương xót rộng sâu nhiếp lấy những chúng sanh niệm Phật. Ta tuy đồng một tâm thể với Phật, nhưng bởi bị sức nghiệp vô minh phiền não che lấp buộc ràng, chưa chúng ngộ được bản tâm, nên cần phải tu tất cả hạnh lành, và niệm Phật để cầu sanh Cực Lạc. Vì tất cả pháp chẳng phải khác, nên muôn hạnh đều hướng về chân tâm, đều trôi về biển Phật. Bởi tất cả pháp chẳng phải đồng, nên tuy cùng một tâm thể, vẫn có thiện có ác, có uế có tịnh, thì ở địa vị phàm phu phải bỏ ác cầu thiện, bỏ uế cầu tịnh, phát nguyện cầu sanh để mau chúng quả chân tâm. Khi tu hành như thế, ví như một giọt nước gieo vào biển, tất cả sẽ đồng một vị một thể với biển cả. Lúc được chúng ngộ toàn thể chân tâm, thì trong ánh đại quang minh sẽ thấy tất cả cảnh tướng thiện ác như sạch ở mười phương thế giới đều như bóng như huyễn, sanh diệt không dùng. Sự thiện ác như sạch sanh diệt như huyễn ấy, cũng tức là tâm, nhưng không làm ngại đến tâm thể đại quang minh, như một cụm mây nhỏ không làm ngại đến hư không bao la rộng rãi. Chúng ngộ được như thế mới có thể nói là vô ngại.

Đa số hàng thiện tín nơi thôn ấp quê mùa, tuy không thông hiểu Phật lý, nhưng vì tin có Phật và cõi Cực Lạc, chuyên tâm làm lành phát nguyện niệm Phật, nên khi lâm chung được sự lợi ích vãng sanh, lên ngôi Bất thối chuyển, mau chúng quả Đại Bồ đề. Trái lại người có chút ít học thức thông minh, bởi chưa thấu suốt lý tánh, bác sự tướng, trệ vào thiên không, dù tu đạo hạnh, kết cuộc lại lạc vào vòng ngoại đạo, chìm trong néo luân hồi. Cho nên hàng Phật tử chân chánh, về chữ Tín phải tin có tội phước nhân quả, có Địa ngục Thiên đường, có mười phương Tịnh độ. Về chữ

Nguyện, nên phát tâm cầu sanh Cực Lạc, để sớm thoát ly nỗi khổ ở Ta Bà, mau chúng ngộ bản tâm, khởi sự luân hồi sống chết, rồi độ tất cả chúng sanh đồng thành Phật quả. Về chữ Hạnh, phải hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ sư trưởng, tu các nghiệp lành, thọ trì tam quy, giữ gìn giới phẩm, phát lòng Bồ đề, tụng kinh niệm Phật, khuyên người tu hành, đem tất cả công đức ấy hồi hướng về Tây phương. Phải nghĩ mạng người vô thường, chỉ mong manh trong hơi thở, việc thế tục quanh quẩn buộc ràng, móc nối nhau không dứt. Nếu chẳng phát tâm mạnh mẽ, cắt một dao cho đứt đoạn, nhay hết sức để vượt qua, thì biết chừng nào mới được an nhàn giải thoát? Nay tôi thiết tha đánh lễ, kính khuyên các Phật tử, nên một lòng thật ngộ thật tu, nguyện ngày kia đồng làm bạn lành nơi cõi Liên hoa thế giới ...”

Về sau khi lâm chung, đại sư biết ngày giờ trước, an tường niệm Phật mà vãng sanh.



## MINH CHỨNG

**M**inh Chứng tự Vô Trần, họ Ngụy, quê ở Cối Khê. Tánh ông thuần giản ít nói, thờ bé không thích mùi tanh của thịt cá, thường muốn xuất gia. Đến mười lăm tuổi nhân sang viếng cảnh chùa làng gần bên, ông gặp một vị lão tăng mày lớn lông mi thưa dài, mới diện kiến có cảm giác như đã quen biết nhau từ

trước. Hỏi ra thì lão tăng ở non Ngũ Đài vừa đến, ông liền nương theo xin làm đệ tử. Lão tăng bảo: “Ba năm sau ngươi mới có thể xuống tóc. Hiện thời phải gắng khổ hạnh làm công quả trong chùa, và học tập các kinh điển trước”.

Từ đó Minh Chúng đến tòng lâm, làm các việc nặng nhọc, học chú Lăng Nghiêm, mỗi ngày học thuộc lòng một chữ. Ban đêm thì lễ đức Quán Thế Âm, có khi lạy luôn tới sáng không nằm nghỉ. Trái ba năm như thế, việc tụng chú vừa xong, bỗng bị bệnh bảy ngày, cả mình đau nhức dường như thay đổi gân cốt. Khi bệnh lành trí huệ chợt mở sáng thì lão tăng ở non Ngũ Đài cũng vừa đến, vì xuống tóc, hội chúng lại, truyền cho giới Cụ túc, lại dạy trọn đời phải tụng kinh Pháp Hoa. Minh Chúng liền giờ kinh ra tụng, thấy thông suốt không trệ, dường như đã có học tập từ lâu. Kế tiếp tụng sang các kinh như: Hoa Nghiêm, Niết Bàn, cũng đều thông thuộc. Sư liền đến đánh lễ lão tăng và bạch rằng: “Con nguyện suốt đời đi khát thực cúng dường thầy để báo ân đức!” Nhưng ngay đêm ấy lão tăng bỗng đi đâu mất. Vâng theo lời thầy, mỗi ngày Minh Chúng đều tụng một bộ Pháp Hoa, ngoài y bát ra không chứa để món chi, có người cúng dường liền tùy duyên thí xả. Sư vốn ít nói, ai hỏi đến chỉ mỉm cười mà thôi.

Nắng lại mưa qua, tu hành một mực như thế trải đúng ba chục năm. Một hôm sau khi tụng kinh xong, sư có vẻ ủ dột không vui, đệ tử hỏi duyên cớ, đáp rằng: “Ta trì tụng một đời mục đích cầu sanh Tịnh độ, nay sao còn đọa vào vòng phước báo hồng trần?” Do đó lại tinh tấn tụng niệm thêm ba năm nữa. Ngày nọ sư bỗng vỗ bàn cười lớn bảo: “Ta đã được đến thế giới hoa sen, thoát ly cõi bụi hồng, từ nay không còn bị nghiệp duyên ràng buộc!” Hôm sau Minh

Chúng liền đến chùa Vân Thế yết kiến Liên Trì đại sư. Khi trở về đến một bờ suối, sư gọi thị giả dặn: “Con hãy đi thông tin trước cho hàng đệ tử biết, ngày mai thầy sẽ vãng sanh”. Hôm sau khi các đồ đệ đã tập họp, Minh Chúng hỏi: “Hiện tại là mấy giờ?” Một vị đáp: “Vừa đến giờ ngộ!” Sư liền bảo nấu nước cho mình tắm gội, xong liền đắp y ngồi niệm Phật, rồi tụng sang danh hiệu Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, bỗng chợt nhắm mắt nín lặng. Lúc ấy mọi người lại nghe giữa hư không có tiếng niệm: Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát, rất rành rẽ rõ ràng. Hàng đệ tử xem lại thì sư đã chấp tay viên tịch như vào thiền định, mùi hương lạ bay thơm bát ngát.

Bảy hôm sau, các đệ tử mở bảo khám ra thấy dung nghi của sư còn tươi như sống. Bảy giờ nhằm năm Vạn Lịch thứ 21 đời Minh, sư hưởng dương được năm mươi tuổi. Một đệ tử của Minh Chúng là Chơn Định, tự Tịnh Minh, cũng theo lời thầy dạy siêng năng niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ. Ngoài ra còn kiêm lễ bái các kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, tạo tượng trai tăng, tu các khổ hạnh. Đến bảy mươi hai tuổi, sư cũng biết ngày giờ trước, ngồi day mặt về Tây niệm Phật mà hóa.



## KHÔNG CỐC



Không Cốc thiền sư, pháp danh Cảnh Long, tự Tô Đình, con nhà họ Trần ở Tô Châu. Lúc thơ ấu ngài đã không chịu ăn thịt cá, ưa ngồi xếp về ngay thẳng trạng như thiên định. Lớn lên theo Lại Vân hòa thượng ở Biên Sơn, tham khẩu về đại pháp. Năm hai mươi tám tuổi, xuất gia ở chùa Hồ Khâu.

Trong niên hiệu Hồng Hi đời Minh, thiền sư được cấp điệp làm tăng, y chỉ với Thạch Am hòa thượng ở chùa Linh Ẩn tại Hàng Châu. Kế đó ngài lên núi Thiên Mục khắc khổ tham cứu, một hôm bỗng nhiên thức tỉnh, đem chỗ tỏ ngộ về cầu chứng với Hòa thượng Lại Vân, được mong ân khả. Thiền sư đã đề xướng tông Trục Chỉ, lại kiêm hoằng dương môn Niệm Phật, từng làm thi Tịnh độ một trăm lẻ tám bài. Có người hỏi ý kiến về Tứ liệu giản của Tổ Vĩnh Minh. Ngài đáp: "Người tham thiền nắm giữ một câu thoại đầu, tự cho ngoài công phu thủ tịnh ra, không còn việc chi khác. Sự niệm Phật vãng sanh cho đến hai thời khóa tụng, họ đều chẳng thật hành. Đây gọi là: Có Thiền không Tịnh độ vậy. Lối tham thiền như thế cũng chưa phải là chánh khí, vì chỉ giữ chết câu thoại đầu chẳng khác gì ngồi gỗ, đất đá. Vương mắc vào chứng bệnh này, trong mười người đã hết tám chín, không làm sao cứu vãn được! Bậc chân thật ngộ thiền cơ, thì ứng dụng không ngại, như trái bần trên mặt nước đục đến liền lăn tròn, chẳng dính mắc vào đâu cả. Tham thiền như thế, không khinh sự niệm Phật vãng sanh, cũng không bỏ hai thời khóa tụng, xây qua đay lại chỗ nào cũng là đạo. Đây gọi là: Có Thiền có Tịnh độ vậy!"

Thiền sư lại bảo: "Pháp môn Tịnh độ là đường lối tu hành thẳng tắt. Hành giả nên xét thân người chẳng bền, cuộc đời như huyễn, duy câu niệm Phật có thể nhờ cậy, cõi Cực Lạc là đáng nương về. Vì thế phải giữ chắc câu hồng danh như bốn mạng, hoặc niệm mau niệm chậm, cao tiếng thấp tiếng, thân tâm nhân đạ thâm niệm chẳng quên, động tịnh hưỡn gặp thường hằng không khác. Hành trì như thế ngày kia chạm cảnh gặp duyên bỗng ngộ tánh bản lai, mới biết Tịch quang Tịnh độ không lia cảnh, A Di Đà Phật chẳng ngoài tâm mình. Nếu khởi tâm cầu tỏ ngộ lại trở thành chướng ngại. Chỉ dùng lòng tin làm căn bản, tất cả tạp niệm đều chẳng tùy theo. Niệm như thế dù không tỏ ngộ, khi mạng chung cũng được vãng sanh, theo giai cấp tiến tu, không còn bị thối chuyển".

Về sau, vì không cơ duyên tham khảo, chẳng biết ngày lâm chung của thiền sư như thế nào?



## ĐỨC THANH



Đức Thanh đại sư, tự Trùng Ân, lúc lớn tuổi lấy hiệu là Hám Sơn lão nhơn, con nhà họ Thái ở Kim Lăng. Bà mẹ nằm mộng thấy Quán Thế Âm Bồ Tát bỗng đưa đồng tử trao cho mà mang thai ngài. Đến khi sanh ra, có hai lớp bọc trắng. Năm mười chín tuổi ngài xuất gia, chuyên tâm niệm Phật. Một đêm đại sư



mộng thấy đức A Di Đà hiện thân đứng giữa hư không, về phía mặt trời lặn. Tướng Phật mày mắt rõ ràng, sáng suốt trang nghiêm, từ đó thường hiển hiện trước mặt. Kế tiếp ngài đến non Ngũ Đài tu thiền ngộ được bản tâm, phát nguyện chích máu tả kinh Hoa Nghiêm, mỗi nét bút niệm Phật một câu. Lâu ngày động tịnh đều như một.

Năm Vạn Lịch thứ mười đời nhà Minh, đại sư trụ tích tại Lao Sơn. Lý Thái hậu nghe danh mến đức, xuất tiền của cho người đến cất chùa, tứ bảng hiệu là Hải Ấn Tự. Bấy giờ Thái hậu thường sai quan Trung sứ đi tu tạo chùa tháp các nơi. Trong hàng quyền quý có kẻ hiềm khích với quan Trung sứ, lập mưu xúi nhóm đạo sĩ phái Đông Xương đánh trống đưa đơn đầu cáo, nói ông xâm chiếm đạo viện sửa làm cảnh chùa. Việc ấy gây liên lụy đến đại sư, ngài bị truất bỏ tăng phục, đày tới Lôi Châu. Khi từ già đại chúng ra đi, Ngài vẫn an nhiên, viết lời kệ tỏ ý chí rằng:

*Cà sa cởi lớp đổi nhung trang*

*Tùy tiện nơi đâu cũng đạo tràng!*

*Dấu gập cảnh duyên dường lửa đỏ*

*Tâm lòng băng tuyết dễ chi tan?*

Tùy chỗ đi đến, đại sư vẫn mang lớp tục trang thuyết pháp, lại phát nguyện hoằng dương kinh đại thừa, số luận các bộ như: Lăng Nghiêm, Lăng Già, Viên Giác. Năm Vạn Lịch thứ bốn mươi hai, ngài được ân chiếu xá tội và cho hoàn tăng phục. Trên đường về qua Lô Sơn, đại sư thích cảnh thanh u, kết am ở dưới ngọn Ngũ Nhũ Phong, noi theo gương Viễn Công, đào hồ trồng sen, phân định thời khắc tu Tịnh độ rất tinh tấn.

Bấy giờ có vị tu thiền ở Hải Dương, trong khi cầu thọ giới pháp, nhân hỏi về yếu chỉ Tịnh độ. Đại sư bảo: “Đức Thế Tôn chỉ dạy nhiều phương tiện tu hành để ra khỏi vòng sông chết luân hồi, tiến lên Phật quả. Tựu trung duy có môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, là rất thiết yếu mau lẹ. Pháp môn này không ai thừa hỏi mà đức Phật tự nói, đủ thấy tầm mức quan trọng đến dường nào! Môn ấy trùm khắp ba căn, thấu cả bốn chúng, không phải quyền tiện vì bậc hạ căn mà lập ra. Kinh nói: **“Muốn thanh tịnh cõi Phật, trước thanh tịnh tâm mình!”** Cho nên người tu Tịnh độ phải lấy tịnh tâm làm căn bản. Muốn tâm được thanh tịnh, điều cần nhất là giữ giới căn cho trong sạch. Các giới tuy nhiều, nhưng yếu ước lại không ngoài ba nghiệp của thân, bốn nghiệp của miệng và ba nghiệp của ý. Giữ mười nghiệp này sạch lành, là chánh nhân của Thiên cung, Tịnh độ, trái lại là nhân của nẻo khổ tam đồ. Dùng tâm giữ giới thanh tịnh như thế, khởi lòng bi cảm nhằm chán nỗi khổ như ác ở Ta Bà, phát nguyện cầu sanh Cực Lạc để mau thành đạo quả độ mình độ loài hữu tình, mà lập chánh hạnh niệm Phật. Cách thức niệm Phật lại tùy tiện theo căn cảnh của mỗi người, nhưng cần phải thật tâm thật hạnh mới đem đến hiệu quả thiết thật!”

Lại có cư sĩ Tịnh Tâm đến xin chỉ dạy, hỏi: “Tại sao có nhiều người niệm Phật không tinh tấn và khó thành một khối?” Đại sư khai thị: “Điểm quan yếu bậc nhất của sự tu hành là: tha thiết vì thoát ly nỗi khổ sông chết luân hồi. Nếu không tha thiết nghĩ đến điều này, thì làm sao có thể niệm Phật tinh tấn và thành một khối được? Chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay, mỗi niệm buông theo vọng tưởng, gốc tình ái bám sâu, ngay ở cõi người vui ít khổ nhiều, còn

trong néo luân hồi thì sanh lên cõi nhơn thiên như đất nơi móng tay, đọa xuống ba đường ác như đất miền đại địa! Cô nhơn đã bảo: "Tam đồ một đọa ngàn muôn kiếp. Tái phục nhơn thân biết lúc nào?" Nếu trong đời này không thống thiết vì sự khổ sống chết luân hồi, mỗi niệm vẫn theo tình nhiễm, muốn đem lòng tin hời hợt niệm Phật để cầu thoát ly, thì khác nào mong dùng một gáo nước để cứu muôn xe lửa đỏ? Tu hành như thế chỉ e khi mất thân người khó bề lại được, một phen bê trễ tiếc hận lâu dài! Vậy phải phát lòng tinh tấn, dùng hạnh niệm Phật vượt phá muôn ngàn vọng tưởng, tùy thời tùy chỗ đều giữ cho câu Phật hiệu được hiện tiền. Quyết tâm hạ công phu khổ thiết như thế, lâu ngày sẽ được thuần thực tương ưng, và câu niệm Phật tự thành một khối. Việc này toàn do nơi mình suy gẫm và hết lòng gắng sức. Nếu đem câu niệm Phật làm hình thức bên ngoài, chắc chắn khó mong có ngày được vãng sanh giải thoát!"

Đại sư ở Lô Sơn được mấy năm rồi sang trụ tích tại Tào Khê. Tháng mười niên hiệu Thiên Khải thứ ba, ngài cảm bệnh nhẹ, bảo người rằng: "Lão Tăng duyên đời đã sắp hết!" Rồi tắm gội đốt hương, ngồi ngay thẳng mà viên tịch. Lúc ấy có ánh sáng chói hừng trời. Đại sư hưởng thọ được bảy mươi tám tuổi.



## VÔ DANH TẶNG



Ô Danh Tăng người đời Thanh, thường ở huyện Hồ Quảng tại Hoàng Châu, chưa được rõ danh tánh. Sư chuyên niệm Phật ngày đêm không dứt, gặp ai cũng đều xưng A Di Đà Phật.

Niên hiệu Sùng Trinh thứ mười sáu, lúc quan Tổng binh Huỳnh Đãnh trấn thủ Hoàng Châu, sư lớn tiếng niệm Phật xông ra ngăn đường, bị quân lính bắt đem vào thành. Vừa đầu giặc Trương Hiến Trung đánh phá Hoàng Châu, nửa đêm sư ngồi trên tường thành cao tiếng niệm Phật. Quân sĩ ngủ không được, giận lắm trối liệng xuống thành. Giây phút nghe tiếng sư ngồi trên thành niệm Phật y như cũ. Như thế tất cả bốn lần, hễ liệng xuống thành đông lại lên thành tây, liệng xuống thành nam lại lên thành bắc. Quân sĩ đều kinh ngạc không dám xem thường, quan Tổng binh nghe biết liền mời đến kính lễ.

Ở vùng ấy năm đó thất mùa lớn, người ăn thịt lẫn nhau. Sư ra ngoài thành bị dân đói cầm dao rượt theo xin xá mạng. Sư cởi áo ra, bảo chúng rằng: "Xin hãy đợi tôi niệm Phật đủ một ngàn câu, rồi sẽ ăn thịt!" Nhưng khi vừa niệm được ba trăm câu, chúng gấp muốn chém, bỗng thấy thân binh từ hư không bay xuống. Dân đói đang kinh hãi chạy tứ tán, thì quân sĩ đã thấy sư ở trong thành rồi.

Thợ săn ở núi gần đó bẫy được một con hổ rất to. Sư tìm đến muốn xin chuộc mạng phóng sanh. Họ đòi ba mươi lượng vàng, sư nói mình chỉ có bốn lượng. Thợ săn bảo: "Nếu ông nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, thì hãy

nắm tai con hổ này xoay ba vòng, chúng tôi sẽ giao nó cho, không lấy tiền". Sư thọ ký cho con hổ, rồi nắm tai nó xoay ba vòng. Thọ sẵn phải y theo lời hứa, giao cho rồi bỏ đi. Sư tháo cũi ra, con hổ quanh quẩn theo một bên, không chịu đi. Sư bèn dẫn nó vào hang động Kim Cang ở núi Hoàng Ma, cùng nhau nương ở. Tuần phủ Lu Trọng Thăng cùng quan Đốc binh đi qua Hoàng Châu, tìm đến núi thăm viếng và muốn thấy con hổ. Sư gọi, nó thò đầu ra ngoài cửa song. Hai vị muốn thấy toàn thân, hổ liền rống to một tiếng nhảy ra. Quan Tuần phủ cũng nạp lễ xin làm đệ tử, rồi từ giã ra về. Một ngày nọ sư đi khát thực giữa đường, thấy con gà, liền cao tiếng niệm Phật, gà cũng tùy tiếng mà niệm theo.

Năm Thuận Trị thứ bảy, sư sang Võ Lâm, đường đi trải qua cửa Bạch Môn, ngụ ở một gian phòng bên sông Tân Hoài. Lúc ấy nhằm tiết Đoan Dương, du thuyền qua lại tấp nập, tiếng ca nhạc vang lừng. Sư thấy trong một du thuyền có Tiên Sinh nguyên là đệ tử quy y của mình, liền lớn tiếng gọi: "Tiên A Di Đà Phật!" Tiên Sinh nghe thấy liền ghé thuyền lên bờ chấp tay kính chào. Sư hỏi những bạn đồng du, sau khi biết tên họ, liền cất tiếng khóc lớn nói: "Chúng sanh lấy khổ làm vui, đến như thế ư?" Tiên Sinh khấn cầu chỉ dạy đường yếu tu hành. Sư bảo: "Chỉ nên nhứt tâm niệm A Di Đà Phật cầu sanh Cực Lạc!" Lại dặn: "Khi ta đi rồi, nếu người có chỗ nghi nên đến hỏi đại sư Giác Lãng. Đó là bậc người đạo nhãn sáng suốt!" Về sau, không biết chung cuộc của sư như thế nào.

Giác Lãng đại sư pháp danh Đạo Thạnh, từng chủ trì đạo tràng Thiên Giới ở Kim Lăng, chùa Sùng Quang ở Hàng Châu, tông phong rất hưng vượng.

## ĐẠI KINH

**I** hích Đại Kinh tự Xung Phù, họ Biên, người ở Thiệu Hưng, huyện Gia Khái. Lúc thơ ấu, ông xuất gia tại chùa Đại Hùng ở bản ấp. Lớn lên, nghe sự truyền giáo của ngài Liên Trì, sư vượt suối non tìm đến chùa Vân Thê đánh lễ cầu pháp. Cơ duyên hợp nhau, Đại Kinh nguyện trọn đời quy tâm Tịnh độ.

Tuổi về già, sư trụ tích ở Thiên đường Đại Thiện. Tánh ưa thích kinh Hoa Nghiêm, hằng ngày mỗi thời đều tụng vài quyển rồi mới niệm Phật. Sư có làm một trăm lẻ tám bài thi Hoài Tịnh Độ, nay xin trích lục bốn bài như sau:

### I

*Giống Phật tùy duyên vượt đất mê  
Cài thêm câu niệm mãi đơn đề.  
Luyện thân nhẹ được đồng tiên hạc  
Cực Lạc bay ngang thẳng lối về!*

### II

*Cười phận sơn tăng cũng thật thà  
Nặng lòng lắm cảm tháng năm qua.  
Gặp người duy nói đường tu tịnh  
Chỉ bảo đành rành một sát na.*

### III

*Răng lưỡi suối tuôn tiếng Phật hoài  
Tuổi già khổ tận đến cam lai.*

*Dài vàng lí thấy diêm hờn cổ  
Lại gặng chuyên cần oán trách ai?*

IV

*Tâm yên bông khởi niệm Di Đà  
Nước lặng đều đều gợn bích ba.  
Muôn niệm tan về nơi chẳng niệm  
Mà trong vô niệm, niệm hằng sa!*

Tháng mười một năm Thuận Trị thứ sáu, sư nhiễm bệnh, dự biết giờ lâm chung, cầm bút ghi lại dặn dò hậu sự. Đến thời, tám gộ thay y phục, ngồi hướng về Tây niệm Phật mà hóa.



**KIẾN NGUYỆT**



Kiến Nguyệt luật sư, pháp hiệu Độc Thê, họ Hứa. Tô phụ ông quê ở Cú Dung miền Giang Nam, tòng quân tại Điền Sâm, do công trạng được làm Chi huy sứ, mới di cư về Sở Hùng. Ông không muốn tập ấm theo quan chức của cha, bỏ nhà đến Xích Đằng Nham tại Kiếm Châu tu chân ba năm.

Một hôm ông gặp lại vị lão tăng trao tặng cho bộ

kinh Hoa Nghiêm. Sau khi đọc xong, ông đại ngộ, liền xuất gia, thọ giới Cụ túc nơi Tam Muội Quang luật sư. Ngài Tam Muội Quang là vị Sơ tổ về Luật tông chùa núi Bảo Hoa. Khi sắp viên tịch, ngài truyền y bát cho Kiến Nguyệt Luật sư làm vị Tổ đời thứ hai. Luật sư từng tu môn Bát Chu Tam Muội, trong vòng chín mươi ngày đêm chuyên tâm niệm Phật, không ngồi, không nằm, không nương tựa vào vách. Hàng tăng tục bốn phương đều cảm phục nương về. Các nơi đến lễ thỉnh cầu mở đàn truyền giới, không tháng nào trống sót.

Ngày nọ luật sư cảm bệnh nhẹ, gọi đồ chúng bảo: "Chớ lo việc thuốc thang. Sau bảy ngày ta sẽ đi xa!" Đến kỳ hạn, ngồi yên lặng mà tịch, thọ bảy mươi chín tuổi. Khi trà tỳ, đại chúng thấy hoa sen và tướng Phật từ trong ngọn lửa bay lên liên tiếp. Hôm sau, bới tro kiếm được hơn một thặng xá lợi năm sắc.



## MINH HOÀNG

**T**hích Minh Hoàng tự Mai Phương, người đời Thanh, quê ở Hàng Châu. Lúc niên thiếu cha mẹ cưới vợ cho, ông bỏ nhà chôn đi. Bà mẹ thương khóc đến mù cả đôi mắt. Sau cha mẹ nối tiếp nhau qua đời, ông mới vào am Di Đà ở Kha Kiều mà xuống tóc xuất gia.

Từ đó sư đi tha phương hỏi đạo, học tập về Thiên Thai Giáo Quán. Kế tiếp chuyên tu thiền mấy năm, có chỗ tỏ ngộ. Sau sư duyệt xem tạng kinh tại chùa Vạn Niên ở núi Thiên Thai. Lâu ngày đôi mắt đều lao tổn, lần lần bị mù. Sư nói với đồng bạn: "Đây là quả báo do tôi trái với lòng từ ái của thân mẫu xui nên!" Từ đó Minh Hoàng một lòng chuyên niệm Phật, dù trái tiết lạnh nóng cũng không biếng trễ gián đoạn. Sư từng bảo: "Tôi nhân bị mù, mới càng tỉnh ngộ và được sự lợi ích rất lớn của môn Niệm Phật!" Bình thời, sư chỉ một bát một tích trượng, không ở chỗ nào lâu, được của cúng dường liền tùy duyên bố thí cho kẻ nghèo thiếu. Tư Tề thượng nhơn quen biết sư nhiều, từng khen ngợi rằng: "Đại đức Minh Hoàng quyết định được sanh về Tịnh độ, vì ông có ba điểm chân thật. Đó là: thật giải thoát, không quyến niệm vào đâu; thật sạch sẽ, không chứa giữ tiền của vật dụng; và thật tinh tấn, niệm Phật không hề gián đoạn trễ thời".

Tháng chín niên hiệu Ung Chánh thứ năm, Tư Tề đại sư tổ chức kỳ Niệm Phật Thất tại chùa Phạm Thiên, có mời Minh Hoàng tham dự. Trong kỳ thất sư bị bệnh kiết lỵ, nhưng vẫn trì danh không một chút biếng trễ. Mãn kỳ thất,

đến Trai Tăng Quán ở Vô Tích, bệnh càng thêm nặng. Một hôm sư cho khắp hàng thiện tín biết: ngày mai mình sẽ vãng sanh. Đúng thời, đại chúng các nơi tề tựu đến. Sư liền ngồi dậy chấp tay niệm Phật mà hóa.



## VĂN NGÔN

**T**hích Văn Ngôn tự Siêu Nhiên, họ Phí, quê ở thôn Đông, huyện Gia Hưng. Thuở bé, ông không thích mùi vị thức ăn huyết nhục, thường ưa ngồi kiết già. Lên 7 tuổi, vào am Kỳ Viên non Linh Ân xin xuất gia.

Sư tánh người thuần hậu chất phác, thọ giới Cụ túc nơi Vân Lâm thiền sư. Ngài Vân Lâm khuyên tham câu thoại đầu, sư thưa: "Con căn tính tối chậm, không thể tham cứu, chỉ biết niệm Phật mà thôi!" Thiền sư bảo: "Như thế cũng được, niệm Phật có thể mau thoát vòng sanh tử!" Từ đó Văn Ngôn y theo lời dạy mà thật hành. Sư giữ giới hạnh tinh nghiêm, ngày đêm sáu thời chỉ trì danh hiệu Phật, không hỏi đến việc chi khác.

Ngày mùng hai tháng sáu năm Càn Long thứ hai, sư bỗng gọi đồ chúng đến bảo: "Ta sắp vãng sanh, phiền các ông niệm Phật để hộ tống". Liền nói kệ rằng:

*Bảy mươi bảy tuổi mãn duyên trần  
 Tin tức quê xưa được thật chân.  
 Dứt cả hai đầu duyên đối đãi  
 Liên Hoa thế giới gởi tinh thần!*

Thuyết kệ xong, lại bảo: “Thế nào là tin tức chân thật?”  
 Rồi mỉm cười, chấp tay niệm Phật mà hóa.



## ĐẠO TRIỆT

**T**hích Đạo Triệt, người ở Tiên Đường, xuất gia nơi chùa An Ân tại đỉnh Bán Sơn. Ban sơ, sư phòng đạo với các bậc thiên lão ở chùa Cao Môn và Sùng Phước. Sau thời gia tham cứu, Đạo Triệt phát ngộ được tánh bản lai. Kế đó lại chuyên hướng chuyên tu về Tịnh độ.

Thời gian sau, sư đến ở am Văn Thù gần cầu Đã Phạn ngoài cửa bắc thành Hàng Châu bốn mươi dặm. Nơi đây, Đạo Triệt đóng cửa định kỳ hạn nhập thất. Trong thất không để vật chi bề bộn, ngoài bàn Phật chỉ có một ghế, một giường nằm mà thôi. Kiệt thất được vài hôm, bỗng vương bệnh càng lúc càng khốn đốn. Sư phấn chấn tự bảo: “Tu hành chính vì giải thoát sự khổ sống chết luân hồi, tại sao lại nhân chút bệnh mà ngưng bỏ?” Rồi quyết liều mình buông xả thân tâm, niệm Phật rất chí thiết. Một ngày sau

bỗng có kim quang chiếu sáng cả thất. Trong quang minh đức A Di Đà hiện thân, đưa tay vàng xoa đầu, cơn bệnh liền tiêu tan, thân thể thêm khỏe mạnh. Từ đó sư được Niệm Phật tam muội, đi đứng nằm ngồi đều không khởi vọng niệm. Sau ba năm như thế, vào ngày rằm tháng ba, sư ra thất. Đại chúng thỉnh lên tòa thuyết pháp. Khai thị xong, sư bảo chúng rằng: “Sau ngày rằm tháng bảy tới, tôi sẽ về Tây phương. Vào thời gian đó, xin đại chúng đến niệm Phật để trợ duyên!”

Thời kỳ hạn chúng tề tựu về, thấy Đạo Triệt đang thiết lễ Vu Lan Bồn. Trong chúng có vài vị thay mặt đến nhắc lại lời nói khi trước. Sư bảo: “Việc ấy quá có, nhưng xin hãy đồng dự hội Vu Lan, nán đợi vài hôm nữa”. Rạng ngày, Đạo Triệt cho mời vị Tăng quen ở chùa Sùng Phước đến, xin thay làm Trụ trì am Văn Thù. Ngày kế, thiết tiệc chay từ giã đại chúng. Đến giờ ngọ, vào bảo khám ngồi nhắm mắt mà thoát hóa. Giây phút bỗng tỉnh lại, gọi chúng bảo rằng: “Này tôi cùng chư vị vĩnh biệt, chẳng thể không có một đôi lời để niệm tình: Nỗi khổ ở Ta Bà vô cùng không thể nói hết, sự vui miền Cực Lạc cũng vô ngần không thể diễn tả! Nếu các vị ghi khắc điều này, xin hãy gắng niệm A Di Đà Phật, tất ngày kia sẽ có cơ duyên gặp nhau. Như lâm lạc để lỡ qua kiếp này, thì phải sống trong đêm dài luân hồi sáu nẻo, thống khổ không cùng không tận! Hãy nhớ lấy! Nhớ lấy!” Nói xong liền viên tịch, hưởng dương bốn mươi tám tuổi.

Lúc bảy giờ nhằm đời Thanh, niên hiệu Càn Long thứ mười chín.



## THÀNH CHÚ

**T**hành Chú pháp sư tự Kiều Triệt, họ Quách, quê ở Đông Sơn tại Từ Châu. Ngài xuất gia từ lúc ấu niên, đến hai mươi tuổi thọ giới Cụ túc nơi chùa núi Bảo Hoa. Sau khi đắc giới, pháp sư đi phòng đạo các phương cao đức. Kế đó nối dõi pháp tự cho Thạch Hầu thiền sư ở chùa Thiên Đồng. Không bao lâu lại phát tâm chuyên tu Tịnh độ.

Niên hiệu Càn Long thứ mười hai, ngài trụ trì chùa Sư Lâm ở Tô Châu. Vua đi tuần du phương Nam có ghé lại chùa, sau khi đàm đạo, sắc phong cho ngài hiệu là Hòa Thiên. Mỗi ngày đêm pháp sư xuất lãnh đại chúng niệm Phật bốn thời. Thường khi nến tắt hương tàn chúng đều lui đi, riêng ngài vẫn còn ngồi niệm Phật không dứt tiếng. Lắm lúc pháp sư lại ứng lời câu thỉnh đi ngồi đàn Du già thí thực khắp nơi. Khi được của cúng dường, đều giao tất cả cho sư Giám viện lo việc tu tạo ngôi chùa. Chẳng bao lâu cảnh tự viện trong ngoài đều trở nên nguy nga trang hoàng rực rỡ, khôi phục lại phong thái hưng thịnh khi xưa.

Pháp sư không từng đặt lưng nằm nghỉ, mỗi nửa đêm đều tu Đại Bi sám pháp. Một hôm ngài đang kinh hành niệm Phật, chiếc mớ cầm tay chột rơi xuống đất, bỗng rỗng rang đại ngộ. Từ đó mỗi khi ứng khẩu nói ra đều thành lời kệ tụng, như đã có học tập từ lâu. Pháp sư từng khai thị rằng: "Đạp chắc nẻo vô sanh. Bón bề mặt trở quanh. Lộ ra trước mọi người. Tỏ rõ chẳng bày phôi. Bán lai chân diện mục. Muốn việc đều Cụ túc. Mắt chạm đến các chỗ. Nơi nơi siêu Phật, Tổ. Lại có niệm Phật gần. Phương Tây cảnh

đẹp chân. Chỗ thai sen bảo dưỡng. Không cách điếm vi trần. Nếu thấu ý chỉ này. Nhọc chi tìm bên ngoài. Nghiệp thức tiêu tan hết. Vãng sanh tức tâm đây. Hoa khai được thấy Phật. Muốn tượng vẽ xuân bày!" Khi cư sĩ đến hỏi pháp, ngài đều bảo: "Cõi Ta Bà như khô, ông nên niệm Phật theo bản tạng về Tây phương chăng?"

Tháng tư niên hiệu Càn Long thứ 34, pháp sư bị bệnh hạ ly nằm luôn mấy ngày. Một hôm ngài gọi thị giả đến bảo: "Hãy đỡ ta ngồi dậy!" Lại sai đem nước vò quít cho mình uống. Xong ngồi ngay thẳng niệm Phật một lúc mà vãng sanh, hưởng thọ được bảy mươi ba tuổi.



## PHÁP CHÂN

**P**háp Chân thiền sư tự Lăng Như, người ở Cao An tại Thoại Châu. Ngài đắc độ nơi Nguyên Văn hòa thượng ở Quán Khê, lúc còn trẻ tuổi. Sau khi thọ đại giới, thiền sư du phương đến miền Lãnh Nam và trụ tích tại chùa Đôn Hà rất lâu.

Bình thời Pháp Chân tuy tham cứu thoại đầu, song vẫn mật tu Tịnh độ. Ngày nọ ngẫu nhiên cùng một thiền giả luận đến công án chữ Vô, bỗng khởi mối nghi trong thời gian lâu, rồi rỗng rang tỉnh ngộ. Thiền sư liền đến chùa Hải Tràng lễ bач với Chánh Mục lão nhơn, cơ ngữ hợp nhau,

được sự ấn chứng. Năm Càn Long thứ hai mươi, ngài nhận lời chúng cầu thỉnh, làm tọa chủ chùa Hải Tràng, vừa đề xướng Thiên tông kiêm hoàng dương Tịnh độ. Lúc lớn tuổi, thiên sư từ tạ mọi việc, đóng cửa nhập thất bên phía đông chùa, chuyên tâm niệm Phật. Dù gặp tiết lạnh nóng, ngài vẫn tu hành không trễ thời, tinh tấn như thể trải qua tám năm. Sau khi ra thất, đại chúng họp lại cầu xin khai thị. Thiên sư chỉ nói kệ rằng:

*Tiếng Phật tràng châu chuyển tháng ngày*

*Vượt bùn sen mọc tốt tươi cây.*

*Chuỗi tràng bông xuống hoa sen nở*

*Cổ Phật nguyên lai chẳng ở Tây.*

Vào đầu tháng chín năm Càn Long thứ 38, thiên sư cảm bệnh nhẹ, gọi đệ tử đến dặn dò hậu sự. Đến giờ ngo hôm sau, tập họp chúng niệm danh hiệu Phật. Khi cây hương cháy vừa hơn hai tấc, ngài ngồi yên lặng mà vắng sanh.



## HẰNG NHỨT

**H**ích Hằng Nhứt tự Thánh Học, họ Trâm, quê ở Vũ Tân tại Thường Châu. Sư xuất gia ở am Mâu Bồng nơi đình Khung Lung. Ban sơ Hằng Nhứt phỏng đạo với các bậc thiên lão chùa Cao Môn tại

Dương Châu. Kế đó lại nghiên tập Thiên Thai tông, thông suốt được tất cả giáo nghĩa.

Sư từng tịnh tu ở Văn Tinh Các tại Tô Châu. Sau mang bệnh lạc huyết, đến tỉnh dưỡng nơi viện Hiến Nghĩa tại Bán Sơn thuộc Hàng Châu. Bệnh không thuyên giảm, sư dự biết giờ lâm chung, mở tiệc chay từ biệt các liên hữu, rồi niệm Phật mà qua đời. Lúc còn sanh tiền, Hằng Nhứt từng thuật với các đồng bạn rằng:

Có vị Tăng ở am nọ bụng lung không giữ giới. Một sư bạn đồng giới khuyên nhắc mãi, song ông cũng không nghe. Sau ông bệnh nặng, cho mời bạn đến sám hối nói: "Bởi tôi không nghe lời khuyên ngăn nên mới đến nỗi này! Bây giờ biết làm sao?" Tăng hữu bảo: "Đức A Di Đà ở phương Tây có sức bản thế. Nếu chúng sanh nào tạo nghiệp, xưng danh hiệu Ngài mười niệm, tất sẽ được tiếp dẫn. Vậy thầy có thể tin chăng?" Bệnh nhơn đáp: "Tin, nhưng ý chí năng lực suy bại, biết làm sao?" Tăng hữu nói: "Không ngại chi, tôi tự có phương tiện!" Rồi trần thiết tượng Phật nơi đầu giường phía Tây, bảo bạn chăm chú nhìn chớ di động. Còn mình thì đốt hương cao tiếng niệm Phật, cầm tay bệnh nhơn dặn lắng nghe theo. Như thế trải qua ba ngày đêm. Bỗng người bệnh ngồi dậy tạ ơn bảo bạn rằng: "Mong ân đức Phật tiếp dẫn, tôi được sanh về Trung phẩm!" Nói xong chấp tay giã biệt, rồi nhắm mắt mà vắng sanh.





## PHẬT AN

**T**hích Phật An, tự Thê Nguyên, người đời Thanh ở Tô Châu. Năm ông hơn ba mươi tuổi, nhà gần bên nhân đám cúng giết heo, khi mổ bụng ra, trên lá phổi con vật có hai chữ Tào Tháo. Thấy thế, ông kinh hãi tinh ngộ, tin sâu thuyết nhân quả luân hồi, phát tâm vào am Thiên Trúc ở Tân Kiều, xuống tóc làm tăng.

Sau thời gian xuất gia không bao lâu, Phật An đến chùa Đại Vương ở Bắc Hào, chuyên tâm niệm Phật. Khi được tiền cúng dường, sư liền mua hương hoa dâng Phật, hoặc phóng sanh các loài chim cá. Năm Càn Long thứ 41, vào tháng ba, Phật An vương bệnh, sai đệ tử đến chùa Sư Lâm thỉnh chư Tăng lễ Tịnh độ. Sám ba ngày và lập một đàn Du già thí thực. Công việc hoàn mãn, sư thiết tiệc chay mời các tân khách đến giã biệt. Ngộ trai xong, sư cao tiếng niệm Phật, đệ tử hòa theo. Khi cây hương vừa tàn, Phật An nói: "Tôi đi đây!" Liền ngồi ngay thẳng mà hóa. Bình sanh lúc ngẫu nhiên làm thi, sư đều có ý khuyên người niệm Phật. Có hai bài khi sắp viên tịch như sau:

### I

*Tây phương mẫu đẹp bảo liên đài  
 Trong tịnh sáng tươi một đóa khai  
 Xanh đỏ trắng vàng phô sắc diệu  
 Tâm tâm chỉ nguyện thấy Như Lai.*

### II

*Khảy ngón kim kiều bước đến mau  
 Ai rằng Cực Lạc cách xa nào?  
 Di Đà cười mỉm tay vàng đón  
 Khen ở Ta Bà giới hạnh cao!*



## TÁNH TU



Thích Tánh Tu, chưa từng được nguyên quán. Trong năm Thuận Trị nhà Thanh, sư trụ ở am Viên Chiếu phủ Thường Đức. Bình sanh cơm rau áo vải, mỗi ngày niệm Di Đà một muôn câu, dù thời tiết lạnh nóng cũng không trễ bỏ.

Những năm mất mùa, Tánh Tu đem tiền gạo vải lụa trong am bố thí tất cả cho người đói lạnh cô khổ. Đồ chúng thi nhau hờn trách, sư chỉ ứa nước mắt niệm Phật mà thôi. Năm bảy mươi tuổi, sư dự biết ngày giờ lâm chung trước một tháng. Đến kỳ hạn, giã từ đồ chúng, mỉm cười mà vãng sanh. Lúc ấy nhạc trời đón rước giữa hư không, tiếng thanh tao diu dặt nghe khắp xa gần. Trong tịnh thất mùi hương lạ bay ngào ngạt, hơn một tháng vẫn chưa tan.

### LỜI BÌNH:

Bố thí không sèn tiếc, là nghiệp tham đã hết. Ưa lễ niệm Phật là nghiệp sân đã hết. Tự sống kiệm ước là nghiệp si đã hết. Ba nghiệp hết thì vãng sanh phẩm vị rất cao. Nhạc trời, hương lạ, há không phải là cái nhân phạm hạnh thơm tho, tiếng lòng thanh thoát đó ư?



## HÀNH TU

**H**ích Hành Tu họ Trần, con nhà nông ở thôn Sa tại Thái Châu. Ông nhà nghèo, dốt nát không biết một chữ, hoàn cảnh cùng quẫn khó bề sanh sống. Một hôm ông đến mé sông nhảy xuống tự trầm, được một người áo trắng vớt đem lên, khéo lời khuyên bảo, nên có chỗ tĩnh ngộ. Năm ba mươi một tuổi, ông vào chùa xuống tóc làm tăng.

Sau khi xuất gia, Hành Tu khổ hạnh mấy năm, tiết đông và hạ chỉ một manh áo. Sư từng hành cước đến non Phổ Đà triều lễ, giữa chùng lạch đường, gặp một lão nhơn dẫn về nhà đãi đằng và mời ngồi nghỉ. Sáng ra nhìn quanh, thấy nơi đó chỉ là một gò đất hoang vu mà thôi. Khi trở về, sư đóng cái khám bằng gỗ đem vào vùng má hoang ở ngoài cửa thành nam hôm sớm ngồi tham thiền. Nhiều lúc sư tịnh tu đến năm bảy ngày không ăn. Một đêm vào canh ba, bỗng nghe có người gõ vào khám nói: “Nếu có thể thọ pháp, phải

cách khám thấy nơi sông có chiếc thuyền to, đèn đuốc sáng rỡ, nhạc thổi rền vang đi ngang qua dưới cầu!” Nghe lời ấy, Hành Tu bỗng đại ngộ.

Sau sư dời về chùa Giác Ân, chuyên tu Tịnh độ sáu năm. Mùa xuân niên hiệu Khang Hy thứ tư, Hành Tu bảo người rằng: “Ngày mùng hai tháng sáu sang năm, tôi sẽ về Tây phương!” Đầu mùa hạ năm sau, ai này đều tới dò la thăm hỏi. Quan Tri Châu e sư mê hoặc quân chúng, sai binh sĩ canh giữ và bảo: “Nếu đến kỳ hạn mà không ứng nghiệm, thì sẽ bắt tội khép vào luật pháp!” Mùng một tháng sáu, Hành Tu vẫn an nhiên như thường. Nhiều người vì lo lắng sợ hãi. Rạng ngày mùng hai, sáng sớm sư thức dậy viết kệ lưu lại rằng:

*Ánh huệ sáng soi khắp đại thiên*

*Ngày cần lễ niệm, tôi tham thiên.*

*Ngang mày treo sẵn Xuy mao kiếm*

*Địa ngục, Thiên đường mặc xuống lên!*

Viết xong, vào ngồi trong khám gỗ, bảo người khiêng đến một cây cầu. Sư nhìn xung quanh đoán bảo: “Không được! Chỗ này con người đều hình dáng súc sanh!” Rồi dạy khiêng tới cầu Đông Bá. Quân chúng và binh sĩ lũ lượt theo sau. Đến nơi sư bảo hướng mặt khám về phương nam, tay gõ mõ, niệm Phật. Giấy lát một làn khói nhẹ từ chót mũi sư bốc lên, phút chốc biến thành khối lửa đỏ bao trùm. Trong lửa tiếng mõ câu Phật vẫn rành rẽ vang tới mây. Bỗng nghe nổ bứt một tiếng, nóc khám văng ra xa ngoài trăm bộ rớt xuống đất. Khi lửa tàn, còn sót lại một vật hình như hoa sen màu trắng, cứng rắn đập không vỡ.

### LỜI BÌNH:

Tự phát lửa đốt thân, không phải hạng tâm thường trang sức bề ngoài có thể làm được. Kẻ chưa đắc đạo, dè dặt chớ mong sanh vọng tưởng ấy, để khỏi bị ma dựa phát cuồng mà đọa vào ác đạo.



### THẬT VINH

**T**hật Vinh đại sư tự Trần Huy, họ Trần, người huyện Hoát Khâu, phủ Phụng Dương. Khi ngài mới sanh ra, mùi hương lạ bay đầy nhà, ánh tường quang chiếu sáng cả xóm. Từ thuở bé trong thân đã có tướng lạ, da không bao giờ chịu dính bụi. Tánh ngài hay xót thương tha thứ, ưa nghe chuông tụng kinh. Vào trường học hành văn tự một phen qua mắt liền nhớ lâu thông suốt. Thầy dạy rất quý mến, bảo cha mẹ ngài rằng: “Đứa bé này không phải là hạng người trong dòng trần tục, mà chính là bậc pháp khí của Phật môn. Chớ nên để lạc lăm, e rất ướng!” Cha mẹ nghe nói đều chấp thuận, cho ngài xuống tóc xuất gia với Tâm Khai hòa thượng ở am Đại Bi trong ấp.

Sau khi thọ giới Cụ túc, đại sư nghiên cứu những bộ kinh lớn như Hoa Nghiêm, Niết Bàn thấy đều thông thuộc như đã có học tập từ trước. Sau ngài dời về ở viện Long

Đàm, một lòng chuyên tu Tịnh độ, luôn luôn tinh tấn trải ba mươi năm như một ngày. Mùa xuân niên hiệu Khang Hy thứ 61 đời nhà Thanh, đại sư cảm bệnh nhẹ, tự biết trần duyên sắp mãn, dặn dò mọi việc trong viện xong, chỉ chú tâm về Tịnh độ. Đến sáng sớm ngày mùng bốn tháng ba, đại sư dạy nấu nước nóng cho mình tắm gội, họp chúng đồng xưng Phật hiệu vài trăm câu rồi lặng lẽ mà hóa.

Lúc làm lễ trà tỳ, ánh lửa xông lên thành rặng mây năm sắc lan ra che trùm bốn bên núi. Đại sư hưởng dương bốn mươi tám xuân thu, tặng lập được ba mươi một.



### THƯỜNG TRÍ

**T**hường Trí Pháp sư tự Văn Huệ, người ở huyện Thuật Dương, phủ Hoài An. Lúc bé ngài rất thích lễ bái đức Quán Thế Âm. Lớn lên vào chùa Văn Tự xuất gia, không bao lâu được thọ đại giới.

Một hôm pháp sư tùy chúng tụng kinh, đến câu: “*Y bát nhā ba la mật đa cố tâm vô quái ngại*”, sự kết đọng nơi lòng bỗng nhiên tiêu tan, tâm lặng lẽ trong sáng. Từ đó ngài vượt suối trèo non đi tham phỏng bậc tri thức khắp các nơi danh sát. Sau pháp sư trở về chuyên tu tịnh nghiệp, giữ giới hạnh rất tinh nghiêm. Gặp người có lỗi, ngài ôn tồn khuyên dạy, nếu kẻ nào tỏ vẻ bất kính, cũng uyển chuyển chiết trừ, không hề có sắc giận. Pháp sư từng cùng các bạn đồng chí

kết liên xā sám hồi niệm Phật. Tự biết ngày giờ lâm chung trước vài tháng, pháp sư dự báo khắp các liên hữu hay tin.

Đến kỳ hạn, ngài dạy nấu nước cho mình tắm gội, xong họp chúng lễ Phật, rồi ngài kiết già mà hóa sanh. Lúc trà tỳ, một đóa hoa sen sắc tím lớn như cái đầu, từ trong ánh lửa bay lên. Trên hoa sen, ẩn trong vòng ánh sáng rực rỡ, có một vị ngài kiết già trang mạo như pháp sư. Hình tướng này trụ trên ngọn lửa rất lâu mới tan, mọi người đều trông thấy.

**LỜI BÌNH:**

Người xưa từng nói: “Thầy lành không chi hơn đức Di Đà, bạn tốt có ai bằng hàng Bồ xứ?” Hàng Sa môn đời sau không biết ý tứ này, thường xem rẻ Tịnh độ, cho là trước trông Bồ đề. Nếu chẳng phải bậc kiếp trước đã gieo sẵn tuệ căn, suốt thông đại đạo, tất khó tránh khỏi bị họ làm cho chuyên lay lăm lặc. Thường Trí pháp sư đi tham phỏng bậc tri thức khắp các danh lam, rồi kết cuộc cũng trở về với môn Niệm Phật, dù chứng minh lời nói và kinh nghiệm cổ non là đúng.



**BẢN ÁN**

**T**ỳ kheo ni Bản Án, tự Tông Kỳ, người ở Ngô huyện. Thuở bé cô hay đau bệnh, nhân phát nguyện xuất gia. Đến năm hai mươi lăm tuổi, cha mẹ đưa vào am Viên Thông ở trong thành cho xuống tóc, không bao lâu được thọ giới Cụ túc.

Sau khi ấy, Sư cô mua vài căn nhà sửa lại làm am, đặt tên là Quán Huyền, để tiện bề niệm Phật tịnh tu. Bản Án giữ giới hạnh trong sạch, thích tu phước nghiệp, thường đến các danh lam cúng Phật trai tăng, đem công đức hồi hướng về Tịnh độ. Tháng tám năm Càn Long thứ 45, Sư cô từ núi Cửu Hoa trở về, kiết kỳ lễ Đại Bi Sám. Được hơn vài thất, bỗng cảm bệnh nhẹ, gọi đồ đệ bảo: “Sanh duyên của ta sắp mãn chăng?” Rồi dứt sám hồi chuyên niệm Phật. Đến sơ tuần tháng mười, Sư cô nằm bệnh bảy ngày, nghiêng mình hướng về Tây, niệm Phật không xen hờ. Kế đó gọi hàng đệ tử lại dặn dò hậu sự, bảo đồng thanh tụng kinh A Di Đà. Khi tụng đến lần thứ ba, Sư cô lặng lẽ mà vãng sanh.



## TOẠI KHÂM

**T**ỳ kheo ni Toại Khâm tự Việt Thành, người ở Vô Tích, xuất gia hồi chín tuổi. Lớn lên, cô gặp một Ni sư khuyến khích, mới trì niệm danh hiệu Phật. Cô chuyên giữ hạnh này, khi đi đứng nằm ngồi thường mặt niệm không xen hở.

Tuổi trung niên, cô đến chủ trì am Bạch Y ở Nam Viên thành Tô Châu. Từ đó cô niệm Phật càng tha thiết. Cảnh chùa điện cũng lần lần được trùng tu trang nghiêm tốt đẹp. Đến tuổi năm mươi, Sư cô mới thọ giới Cụ túc. Sang tuổi năm mươi lăm, vào tháng ba, một đêm lúc gà gáy sáng, Sư cô gọi đồ đệ đến báo: "Thầy sắp về Tây phương!" Hàng đệ tử thưa: "Thầy không đau bệnh chi, tại sao lại thốt ra lời ấy?" Rồi sa nước mắt thương khóc. Toại Khâm bảo: "Các con sao còn mê muội, khóc ta nào có ích chi? Hãy cố gắng nhận chơn mà tu hành!" Nói xong ngồi ngay thẳng hướng về Tây, cùng hàng đệ tử đồng thanh xưng hiệu Phật. Khi cây hương vừa tàn, Sư cô cũng vừa thoát hóa.

Việc này ở vào niên hiệu Càn Long thứ năm mươi ba.



## PHẬT KỶ

**T**ỳ kheo ni Phật Kỳ tự Kiến Lâm, người ở huyện Trường Châu. Từ thuở nhỏ cô đã không muốn lập gia đình. Đến tuổi thành niên, bà mẹ đem cô đến am Vũ Hoa, ở ngoài cửa Viên Môn, cho xuống tóc xuất gia.

Thọ Cụ túc không bao lâu, cô được Ni sư Đạo Kiên mời kế vị làm tọa chủ am Sùng Phật. Sư cô từng quyên mộ được một ngàn lượng vàng, tạo tượng Tây phương Tam Thánh bằng gỗ chiên đàn, cao tám thước. Mỗi năm tại am đều có kiết kỳ bảy ngày họp chúng nữ tu tổ chức hội Niệm Phật. Sư cô thường đi khắp các danh sơn cúng Phật trai tăng, lại quyên tiền gạo cho chùa Thiên Ninh ở Thường Châu ba mươi mẫu ruộng. Lúc lớn tuổi, Phật Kỳ chuyên tu tịnh nghiệp. Trước ba ngày sắp lâm chung, Sư cô thấy Bồ Tát hiện thân có hai đồng tử theo hầu. Chúng trong am đều nghe mùi thơm bát ngát, bảo là hương hoa cúc. Sư cô nói: "Không phải, đó là hương hoa sen xanh!" Vào ngày rằm tháng tám niên hiệu Càn Long thứ 56, Phật kỳ bảo cô thị giả đỡ mình ngồi dậy, rồi họp chúng đốt hương đồng xưng danh hiệu Phật. Khi niệm độ hai ngàn câu, liền ngồi im lặng mà thoát hóa.

Lúc ấy có Tỳ kheo ni Liên Phương ở tại bản am, mục kích việc vãng sanh của Phật Kỳ cũng ân cần chuyên niệm Phật. Hơn ba mươi tuổi, cô thường đau yếu, nhưng giữ niệm lực càng bền chắc không thôi nghỉ. Vào năm Gia Khánh thứ mười ba, Sư cô ngồi day mặt về Tây, an lành chấp tay niệm Phật mà vãng sanh.

## LĂNG NHIÊN

**T**ỳ kheo ni Lăng Nhiên họ Trâm, quê ở Gia Thiện. Năm mười tám tuổi, thấy chị dâu bị khổ vì sản nan, cô tự thệ không lập gia đình. Kể đó ít lâu, cô xin cha mẹ vào xuất gia ở am Tịnh Trì tại Đào trang.

Sau khi thọ đại giới, Sư cô chuyên tu Tịnh độ. Từ đó ngày đêm niệm Phật không biếng trễ, dù trái cánh thuận nghịch khổ vui, đạo tâm chẳng hề lui sụt. Lúc tuổi già, vào đầu năm Gia Khánh thứ mười ba, Sư bà Lăng Nhiên bảo đệ tử là Phước Duyên rằng: "Trong ba tháng thầy đã ba lần mộng thấy mình đến ao bấu ở Tây phương, ngồi kiết già nơi hoa sen. Như thế tất sự vãng sanh đã có duyên phần. Các con nên gắng chí niệm Phật, ngày kia ao thành trắng hiện, chẳng uổng công phu. Dè dặt chớ để một đời luống qua vô ích!" Đến tháng ba, Sư bà niệm Phật liên tiếp năm ngày, rồi không bệnh ngồi an lành thoát hóa, thọ được bảy mươi một tuổi.



## DIỆU THÀNH

**T**ỳ kheo ni Diệu Thành, con nhà họ Hà ở Cô Thành tại Hồ Châu. Cô sanh ra đã có huệ tánh, lúc bé dung mạo cử chỉ đều đoan trang, lời nói cũng khác với trẻ em cùng lứa tuổi. Gia thế vốn tin thờ Tam Bảo, mỗi khi cô thấy mẹ niệm Phật, liền chấp tay hòa xướng niệm theo.

Năm hai mươi một tuổi, cha mẹ gả cho Vương Sanh, nhà cũng đồng xóm. Nhưng chưa được nửa năm, chồng mẫn phần, lại phải cam cảnh góa bụa. Cha chồng cũng tin thờ Tam Bảo, hằng niệm Phật tụng kinh. Cô thấy gia cảnh nghèo, nên chuyên lo may dệt để phụng dưỡng cha mẹ chồng. Mỗi hôm sớm cô đều Khóa tụng kinh Hoa Nghiêm và niệm Phật. Như thế trải hơn mười năm, cha chồng xuất gia, kế tiếp mẹ chồng cũng qua đời. Lúc đó cô mới vào am Quảng Nghiêm ở cửa bắc thành Hồ Châu xuất gia làm ni.

Không bao lâu cô thọ giới Cụ túc, giữ luật hạnh rất nghiêm trang, càng chuyên chí tụng kinh niệm Phật. Cam phần đạm bạc, tuyệt ý lợi danh. Diệu Thành tu hành tinh tấn không thôi chuyên. Niên hiệu Gia Khánh thứ mười chín, Sư cô cảm bệnh nhẹ, bảo thị giả rằng: "Duyên trần đã mãn, ba hôm nữa ta sẽ về cõi Cực Lạc ở phương Tây. Các con nên gắng sức tu trì, mai sau hoặc có ngày hội ngộ. Nên tinh tấn, chớ quên lời ta!" Đến kỳ hạn, Sư cô đang ngồi ngay thẳng niệm Phật, bỗng ngược mắt nhìn lên rồi bảo: "Đức A Di Đà Thế Tôn đã quang lâm tiếp dẫn, ta đi đây!" Nói xong nhắm mắt mà hóa, hưởng dương bốn mươi bảy tuổi.

## ĐẠO CÀN

**T**ỳ kheo ni Đạo Càn, tự Thế Thiên, con nhà họ Trần ở Song Khê tại Gia Hòa. Năm mười bảy tuổi cô xuất gia vào La Hm ở Tú Châu. Tánh cô ưa thanh vắng, thích tịnh cư một mình. Duyệt xem cơ duyên của cổ đức, cô phát chí hướng thượng, hôm sớm chuyên cần tham cứu câu thoại đầu.

Sau khi thọ giới Cụ túc, Sư cô đến chùa Quốc Thanh ở non Thiên Thai, tham phòng với ngài Bảo Lâm Trần. Lúc vào bái yết xong, liền hỏi: “Bạch tôn đức! Thế nào là tướng đại nhơn?” Trần Công đáp: “Đợi chừng nào người trừ hết ngũ chướng, tới đây ta sẽ nói cho!” Đạo Càn thưa: “Phải đến như thế sao? Vậy thì đã che lùm Hòa thượng rồi đây!” Bảo Lâm Trần hỏi: “Người học ở đâu được cái hư đầu thiền như thế?” Sư cô nghe nói, bất giác xuất hạn đằm mình, liền cúi xuống đánh lễ. Trần Công lại hỏi: “Thế nào là tướng đại nhơn?” Đạo Càn liền đứng giăng tay ra. Ngài Bảo Lâm Trần gật đầu ấn khả, kể đó truyền cho y pháp.

Khi đắc tâm ấn rồi, Ni sư về ở nơi thảo am tại Nam Hồ. Ngôi am đã hư mục, song Đạo Càn vẫn thân nhiên, cứ giữ một mực chân thật tu hành, gặp cảnh thuận nghịch lòng không dao động. Ni sư lễ toàn bộ kinh Hoa Nghiêm trải qua ba lượt, cứ mỗi chữ một lay. Ngoài ra còn khóa tụng kinh Đại Bát Nhã gồm sáu trăm quyển đến vài mươi bộ. Do đó

đạo phong vang xa, của cúng thí hội về, ngôi am được kiến thiết lại thành cảnh điện lầu tráng lệ. Ni sư thường có bài kệ an cư rằng:

*Năm tháng ân cần học đạo chuyên*

*Có, không chẳng chấp, vượt trung, biên <sup>(1)</sup>*

*Về nhà chi nữa ngồi yên nghỉ*

*Vì chúng cày gieo kiếp ngoai điền <sup>(2)</sup>*

Trong am, Ni sư lại lập ra Niệm Phật Đường, ngày đêm dẫn chúng tu hành, câu Phật tiếng mõ không dứt tuyệt. Gần bốn mươi năm hóa độ như thế, vào mùa đông niên hiệu Gia Khánh thứ 25, Ni sư cảm bệnh nhẹ. Đến ngày mười một tháng mười một, gọi đồ chúng tới bảo: “Rạng mai vào giờ Dần, ta sẽ về Tây phương!” Đến thời, lưu kệ rằng:

*Tám mươi tám năm*

*Không tham không luyến*

*Nay trở về nhà*

*Nước trong trăng hiện!*

Rồi dạy chúng đồng thanh niệm Phật. Được một lát, ngôi an lành mà hóa.

<sup>1</sup> Trung, biên: tức là trung đạo và nhị biên. Ý nói thể nhập môn bất nhị, không lạc vào hai bên cho đến chính giữa.

<sup>2</sup> Kiếp ngoai điền: Ruộng công đức vượt ngoài thời gian, tức chỉ cho chân tâm. Ý nói vì người mở lối vào chân tâm.

### LỜI BÌNH:

Từ xưa đến nay, bậc có thiên có tính trong hàng nữ chúng rất ít người. Như Ni sư Đạo Càn, ở không cầu an, siêng cần tu tập, nghiêm nhiên đã đầy đủ tướng đại nhơn rồi. Nếu chẳng phải bậc chân thật thấu suốt muôn pháp như huyễn, làm sao có thể thần nhiên như thế ư?



## NI CÔ AM LAN NHÃ

**Đ**ời Thanh, có Ni cô ở am Lan Nhã họ Trần, khuyết danh, nguyên là con gái của một nhà thế tộc ở quận Ninh Quốc. Một vị Tăng ở chùa Tây Thiên, khi chưa xuất gia, cha mẹ đã hỏi cô gái ấy cho làm vợ. Nhưng sau ông bỏ nhà trốn vào tu ở chùa, cô họ Trần cũng xuất gia làm ni nơi am Tam Thừa, sau mới dời về Lan Nhã.

Trần thị sau khi xuất gia, ban ngày theo chúng làm công việc nặng nhọc, ban đêm thì ngồi một mình niệm Phật. Tánh cô nhẫn nại, cam phần đạm bạc chuyên tu. Người anh đôi khi đem y phục và thức ăn tới cho, trước sau cô đều từ khước nói: "Em đã xuất gia, nếu theo tình đời

thường cùng quyền thuộc quan thiệp qua lại, thì có khác chi người thế tục?" Sau Ni cô ngồi niệm Phật thoát hóa. Bảy giờ nhằm thời tiết nóng nực, nhưng trong bảy ngày nhục thân của cô vẫn thoảng bay hơi thơm không có mùi chi khác lạ.



## ĐẠO NGỘ

**T**ỳ kheo ni Đạo Ngộ tự Huệ Tâm, họ Uông, người ở thôn Hoa Đình tại Tống Giang. Cô mất cha sớm, ít anh em, nương ở với mẹ và bà nội. Nhà nghèo, cô làm việc vất vả để phụ việc sanh sống trong gia đình, giữ chí nguyên độc thân trinh khiết.

Không bao lâu gặp duyên lành, cô xuất gia nơi am Kiệt Tường, kế dời đến ở viện Địa Tạng, và được thọ giới Cụ túc. Sư cô giữ phận thanh tu, niệm Phật rất tinh tấn. Năm Đạo Quang thứ mười ba, mẹ cô niệm Phật được vãng sanh, kế bà nội cũng tiếp tục qua đời. Vào ngày mùng năm tháng tám năm ấy, Sư cô đến thưa với thầy truyền giới là Đạo Sanh hòa thượng rằng: "Việc bảo dưỡng cho bà nội và mẹ con đã xong, nay con muốn về Tây phương. Xin nhờ ân sư



cho con một cái bảo khâm, và xin nương đức đại chúng niệm Phật một ngày để trợ duyên". Chiều hôm ấy, Đạo Ngô nấu nước thơm tắm gội, sáng ra theo ni chúng niệm Phật suốt một ngày. Tối lại cô chấp tay nói: "Tây phương Tam Thánh đã đến tiếp dẫn!" Rồi ngồi kiết già mà vãng sanh.

### LỜI BÌNH:

Có người bảo: "Thân nữ bị nhiều điều chướng ngại, làm sao có thể tiến tu để sanh về Tịnh độ?" Đó là họ không biết thân chúng sanh đều do nghiệp tạo, cứ theo nghiệp nặng nhẹ mà phân ra nam nữ. Nếu thân nữ mà quyết chí tu hành, hoặc xuất gia thoát tục, thì nhứt định túc nghiệp sẽ tiêu trừ. Như thế làm sao lại không được về cõi Thanh Thái an vui, thành quả Bồ đề giải thoát? Các pháp đều do tâm, quay về tịnh tâm tìm hướng nam nữ còn không thể được, lại có chi là chướng ngại ư?



## TRƯƠNG SƯ THÀNH



ư sĩ Trương Sư Thành, tự Tâm Hữu, hiệu Lan Chử, quê ở thôn Quy An tại Hồ Châu. Cha mộng thấy vàng nhứt chiếu sáng vào cửa song, tỉnh giấc thì ông đã sanh ra. Mẹ mất sớm, Sư Thành thờ cha được tiếng là hiếu hạnh.

Ông đỗ tiến sĩ lúc còn trẻ, làm quan trải qua các miền biên cương, kẻ đó được thuyên chuyển về giữ chức Tuần phủ tại Giang Tô. Thấy dân chúng nơi đây tạo nghiệp sát rất nhiều, ông hằng đưa ra những điều khuyên giới ngăn dứt bớt. Máy chỗ sông hoặc ao hồ phóng sanh, Sư Thành đều sai quân dụng báng nghiêm cấm không cho sát hại loài thủy tộc. Trong dinh thự không sát sanh, chẳng bày yến tiệc chiêu đãi khách. Kẻ đó ông trường trai thờ Phật, chuyên tu Tịnh độ, tự hiệu là Nhứt Tây cư sĩ. Ông từng biên soạn những luận thuyết về Tịnh độ. Cư sĩ từng làm vài mươi bài khuyên hướng niệm Phật, lời lẽ hàm ý cảnh giác rất tha thiết. Nay xin lược chép ra tám bài như sau:

### I

*Duyên lành may được biết hồng danh  
Hóa tốc về Tây một kiếp sanh!  
Nếu chẳng quyết tâm dùng hết sức  
Bào thai luân chuyển lạc mê thành!*

II

Vừa đề hiệu Phật các ma xâm  
Hàng phục làm sao được nhứt tâm?  
Miệng niệm, tai nghe, tâm tiếng hợp  
Tràng châu rành rẽ mãi nghiên tâm.

III

Đường tu rất thiết mặc chê khen  
Danh lợi buồn vui cũng kém hèn!  
Dây ái đứt trừ dùng huệ kiếm  
Vân Thê "Thất bút" vạn lần xem <sup>(3)</sup>.

IV

Thương mình xót chúng phát Bồ đề  
Thuyền nguyện thể dong độ bốn mê.  
Trước mượn cành sen nương cảnh Phật  
Cánh lông đầy đủ mặc bay về.

V

Chấp trì không hờ thệ gìn lòng  
Cần lúc lâm chung một niệm thông.  
Tiếc bầy Đông Pha công cú đó  
Chưa năng gắng sức những hoài công <sup>(4)</sup>.

<sup>(3)</sup> Thất bút: tức bảy bài mệnh danh "Thất bút câu" của Vân Thê đại sư lúc còn tại tục, đã có phỏng dịch ở tập trước

VI

Rất sợ ngày quy nghiệp thức mê  
Hơi mòn khó niệm tuổi hầu tề.  
Nếu như bình nhứt không chuyên thiết  
Đâu được tư lương giúp trở về.

VII

Tự tánh duy tâm lẽ khó tin  
Trời in nước lặn dụ nầy minh.  
Một lòng niệm đến tâm hòa Phật  
Giờ tới, từ nhiên Phật tiếp nghinh <sup>(5)</sup>.

VIII

Chút còn niệm ái đứt chừa rồi  
E lúc lìa trần bị nghiệp lôi.  
Muốn dứt Ta Bà trừ phải sạch

<sup>(4)</sup> Tô Đông Pha đi đâu cũng thường mang bức tượng A Di Đà, gọi là Tây phương công cú của mình. Đến khi lâm chung bệnh trở nặng, thân hữu khuyên niệm Phật, ông thều thào bảo: "Cõi Cực Lạc và sự tiếp dẫn có thật, nhưng chỉ khổ lúc này tôi gắng sức không nổi!"

<sup>(5)</sup> Nguyên văn dẫn thí dụ mặt gương đủ tánh nước và lửa, nhưng e đọc giả khó hiểu, bút giả đổi lại chỉ dùng thí dụ nước. Nước đủ tánh trong lặn chiếu soi, ví cho chúng sanh sẵn đủ tánh Phật thường lặn thường chiếu. Khi nước lặn, ánh sáng như nguyệt và hiện tượng trời mây đều thấu suốt in vào, dụ cho tâm chúng sanh nếu thanh tịnh thì sẽ được từ quang của Phật dung hòa nhiếp lấy. Như thế lúc lâm chung sự tiếp dẫn của Phật là điều tự nhiên dễ hiểu, không có chi là mờ mịt khó tin.

*Thư công danh luận rõ mười thôi* <sup>(6)</sup>

Năm Đạo Quang thứ tám, cư sĩ tuổi đã hơn lục tuần, xin hưu dưỡng về quê. Hằng ngày ông ở nơi gian tĩnh thất, một lòng chuyên niệm Phật. Hơn năm sau, cư sĩ qua đời. Lúc lâm chung, ông tụng kinh A Di Đà vừa xong tiếp sang niệm Phật. Đến câu thứ năm bỗng ngồi lặng lẽ mà hóa.



**NGÔ NHƯ AM**



Cư sĩ Ngô Như Am, người đời Thanh, nguyên quán ở Huy Châu, sau nhập tịch về huyện Nghi Hưng tại Thường Châu. Bình sanh ông tín hướng Phật thừa, được duyên tham phòng Hòa thượng Phát Trung, từ đó chuyên tu tịnh nghiệp. Mùa hạ năm Khang Hy

<sup>(6)</sup> Dương Thứ Công có lời nói mà tác giả khen là danh luận: "Nghiệp ái chẳng nặng, chẳng sanh Ta Bà. Niệm Phật không chuyên không về Cực Lạc!" Tuy nhiên, nếu tâm chúng sanh còn chút niệm ái trước, tức đã bị dính mắc và ràng buộc, làm sao có thể niệm Phật chuyên nhất và được vãng sanh? Cho nên ý tác giả muốn đổi lại là "Nghiệp ái chẳng dứt trừ, chẳng ra khỏi Ta Bà. Niệm Phật không nhất tâm, không sanh về Cực Lạc!" Như thế tự hồ lại càng tinh đáo hơn.

thứ mười hai, cư sĩ cảm bệnh nhẹ, gọi con cái đến đưa cho mỗi người một tràng chuỗi, ân cần dặn bảo niệm Phật tu hành. Lúc ấy có hàng thân thích là Du Hữu Quang đến viếng thăm, nhân cùng bàn đến pháp môn Tịnh độ. Như Am bảo: "Phép niệm Phật, cần phải lúc hướm gấp cũng niệm, thức ngủ cũng niệm, cho dù khi qui khóc than gào cũng niệm. Như thế mới đích thật là người chân niệm Phật. Muốn đạt đến trình độ chân niệm đó, chỉ ở nơi một chữ Tín. Vậy cần phải tín cho sâu thiết, tín được thấu đáo!" Liên nói kệ rằng:

*Tham thiên, niệm Phật chẳng hai đường*

*Tam Thánh tiếp nghinh nguyện xót thương!*


*Phụng khuyến đồng nhơn cần niệm Phật*

*Sen lành cùng lại cảnh Tây phương!*

Rồi bảo người nhà cao tiếng niệm Phật. Cư sĩ ngồi chấp tay mỉm cười mà vãng sanh.



## DU HỮU QUANG

 u sĩ Du Hữu Quang, người xứ Tân An, lúc nhỏ ở huyện Nghi Hưng, cùng với Ngô Như Am đồng tu tịnh nghiệp. Mỗi ngày ông tụng ba quyển kinh Kim Cang, niệm Phật năm ngàn câu, phát nguyện vãng sanh về Cực Lạc.

Sau cư sĩ mục kích việc Như Am vãng sanh, lại càng tinh tấn, viết bốn chữ: "Niệm Phật Khẩn Yếu" dán nơi bên mặt giường nằm để tự răn nhắc. Ngày mùng ba tháng ba năm Khang Hy thứ 23, ông đi từ biệt khắp các thân hữu, rồi về nhà viết kệ rằng:

*Tháng năm lần lửa niệm Di Đà*


*Cõi tịnh phương Tây vốn thật nhà*

*Vài tiếng khánh thanh, trăng sáng mọc*

*Thân này ngồi vãng bạch liên hoa.*

Đến ngày mùng tám, cư sĩ cảm bệnh nhẹ, bảo người nhà rằng: "Lúc ta đi chớ nên lộ vẻ bi sầu khóc lóc, phải cùng niệm Phật để giúp sự vãng sanh!" Ngày mười hai, ông nhắm mắt ngồi yên lặng, quyến thuộc xây quanh, bỗng lại mở mắt ra bảo: "Niệm Phật khẩn yếu". Nói xong liền qua đời, thọ bảy mươi tám tuổi.

## TÔ KHỞI PHỤNG

 u sĩ Tô Khởi Phụng, tự Kỳ Sơn, người đời Thanh, quê ở Côn Sơn. Lúc tuổi trẻ, ông chí hướng về Thiên tông, đi tham phỏng khắp các bậc tri thức, có chỗ ngộ nhập. Cư sĩ giữ giới sát rất nghiêm, không dám làm thương tổn đến loài trùng kiến.

Khi lớn tuổi ông chuyển sang tu Tịnh độ, trong bốn oai nghi hằng trì Phật hiệu. Năm Khang Hy thứ 38, cư sĩ tuổi đã tám mươi, gặp tiết nghiêm hàn, quân chẩn ngồi niệm Phật. Buổi trưa ngày 26 tháng 11, ông gọi cháu là Điện Phương bảo: "Duyên Tịnh độ của ta đã thuận thực. Ba hôm trước ta thấy Phật đến, nhưng không muốn vội nói ra. Vào giờ tý đêm nay, ta sẽ vãng sanh về Cực Lạc!" Hơn canh một, cư sĩ mặc áo trắng đốt hương nến, ngồi hướng về Tây dạy người nhà đồng niệm Phật, mình cũng niệm theo. Lúc sắp sang canh ba, tiếng ông thấp nhỏ dần, rồi ngồi lặng mà hóa.

Có cư sĩ Ngô Kính Sơn ở đồng xóm với Tô Khởi Phụng, cùng là bạn tu trong Liên xã, ông đã hơn bảy mươi mà còn phát nguyện đi tham học, Điện Phương cho là tuổi suy già, khuyên ông nên chuyên tu Tịnh độ, có thể một đời được thành tựu. Kính Sơn tin tưởng nghe lời, ngày đêm niệm Phật không dứt. Chưa đầy một năm, người bạn chí thân của ông đến bảo Điện Phương rằng: "Sáng sớm hôm

nay, thấy thân Hộ Pháp hiện thân tiếp dẫn vãng sanh. Lúc sắp qua đời, ông dặn tôi đến đây chuyển lời xin tạ ân, rồi ngồi an lành thoát hóa”.



### VƯƠNG TRINH SANH



ương Trinh Sanh, người ở Côn Sơn, cha là Ngạn Phu rất sùng kính Tam bảo. Riêng Trinh Sanh nghiệp còn nặng không mấy tin tưởng Phật pháp, hằng phóng đàng chơi bời.

Một hôm ông mang bệnh, thấy có con quỷ đen cao lớn bảo là oan cừ đời trước, đến tìm đời mạng báo thù. Trinh Sanh cá sợ, phân chân niệm Phật cầu sanh Tây phương, quỷ liền ẩn mất. Nhưng khi niệm Phật hơi lơ thì quỷ lại hiện hình làm dữ. Do đó ông càng tinh tấn cầu sanh Cực Lạc, không dám buông bỏ câu Hồng danh. Niệm luôn đến mấy hôm sau, quỷ không còn hiện hình nữa. Khi sắp mãn phần, Trinh Sanh niệm Phật đến lúc hơi mòn sức hết, tiếng lẩn lẩn thấp nhỏ ần ần bay về phương Tây.

### LỜI BÌNH:

Bạn lành khi lâm chung rất khó gặp. Trinh Sanh thấy ác quỷ tuy là oan cừ nhưng vì một niệm biết hướng về Phật, nó lại trở thành thiện hữu. Và lại ông đã vãng sanh, thì quỷ cũng tất sẽ được độ thoát. Chỉ một duyên niệm Phật mà được toàn vẹn cả hai, đáng gọi là hân hạnh vậy.



### THÁI BẰNG CỬU



ư sĩ Thái Bằng Cửu tự là Tư Văn, người ở Đông Đình Sơn thuộc Tô Châu. Gia thế nhiều đời từng làm nghề buôn bán. Riêng Bằng Cửu thì ưa học thuyết Lão Trang, thường cùng bậc cao nhơn dật sĩ kết giao đi du ngoạn nơi danh sơn thắng cảnh, như quên hẳn tháng ngày.

Sau ông gặp Duy Nhiên hòa thượng khuyên tu Tịnh độ mới tưng kính niệm Phật, lập hội phóng sanh. Kế đó lại quy y Tam Bảo, trường chay tu hành, tự hiệu là Hư Bạch cư sĩ. Không bao lâu ông mang bệnh, vào ngày mùng tám tháng tám năm Càn Long thứ 45, thọ chung nơi nhà. Trước đó một đêm, cư sĩ bảo nấu nước cho mình tắm gội. Đến gần

sáng, tập hợp người nhà lại quyết biệt, nói rằng: "Quyển thuộc ở đời khi báo duyên mãn tất phải chia ly. Muốn tính sự bền lâu phải kết Pháp duyên niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Vậy tất cả đều nên phát tâm cố gắng!" Mọi người nghe nói thương khóc. Ông bảo: "Chớ nên khóc, hãy vì ta đồng thanh niệm Phật!" Lại dạy con rằng: "Cha trường trai đã được một năm. Trong đám tang khi đãi khách chớ nên dùng đồ mặn. Nếu con thương cha, phải thường giới sát phóng sanh. Được như thế mới là con thảo. Hãy cố gắng!" Nói xong day mặt về Tây niệm Phật mà qua đời. Khi sắp liệm, đem dùi thi thể nơi trang đường, mặt vẫn quay hướng về Tây như cũ. Người con quì khẩn vái, mới day ngựa trở lại. Cư sĩ hương dương được năm mươi tuổi.

**LỜI BÌNH:**

Muốn được vãng sanh, trước tiên phải giữ lòng từ không giết hại, trong kinh đã có văn nói rõ ràng. Những điều Bằng Cửu trời dặn con, thật là xem thân mình như thân chúng sanh, hóa tâm mình thành tâm Bồ Tát. Bi cảm thay lời nói ấy.



**LỤC SĨ THUYỀN**



ục Sĩ Thuyền, tự Cận Đường, quê ở Nguyên Hòa tại Tô Châu. Ban sơ ông làm đệ tử của Ngọc Đàn thuộc nhóm phò cơ theo thần tiên. Sau vì một đàn hữu cầu trị bệnh, thần dạy phải lễ Lương Hoàng Sám. Sĩ Thuyền nhân lễ sám phát tâm, đến am Thiên Ninh thọ giới Bồ Tát.

Vừa may gặp duyên lành, có Tịnh Căn Bồ Tát từ cõi Cực Lạc đến, phương tiện giảng nơi Ngọc Đàn, mở bài pháp môn Tịnh độ. Bồ Tát thuyết pháp gồm mười một hội, khuyên mọi người thông thiết vì vấn đề sống chết luân hồi, dứt bỏ đường lối quanh co, có một lòng niệm Phật. Do đó những người dự hội mới biết hồi hướng về Cực Lạc, nhưng phần đông tập quán cũ còn chưa quên, khi hướng về Phật, lúc ngã theo thần tiên. Riêng có Lục Sĩ Thuyền một lòng trì danh tu quán tụng kinh Pháp Hoa. Ông trường trai được hai năm, nhân đau yếu lại khai giới tạm dùng đồ mặn. Nhưng bệnh càng trở nặng, Sĩ Thuyền tự biết sắp mãn phần, ăn năn sám hối rất tha thiết. Bảy ngày trước khi chết, ông dứt tuyệt đồ huyết nhục, một lòng chuyên niệm Phật. Sĩ Thuyền lại răn dạy đứa con gái mới hơn mười tuổi, bảo phải ăn chay niệm Phật, và khi mình lâm chung đừng nên than khóc. Lúc bệnh ngặt, mắt ông nhìn thẳng lên hư không như thấy cảnh giới chi, miệng nói: "Có hoa sen trắng, bạch hạc và các bậc

thượng thiện hơn!" Rồi nằm nghiêng bên mặt, liên tiếp xưng danh hiệu Phật mà mãn phần. Bảy giờ nhằm ngày mười tám tháng năm, niên hiệu Càn Long thứ 52, ông hưởng dương được ba mươi chín tuổi.

Ít lâu sau, các thân hữu đến Ngọc Đàn phò cơ hỏi về chỗ sanh của ông. Một vị tự xưng là Vương Thiên Quân giáng đàn đáp rằng: "Sĩ Thuyên cơ hội sắp bị đọa lạc, nhưng rất may mắn nhờ khi lâm chung giữ vững chánh niệm. Hiện thời ông đã được sanh về miền biên cảnh cõi Cực Lạc ở Tây phương!" Năm sau, vào ngày mùng một tháng năm, Sĩ Thuyên lại giáng đàn, hiểu dụ rằng: "Có một việc rất thiết yếu không thể tránh khỏi, mà phần đông mọi người đều quên, các vị có biết chăng? Hiện thời các vị tứ đại nhẹ nhàng, tinh thần cường tráng, đâu từng nghĩ rằng mai kia mình nằm bịnh nơi giường, không phân biệt đông tây nam bắc, thân tâm mê mết phách tán hồn ly! Chừng ấy đường trước mặt mờ, không chút chi cầm vững, theo nghiệp luân chuyển, thọ khổ vô cùng! Duy có những người bình sanh tu tịnh nghiệp, khi lâm chung tự thấy Phật đến tiếp dẫn, sanh trong hoa sen, hưởng các điều vui, sống lâu vô lượng. Nếu các vị thiết thật hồi tâm suy nghĩ, chí hướng về đường lối này, tôi sẽ xin cùng luận bàn về ba điều: Tín, Hạnh, Nguyên:

**Về điểm Tín:** là tin phương Tây có cõi Cực Lạc báu đẹp trang nghiêm, cũng như phía tây thành này có dinh thự và công viên nguy nga tươi tốt. Cõi Ta Bà thuộc về phương

đông, cũng như xóm ấp lụp xụp phía đông thành này. Cõi Ta Bà đã hiện hữu thì cõi Cực Lạc cũng như thế, thật sự hiện hữu. Cả hai thế giới đều ở trong giác tánh sáng lạng bao la, khởi niệm thanh tịnh thì liền đến, cũng như đồng ở trong một thành cất bước có thể đi tới. Đã tin cõi Cực Lạc quyết định đến được, lại phải tin pháp môn Niệm Phật cần thiết như ăn cơm mặc áo. Ăn cơm khỏi đói, mặc áo khỏi rét, niệm Phật sẽ thoát khỏi sự khổ sống chết luân hồi. Trong niềm tin, nếu nay tin mai không tin, chưa gọi là thật tin. Trọn đời tin, một niệm bỗng không tin cũng chưa gọi là thật tin. Từ ngày nay cho đến lúc mãn phần, giữ một lòng tin chắc chắn thâu đáo, không máy may nghi hoặc mới gọi là thật tin.

**Về phần Hạnh:** đã tin có cõi Tây phương phải thiết thật bước vào hành môn Niệm Phật. Cho nên cần phải theo lời Phật dạy mà thật hành, nếu chỉ khen nói suông thì đâu có lợi ích gì cho đường giải thoát? Hôm nay tin hôm nay liền thật hành, ngày mai tin ngày mai liền niệm Phật. Rất không nên lần lựa bảo: "Hiện thời tôi còn trẻ, đợi đến khi hơi lớn tuổi tu cũng chưa muộn!" Há chẳng nghe nói: "Đất vàng vùi lấm trang mày biếc. Mồ quạnh chôn nhiều kẻ tóc xanh" hay sao? Cái chết xảy đến bất ngờ không hẹn, làm sao bảo đảm mà đợi cho tới lúc tuổi già? Lại cũng chẳng nên nói: "Việc cha mẹ chưa tròn, nợ con cái chưa xong, đợi đến lúc rảnh các duyên đó rồi sẽ tính!" Phải biết mạng người mong manh trong hơi thở, giả sử khi qui vô thường

đến cửa, có thể đối với nó mà khát xin chờ hẹn như thế được hay chăng? Có nhiều kẻ tu hành, lúc thì siêng năng khi lại biếng trễ, đó gọi là tánh không thường hằng. Ví như gà ấp trứng thường không lia ổ, khiến cho hơi nóng ấm nối tiếp nhau, thì mới có sự sanh nở. Nếu hôm nay ấp, ngày mai bỏ đi, làm sao thành tựu được? Việc hàm dưỡng thai sen, cũng tương tự như thế.

Đến như chữ *Nguyện*, lại rất là khẩn yếu. Trong đời kẻ tin Phật niệm Phật, xét lại chẳng thiếu chi người. Nhưng có những vị cầu sự lợi lạc trong hiện tại, hoặc cầu phú quý ở đời sau, hoặc nguyện sanh lên cõi trời hưởng sự vui nhiệm màu, hoặc mong chuyển kiếp làm người phước huệ đầy đủ, xuất gia tu hành, tráng niên ngộ đạo. Những tâm nguyện đó đều trái với bản ý của Như Lai. Đức Phật muốn cho chúng sanh thoát vòng sống chết, các vị lại mong vào nẻo luân hồi. Phật muốn cho chúng sanh thoát cõi Ta Bà, các vị lại không cầu về Cực Lạc. Như thế lòng tin và sự tu hành một đời đều buông trôi theo dòng nước! Ví như cày xong khoảnh ruộng tốt lại gieo xuống hạt cỏ, mà mong cho sanh ra mạ lúa, việc ấy có lý chăng? Cho nên đã phát lòng tin, phải tu thật hạnh, đã tu thật hạnh, phải phát chân nguyện. Nguyện hết kiếp này không sanh trở lại cõi người hoặc lên cõi trời, chỉ quyết định được về Tây phương Cực Lạc. Phát Tín, Hạnh, Nguyện như thế mới thuận với lời Phật dạy, không đến nỗi uổng phí ngày tháng công phu. Mong các vị nên cố gắng!”

Bốn năm sau, Sĩ Thuyên lại giảng cơ nơi nhà Hoàng Kính Phu một lần nữa. Lời giáo huấn kỳ này của ông phần nhiều chí thiết, khuyên các đàn hữu cố gắng niệm Phật tu hành.



## MÃ VINH TỔ



Ư sĩ Mã Vinh Tổ, tự Trừ Lương, quê ở Tú Thủy tỉnh Triết Giang. Lúc bé ông tỏ ra có văn tài, lên mười lăm tuổi được bỏ vào hàng chư sanh. Cha mẹ mất sớm, Vinh Tổ thờ kế mẫu rất hiếu cần. Đến ba mươi tuổi, ông mang bệnh lạc huyết. Trái năm năm bệnh càng thêm nặng, ăn vào liền mưa ra.

Có Tăng sĩ Tường Phong, khi chưa xuất gia là bạn quen với Vinh Tổ ghé viếng thăm. Lúc ấy sư vừa đi tham học trở về, tức huệ mở sáng, tin giải thông suốt. Vinh Tổ nghe lời sư luận giảng lấy làm lạ, nhân hỏi đến phương pháp trừ bệnh. Tường Phong đáp: “Bệnh của đạo hữu là do túc nghiệp, không phải thuốc thang chữa trị được. Nếu đạo hữu có thể buông bỏ muôn duyên chướng tử vô lượng kiếp đến nay lần lần dứt sạch. Chướng ấy căn bệnh luân hồi sống chết còn giải thoát được, huống nữa là thân bệnh nào đáng lo gì!” Vinh Tổ nghe nói giật mình tỉnh ngộ, bèn



thường trai tu tịnh nghiệp. Từ đó bệnh cũng lần lần thuyên giảm.

Trước thời gian ấy, Mã Vinh Tô nằm mộng thấy giữa hư không nổi lên vô số chữ Thọ phóng ánh sáng rực rỡ. Ông duyệt xem sách Phật thấy nói: A Di Đà dịch là Vô Lượng Thọ, cũng gọi là Vô Lượng Quang. Bây giờ nghĩ lại thấy điềm mộng ứng hợp, càng tự mừng thầm, cho là mình có túc duyên với môn Tịnh độ. Kế tiếp ông đọc qua kinh Pháp Bảo Đàn, khê hội được nguồn tâm, càng thêm nổi vui mừng cảm hối. Sau Vinh Tô tới chùa Đại Giác Lâm ở Sơn Âm thọ tam quy ngũ giới, mỗi ngày đều tụng kinh Kim Cang, Di Đà, niệm Phật ba muôn câu, lại kiêm tu tịnh quán. Lúc rảnh rỗi, cư sĩ lại mời các liên hữu tập hợp tại nhà, tổ chức niệm Phật suốt ngày đêm.

Niên hiệu Càn Long thứ 56, vào hạ tuần tháng giêng, Vinh Tô từ Tô Châu trở về vừa đúng một tháng thì cảm bệnh. Đến đầu tháng ba cư sĩ đầu nằm nơi giường không chỗi dậy được, bảo bạn thân rằng: "Tôi từ ba mươi lăm tuổi phát lòng Bồ đề, chỉ cầu nghiêm tịnh cõi Phật, lợi ích chúng sanh, sự vinh hoa của ngôi khanh tướng xem đồng như đôi dép rách. Nay thân tuy mang chứng trăm kha, song một tâm niệm an vui chưa từng biến cải. Hiện tại chỉ chuyên giữ chánh niệm, chờ khi mạng chung sanh thẳng về Tây phương mà thôi!" Một ông bạn hỏi: "Anh mất đi rồi, trong nhà nheo nhóc vài miệng ăn, lấy ai giúp đỡ?" Cư sĩ đáp: "Đó đều thuộc về duyên phước của mỗi người, sức tôi không thể kham được!" Tới chiều ngày mười tám, ông bảo: "Ngày mai phải đại sám hối!" Sáng hôm sau, cư sĩ gắng gượng chỗi dậy mặc áo tràng lễ Phật sám hối, rồi ngồi hướng về phương Tây niệm Phật vài trăm câu, kế quì đọc

bài văn phát nguyện của ngài Liên Trì, mới trở về giường nằm. Ba hôm nữa, lại nói: "Tây phương Tam Thánh hiện thân ở trước, vì tôi nói pháp. Tôi thường ở trong ánh sáng chói suốt rực rỡ!" Qua ngày sau lại bảo: "Bồ Tát dùng tịnh thủy rưới nơi thân gội rửa tức khiên, khiên cho tôi được mát mẻ, sự an vui không thể tả!" Tới chiều, một liên hữu là Trầm Hồng Điều viếng thăm, hỏi có niệm Phật không, và nhắc bảo đừng nên trước tướng. Cư sĩ đáp: "Vấn niệm, tức tâm tức Phật có chi là trước tướng!" Kế đó lại tuyệt thực, mỗi ngày chỉ uống vài chén nước trà, hai hôm sau rốt duy uống nước trong mát mà thôi. Ngày hai mươi chín tháng ba, vào giờ Ngọ, cư sĩ bảo người nhà rằng: "Đức Phật đã đến tiếp dẫn!" Nói xong liền tiếp niệm Hồng danh, rồi nằm nghiêng bên hữu mà vãng sanh, hưởng dương được bốn mươi tám tuổi. Ông không con, di chúc cho lập hậu.

Bảy giờ Hòa thượng Tường Phong bế quan tại Văn Tinh Các ở Tô châu, đang tu môn Niệm Phật tam muội. Mùa đông năm ấy, một đêm Ngài nằm mộng thấy ba vị vào thất, ngồi ở hướng nam day mặt lại. Trong đó, chính giữa một vị xuất gia, hai bên là cư sĩ, phong nghi thân thái trang nghiêm, nơi đầu đều có viên quang bao phủ. Tường Phong đánh lễ rồi hỏi: "Ba tôn đức ở đâu lại đây? Vị mặc tăng phục nói: "Chúng ta từ cõi Tây phương đến!" Hòa thượng lại hỏi: "Có phải chư vị là người ở thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà chăng?" Vị Tăng đáp: "Phải!" Tường Phong thưa hỏi danh tánh, ba vị không đáp chỉ hỏi lại: "Người pháp danh là chi?" Hòa thượng đáp: "Đệ tử pháp danh Đạt Văn". Vị Tăng bảo: "Sao lại vọng ngữ?" Tường Phong thưa: "Quả đúng như thế không phải vọng!" Vị Tăng hỏi lại như trước. Hòa thượng cũng đáp y như vậy. Tăng sĩ cũng

bảo: “Vẫn còn vọng ngữ!” Tường Phong thưa: “Đệ tử nói thật chẳng phải giả dối, tại sao tôn đức lại bảo rằng vọng ngữ?” Vị Tăng nói: “Tất cả chúng sanh lấy vọng làm chân, chấp giả làm thật, nên mới bị luân hồi. Nếu bậc có trí, biết muôn pháp đều là hư vọng giả danh, thì không còn luân chuyển. Người chớ tự mê muội để lạc mất chân tâm. Nên hiểu chân tâm không tâm, chân tri không biết, có hiểu biết tức là ma. Đức Phật là đấng linh tri vô tri, người nên tin nhận chớ đem lòng nghi hoặc!” Sau lời ấy, Tường Phong bỗng khai ngộ liền thưa: “Lời của tôn đức dạy, chính thật là pháp Phật không thể nghĩ bàn! Tôn đức từ cõi Cực lạc đến, dám xin hỏi: đã trông thấy Phật A Di Đà chăng?” Vị bên tả đáp: “Nếu ta nói với người, chưa chắc người đã tin. Phải tự mình trông thấy mới được!” Kế đó cả ba đồng đứng dậy, mỗi vị đều vỗ nơi đầu Tường Phong một cái, và lần lượt nói kệ rằng:

*Gắng siêng năng tinh tấn  
 Tu tịnh nghiệp không như.  
 Nhân sâu thì quả thật  
 Dè dặt chớ nghi ngờ!*



*Các pháp từ tâm sanh  
 Lại hoàn từ tâm diệt  
 Chân tánh nguyên vẫn không  
 Lấy, bỏ chẳng thể được!*



*Người đã đôi phần thông  
 Phật, chúng sanh tâm đồng  
 Như huyền tam ma đề  
 Ví như cảnh trong mộng.*

Thuyết kệ vừa xong, bỗng thấy Mã Vinh Tổ nghiêm chỉnh oai nghi, đánh lễ ba vị. Cả ba liền vượt lên hư không hướng về Tây bay đi. Lúc ấy không trung nổi lên âm nhạc rền vang, tiếng niệm Phật bỗng trầm thanh thoát. Vinh Tổ lại hướng về Tường Phong lễ ba lạy rồi thưa: “Nhờ đại đức khuyến tôi tu tịnh nghiệp, quy y Tam bảo, nên đã hân hạnh được sanh về Tây phương, thọ sự an vui lợi ích lớn. Vì thế tôi thỉnh cầu Bồ Tát đến đây diễn nói diệu pháp, để đền đáp thâm ân!” Nói xong đánh lễ già từ ba lạy nữa, rồi chấp tay niệm Phật bay về Tây phương. Vừa khi ấy tiếng chuông khuya nổi lên, Tường Phong giật mình thức giấc. Hòa thượng vội lấy giấy bút ghi lại điềm ấy, gọi là Kỳ Mộng Thiên.

Về sau Tường Phong hòa thượng an tu nơi viện Phước Thành tại Lũ Giang. Khi lâm chung dự biết trước ngày giờ, ngồi niệm Phật mà thoát hóa.

**LỜI BÌNH:**

Trước Cận Đường mượn duyên giảng đàn để khuyến đồng bạn. Nay Trừ Lương lấy việc ứng mộng mà đáp thâm ân. Như thế, ai gọi khi sanh về An dưỡng là vắng bật không tin tức đâu! Tuy nhiên, với kẻ cơ duyên chưa thuần, thì chẳng thể nhất khải đều đồng lệ được!

### LAN ĐÀI



an Đài là biệt hiệu của cư sĩ Bành Hy Tốc, tự Lạc Viên. Ông ở huyện Nguyên Hòa tại Tô Châu, vốn là cháu họ của Bành Nhị Lâm cư sĩ. Năm hai mươi sáu tuổi, ông đỗ Hương thí. Từ bé Lan Đài đã thích ăn chay, đến tuổi thành đồng liền trường trai được năm năm. Kế đó bị bệnh lạc huyết, mới trở lại dùng mặn. Nhưng do nhân duyên đau bệnh, Lan Đài phát tâm tin hướng Phật thừa, giữ lục trai, hằng tụng kinh Hoa Nghiêm. Mỗi ngày ông đều niệm Phật cầu vãng sanh, dù trong cảnh xe thuyền đi xa cũng chưa từng quên bỏ. Cư sĩ từng làm mười bài thi Hồi hướng như sau:

#### I

*Lên xuống luân hồi mãi khổ đau  
 Kiếp trần giải thoát biết chừng nào?  
 Ân cần sám lễ đài sen ngọc  
 Bất giác thương tâm lệ rạt rào!*

#### II

*Gió nghiệp đưa người khó tự do  
 Huyền duyên vẫn khởi mối buồn lo!  
 Nạn tai ma bệnh thay đời lớp  
 Gân chót hương mình chẳng sớm tu!*

#### III

*Đã hay sắc tướng vẫn hư không  
 Muôn kiếp tham si chưa dễ trừ!  
 Xét kỹ chi bằng chuyên niệm Phật  
 Sáu căn thấu nhập chẳng còn dư.*

#### IV

*Ruổi dong khéo tính vẫn thua nhân  
 Hơi thở mạng người sớm liệu toán!  
 Còn ngại tu hành sai đạo chánh  
 Đường mê vạn nẻo tối mệnh mang.*

#### V

*Tịnh quán ngôi lâu bóng nhật tà  
 Cảm thông Cực Lạc lộ không xa  
 Mười năm lãng tử lìa quê cũ  
 Một niệm hồi quang thấy cảnh nhà.*

#### VI

*Rừng thưa gió lọt nổi tiêu cầm  
 Chim hót đầu cành điệu nhã âm.  
 Trăm tám Bồ đề ngày tháng niệm  
 Giống sen mười trượng chẳng cần thâm.*

VII

Tâm niệm nói tiếp niệm Di Đà  
 Muôn việc phù vân mặc chảy qua.  
 Đâu đợi măn phần về tịnh cảnh  
 Hiện tiền thân đã thoát Ta Bà.

VIII

Trần chướng khi tan hiện pháp thân  
 Hồ thu nguyệt lặng sáng trong ngân!  
 Bể âm thanh rộn ba ngàn cõi  
 Một niệm nghe vào dứt biệt phân.

IX

Sáu chữ trừ mê, giác cũng không  
 Niệm tâm niệm Phật, Phật tâm đồng.  
 Ngàn đời phiền não tiêu tan sạch  
 Tô Lạc, dương chi thắm mát lòng!

X

Trời người phước tạm sẽ không còn  
 Xin phát Bồ đề thệ sắt son.  
 Nguyện lớn Phổ Hiền đầy pháp giới  
 Chưa sanh Cực Lạc dễ chi tròn!

Nhị Lâm cư sĩ thấy quyển Vãng Sanh Tập của ngài Văn Thê, sự và lời đều quá giản lược, muốn gom tìm lại những di tích vãng sanh xưa nay viết đầy đủ hơn để in ra. Lan Đài vui vẻ lãnh trách nhiệm phụ giúp, cùng vợ là Cố thị ra công sưu tầm, biên thành chín quyển lấy tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, cho khắc bản để lưu hành. Cư sĩ lại tự tay tả một bộ kinh Pháp Hoa gần trọn năm mới xong. Ngày mừng ba tháng mười niên hiệu Càn Long thứ 58, ông bị bệnh rét thêm kiệt lý rất trầm trọng. Biết mình khó thoát qua, cư sĩ từ trong phòng lần đi đến giường nằm của thân mẫu, không đề cập đến việc nhà, chỉ khuyên mẹ niệm Phật và nói: "Xin cố gắng tinh tấn, ngày kia sẽ gặp nhau ở Tây phương!" Ba hôm sau, trước khi măn phần, ông cho mời Trùng Cốc hòa thượng đến nhà, cầu thọ tam quy ngũ giới và khấn thiết phát nguyện sám hối. Cư sĩ tự nói: "Trong vài bữa trở lại đây, tôi được tịnh niệm hiện tiền, cảnh sen nơi bảo trì đã chắc có phần vin nắm!" Sáng sớm ngày mười ba, Lan Đài bảo người nhà dời giường nằm hướng về phương Tây, trước mặt thiết tượng Phật tiếp dẫn. Cư sĩ lại cho thỉnh Trùng Cốc hòa thượng đến và thưa: "Xin nhờ thầy xưng Hồng danh và trợ niệm cho con!" Rồi nằm nghiêng bên hữu niệm lâm râm niệm Phật theo, đến chiều tối mới qua đời. Lúc ấy mùi hương lạ bay đầy nhà, ông mới vừa ba mươi ba tuổi. Nhị Lâm cư sĩ đến phúng điếu, đề tặng bài thi rằng:

Bát ngát sen thơm khắp một phương  
 Buông tay phút chốc lại hoàn hương

*Xương Lê chẳng biết đường tây độ*

*Luồng phụ năm xưa Thập nhị lang!* <sup>(7)</sup>

Cố thị tên Uẩn Ngọc, cũng sớm thông tuệ, giỏi về thi văn. Năm hai mươi chín tuổi cô mang bệnh. Ngồi kiết già niệm Phật mà vãng sanh.



<sup>7</sup> Hàn Tương Tử khi xưa, nguyên là cháu của vua Hàn Xương Lê tức là Hàn Dũ, tu tiên đắc đạo. Tương Tử thứ mười hai, nên cũng gọi là Hàn thập nhị lang. Biết chú mình sẽ mắc nạn, muốn cảnh giác trước để khuyên Hàn Dũ tu hành. Tương Tử đến nhà chơi, múc một chậu nước và làm phép. Giây phút nơi chậu mọc lên mười bốn cánh hoa, mỗi đóa đều có chữ, gộp lại thành hai câu thi: "Văn hoành Tàn lánh gia hà tại? Tuyết úng lam quan mã bất tiền!" Sau Hàn Dũ bị đày xa đến vùng đất Thục, ngoảnh lại thấy mây giăng ngang đỉnh núi Tàn, không nhìn biết quê nhà ở đâu. Trông tới trước thì tuyết phủ mờ biên ải, ngựa bị lạnh cồng chân không tiến bước được. Nhớ lại hai câu thi trước, nghiễm nhiên đúng với hoàn cảnh hiện thời, ông bỗng bàng hoàng hối hận!

## BÀNH THIỆU THĂNG



ư sĩ Bàn Thiệu Thăng, pháp danh Thế Thanh, tự là Doãn Sơ, người đời Thanh, ở huyện Trường Châu, tại Tô Châu. Từ thuở bé ông đã thông tuệ, lên mười sáu tuổi được bỏ làm chú sanh, năm sau đỗ Hương thi. Năm kế đó lại đỗ Tiến sĩ, trọn đời an dưỡng không ra làm quan.

Ban sơ cư sĩ không tin Phật, chỉ ưa văn tự thế gian, có chí muốn giúp đời. Một hôm ông tự cảnh giác nói: "Tâm địa ta chưa sáng tỏ, biết làm sao?" Có kẻ bảo cho phép tu luyện đạo Tiên, ông tập theo ba năm không kiến hiệu. Sau đọc đến sách Phật, chợt tỉnh ngộ bảo: "Chỗ về của đạo là đây!" Từ đó ông mới tin hướng Phật thừa. Cư sĩ mền phong cách của Cao Trung Hiếu ở Lương Khê và Lưu Di Dân ở Lô Sơn, nên lại tự hiệu là Nhị Lâm, vì chỗ tu học của hai ngài trên đều gọi là Đông Lâm. Tế Thanh tánh thuần hiếu, khi cư tang mẹ, ngủ bên nhà tần ba năm. Lúc cha mất, ông lập đạo tràng niệm Phật nguyện đem công đức tụng mười bộ kinh Hoa Nghiêm, một ngàn quyển kinh Di Đà, một ngàn quyển kinh Kim Cang và mười triệu câu Phật hiệu của mình đã tu, hồi hướng cầu cho thân phụ sanh về Cực Lạc.

Kế đó không bao lâu, cư sĩ bỏ hết tập quán theo đời, chuyên tâm tu học Phật pháp. Ông rất thích những tác phẩm của hai ngài Phương Sơn, Vĩnh Minh, suy tôn ngài Liên Trì

và Hám Sơn làm bậc tiền đạo của tông Tịnh độ. Năm hai mươi chín tuổi, cư sĩ ăn chay trường. Qua năm năm lại thọ giới Bồ Tát nơi ngài Văn Học Định. Từ đó ông không còn gần đàn bà, tự xưng là Tri Quy Từ, từng nói: “Tề Thanh này chí ở Tây phương, hạnh ở kinh Phạm Võng”. Cư sĩ có lời văn qui phát thệ trước bàn Phật rằng: “Nếu Tề Thanh con, đã thọ giới rồi mà còn phá giới, tăng trưởng pháp ác, hủy hoại căn lành, xin hộ pháp chư thiên chu diệt ngay để làm gương cho thế tục. Như con nghiêm sửa thân tâm, giữ gìn giới phẩm, thì hết kiếp này nguyện được sanh về An Dưỡng. Xin mười phương Tam Bảo chứng minh, khiến con mau đắc Niệm Phật tam muội. Nguyện con khi lâm chung xa lìa trần cấu, thấy đức Di Đà, nhẹ thoát về Tây, không còn chướng ngại. Khi đó nguyện cho kẻ thấy người nghe đều phát tâm như con, cầu về Cực Lạc, chứng Vô sanh nhẫn, rồi cùng trở lại Ta Bà độ khắp loài hữu tình đồng thành Chánh giác!” Sau cư sĩ bế quan ở Văn Tinh Các tu môn Nhất hạnh tam muội, đề chỗ ở là Nhất Hạnh Cư. Ông có làm mười thi bế quan như sau:

I

*Lân bản phong trần tự bấy lâu  
 Mà chân hạnh phúc những là đâu?  
 Ngày nay hồi hướng về An Dưỡng  
 Kiếp mộng vô minh đã dãi dàu!*

II

*Thân Phật bao la khắp thái hư  
 Điểm trần lạng lẽ chẳng còn dư!  
 Chớ đem tri kiến nhiều phân biệt  
 Một niệm hồi quang thấy Đại Từ.*

III

*Chuôi lân trăm tám chẳng đuôi đầu  
 Mỗi niệm tinh minh mỗi hạt châu.  
 Sáu chữ mở toang Vô tận tạng  
 Như như buông thả lại hồi đầu.*

IV

*Cảnh vườn tịch mịch tự thâm san  
 Ngày vắng kìa ai gõ bệ quan?  
 Nhấn bợn đồng tu nên tự tịnh  
 Đừng theo ngoài cửa mãi mơ màng!*

V

*Dưới đỉnh Nghiêu phong ngập ráng mây  
 Ngon mùi lê hoát dạ vui đây!  
 Gió đông khéo mách niềm tâm sự  
 Tiếng Phật thâm trầm quá gác tây.*

VI

Rừng lạnh ngàn mai nở trắng phau  
Cành xuân chim hót giọng thanh thao  
Hương nguyên vì niệm Quan Âm hiệu  
Thinh sắc đường kia chớ lạc vào!

VII

Ngước lên rồi lại cúi đầu trông  
Liên quốc đâu từng cách điểm lông?  
Tiếng hát Ca lăng đà nói rõ  
Đây miền chân tịnh chớ mê lòng!

VIII

Giữa đêm trừ tịch chôn môn đình  
Phá cảnh u trầm xước kệ kinh.  
Mãn khóa Pháp Hoa nhàn rồi việc  
Chén trà Long Tĩnh uống vui bình.

IX

Lại đôi Ni Sơn hỏi cụu manh?<sup>(8)</sup>

<sup>8</sup> Ni Sơn, tức Ni Khâu Sơn, nơi sanh quán của đức Khổng Tử. Cụu manh là lời ước hẹn cũ, có ý thăm hỏi cho thông chí đạo Nho. Một hôm môn đệ của đức Khổng Tử đánh đàn, đến đoạn cuối khảy lên vài tiếng rền rang rồi chấm dứt. Ngài gọi thầy Tăng Tử bảo: "Này Tăng Sâm! Đạo ta một mà suốt tất cả!" (Sám hồ! Ngô đạo nhất dĩ

Cung đàn réo rất điệu vô sanh.  
Trong bầu xuân sắc đi thông thả  
Dưới gót hoa luân nở một vành.

X

Hương sơn lão tử rất thanh chân  
Lối rẽ nhiều phen phải hỏi thăm!<sup>(9)</sup>  
Chớ xót nguồn hoa tin tức vắng  
Cảnh xưa bên suối vẫn đầy xuân!<sup>(10)</sup>

Cư sĩ lại thuê họa công vẽ bức đồ Cực Lạc Thế Giới, căn cứ theo chánh báo y báo trang nghiêm của ba kinh Tịnh độ. Bức đồ này sửa đi đổi lại tất cả bốn lượt, trải nửa năm mới hoàn thành. Tế Thanh tự đề lời kệ rằng:

Nếu người muốn biết rõ  
Chư Phật trong ba đời.

quán chi!) Câu này tự nhiên thăm hợp với ý "Một tâm ham muôn pháp" của đạo Phật, nên cư sĩ gọi là cụu manh. Qua câu ấy, cung đàn kia chính là khúc điệu vô sanh vậy.

<sup>9</sup> Tuyết Sơn hay Hương Sơn lão tử đều chỉ cho đức Thích Ca vì cảnh Tuyết Sơn ở Ấn Độ có một vùng xanh tươi gọi là Hương Thủy. Hai câu trên ý nói đường tu nhiều lối rẽ, phải học hỏi Phật pháp mới đi đúng nẻo chánh.

<sup>10</sup> Nguồn hoa, tức là sự tích Đào Nguyên đã nói ở tập trước. Đây ý bảo: Ngư lang chớ buồn xót vì lạc lối nguồn đào dẫn đến động Tiên, vì các pháp đều là Niết Bàn chân cảnh, nếu tâm thanh tịnh tất sẽ thấy nơi đâu cũng đầy vẻ xuân tươi đẹp cả.

Nên quán tánh pháp giới  
 Tất cả do tâm tạo.  
 Tôi đọc kệ Hoa Nghiêm  
 Tin vào môn Tịnh độ  
 Do tịnh nguyện chư Phật  
 Thành cảnh diệu trang nghiêm  
 Tịnh nguyện như hư không  
 Chẳng ngăn các hình tướng  
 Nước công đức vô biên  
 Nổi hiện hoa sen báu.  
 Mỗi hoa một chúng sanh  
 Có đủ Như Lai Tạng.  
 Bảo trì và bảo thọ  
 Câu lon báu vây quanh.  
 Lốp lốp lâu các màu  
 Đầy khắp hư không giới.  
 Hoặc tắm dòng hương thủy  
 Hoặc hưởng vị diệu trần  
 Hoặc ngồi thiền kinh hành  
 Hoặc tụng kinh nghe pháp.  
 Hoặc gió đặng hoa đẹp  
 Cùng dường Phật mười phương

Hoặc bạn lành hội họp  
 Đồng vào Bồ đề tràng.  
 Các chim cùng nhạc trời  
 Phát xướng tiếng hòa nhã  
 Từ Văn vào Tư, Tu  
 Một niệm đều siêu việt  
 Huống đức Vô Lượng Thọ  
 Ngồi yên đài bảo hoa  
 Mây từ che trời người  
 Mưa pháp nhuần nhã khắp.  
 Nghe rồi được giải thoát  
 Thăng đến ngôi nhất sanh  
 Việc lợi ích như thế  
 Vô cùng, chẳng nghĩ bàn!  
 Cũng như họa sư kia  
 Một tâm biến các cảnh  
 Chẳng lia đầu lông nhỏ  
 Hiện chỗ ở Bảo Vương.  
 Không phân biệt kia đây  
 Một tức khắp tất cả.  
 Bức họa cùng người họa  
 Kết cuộc chẳng có chi!



*Nguyện những người nghe thấy*

*Như tôi cùng phát tâm*

*Nương niệm công đức này*

*Lên ngôi Bất thời chuyển.*

*Đường vạn ức đầu xa*

*Ngày đây đã đầy đủ!*

Cư sĩ thương chúng sanh đời mạt pháp không đủ chánh nhãn, chống báng lẫn nhau, viết ra quyển Nhứt Thừa Quyết Nghi Luận, dung thông quan điểm hai đạo Nho, Thích. Lại trước tác quyển Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam Muội Luận, hóa giải sự tranh chấp giữa Tịnh cùng Thiền. Và soạn thuật quyển Tịnh Độ Tam Kinh Tân Luận, phát huy những ý chỉ từ trước nói chưa hết của Liên Tông. Ngoài ra còn biên soạn các quyển: Cư Sĩ Truyện, Thiện Nữ Nhơn Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, tùy cơ tiếp dẫn. Những tác phẩm này được nhiều người truyền tụng và lưu hành rộng trong đời. Ông lại xuất ra muôn lượng vàng, phương tiện cho gây quỹ lấy lợi tức để tu tạo chùa, ấn tống kinh, cúng trai tăng, mở Cận Thủ Đường nuôi kẻ cô quả, đặt Nhuận Tộc Điền giúp hạng đói nghèo, dựng Truất Ly Hội trợ cấp người sương cư, lập Phóng Sanh Hội để châu toàn vật mạng. Những công đức ấy đều có văn phát nguyện hồi hướng cầu cho mình và các loài hữu tình đều sanh về Cực Lạc.

Cư sĩ nương các tăng xá thuộc vùng Tô, Hàng tịnh cư hơn mười năm, mỗi ngày đều có khóa trình tu niệm. Ông

dự chế các điều khoản khi mình mạng chung, và không cho lập hậu. Mùa thu năm Càn Long thứ sáu mươi, cư sĩ bị nhiễm bệnh ở Văn Tinh Các. Sang tiết đông, tinh thần lần suy kém. Ông gọi cháu là Chúc Hoa giao cho quản lý các hội từ thiện, di chúc bảo duy trì đừng để suy mất. Một vị Tăng là Chơn Thanh hỏi ông có thấy điềm lành chẳng? Cư sĩ đáp: "Đâu có điềm chi lạ, việc lớn của tôi ở vào ngày Khai ấn sang năm!" Qua xuân nhằm đầu niên hiệu Gia Khánh, ngày hai mươi tháng giêng, cư sĩ viết kệ từ thế rằng:

*Thân số trăm luân tợ điểm trần*

*Duyên sao chìm nổi chốn mê tân?*

*Ngày nay thẳng hướng Liên hoa quốc*

*Chớp mắt thu về vạn kiếp xuân!*

Viết xong, ngôi kiệt già niệm Phật mà thoát. Lúc ấy quả nhiên nhằm ngày Khai ấn trong nhà. Ông hưởng dương năm mươi bảy tuổi.



### LỮ HUẤT NHƯỢC



ur sĩ Lữ Huất Nhược, người đời Thanh, quê ở Tiên Đường, ưa bỏ thí làm lành, siêng tu tịnh nghiệp. Ông trưởng trai hơn hai mươi năm, sớm hôm tụng niệm không lúc nào biếng trễ.

Năm Gia Khánh thứ ba, vào tháng hai, cư sĩ bỗng vương bệnh. Có người bạn là Chương Thuyên ở Thiêu Khê, nhân việc cần đến Hàng Châu, ở trọ tại nhà. Đêm lại, Chương Thuyên mộng thấy một vị Tăng ngồi kiết già ở trước sân xung Phật hiệu. Thuyên hỏi: "Sư niệm Phật để làm chi?" Vị Tăng đáp: "Lữ Huất Nhược có căn lành, chẳng còn mấy ngày nữa sẽ sanh về cõi Cực Lạc. Nay ta niệm Phật để tiễn đưa, việc ấy người chưa biết hay sao?" Chương Thuyên thức giấc lấy làm lạ, sáng ra đem thuật lại với con của Lữ là Văn Yên. Yên lộ vẻ bí ai thưa: "Cha cháu từ hạ tuần tháng giêng đã trời dặn việc sau, bảo ngày mừng bảy tháng hai sẽ vãng sanh về Tịnh độ. Nay bác đã mộng thấy điềm như thế, tất việc ấy đúng rồi!"

Đến đầu ngày mừng sáu, nơi phòng nằm của Huất Nhược bỗng có hương sen lan tỏa thơm bát ngát, trải qua trọn đêm không tan. Sáng sớm hôm sau, hương càng ngào ngạt. Lữ Huất Nhược gọi người nhà báo: "Đức A Di Đà cùng chư Bồ Tát đã đến tiếp dẫn!" Nói xong, ngồi chấp tay niệm Phật mà qua đời. Việc này Chương Thuyên có ghi rành rẽ thành thiên Truyện Ký.

### TÀO THÁNH HỮU



ur sĩ Tào Thánh Hữu, người ở Gia Thiện, thường bị bệnh phong, tay chân co giựt. Do bệnh khổ, ông đến dâng hương nơi chùa Thiên Trúc ở thành Hàng Châu, phát thệ trước Tam Bảo, nguyện trọn đời niệm Phật cầu vãng sanh không tới chuyển. Từ đó đi đứng nằm ngồi tiếng Phật không dứt, niệm đến lúc tha thiết, lại rơi lệ khóc thương. Cư sĩ tu hành tinh tấn như thế suốt mười năm.

Niên hiệu Gia Khánh thứ mười sáu, vào ngày mười một tháng bảy, Thánh Hữu báo con đến am Địch Thu ở bên Bắc thỉnh sáu vị Tăng về nhà trọ niệm. Ngày mười bốn chư Tăng đến, ông thưa: "Mười sáu tới đây, tôi sẽ về Tây phương. Xin các thầy xung Phật hiệu trợ niệm cho ba ngày. Công đức ấy nguyện vô vàn cảm tạ!" Bắt đầu từ hôm đó, mỗi ngày chư Tăng niệm Phật mười cây hương, mỗi hương chia ra phân nửa ngồi, phân nửa đi kinh hành, Thánh Hữu cũng tùy chúng niệm theo. Tới chiều ngày mười sáu, khi đang ngồi niệm Phật, hương cháy vừa được vài tấc, cư sĩ liền thoát hóa.

### LỜI BÌNH:

Người xưa niệm Phật hằng cảm kích rơi lệ. Đời nay tu hành thường theo bề ngoài mà cầu danh lợi. Giả sử có tình

tân được nhứt thời, tiếp theo đó lại sanh ra biếng trễ. Cho nên dùng sức nhiều mà thành công ít, chính là bởi nguyên nhân ấy. Vậy hành giả cần phải lưu ý dè dặt!



### TRỊNH TRIỆU VINH



ur sĩ Trịnh Triệu Vinh tự là Đình Huân, người thôn Thanh Trạch tại Ngô Giang. Ông ăn chay từ thuở bé, tánh ưa thích làm lành. Tới tuổi trung niên, buôn bán tại Hán Khẩu, gia thế lần phát và thiện tâm cũng lần tăng.

Trước đó có vợ của người bạn đồng nghiệp trong khi đau yếu, các âm binh bắt hồn dẫn đến một đền nọ. Cô này bị thần quả trách là bất hiếu, muốn phạt cho chết để giam cầm xù tội. Cô khẩn thiết van xin thì thần bảo: "Người muốn khỏi tội, thì phải đến bậc thiện nhân là Từ Đại Quân thương thảo mới được!" Tỉnh lại, cô y theo lời, liền được miễn. Từ Đại Quân ưa làm lành, tu tịnh nghiệp, trước nay vẫn là hàng chí thích của Trịnh Triệu Vinh. Nghe được việc này, Triệu Vinh phát lòng tin tưởng niệm Phật, mỗi ngày càng gia công. Ông khẳng khái bỏ ra muôn lượng vàng, xây dựng Thiện đường để cứu giúp kẻ cô đơn nghèo khổ, nguyện đem công đức này hồi hướng về Tịnh độ. Khi

khách đến, nếu chẳng phải việc cần, liền ẩn mắt tu niệm, không giao tiếp một lời. Lúc lớn tuổi, ông đem cái thợ dưỡng sanh bằng gỗ Sao của mình nhường lại cho người. Cư sĩ thường mang tiền và chuỗi tràng đến các xóm nhà nghèo bố thí, ân cần khuyên người niệm Phật. Vào mùa đông, gặp lúc nghiêm hàn, dù cởi áo giúp cho ai khỏi rét, ông cũng không từ nan sên tiếc.

Vào tháng chạp niên hiệu Gia Khánh thứ 18, cư sĩ cảm bệnh nhẹ. Đứa con có việc xin tạm xa nhà ít hôm, ông bảo: "Nên sớm trở về, ta sẽ vắng mặt trong một ngày gần đây!" Đến kỳ hạn, cư sĩ ngồi xây về phương Tây, quyền thuộc đứng vây quanh, ông bảo: "Mau xưng Phật hiệu trợ niệm, Bồ Tát đã giáng lâm rồi!" Mọi người vừa chấp tay niệm Phật, bỗng nghe mùi hương lạ bay ngào ngạt. Giây phút cư sĩ liền vắng sanh, thọ được bảy mươi tám tuổi.



### NGÔ LIÊM



gô Liêm tự Ty Mưu vốn là hàng chư sanh ở huyện Nguyên Hòa, cha ông thờ kính Tam Bảo, có quen một vị Tăng ở chùa Sư Lâm. Lúc thân phụ bệnh, vị Tăng thường đến thăm viếng và khai

thị pháp môn Niệm Phật. Ngô Liêm ở gần bên nghe được, bỗng chợt tỉnh ngộ, quy hướng về Tây phương.

Cư sĩ tánh đơn giản thâm lặng, tuy niệm Phật không xen hở, nhưng người ngoài không ai biết. Đến hơn ba mươi tuổi, vì nhà nghèo phải làm nghề dạy học. Lúc đi thi được đỗ đầu, ông cũng không lộ sắc vui. Cư sĩ từng bảo thân hữu rằng: "Chí của tôi có chỗ khác lớn hơn, chớ không ở nơi khoa bảng!" Chẳng bao lâu, nơi dạ dưới của ông bỗng nổi một cục bứu chữa trị mãi không lành. Một hôm bứu vỡ ra, máu chảy nhiều, cư sĩ nhân cảm tác hai bài thi rằng:

I

*Thịt thừa theo bóm lấy thân thừa  
Mà kiếp tàn sanh đã chán chưa?  
Bốn đại suy ra không ngã tướng  
Huyền thân tươi trẻ được bao mùa?*

II

*Chẳng lựa tìm thầy hỏi thuốc xa  
Bịnh duyên nhân biết chỉ mình ta.  
Từ nay hôm sớm Di Đà Phật  
Chứng đến Kim Cang bất hoại mà!*

Ngô Liêm năm luôn hai tháng, bệnh khổ càng tăng, song niệm lực càng bền chắc. Ba hôm trước khi mãn phần, cư sĩ dự biết ngày giờ, dặn người nhà để cho mình thanh

tịnh. Đến kỳ hạn, xin thỉnh vài bậc danh tăng trợ niệm, rồi trong tiếng Phật hiệu, ngồi chấp tay mà vãng sanh. Lúc ấy nhằm ngày 23 tháng hai, niên hiệu Gia Khánh thứ mười chín.



### TRẦN ĐÌNH DU



Cư sĩ Trần Đình Du, người đời Thanh, quê ở Gia Hưng. Tánh ông đoan nghiêm cẩn thận, khi hữu sự đều chính tự tay mình làm. Thường ngày cư sĩ niệm Phật không dứt tiếng, cả những lúc làm việc, hoặc đi đứng nằm ngồi. Nhiều người trêu cười, song ông không lý đến. Cư sĩ tu trì như thế vài mươi năm, thường nói: "Niệm Phật càng thuần thực, xử sự càng tường minh!"

Đến bảy mươi ba tuổi, một hôm ông cảm bệnh sơ sai, bảo người nhà rằng: "Đức A Di Đà đã đến, hãy thắp sáng đèn nến nơi bàn thờ!" Rồi đốt hương cắm nơi tay niệm Phật mà vãng sanh. Bấy giờ nhằm ngày mười chín tháng ba năm Gia Khánh thứ mười chín.


#### LỜI BÌNH:

"Niệm Phật càng thuần thực, xử sự càng tường minh",

đó mới thật là cảnh động tịnh nhưt như, đi sâu vào tam muội. Kẻ theo danh lợi, thường nói: "Tôi bị nhiều việc phân tâm, không rảnh để niệm Phật!" Hoặc bảo: "Nếu chuyên niệm Phật, còn tâm tư đâu mà lo việc khác?" Đó là những lời nói chưa kinh nghiệm, cũng là trạng huống của tâm giải đãi. Nếu không tu hành, khi cái chết chợt đến, phải buông bỏ tất cả chỉ có tội tướng theo bên mình, đó là lỗi của ai u?



### TRƯƠNG HIẾU LÂM

ur sĩ Trương Hiếu Lâm, hiệu Lộc Tuyền, người đời Thanh, quê ở Hoa Đình. Ông thờ Phật rất thành kính, ưa bố thí, ai có việc gấp đều tìm đủ cách giúp đỡ không ngại khó khăn. Mỗi ngày cư sĩ tụng kinh Kim Cang, A Di Đà và niệm Phật một muôn câu.


Niên hiệu Gia Khánh thứ 23, một hôm ông dậy sớm, bảo người nhà rằng: "Ta mộng thấy hoa sen đã nở!" Đến tháng giêng năm sau, một đêm cư sĩ đốt hương, ngồi xây mặt về Tây, tụng Di Đà, Tâm kinh qua một lượt rồi đánh lễ ba lần. Xong lại ngồi chấp tay niệm Phật thắm đến nửa đêm, mỉm cười mà vãng sanh. Lúc ấy mùi hương lạ bay đầy nhà.

Trước khi ấy, con thứ tư của Hiếu Lâm là Ký Chung tu

trình nghiệp, cũng thích bố thí, giúp kẻ cấp nạn y như cha. Ông ăn cơm rau mặc áo vải, sống rất đơn giản, hiếu thuận với cha mẹ. Mẫu thân qua đời, Ký Chung thương khóc ốm gầy, thổ huyết vài chén, nói: "Cha còn có ba anh ở lại, con xin đi!" Rồi ngồi bên linh cữu mẹ, niệm Phật lâm râm, trải qua ba ngày, cầm chuỗi mà mãn phân. Gương hiếu thuận chân tu này được ghi chép vào Truyện Ký ở bản quận.



### PHAN VẠN TÔN

ur sĩ Phan Vạn Tôn, người ở cửa khẩu Lê Kinh tại Ngô Giang. Tuổi trung niên, dứa con trai duy nhưt mãn phân, ông thương buồn phát tâm xuất thế, đến non Phật Đảnh ở Nam Hải cầu Tạng Ngô hòa thượng xuống tóc. Ngô công bảo: "Người còn mẹ già, việc ấy chưa thể được. Huống chi sự tu hành không phải ở nơi xuất gia. Được một người bạn lành lúc bất thường nhắc nhở cũng đủ để tiến đạo!" Vạn Tôn nghe nói mới thôi.

Từ đó ông quy y Tam Bảo, tinh tấn tu hành, lúc hơi lớn tuổi lại ăn chay trường. Cư sĩ vốn có bệnh ghê lác nơi hạ thể, đến thời gian đó chứng ấy bỗng phát nặng, lan lên khắp đầu mặt. Bị sự đau ngứa nhưt nhói chịu không kham, ông tới mé sông muốn tự vắn. Một bạn đạo là Định Xuyên biết

được, theo ngăn lại bảo rằng: “Bệnh từ nơi nghiệp mà khởi, nghiệp lại do tâm sanh. Nếu đem lòng chán buồn hờn oan tự trầm, thì gốc mê càng sâu đời sau thêm khổ, điều ấy há không đáng sợ ư? Như anh xét biết nghiệp mình, hồi ngộ tự trách, cố gắng nhẫn chịu, gia công tu hành, thì tai họa chính là cái duyên hay đề tặng tiến phước huệ vậy. Thuở xưa có nhiều bậc càng tu nạn tai lại càng lắm, nhưng nhờ biết hồi ngộ giữ chánh niệm, nên khi lâm chung đều có điềm tốt vãng sanh. Cho nên nghiệp lực tuy mạnh, song tâm lực lại càng mạnh hơn, có sự chuyển biến khó nghĩ bàn là như thế ấy!”

Vạn Tôn nghe lời chột sáng suốt tinh ngộ, bỏ ý nghĩ quynh sanh, niệm Phật càng siêng năng tha thiết. Hơn một năm sau, bệnh thuyên giảm dần rồi dứt hẳn. Niên hiệu Gia Khánh thứ tư, vào tiết Trọng hạ, cư sĩ bỗng thấy nơi cửa tịnh thất mây đẹp nổi hiện xoay vần, trong ấy ẩn hiện một chiếc hồ lô phóng ánh sáng. Ngày mùng một tháng mười năm đó, ông cảm bệnh nhẹ. Ba hôm sau, cư sĩ tắm gội thay y phục mới sạch, rồi ngồi ngay thẳng nơi giường, nhờ vợ xưng Phật hiệu để hộ trợ. Ông cũng lâm râm niệm theo, giây phút yên lặng mà thoát.

Sau khi cư sĩ vãng sanh, bà vợ đem y phục thiêu hóa. Lúc lửa tắt, nơi tro hiện ra tướng Tây phương Tam Thánh, mây mắt rõ ràng, các nếp áo cũng lồ lộ đầy đủ. Ngày chiều hôm, người vợ đem đốt một chiếc áo lót, trong tro lại hiện ra vài mươi chữ sắc đỏ. Nhưng rất tiếc bị kẻ không biết quét

xóa đi. Người xa gần nghe chuyện này đều kinh lạ thở than khen ngợi. Cư sĩ hưởng dương được sáu mươi sáu tuổi.



## TRÂM THƠ HOA



ư sĩ Trâm Thơ Hoa, hiệu Trừ Trà, vốn là một vị Hiếu Liêm ở Tiền Đường. Từ thuở bé ông đã biết kính tin Tam Bảo, gắng sức làm lành. Lớn lên thường in kinh Phật và các sách khuyến thiện để ăn tống. Đến như các việc giới sát phóng sanh, lại càng thiết thật tuân hành.

Tuổi trung niên, cư sĩ thọ ngũ giới, trường trai thờ Phật, chuyên tâm về Tịnh độ. Mỗi ngày ông đều tụng kinh A Di Đà, niệm Phật năm muôn câu, trái vài mươi năm như thế không hề thiếu sót. Lúc lớn tuổi, được tuyển làm giáo chức ở Ninh quận, song khước từ không nhận. Cư sĩ có tự vẽ một bức họa mình ngồi kiết già nơi hoa sen để nêu rõ ý chí. Một đêm vào khoảng cuối canh tư, ông bỗng thấy trong thất sáng tỏ, cho là trời đã rạng, vội trở dậy rửa mặt để lễ niệm. Nhưng được một lúc lại trở tối như cũ. Nửa tháng sau khóa lễ vừa xong, cảm thấy trong người mới nhọc, cư sĩ lại giường thảnh niệm Phật không dứt. Chiều hôm kế, chấp tay

yên lặng mà qua đời. Lúc ấy nhằm ngày rằm tháng chạp, niên hiệu Gia Khánh thứ hai mươi bốn.

### LỜI BÌNH:

Cổ nhơn có vị thấy ánh sáng trong suốt như gương hiện nơi vách, có vị thấy quang minh êm dịu tợ ánh trăng hiện trên ngọn tháp. Trong Vãng Sanh Tập cho đó là sự ứng nghiệm do thân tâm yên lặng sáng suốt hiện ra. Ánh sáng trong thất mà Thơ Hoa trông thấy, âu cũng là hiện tượng đó chăng?



## HỨA NHÂN THỰC

**H**ừa Nhân Thực, người ở Nam Hương huyện Đan Đồ. Cư sĩ tánh thuần hậu thông minh, lại rất hiếu thuận. Do cha là Ngô Thành chuyên tu tịnh nghiệp, nên Nhân Thực cũng kính tin ngôi Tam Bảo, thường trì tụng chú Chuẩn Đề. Lên mười lăm tuổi, cư sĩ vào trọ ở trong thành học tập nghiệp khoa cử. Khi có tiền dư, lại phóng sanh giúp kẻ nghèo khổ. Thân phụ muốm tìm nơi hỏi vợ cho, ông đều từ chối.

Đến hai mươi hai tuổi, Nhân Thực ứng khoa Viện thí xong, mang bệnh lạc huyết. Vài năm sau, lần lâm vào cảnh trầm kha, nằm kêu rên nơi giường bệnh. Ngô Thành hiểu dụ con rằng: "Bệnh vốn do nghiệp trước chiêu cảm. Đức A Di Đà ở thế giới Cực Lạc là đáng vô thượng y vương. Nếu con phát tâm niệm Phật cầu sanh về cõi đó, thì nghiệp trầm kha vạn kiếp sẽ được thoát hẳn trong một sớm chiều". Nhân Thực nghe nói tinh ngộ, xin thỉnh Tuyết Cốc hòa thượng ở chùa Trúc Lâm đến nhà, cầu thọ Tam quy Ngũ giới. Kế đó cư sĩ phát lộ sám hối, quyết chí niệm Phật cầu sanh Tây phương. Đến ngày mùng tám tháng tư, lại xin mời chư Tăng đến nhà niệm Phật trong bảy hôm. Mãn kỳ hạn, liền nhờ xuống tóc, rồi mặc đồ tu. Quyển thuộc trông thấy đều sa nước mắt lộ vẻ bi cảm. Nhân Thực nói: "Xin tránh đi nơi khác đừng làm loạn chánh niệm của tôi!" Từ đó cư sĩ càng gắng hết sức niệm Phật. Sang mùng một tháng năm, lại cầu thỉnh chư Tăng niệm Phật thêm một kỳ hạn bảy ngày nữa. Trong khóa niệm, bệnh chuyên nặng, chỉ còn nằm ngửa nơi giường khó nổi dậy trở. Nhân Thực bèn dứt cả ăn uống chuyên lòng niệm Phật chờ vãng sanh. Đến chiều ngày thứ sáu, cư sĩ thưa với cha rằng: "Con sắp đi, đêm nay có thể viên mãn!" Ngô Thành hiểu ý, thiết bàn Phật trước mặt bệnh nhơn, đốt hương lên đèn, xin chư Tăng đứng hai bên trợ niệm. Tới nửa đêm, ngoài cửa song bỗng có ánh sáng đỏ chói trời, chớp lên vài lượt. Nhân Thực tự gắng sức nằm nghiêng bên hữu, chấp tay mỉm cười mà qua đời. Lúc ấy cư

sĩ mới vừa được hai mươi lăm tuổi.

Ngô Thành tự là Tâm Tăng, có làm nhiều thi kệ vịnh đạo, được lưu hành nơi đời. Nay xin lục ra bốn bài như sau:

I

*Chẳng trụ có, không, dứt biệt phân  
Một lòng nhàn tản tự phù vân.  
Hoa vàng trúc biếc phô mùi đạo  
Đề ý tìm cầu lạc lối chân.*

II

*Cần tu tịnh nghiệp thoát trần duyên  
Dẹp mối suy tư thấu lẽ huyền.  
Nếu lại nghi ngờ sanh thức kiến  
Mây mù che khuất cảnh thanh nhiên.*

III

*Đàm tông nói giáo luận tuôn trào  
Tranh tỏ thông minh thấy hiểu cao.  
Sao kịp bền tu, tâm hạnh thật  
Di Đà sáu chữ trăm ma đao.*

IV

*Muôn kiếp chìm mê hồi ngộ chầy  
Đường tu lối rẽ thấy nhiều đây!  
Trả xong duyên huyễn thành vô lậu  
Một đóa sen màu nở cõi Tây.*

## CHÂU QUANG



hâu Quang hiệu Tây Liên cư sĩ, vốn là hàng chư sanh ở Giang Ninh. Ông bẩm tánh thuần hậu, lạnh nhạt với lợi danh, tuy gia thế sang giàu, song tuyệt không thói khoe khoang khinh ngạo. Đến tuổi trung niên, cư sĩ trường trai thờ Phật, mỗi ngày tụng kinh Kim Cang, niệm Phật vài muôn câu nguyện sanh về Cực Lạc. Khi gặp bè bạn, sau vài lời hàn huyên liền đề xướng pháp môn Tịnh độ, khuyên nhắc tu hành. Ông từng xuất cửa mình và quyên góp tiền in kinh Di Đà Số Sao, tự tay kiểm duyệt, cho lưu hành khắp miền Giang, Hoài. Lúc lớn tuổi, thần khí vẫn khỏe mạnh, niệm Phật càng tinh tấn.

Mùa thu năm Gia Khánh thứ 22, cư sĩ mang chứng sán khí rất nặng, song vẫn trì niệm không thôi nghỉ. Chẳng mấy lúc bệnh được lành, có người hỏi đến việc đó và khen ngợi, ông bảo: “Trong khi bệnh ngặt, ban sơ tôi cũng đau đớn khó nhằn. Kế tưởng đến thân cũng là giả, thì bệnh khổ cũng không phải thật. Huống chi thân đối với tâm, sự tinh thô chia cách rõ ràng, cứ để cho thân mặc nó đau đớn, tâm ta đừng nghĩ tới và chuyên niệm Phật. Như thế thân bệnh không làm ngại đến tâm ta được. Tôi theo ý nghĩ đó mà thật hành. Trước tiên dù cố quên thân chuyên niệm Phật, song vẫn còn cảm biết đau đớn. Kế đó lần lần quên đau, nhưng lại thấy có thân cùng tâm đối lập. Sau lần chỉ biết có tâm, chẳng thấy có thân. Do đây không còn bị cơn đau đớn hành



hạ chi phối, và bệnh cũng được lành!” Về sau cư sĩ niệm Phật mà qua đời. Ông từng làm hơn một trăm bài thi Tịnh độ, cho khắc bản lưu hành nơi đời. Xin lược trích vài bài như sau:

I

Sớm về An Dưỡng mà ngơi nghỉ  
Đừng đời Ta Bà luận có không.  
Lựa nghiệp khi hừng dưng sức định  
Niệm trần lúc khởi gắng ra công.  
Nén hương siêng lễ ba ngàn Phật  
Tràng chuỗi cần chuyên một tác lòng.  
Cám nỗi mẹ hiền trông tựa cửa  
Hưng hờ du tử chạy tây đông.

II

Ta Bà cõi nghiệp sự tung hoành  
Nói đến liên bang mộng cũng thanh.  
Hơi thở chẳng vào ngàn kiếp hận  
Tắc dương dám trễ sáu thời danh.  
Như gà ấp trứng liền hơi ấm  
Tợ lửa nung vàng luyện mới tinh.  
Một niệm gốc tình trừ sạch hết  
Tánh chân lộ lộ khỏi viên minh.

LỜI BÌNH:

Đức Phật bảo: “Nỗi khổ không chi quá hơn có thân! Cho nên có thân là có tội nghiệp, có tội nghiệp tức có đau khổ. Nếu biết được thân là giả, khổ không thật, soi trở lại nguồn, thì tội khổ tiêu tan, vọng tâm cũng mất”. Biết hướng theo đường lối này, Tây Liên há chẳng phải bậc trí đó ư?



LỘ KHÔN




ư sĩ Lộ Khôn người đời Thanh, quê ở Giang Ninh. Ông tánh từ thiện, rất tin ngôi Tam Bảo. Lộ Khôn có người em làm quan, mỗi khi ông viếng thăm ở lại chơi, thấy trong nhà trừ hàng ngày đều sát sanh rất nhiều. Cư sĩ thương xót, thường đem lý nhân quả tội phước ra khuyên dụ em, song nói mãi vẫn vô hiệu. Thấy thế, ông liền phát nguyện trường trai, rồi ở ngay trong đình thự em, chích máu nơi lưỡi tà kinh A Di Đà, cầu sanh Tịnh độ.

Sau khi đó, cư sĩ từ già trở về nhà, mỗi ngày đọc sách dạy con, lấy đạo làm vui. Khi con đã khôn lớn, ông bảo nó dạy học để tự nó nuôi sống. Từ đó cư sĩ chẳng hỏi đến việc nhà, một lòng niệm Phật, dù tiết lạnh nóng, lúc đau bệnh

cũng không thôi bỏ. Ông giao hảo với Châu Quang, thường đem sự tịnh tu để sách tấn lẫn nhau. Lộ Khôn thân thể vốn mập mập khỏe mạnh, song do tu trì khắc khổ, nên ngày lẫn ốm gầy. Lúc lớn tuổi hình tướng khô khan, nhưng khóa tụng càng tăng, tất cả công đức việc lành đều hồi hướng về Tịnh độ. Ông rất thích kinh Kim Cang, mỗi ngày đều trì tụng trước bàn Phật, tuy lúc mệt mỏi khốn đốn, chưa xong quyền quyết không đứng dậy. Có một độ, cư sĩ bị bệnh nguy ngập sắp chết, người nhà đều dự bị sẵn đồ tân liệm. Trong cơn mê man, ông thấy tám vị Phạm tăng, thân đều cao lớn hơn một trượng, đi vào nhà lập đàn tràng vì mình làm Phật sự. Ông đang theo các vị ấy tụng kinh A Di Đà, bỗng nhiên chợt tỉnh, tiếng trì niệm còn văng vẳng nơi tai. Sau khi đó bệnh dường như mất hẳn. Không bao lâu, cư sĩ chẳng đau yếu chi, niệm Phật mà vãng sanh.



## NGÔ DOÃN THĂNG

 cư sĩ Ngô Doãn Thăng, tự Thường Đạo người huyện Hấp ở Huy Châu. Lúc tuổi trẻ ông thường đi lại mua bán nơi vùng Tô, Hàng. Trong cuộc du ngoạn chùa núi Hồ Khâu, một vị Tăng tình cờ gặp mặt ông nhìn kỹ đoạn bảo: “Người cũng có căn lành, song

tiếc vì lúc hai mươi chín tuổi bị nạn chết đấm, biết làm sao?” Doãn Thăng nghe nói sợ hãi, cầu thỉnh phương pháp giải cứu. Vị Tăng trầm ngâm giây lát rồi dạy: “Từ nay trở đi, người phải giới sát phóng sanh. Mỗi ngày đều nên chí thành trì chú Đại Bi và niệm Phật, may ra có thể thoát khỏi!” Doãn Thăng tin nhận thật hành, lại thường đem điều này khuyên người.

Đến năm hai mươi chín tuổi, cư sĩ từ Hàng Châu nương thuyền trở lại quê nhà. Bạn đồng hành được tất cả mười bảy người. Khi thuyền trương buồm ra đi độ vài mươi dặm, ngọn thủy triều chợt âm âm xô đến, sóng to nổi dậy thể rất nguy cấp. Doãn Thăng chợt nhớ lời vị Tăng nói khi trước, vội chấp tay niệm Phật. Giây phút thuyền lật úp, ông và tất cả hành khách đều bị cuốn trôi theo sóng nước. Trong cơn hoảng hốt mơ màng, bỗng nghe tiếng nói: “Ngô Doãn Thăng khuyên người niệm Phật có công, được thoát khỏi nạn này!” Cư sĩ vội mở mắt nhìn xung quanh thì thân đã nằm trên bờ, bên mình có những người chài lưới đang vục tỉnh. Kiểm điểm lại, mũ giày hành lý đều bị nước tuôn mất hết, duy có xâu chuỗi mười tám hạt bình nhật thường trì niệm hầy còn nắm chắc nơi tay. Còn mười sáu người kia đều bị trôi chìm không thấy tung tích. Từ đó ông càng tin công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn! Cư sĩ không trở về quê, ở lại mở ngôi quán xem tướng, mượn nhân duyên này để nói lý nhân quả, khuyên người tu niệm.

Sau cơn hoạn nạn, Doãn Thăng hành trì càng tinh tấn. Ông đốt liễu hương nơi cánh tay thành bốn chữ “Cầu sanh Tây phương” để nêu rõ hạnh nguyện của mình. Người ở Hàng Châu theo di phong của Tô Liên Trì, phần nhiều đều tín hướng pháp môn Niệm Phật. Song những kẻ thật hành,

lại là người già cả, không có hạng thiếu niên. Mỗi tháng họ tập hợp lại chùa niệm Phật, gọi là Lão Nhi Hội. Sự tập hợp cũng không dám đi đông nhiều, vì sợ bị hiềm nghi là đi giáo mưu đồ chánh trị. Doãn Thăng khẳng khái tuyên bố với mọi người: “Môn Niệm Phật không phân biệt nam nữ già trẻ sang hèn. Đạo Phật là chánh giáo được triều đình mến ưa công nhận, tại sao lại phải e sợ?” Lúc ấy Diên Kiềm Điền, một quan chức quyền quý, đang chủ duyệt kiểm tra về thuế muối ở Hàng Châu, cùng cư sĩ có tình cự hảo. Nhân cơ hội, ông mở cuộc lạc quyên, trước tiên đến Diên công được ngài góp vào hai trăm lượng vàng để làm thủ xướng. Với số tiền quyên được, cư sĩ đặt thành quỹ phương tiện thu lợi tức nhẹ mở mang hội niệm Phật tại chùa Bảo Thành ở núi Từ Dương và làm các việc từ thiện. Mỗi khi gặp ngày hội kỳ, ông vì quần chúng giảng giải Phật pháp, nói lý nhân quả. Kẻ chưa phát tâm khuyên tinh tấn tu niệm. Cư sĩ lại mở thêm chi hội nơi chùa Tiên Lâm ở trong thành cùng các chỗ khác để khuyến hóa. Kẻ tin tưởng niệm Phật ngày càng đông có đến số ngàn. Mỗi khi tập hợp, tất cả đều nghiêm trang kính cẩn, không buông lung rộn ràng huyên náo. Tượng Tam Thánh cao một trượng sáu nơi điện Tây phương tại chùa Tiên Lâm, cũng do người trong hội kiến tạo. Một buổi sáng đang lúc tập hợp niệm Phật, đại chúng thấy từ trong mũi tượng Đại Thế Chí Bồ Tát phóng ra một đạo bạch quang bay vòng quanh nơi điện đình hơn vài khắc mới tan mất.

Từ đó ở thành Hàng Châu phong thái niệm Phật thanh hành. Các vùng xung quanh cũng được ảnh hưởng cảm hóa, trẻ già trai gái tay cầm tràng, miệng niệm Phật, là chuyện thông thường không còn xa lạ. Danh hiệu Doãn Thăng đàn

bà con trẻ đều biết. Mỗi kỳ hội, các nơi thay phiên nhau thỉnh cư sĩ đến diễn giảng. Ở Tây Hồ có chùa Linh Phong, nguyên là di tích của Phục Hồ thiền sư, hư phế đã lâu. Trong niên hiệu Đạo Quang năm đầu, Doãn Thăng phát nguyện trùng hưng, tu tạo vài năm mới lạc thành. Cư sĩ mãn phần lúc sáu mươi sáu tuổi. Khi lâm chung ông giữ chánh niệm phân minh, tự nói: “Tôi thấy vô số Bồ Tát đi kinh hành ở trước mặt!” Rồi ngồi ngay lạng lẽ mà hóa. Bấy giờ nhằm ngày mừng một tháng năm, niên hiệu Đạo Quang thứ chín.

### LỜI BÌNH:

Lộ Khôn niệm Phật vốn cầu vãng sanh, mà kiêm thoát được bệnh khổ trong hiện tại. Doãn Thăng niệm Phật chỉ mong khỏi nạn, nhưng lại cảm điềm lành tốt lúc lâm chung. Thế thì ai bảo: “Công đức niệm Phật duy có lợi ích sau khi mãn phần ư?” Xem gương trên, hai vị đều gắng sức thật tu, tin chắc không đổi. Người đời nay đem công phu chút ít, cầu lợi ích quá phần, đến khi thấy vô hiệu, trở lại cho rằng Phật pháp không linh nghiệm, rồi bỏ hết việc tu hành, há chẳng đáng ngậm ngùi thương tiếc lắm ru!



## TỪ THỊ

**T**ừ thị người ở Tòng Giang, gả về nhà chồng là Dương Phát Trai tại bàn quận. Năm ba mươi hai tuổi, cô ăn chay trường niệm Phật, kiêm chí thành trì chú Đại Bi cầu sanh Cực Lạc.

Mỗi bữa khuya, cô thức dậy sớm súc miệng rửa mặt, lên hương đèn, lễ bái tụng chú Đại Bi hai mươi một biến, niệm Phật một ngàn câu, rồi mới lo đến việc nhà. Cô tu hành một mực không đổi thay thiếu sót như thế, trải vài mươi năm. Mùa hạ niên hiệu Càn Long thứ 35, Từ thị cảm bệnh nhẹ. Đến ngày mùng tám tháng sáu, cô theo lệ thường tụng niệm. Khi vừa trì chú được hơn một khắc, người nhà cảm nghe âm thanh lán thoát ra ngoài cửa. Tất cả chạy lại xem thì cô ta đã mím cười ngồi thoát hóa. Bấy giờ nhằm thời tiết nóng nực, để quần ba ngày, nhan sắc vẫn tươi như sống. Đến khi thiêu hóa y phục, các ngọn lửa bốc lên, đều hóa thành hình hoa sen năm sắc. Mọi người trông thấy lấy làm lạ thờ than khen ngợi.



## TÀO THỊ

**T**ào thị nguyên là mẹ của Bá Thiên Hựu ở Thượng Châu. Thiên Hựu bình sanh ưa làm điều lành, thờ phượng Lữ Đổng Tân chơn nhơn rất nghiêm cẩn. Ông thường phò cơ hỏi về cách thức tu tiên, khi thỉnh vấn xong lui ra lên bờ đoàn lạng lòng nhắm mắt ngồi tịnh.

Sau Thiên Hựu đến Tô Châu, có người trao cho quyển Tây Phương Xác Chí, trong ấy bài bác đạo Tiên, chi dạy Tịnh độ, ông mới hồi hướng về Phật thừa. Tuy nhiên trong lòng còn chút nghi ngờ, ông đem điều ấy thưa hỏi Lữ Tổ. Chơn nhơn đáp: "Người chớ nên nghi ngờ, khi tam tai đại kiếp đến nơi, bọn thiên tiên chúng ta cũng không đường tránh khỏi. Cõi Tịnh độ là nơi vui nhàn an ổn, dễ bề tiến đạo, người nên cố gắng niệm Phật cầu vãng sanh!" Nhân lại báo nên tụng thêm kinh Kim Cang Bát Nhã. Thiên Hựu nghe nói mới tin nguyện vững chắc, dứt hết lòng nghi.

Lúc ấy Tào Thị đã sáu mươi bốn tuổi, cảm bệnh nhiệt rất nặng. Thiên Hựu nghe tin, từ Tô Châu trở về, thấy mẹ đã tắt thở, chỉ còn hơi ấm nơi ngực, người nhà lo sẵn quan tài và đồ táan liệm. Ông cảm xúc khóc rống, tụng Bạch Y Thần Chú một muôn hai ngàn biến cầu với Quán Âm Đại sĩ, xin giảm thọ số của mình một kỷ để cho mẹ được sống thêm. Hôm sau Tào thị bỗng tỉnh lại đòi uống nước, trải vài

ngày mới hồi phục. Bà cho biết khi mình mới vừa chết, liền bị hai sứ giả dẫn đi, trải qua các ty Thổ địa, Thành hoàng, kể đến phủ Đông Nhạc. Phủ quan bảo: "Con của người đã vì mẹ chí thành cầu đảo, nguyện nương nơi sức Bạch Y Đại sĩ xin giám ký để tăng thọ cho mẫu thân. Bởi nguyên do ấy, nên ta cho người được hoàn sanh". Rồi dạy mình quan đưa trở về. Thiên Hựu liền mượn nhân duyên đó khuyên mẹ tu tịnh nghiệp. Tào Thị bèn trường trai, mỗi ngày đêm chia ra ba thời, lần chuỗi niệm Phật hồi hướng về Tịnh độ. Mười hai năm sau, khi đến bảy mươi sáu tuổi, vào ngày rằm tháng chín, bà thức dậy sớm bảo Thiên Hựu rằng: "Mẹ sắp đi, con hãy mời hàng thân thuộc đến để giã biệt". Ba hôm sau Tào thị tắm gội thay y phục, rồi nằm nghiêng bên hữu mà qua đời.

Thiên Hựu có người cô là Hứa thị cũng trường trai niệm Phật mà chưa thể chuyên nhứt. Ông rước về nhà, khuyên cô buông bỏ muôn duyên, một lòng niệm Phật. Hứa thị y theo lời. Bảy giờ bà đã sáu mươi lăm tuổi, từ tháng ba đến tháng sáu niệm Phật không xen hở. Một hôm bà đến trước Thiên Hựu cúi xuống lạy. Ông kinh hãi hỏi lý do, bà nói: "Cô hơn sáu mươi năm điên đảo trong vòng mộng tưởng, chưa từng được một ngày an vui. Từ khi được cháu dạy cho niệm Phật đến giờ, sáng niệm thoáng chốc đã đến tối, tối niệm giây phút đã thấy sáng, sự an vui trong đời còn chi hơn đây? Nếu chẳng nhờ cháu hướng dẫn thì đâu được như thế, cho nên cô mới đánh lễ tạ ơn!" Thiên Hựu nhân đó

khen ngợi cõi Cực Lạc trang nghiêm và bảo: "Chi được nhứt tâm, cảnh Phật tự hiện. Khi thánh cảnh hiện ra, cũng chó sanh tham trước!" Lại trải qua ba tháng, một đêm Hứa thị đang ngồi niệm Phật, bỗng thấy kim liên hiện ra trước mặt, giây phút hóa thành trăm ngàn muôn ức hoa sen, ánh sáng chiếu rục rỡ không cùng tận. Sáng ra bà cũng lạy Thiên Hựu mà thuật rõ việc ấy. Từ đó dung sắc bà sáng nhuận, tươi trẻ lại như người ba mươi tuổi. Trọn ngày Hứa thị không nói chi, ban đêm nằm nghỉ chừng một canh rồi thức dậy ngồi niệm Phật đến sáng. Chưa biết được ngày lâm chung của bà về sau như thế nào?

### LỜI BÌNH:

Xem lời nói của Lữ Đồng Tân chơn nhơn, thì biết tu Tịnh độ là việc cấp thiết. Trong đời có kẻ chuộng Tiên thuật mà chê Phật pháp, kết cuộc chỉ tự khi dối mình mà thôi.



### ĐÀO QUỲNH LÂU



Đào Quỳnh Lâu tự Khánh Dư, người đời Thanh, quê ở Tô Châu, xứ Trường Châu. Cô là vợ của Bành Hy Lạc, người anh em của Bành Hy Tốc, cả hai đều là cháu của cư sĩ Bành Nhị Lâm.

Quỳnh Lâu từ bé đã thông minh, am tường thi vận, thường cùng em gái là Đào Nhân sớm hôm hòa xướng. Tánh ưa thanh vắng, gặp cánh non sông u nhã, liền có ý thoát tục quên đời, tâm niệm hằng lộ ra lời thi văn. Không bao lâu, Đào Nhân bị bạo bệnh rồi từ trần. Quỳnh Lâu mang đậm mối suy tư, từ đó thôi làm thi văn, chuyển sang nghiên cứu kinh Phật, mong tìm phương giải thoát. Xem đến kinh Đại Báo Ân, cảm nhân duyên khổ hạnh nhiều kiếp của Như Lai, cô liền phát đại nguyện cầu chứng Vô sanh pháp nhẫn. Quỳnh Lâu tự tay thợ tả kinh này, cùng các kinh Kim Cang, Di Đà, bút pháp rất đoan chánh tươi đẹp. Cô tu Tịnh độ, mỗi ngày đều niệm Phật, có làm vài mươi bài Tâm úy ngâm, ý tứ gắn với đạo.

Đến khi xuất gia, Quỳnh Lâu thường nói pháp Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã cho gia nhơn nghe. Mỗi buổi sáng là thời khóa tịnh nghiệp, rảnh rỗi lại duyệt các kinh đại thừa như Lăng Nghiêm, Viên Giác, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Sự tìm hiểu về đạo lý của cô rất thâm thúy. Để đáp mười bài thi bé quan của cư sĩ Bành Nhị Lâm, Quỳnh Lâu có sáng tác mười bài như sau:

#### I

*Vô tướng ánh màu lộ thể chân  
Gió từ phơ phát bốn mùa xuân.  
Một niềm vắng lặng thông tin tức  
Lòng hương Liên bang lễ niệm cần.*

#### II

*Xưa nay chẳng thật có đâu hư?  
Luận đạo bàn thiền chuyện cũng dư!  
Sáu chữ Di Đà không tự tánh  
Áy ai ta, Phật đây bậy chừ?*

#### III

*Dầm trong ngân nước lặng hư huyền  
In bóng trời mây ánh huệ viên.  
Hạnh đủ công thành rồi sẽ rõ  
Hoa thơm chim hót cũng màu thiên.*

#### IV

*Đình dựa thanh tuyên, thất dựa non  
Trong vùng tươi biếc, cửa tùng im.  
Về nhà sớm nhận ngay đường lối  
Chớ để lâm chung trẽ khó tìm.*

V

Thần chơi cõi tịnh tuyệt mù mây  
 Nào đợi gậy lê ánh sáng bày<sup>(11)</sup>  
 Khéo luận đường xa mười vạn tám<sup>(12)</sup>  
 Hư không lầu các giữa trời Tây!

VI

Một dãy cây dương thất bảo lâm  
 Đầu cành nghe thoảng tiếng linh cầm?  
 Gió đông thổi lọt màn hoa lá  
 Diễn nói trăm ngàn diệu pháp âm!

<sup>11</sup> Một vị tìm đạo lên núi gặp lão nhơn mặc áo bát quái, chống cây gậy lê dẫn vào động tiên. Khi ấy trời đã hoàng hôn, đường vô hang đá lại càng tối mịt. Hốt nhiên từ đầu gậy lê phóng ra ánh sáng rực rỡ soi tỏ lối đi. Đây ý nói cõi Cực Lạc có ánh sáng thất bảo tự nhiên, không cần phải dùng gậy lê phóng quang như cảnh Tiên.

<sup>12</sup> Kinh Pháp Bảo Đàn bản cũ có câu: "Cõi Tây phương cách đây mười muôn tám ngàn dặm". Câu này ám chỉ: Nếu diệt mười tám giới là sáu căn, sáu trần, sáu thức, tức sẽ đi đến cảnh Tây phương của tự tâm. Nhưng về sau chư tôn đức Phật giáo cho câu này là lời hậu nhơn thêm vào, chứ không phải của Lục Tổ nói, nên gạt bỏ. Bởi trong kinh A Di Đà, đức Thích Tôn bảo: Thế giới Cực Lạc ở về phương Tây cách đây mười muôn ức cõi Phật chứ không nói mười muôn tám ngàn dặm.

VII

Niệm Phật ngày đêm tự phản quang  
 Mấy hồi sanh diệt thấy vô đoan.  
 Trước làng, sau tuyết hoa mai nở  
 Lộ vẻ xuân tươi sáng vũ hoàn!

VIII

Chín chục xuân quang khó mãi gìn  
 Dĩa đèn đêm vắng đối riêng mình.  
 Pha trà đâu phải vì hương vị  
 Khi húng nào can uống một bình.

IX

Cõi trần gieo được giống hoa sen  
 Nước ngọc liên trì nhụy nảy sanh.  
 Một niệm tinh thần siêu phẩm tục  
 Nhẹ nhàng cõi tịnh bước thanh thanh.

X

Phá được trùng quan thấy cảnh quê<sup>(13)</sup>

<sup>13</sup> Người tu thiền từ nơi không mà vào, để tâm rỗng không, nên lần lần vọng niệm chẳng khởi, chỉ thấy một màu vắng lặng. Kế đó không cảnh hiện ra, tường vách non sông đều mất hết. Nhưng đó là cảnh tạm chớ chẳng phải là chơn cảnh của tự tâm, nếu nhận chơn tức bị làm lạc. Khi chơn cảnh hiện ra, sẽ tỏ ngộ nước chảy mây trôi, hoa vàng trúc biếc, đều là quê hương xưa của tự tánh.

Từ nay chẳng lạc bước đường mê.  
 Xoay vần sáu chữ không sau trước  
 Nước chảy mây trôi tỏ lối về!

Qua mùa đông, Quỳnh Lâu cảm bệnh, tự biết khó lành, thường chuyên niệm danh hiệu Phật. Trước khi mãn phần, cô thỉnh mẹ đến từ biệt và nói: "Đại Hòa thượng đã đến rước, con đi đây!" Đứa thị tỳ thưa: "Còn lão thân thì sao?" Đáp: "Cánh Tây phương đẹp, ngày kia cô sẽ về rước bà đi!" Nói xong liền mất. Bấy giờ nhằm ngày 23 tháng giêng, niên hiệu Càn Long thứ 45, cô mới vừa được hai mươi lăm tuổi.

Đến mùa xuân năm Càn Long thứ 49, có Tây Phương Đại sĩ dùng phương tiện giáng cơ nơi Ngọc đàn, vì hàng thiện tín tuyên dương pháp môn Tịnh độ. Một hôm, Bành Nhị Lâm cư sĩ đến đàn, thưa hỏi chỗ sanh của các vị sư hữu đã từ trần. Đại sĩ mỗi mỗi đều phúc đáp rành rẽ. Trong ấy, một vị sanh về cung trời Đâu Suất, một vị hưởng phước báu cõi người, có bốn vị được sanh Tịnh độ. Đó là Hương Sơn lão nhơn hiệu Thật Định, Lữ Đình đại sư hiệu Tế Hội, Thệ Nguyên Tỳ kheo pháp danh Phật Ân và một vị cư sĩ là Trầm Bính hiệu Kính Phù. Sau rốt Bành cư sĩ hỏi đến Đào Quỳnh Lâu. Đại sĩ đáp: "Đào thị đã sanh về miền biên cảnh ở Tây phương". Giây lát Quỳnh Lâu giáng đàn đề thi rằng:

Cổ đức bảo: "Chớ nhận vô tâm là thật đạo. Vô tâm còn cách một trùng quan!" Phá trùng quan là vượt phá hiện tượng thiên không nói trên.

Vũ yết nhàn giai phương thảo đa  
 Ngũ niên tiêu tức đẳng phao thoa!  
 Động trung thâm bế yên hà tích  
 Nhứt niệm huân phong tống khách qua!

Tạm dịch:

Mưa tạnh, thêm nhàn rợp cỏ thom  
 Năm thiên thập thoáng tợ thoi dòn!  
 Ráng mây khóa kín người tiên động  
 Để gió nam đưa khách lạc hồn!

Nhân đàn cơ cô hiệu thị cùng đại chúng rằng: "Muốn sanh về Cực Lạc, các vị cần phải có tâm trường sát đá, niệm Phật thành một khối, ngoài không bị sáu trần nhiễm vào, trong không bị bảy tình khuấy động, thì nơi chốn bùn nhơ sẽ có hoa sen mọc lên. Khi ấy, niệm một câu Phật hiệu, liền có một đạo hào quang phóng ra: Niệm ngàn muôn câu Phật hiệu thì có ngàn muôn đạo quang minh. Quang minh đó vẫn vô tướng, từ trong phát sanh, chớ chẳng phải từ bên ngoài mà được. Đức Phật A Di Đà luôn luôn ở trước mặt các vị, tùy chỗ xuất hiện. Nếu vừa có một máy may vọng niệm, thì ánh sáng Phật ẩn mất không lộ bày. Khi niệm Phật, cần yếu phải thường thường soi vào trong, mới phát minh được lý: "Một niệm bất thôi". Tiếng niệm Phật lại cần phải theo tâm mà khấn thiết, mới phát sanh được nguyện lực và sức niệm mạnh mẽ vô thượng. Tâm và tiếng nên dung hòa nhau, thì



ánh sáng tự tâm sẽ chói suốt bốn bề, không chỗ nào chẳng phải Phật, và không lúc nào chẳng niệm Phật, mới là đặc thù! A Di Đà gọi là Vô Lượng, nên biết đó là trí huệ vô lượng, thân thông vô lượng, từ bi vô lượng, nhiếp thọ vô lượng. Nếu không phát tâm tâm vô lượng, đâu có thể thấy được tướng Vô kiến đánh của đức Cực Lạc Bốn sư? Thương thay cho chúng sanh! Dục niệm chưa trừ, đạo căn lẫn mất, Phật tuy thương xót, nhưng biết làm sao? Vậy hãy nghe lời tôi khuyên, mau cố gắng niệm Phật!”

Cách hơn tháng sau, Nhị Lâm cư sĩ lại đến Ngọc đàn, hỏi Quỳnh Lâu về các tình tiết lúc lâm chung, gồm mấy điểm như sau: “Được biết cô đã vãng sanh, rất mừng rất tốt! – Nhưng các ông La Đài Sơn, Châu Trọng Quân, trai giới tinh nghiêm, hoàng thế rộng lớn, mà còn bị lạc vào vòng báo cõi nhơn thiên. Phần cô, công phu chưa thuần, giới phẩm chưa vẹn, mà lại được vãng sanh là thế nào? – Vậy quang cảnh lúc cô vãng sanh ra sao? – Và sau khi vãng sanh sự hưởng thọ như thế nào? – Đã được thấy Phật chưa? – Chùng nào lên bậc Bất thối? – Xin cô giải bày rành rẽ, để mọi người nghe biết phát tâm tin mến tu hành. Đây tướng cũng là một việc hợp với bản nguyện độ sanh của cô vậy!”

Ngày ấy, Tịch Căn Bồ Tát giảng đàn thay thế dạy rằng: “Tháng trước ta ở biên cảnh cõi Cực Lạc thuyết pháp rồi mới đến đây, nên Đào thị nương thân lực của ta mà cùng đến. Nay ta không ghé miền ấy, nên Đào thị không đến được. – Bình nhật tuy công phu của Đào Quỳnh Lâu không

sánh kịp bọn ông La Đài Sơn, nhưng lúc lâm chung chánh niệm của cô hơn các vị đó rất xa, nên cảm được đức Quán Thế Âm thân lâm tiếp dẫn. – Khi lâm chung Đào thị thấy kim liên hoa hiện tiền mà vãng sanh. – Nay cô đang ở miền biên địa thế giới thất bảo, sự ăn mặc đều tự nhiên hóa hiện. – Dù cô chưa được thấy Phật, song mỗi ngày chư Đại Bồ Tát ở Cực Lạc sang biên địa thuyết pháp hai thời. Người tinh tấn sẽ lần lần sanh lên chín phẩm, kẻ giải đãi cũng hưởng thọ được năm trăm năm. Một ngày ở biên cảnh Tây phương bằng một trăm năm tại miền Diêm Phù Đề này. Từ khi vãng sanh đến nay, Quỳnh Lâu tinh tấn lắm, tương lai có thể ở vào bậc Thượng phẩm hạ sanh, lên hẳn ngôi bất thối chuyển. Thời gian ấy nơi đây là hai ngàn năm nữa”.

Cứ theo giáo điển, Tịch Căn Bồ Tát là vị Đại sĩ từng dự pháp hội Duy Ma và Vô Lượng Thọ, lúc đức Thích Ca Thế Tôn ứng thế thuyết pháp.



## BÁ BẮT QUẢN

**B**á Bất Quản người ở Hàng Châu, chưa được rõ danh tánh. Bà từng đến am Hiếu Từ hỏi Đạo Nguyên hòa thượng rằng: “Bạch Ngài! Tu theo pháp môn nào, một đời có thể thoát ly biển khổ?”

Hòa thượng đáp: “Muốn được như thế, không chi hơn môn Niệm Phật. Nhưng niệm Phật chẳng khó, mà khó ở nhứt tâm. Nếu người có thể buông tất cả không quản đến, chuyên lòng trì danh, thì quyết định khi lâm chung Phật sẽ đến tiếp dẫn, liền được xa lìa biển khổ!” Bà nghe nói vui vẻ lễ tạ, trở về đem việc nhà giao cho con và dâu, rồi mở một gian tịnh thất thờ Phật, trọn ngày tu niệm ở trong đó.

Hơn một năm, bà lại đến hỏi Hòa thượng rằng: “Đệ tử từ khi được nhờ ơn chỉ dạy, đã bỏ việc nhà chuyên lo niệm Phật. Tự xét lại sự tu trì bấy lâu chưa từng thiếu sót biếng trễ, nhưng chi khổ vì khó được nhứt tâm. Xin nhờ Ngài xót thương khai thị thêm, cho được như ý nguyện!” Hòa thượng bảo: “Đó là bởi người tuy gác bỏ việc nhà, song còn nhớ nghĩ đến cháu con quyến thuộc. Niệm ái kia chưa dứt, thì làm sao được nhứt tâm? Nay người nên cố gắng gia công, trước tiên nhổ trừ gốc ái buông cả muôn duyên, tất ý nguyện sẽ đạt thành!” Bà nghe nói than rằng: “Lời Ngài dạy quả rất đúng. Đệ tử tuy không quản đến thân, nhưng chẳng thể không quản đến tâm. Từ đây nguyện xin trăm

việc đều không quản đến!” Rồi bà trở về niệm Phật thêm chuyên cần. Khi tâm ái thoát khỏi động, liền đem mấy chữ “Trăm việc không quản” để dẹp trừ. Lúc có ai hỏi đến việc nhà, cũng dùng mấy chữ đó đối đáp. Bởi thế tên Bá Bất Quản (*trăm việc không quản*) của bà được thành danh và truyền khắp hương thôn.


Tu hành như thế lại hơn một năm, ngày nọ bà đến am Hiếu Từ lễ tạ Hòa thượng, thưa rằng: “Lời của Ngài dạy quả xác thật không hư dối. Đệ tử sắp về Tây phương, nên đến đây lễ tạ ơn và xin giã biệt!” Vài hôm sau bà không bệnh mà qua đời. Lúc ấy nhằm niên hiệu Gia Khánh năm đầu.

### LỜI BÌNH:

Bá Bất Quản chỉ là danh từ ước lược. Suy ra rộng, thì từ trăm đến ngàn, từ ngàn cho đến muôn, thảy đều không quản. Nói gọn lại, tức một việc hãy còn không quản, huống chi trăm ngàn muôn? Được như thế, duyên trần mới có thể dứt. Làm theo đây, tịnh nghiệp mới có thể thành. Hỡi ôi! Ước chi kẻ tu hành trong đời đều được như bà Bá Bất Quản này ư!



## UÔNG THỊ

ông thị người đời Thanh, quê ở Hoa Đình. Cô được cha mẹ gả cho Châu Văn Vinh năm mười sáu tuổi. Bên chồng nghèo thiếu, Văn Vinh đi dạy học phương xa, Uông thị ở nhà làm nghề may thuê để sanh sống. Cô rất kính tin ngôi Tam Bảo, ăn chay trường, mỗi ngày đều có tụng kinh niệm Phật

Sau Văn Vinh đến Hồ Bắc rồi chết nơi miền đất khách. Uông thị ở nhà lâu ngày vắng bật tin tức, gắng nuôi con trai là Phương Dung cho đến khi thành lập, mới sai tìm cha. Phương Dung vượt ngàn dặm, trải nhiều gian khổ, kết cuộc vác được hài cốt phụ thân đem về. Quan Học Sử nghe tiếng đồn mẹ tiết hạnh, con hiếu thảo, đem việc ấy trình thưa thượng cấp, nên tại nhà được treo bày biển khen tặng. Phương Dung viết và vẽ đều khéo, thêm được gần xa mến trọng nét hiếu hạnh, nên nhiều người tranh nhau đặt làm những bức tự họa. Nhờ đó sự sanh sống trong nhà cũng tạm rộng rãi yên lành. Lúc lớn tuổi Uông thị niệm Phật càng siêng năng chí thành, nguyện cho cha mẹ mình, cha mẹ chồng và chồng đều sanh về Cực Lạc.

Trong niên hiệu Gia Khánh, bà hay đau yếu, nên thường đóng cửa niệm Phật, không hỏi đến việc nhà. Lúc sắp mãn phần bà gọi Phương Dung đến bảo: “Đêm rồi mẹ mơ thấy ông nội bà nội, ông ngoại bà ngoại và cha con đều ở cảnh Liên Hoa thế giới. Hiện thời có mây lành năm sắc

nâng đỡ một cánh sen to như chiếc thuyền. Có lẽ mẹ sẽ nương theo đó mà sanh về cõi Phật chăng?” Nói xong vui vẻ niệm Phật rồi thoát hóa. Lúc ấy trong nhà có mùi thơm như hoa lan, đến khi tàn liệm còn thanh thoảng chưa tan.

### LỜI BÌNH:

Điềm mộng của Uông thị, kết cuộc phù hợp với lời phát nguyện khi trước. Thế thì công đức niệm Phật có thể siêu độ cho người quá cố, nơi đây đã thấy bằng chứng rõ ràng. Hàng tiết phụ trong đời chưa hiểu lẽ ấy, nên nhỏ thì bị thương thành bệnh, lớn đến quỵên sinh theo chồng. Họ đâu biết rằng khi mãn báo thân, mỗi người trong quỵên thuộc đều theo nghiệp lành dữ của mình mà tản đi các nẻo. Dù cho có gặp nhau nơi chốn huỳnh tuyền, cũng chỉ nhìn tạm đồng như khách qua đường. Duy cõi Tịnh độ ở phương Tây, các bậc thượng hiện đều hội về một chỗ, vĩnh viễn làm quỵên thuộc liên hoa. Sự hơn kém cách nhau vực trời ấy, mong người trí nên suy nghĩ mà chọn lối đi về.



## VƯƠNG, TRƯƠNG, TRẦN



ương thị người ở Thọ Kiều, thôn Đông, huyện Cần. Khi mới sanh ra, cô đã không chịu ăn thịt cá. Quy y Tam Bảo từ thuở bé, cô được thầy cho pháp danh là Tịnh Long. Lúc về nhà chồng, Vương thị mới bắt đầu tín hướng pháp môn Tịnh độ, chuyên cần niệm Phật. Người chồng tánh thô bạo thường mạ nhục, cô chỉ biết làm thỉnh nhẫn chịu mà thôi.

Hơn sáu mươi tuổi, Vương thị tu hành càng thêm tinh tấn. Một đêm bị người hàng xóm lên đốt nhà, bà hay được dập tắt kịp. Sau nhân đến dự Phật hội chùa Bảo Lâm, một vị Tăng hỏi: "Nếu lúc ấy nhà bị cháy, bà sẽ làm sao?" Vương thị đáp: "Thân này đáng nhảm chán, giả sử lâm hoàn cảnh như thế, tôi sẽ nương theo nhân duyên đó mà vãng sanh!" Hơn một năm sau, người hàng xóm lại lên phóng hỏa, lần này nhà bốc cháy lửa dữ dội. Vương thị không trốn tránh, chỉ điềm nhiên gõ mõ niệm Phật, tiếng nghe rành rẽ rõ ràng. Những người ở cách sông, ban sơ thấy khói lửa bao phủ nhà bà. Bỗng đâu giữa ánh lửa hồng, một đạo kim quang tỏa rộng bay lên xông thẳng đến mây xanh. Trong đó phương phát có hình bóng Vương thị đang ngồi kiết già. Khi lửa tắt cho nguội, người nhà tìm thấy di cốt của bà còn ngồi ngay thẳng trên mặt đất.

\* Lại ở ấp Hạ của huyện Cần có Trương thị, cùng với Vương thị đồng sư, pháp danh là Tịnh Âm. Lòng tín hướng


niệm Phật và cảnh ngộ bất đắc ý với chồng của bà cũng tương tự như Vương thị. Tuy bị trăm điều mài bẻ, bà vẫn không lui sụt đạo tâm. Sau Trương thị bị chứng phong co rút, nằm trên giường bệnh vài năm, song niệm Phật không xen hở. Khi lâm chung bà chấp tay chánh niệm mà vãng sanh, mùi hương lạ bay đầy nhà.

\* Và ở Định Kiều thuộc huyện Cần có Trần thị cũng đồng sư với Vương thị, pháp danh là Tịnh Thoại. Bà là người chơn chất thật thà, đối với sự niệm Phật cầu sanh không còn chút nghi ngờ. Bà thường bảo: "Tôi quyết định được sanh về Cực Lạc!" Lúc lâm chung bà ngồi ngay thẳng, mỉm cười niệm Phật mà vãng sanh.

### LỜI BÌNH:

Vương thị và Trương thị tức nghiệp rất nặng, nên từ khi sống đến lúc chết, trải qua nhiều nỗi tủi đau gian khổ. Tuy nhiên, nhờ lòng tín nguyện bền chắc, nên kết cuộc đều được thoát tướng lúc lâm chung. Thế nên biết nghiệp nhân kiếp trước, không làm lụy được thắng quả trong đời này. Đến như Trần thị, tức chương nhẹ nhàng, dễ thành đạo nghiệp, sức nhẫn so lại không bền chắc bằng hai bạn kia. Song ý chí quyết cầu sanh như kẻ một đi không quay trở lại, cũng chẳng vì nhiều lối rẽ mà lạc mê đường khiến cho người nhìn trông gương mà tinh thần sanh phần chấn. Đây có thể gọi là "một nhà ba kiệt khách" vậy.

### CHÂU THỊ


hâu thị pháp danh Diệu Đức, người ở Gia Hưng. Cô vốn bị chứng đau huyết, gả về nhà họ Hứa, đến hai mươi tám tuổi chồng mãn phần, có một đứa con trai lại cũng yếu mạng. Từ đó cô làm nghề thêu may để tự sanh sống. Nhà tuy nghèo, song thấy kẻ đói rách liền trút hết tiền giúp đỡ.

Năm Đạo Quang thứ sáu, Châu thị cùng bà có pháp danh là Diệu Viên, và biểu muội là Lập Tu, đến chùa Tinh Nghiêm thọ ngũ giới, nguyện trường trai niệm Phật cầu sanh Tây phương. Một đêm cô lên Phật đường của Diệu Viên thêm dầu, thấy hoa đèn kết thành hình lá sen, trên lá có vị Phật đứng. Châu thị vội mời bà cô và Lập Tu lên xem, cả hai cũng đều trông thấy. Tháng giêng năm Đạo Quang thứ chín, nhân vì mẹ chết, cô quá bi ai, chứng đau huyết lại tái phát. Không may thuê được, cô thường thiếu ăn, song bởi tánh trong sạch, nên chẳng muốn van cầu. Người trong xóm biết được, thay nhau thỉnh cô tụng chú Đại Bi cầu an, rồi giúp cho tiền độ nhật. Đến ngày mười tám tháng bảy năm ấy, bệnh cô chuyển nặng. Lập Tu đến thăm báo: "Nhiều người nói chị niệm Phật tinh tấn, song em trộm nghĩ tâm chị chưa chí thiết, nên bệnh chẳng được lành, cũng không thấy Phật đến tiếp dẫn!" Châu thị nghe nói thương khóc sám hối, càng gắng sức tu hành. Từ đó ai đến thăm

hỏi cô đều không đáp chỉ rơi lệ chấp tay niệm Phật. Cách mấy hôm sau, một đêm vào khoảng canh ba, cô bỗng cười bảo: "Tây phương Tam Thánh đã quang lâm đứng giữa hư không!" Nói xong, vội tắm gội thay y phục, đốt hương niệm Phật vài mươi câu rồi vãng sanh. Cô hưởng dương được bốn mươi bốn tuổi.



### THIỆU THỊ

hiệu Thị không rõ quê quán ở đâu, vì thân thể nghèo, già, thêm cô quạnh, nên đến ăn nhờ ở trọ người thân thích. Nghĩ xót cảnh khổ của mình, ngày đêm bà niệm Phật rất siêng năng chí thiết.

Năm Đạo Quang thứ bảy đời Thanh, một đêm mùa thu, bà ngồi trong nhà tối day mặt về Tây thâm niệm Phật. Bỗng tâm nhãn chợt mở, Thiệu thị thấy cảnh Cực Lạc đẹp sáng, lầu quỳnh cây ngọc, hoa sen đua nở nơi áo báu, chim lạ bay liệng giữa hư không. Mùa thu năm kế, bà lại thấy thân vàng của chư Bồ Tát, ánh sáng rực rỡ nhiệm mầu. Qua mùa hạ sau, và ngày mười bốn tháng năm, bà bỗng cảm bệnh nhẹ rồi vãng sanh.

Lúc Thiệu thị mãn phần, mọi người không hay biết. Có y sĩ họ Phạm nhân vào thăm mạch, thấy ánh mắt bà tươi như sóng, gương mặt còn lộ vẻ mỉm cười, nhưng hơi thở đã tắt. Họ Phạm lui ra than rằng: "Đây là cái chết đẹp lành. Cảnh này trong đời cũng ít thấy!"



## DU THỊ

**D**u thị người đời Thanh, quê ở Thường Thục, nguyên là mẹ của cư sĩ Vương Hiệu Tăng. Tánh bà rất thuần hậu, hiền hòa. Hiệu Tăng kính thờ ngôi Tam Bảo, khuyên mẹ dứt trừ thức ăn huyết nhục. Du thị nghe theo lời, trưởng trai được ba năm.

Mùa xuân niên hiệu Đạo Quang thứ hai mươi, bà đau bệnh nằm liệt nơi giường. Sang tiết hạ, bệnh càng thêm nặng. Hiệu Tăng khuyên mẹ thăm quán cảnh Tây phương. Nhân đó bà phát tâm niệm Phật, song chưa được chuyên nhứt. Lăn lữa qua vài tháng, thân thức của bà đã mấy phen vào cảnh U minh. Ban sơ thì có hai đồng tử gọi quay về, lần kế gặp Bồ Tát báo trở lại. Đến lượt cuối cùng, Du thị trong mộng nghe Phật mách bảo: Kiếp trước mình là một vị

Tăng, bởi mê tức nhân nên đọa làm thân nữ. Từ đó bà ăn uống giảm dần, kế tiếp chỉ còn hơi thở mong manh. Một đêm vào khoảng canh ba, Du thị bỗng niệm Phật lớn ba bốn câu, rồi chấp tay nhìn về phương Tây bảo: "Đức Phật đã quang lâm tiếp dẫn!" Nói xong nằm nghiêng bên hữu mà qua đời. Bấy giờ nhằm ngày hai mươi lăm tháng trọng hạ.

Sau đứa cháu nội lớn mà Du thị hằng yêu mến, mộng đến một cảnh có nhiều cây cao lâu đẹp, không giống cõi nhân gian. Nó muốn đi vào song bị những hàng câu lon bao bọc quanh co ngăn cản. Bỗng đâu thấy Du thị kính hành đến, nó liền hỏi đường lối đi vào. Bà bảo: "Nếu cháu muốn vào thì chỉ có cách siêng năng niệm Phật!" Vừa lúc ấy đứa bé chợt tỉnh, liền đem điềm mộng thuật lại cho người nhà biết.



## TIÊN NHỤ NHƠN

**T**iên Nhụ Nhơn, tên là Thoại Vân, người ở Thường Thục. Chồng là Tạ Phụng Ngô đau bệnh, Nhụ Nhơn cầu Phật nguyện trưởng trai nên bệnh được lành. Trong mấy năm về ở với Phụng Ngô, cô

sanh được một trai một gái và chưa từng cho chúng nó ăn đồ mặn. Kế đó cô biết pháp môn Tịnh độ, cùng chồng xin thọ tịnh giới, nguyện dứt trừ tình ái trần duyên.

Niên hiệu Đạo Quang thứ hai mươi, anh là Tiên Vạn Dật vãng sanh, cô mục kích rõ điềm lành, nên lòng tín hướng càng bền chắc. Mùa đông năm ấy, đứa con trai chết, cô quá đau buồn thương khóc, bỗng chợt nghĩ lại nói: "Hay là trời muốn dứt duyên ái của ta chăng?" Rồi lần lần nguôi lòng, không để ý đến. Trong phòng vợ chồng đối diện, chỉ sách tấn lẫn nhau tu hành mà thôi. Mẹ là họ Ngô có bệnh, bị y sĩ cho thuốc làm chuyển sang chứng trầm kha rồi chết. Trước khi bà mãn phần, Nhụ Nhon niệm Phật tống chung mẹ. Tháng sáu năm Đạo Quang thứ 25, cô bị chứng lạc huyết ngày càng gia tăng, đứa con gái cũng đau bệnh. Phụng Ngô lo ngại, cô lại móng khởi niệm ái, sách tấn rằng: "Chưa có ai miệng niệm Phật, lòng còn quyến luyến Ta Bà mà được vãng sanh. Vậy nàng phải nên cố gắng!" Nhụ Nhon giật mình tỉnh ngộ, làm lễ rồi thưa: "Nhờ phu quân khai thị, tôi đã biết cảnh giác!" Rồi hương về Tây rơi lệ sám hối, ý rất khẩn thiết. Trong cơn đau yếu, nhiều lúc cô bỗng nghe mùi hương lạ ngạt ngào. Đến ngày hai mươi tháng bảy, đứa con gái lại chết. Nhụ Nhon bảo: "Nay chướng duyên về nghiệp ái đã dứt. Ta trải nhiều nỗi khổ, bây giờ mới được tự tại. Từ đây an ổn để vãng sanh, há chẳng là điều vui vẻ lắm ư?" Rồi không dùng cơm cháo, khát chỉ ăn trái dưa.

Bệnh triển miên tới ngày mùng chín tháng tám, trong người cực suy yếu chỉ còn hơi thở mong manh ra vào. Nửa đêm hôm ấy cô bỗng gọi chồng bảo: "Nghiệp chướng nặng, xin vì tôi đốt liệu hương sám hối cúng Phật nơi cánh tay". Phụng Ngô y theo lời. Ban sơ cô còn như hôn trầm mê mết, kế đó ánh mắt lấp lánh, chánh niệm rõ ràng. Người thân hỏi: "Có được một lòng không loạn chăng?" Nhụ Nhân gật đầu hai lần, rồi nhờ đỡ mình ngồi dậy, đôi mắt nhìn lên hư không, niệm Phật mà qua đời. Lúc ấy cô mới ba mươi một tuổi. Qua hôm sau khi nhập liệm, đánh đầu cô còn ấm, dung mạo tươi như còn sống.



### LỤC AN NHƠN

**L**ục An Nhon, tên là Trúc Mai, người huyện Ngươn Hòa thuộc Tô Châu. Cô về nhà chồng là Ngô Xương Liêm, sanh được một trai, chẳng bao lâu đứa con bị bệnh chết, đến hai mươi tuổi lại lâm cảnh góa bụa. Do đó cô đau buồn thành ra chứng lạc huyết. Một hôm có người bạn đem tập Long Thơ Tịnh Độ Văn trao cho. An Nhon xem xong rồi phát tâm niệm Phật, hôm sớm tu hành đều có định khóa. Cô khuyên ngăn việc

sát sanh trong nhà, gia nhân chỉ được dùng tam tịnh nhục. Cho đến loài trùng kiến cỏ cây, cô đều đem lòng ái hộ.

Năm Đạo Quang thứ mười bốn, An Nhơn đặc tam quy ngũ giới nơi ngài Định Công, được cho pháp danh là Sư Thọ. Kế tiếp cô đến Mậu Sơn lễ tháp A Dục Vương, thấy xá lợi trong tháp hiện ánh quang minh, từ đó lại càng gắng sức làm lành. An Nhơn từng xuất ba muôn lượng vàng sửa chùa tạo tượng và làm các công đức. Đến như việc phóng sanh lại càng siêng năng, mỗi năm tốn ngàn lượng vàng cũng không tiếc. Có kẻ chê cười cho là lãng phí, cô đáp: "Tiền của không bền, thắng duyên khó gặp, tôi muốn đem công đức đó hồi hướng cùng bốn ân ba cõi sớm chứng đạo Vô thượng bồ đề. Như thế có chi là lãng phí và đáng luyến tiếc ư?"

Đến ba mươi bốn tuổi, bệnh cũ tái phát, thuốc thang vô hiệu. Cô phát nguyện phóng sanh mười triệu mạng, cùng lập đàn thủy lục và đại trai tại chùa Sư Lâm, để làm tư lương cho sự vãng sanh. Qua nửa năm, bệnh tự lành, An Nhơn lại đốt liều hương nơi cánh tay, phát thệ trường trai dứt tuyệt món ăn huyết nhục, khi cúng tế tiên linh và thần thánh đều dùng thức rau trái. Ngày sanh nhật tuổi tứ tuần, cô thiết lễ cúng Phật trai tăng nơi chùa Sư Lâm. Các thân hữu đến chúc hạ, đều đem các kinh đại thừa và sách Phật ra tống tặng. Mùa thu năm ấy, An Nhơn mộng thấy đến một chỗ nước bạc nhẹ trôi, hoa tươi đua nở, cảnh đẹp khác trần. Tự mình đứng trên một chiếc cầu vàng, hương thanh lạ từ

đâu tỏa thơm bát ngát. Cô thầm nghĩ: "Đây là ao thất bảo chăng? Tại sao lại không thấy Phật?" Bỗng đâu kim dung tướng đẹp đức A Di Đà hiện nơi xa đây khắp hư không. Cô cả mừng, vừa cúi xuống đánh lễ bỗng giật mình thức giấc. Sáng ra, An Nhơn đem điềm ấy thuật lại với người nhà.

Không bao lâu bệnh lại phát, y sĩ khuyên dùng mận, cô không nghe theo. Đau yếu dây dưa vài tháng, triệu chứng ngày càng nặng thêm. An Nhơn gọi người thân bảo: "Chỉ ban sơ của tôi là xuất gia, nay đành không mãn nguyện. Khi tôi qua đời, xin đắp y ca sa để tẩn liệm, và đừng than khóc. Việc đãi khách trong đám tang nên dùng toàn đồ chay. Bây giờ xin rước sáu vị Tỳ kheo ni đến niệm Phật để giúp sự vãng sanh cho tôi!" Người nhà y theo lời. Hai ngày trước khi mạng chung, cô nhờ thân nhân thay mình thọ giới Bồ Tát. Kế đó thân thức mê loạn không tự chủ được, An Nhơn cả sợ, xin thiết bàn Phật để trước mặt, rồi chăm chú nhìn quán tượng A Di Đà luôn một ngày đêm. Đến sáng sớm ngày mùng bốn tháng năm, cô gọi vọi người đỡ dậy và nói: "Đại Hòa Thượng đã đến, tôi sắp về Tây phương!" Rồi bảo mọi người đồng niệm Hồng danh, còn mình thì tay cầm hương kính Phật. Có kẻ hỏi: "Đại Hòa Thượng ở đâu!" Cô đáp: "Đang ngồi trên bàn thờ!" Rồi day mặt về Tây ngồi ngay thẳng kiết ấn mà hóa.

Lúc ấy nhằm năm Đạo Quang thứ 28, An Nhơn được bốn mươi một tuổi.





# MỘT TRĂM BÀI KỆ NIỆM PHẬT

(Của TRIỆT NGỘ Thiên Sư)

## Hán 22:

Nhứt cú Di Đà  
Đắc Đại tổng trì  
Chuyển nhứt thiết vật  
Sử thập nhị thì.  
Lược Giải:

Đại Tổng Trì là sự thông suốt nắm giữ tất cả pháp với tâm mức lớn lao rộng rãi. “Muốn được tất cả, phải bỏ tất cả”. Ví như tấm gương sáng lớn mà đem vật gì che áng ở trước, dù là một bình hoa đẹp, tất chỗ đó mất sự chiếu soi tự tại. Chơn tâm của chúng ta là tấm gương Đại viên cảnh trí, nếu chấp giữ một pháp nào, dù đó là Phật lý cao siêu mầu nhiệm, tất cũng sẽ bị kém mất sức chiếu soi tự tại, sự thông suốt tất cả pháp. Như thế làm sao được Đại tổng trì? Kinh nói: “Thấy biết mà giữ sự thấy biết là gốc vô minh. Thấy biết không giữ sự thấy biết, đó mới chính Niết Bàn”. (Tri kiến lập tri, tức vô minh bản. Tri kiến vô kiến, tư tức Niết Bàn). Cho nên chuyên nhứt câu niệm Phật, xả bỏ tất cả, hành giả quyết sẽ được Đại tổng trì, Đại tam muội.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nếu chuyển được vật, tức đồng với Như Lai”. (Nhược năng chuyển vật, tức đồng Như Lai). Chúng sanh tâm thường hướng ngoại, không biết các pháp là huyền, cho nên bị cảnh lục trần xoay chuyển, như con trâu lâm cảnh xô vằm dắt đi, hằng chịu sự phiền não buộc ràng không được tự tại. Nếu quán xét các pháp là huyền, giữ một câu Phật hiệu xoay chiếu vào trong, thì tâm

## Viết 22:

Một câu A Di Đà  
Khiến được Đại tổng trì  
Chuyển hết tất cả vật  
Sử dụng mười hai thì.

lần lần thanh tịnh tự tại, sẽ làm chủ được các pháp, không còn bị các pháp sai sử làm chủ nữa. Đó gọi là “chuyển vật” là đồng với Như Lai. Trái lại, tức là bị vật chuyển, đồng với chúng sanh vậy.

Ấn Quang pháp sư bảo: “Một lòng không trụ, muôn cảnh đều nhàn!” (Nhứt tâm vô trụ, vạn cảnh câu nhàn). Khi tâm trụ nơi các pháp, thì thấy thời gian có lâu mau, bị cảnh giới làm cho loạn động, sanh niệm ưa, chán, ghét, thương, khổ, vui, cùng vô lượng phiền não. Như trên, khi hành giả giữ câu niệm Phật thanh tịnh, không để cho vật chuyển, thì trong mười hai thời của ngày đêm, hằng được nhàn nhã tự tại, tùy ý sử dụng mọi sự, việc nào đáng làm trước hoặc làm sau đều theo tuần tự, chẳng khác vị đồng y sĩ tùy nghi sử dụng các học thuốc của mình.

Tóm lại, nếu khéo biết tu hành, thì cách tự tại sử dụng trong mười hai thời, sự làm chủ xoay chuyển các pháp, cho đến chứng đắc cảnh giới Đại tổng trì, then chót đều do ở nơi câu niệm Phật.



## Hán 23:

Nhứt cú Di Đà  
Tánh bản tự không  
Tịnh day cung Bắc  
Thủy tận triều Đông.

## Lược Giải:

Một tin nữ đến thuật lại với bút giá: “Có vị Sư cô bảo con bỏ hết đưng nên niệm Phật nữa, hãy để lòng yên lặng cho tâm không cảnh không, mới mau ngộ đạo!” Bút giá nói:

## Viết 23:

Một câu A Di Đà  
Tánh thể vốn tự không  
Các sao châu Bắc đẩu  
Muôn nước chảy về Đông.

“Các pháp đều như huyễn, câu niệm Phật cũng như huyễn, tự thể của nó đã là không rồi, cần gì phải bỏ? Nếu muốn chứng được tâm không cảnh không, mà còn ngại câu niệm Phật, còn bác bỏ sự tướng, thì đó chính là thiên không hay ngoan không (*cái không thiên lệch, trống rỗng, cứng chắc*) của ngoại đạo, chớ chẳng phải ý nghĩa chân không của Phật pháp. Ý nghĩa chân không chân chánh của đạo Phật ở ngay nơi tất cả cái có thuộc mọi sự tướng, mà không chấp thấy là có (*Chân không bất không, điều hữu phi hữu*). Chẳng phải riêng Sư cô ấy lạc lầm, trong hiện tại có rất nhiều vị tu học Phật pháp đã sa vào hầm hố đó. Thật là điều không may và đáng thương cảm!” Nay nhân tiện xin tạm mượn sự việc trên để giải thích về ý nghĩa “Tự không” của câu niệm Phật.

Theo quan niệm địa dư xưa, người Trung Hoa cho rằng vùng đất của loài người ở là một châu lớn, chỗ họ cư trú thuộc Trung Quốc. Phía Đông của châu ấy là biển cả, muôn dòng nước ở lục địa đều chảy ra đó. Người Việt Nam hấp thụ văn hóa Trung Hoa, cũng đồng với quan điểm ấy. Bởi thế cụ Nguyễn Bình Khiêm mới có câu: “*Hồng Nhật đông thăng tri đại hải. Bạch Vân tây vọng thị thân châu*”. Và theo thiên văn học xưa, người Trung Hoa bảo rằng các vì sao đều châu hướng về ngôi Bắc đẩu. Để dẫn giải cho Phật pháp, Triệt Ngộ đại sư cũng phương tiện mượn quan niệm thế gian ấy mà làm thí dụ. Bởi tất cả pháp đều từ nơi biển chân không lưu xuất, và đều tan về chân không. Bên tông Tịnh độ gọi thể chân không đó là Tự tánh Di Đà. Bài kệ trên đại ý: Câu niệm Phật tánh vốn tự không, khi hành giả từ khởi điểm này tu tiến chứng thể tánh ấy một cách viên mãn, sẽ thức ngộ muôn pháp từ nơi đó mà lưu xuất, lại cũng qui nhập về nơi đó. Như sao Bắc đẩu làm chủ muôn

sao, muôn sao châu về Bắc đẩu, biển Đông dâng nước vào các sông ngòi, nước sông ngòi đều đổ về biển Đông vậy.



**Hán 24:**

*Nhứt cú Di Đà  
Pháp giới duyên khởi  
Tịnh nghiệp chánh nhân  
Bồ đề chủng tử.*

**Viết 24:**

*Một câu A Di Đà  
Là duyên khởi pháp giới.  
Chánh nhân của tịnh nghiệp  
Và chủng tử Bồ đề.*

**Lược giải:**

Phật pháp chia thành hai hệ: Không tông và Hữu tông. Không tông đề ra thuyết Chân như duyên khởi; Hữu tông đề ra thuyết A lại da duyên khởi. Dung nhập vào trung đạo, tức Nhứt chân pháp giới, thì Không và Hữu chẳng khác, Chân như tức A lại da. Đây ý nói câu niệm Phật là huyễn hữu, cũng lại là chân không, duyên khởi điểm của nó từ nơi pháp giới mà có. Vậy câu niệm Phật là Pháp giới duyên khởi, gồm Chân như cùng Lại da duyên khởi, dung nhiếp cả Hữu Không. Bởi thế nên niệm Phật là chánh nhân của tịnh nghiệp. Tịnh nghiệp đây gồm bốn Tịnh độ mà tiêu điểm cuối cùng là cõi Thường Tịch Quang. Và niệm Phật cũng là hạt giống Bồ đề đưa đến sự toàn giác, gồm giác ngộ mình, giác ngộ chúng sanh, hạnh giác ngộ đầy đủ.



**Hán 25:**

*Nhứt cú Di Đà  
Như cảnh chiếu cảnh.  
Uyển chuyển hồ hàm.  
Trùng điệp giao ánh.*

**Viết 25:**

*Một câu A Di Đà  
Như gương chiếu các gương.  
Uyển chuyển ngâm bóng nhau  
Điệp trùng giao chói sáng.*

**Lược giải:**

Đời Đường, Hiền Thủ đại sư khi giảng kinh Hoa Nghiêm đến nghĩa: "Vô tận pháp giới trùng trùng Đệ vôong". Ngài phương tiện dùng mười mặt gương tròn lớn, để tám hướng và trên dưới mỗi chỗ một tấm, cách nhau độ hơn trượng và đều cùng đối diện. Chính giữa lại an bài cốt Phật, rồi thắp một ngọn đèn sáng để soi. Lúc ấy học chúng đều thấy trong mỗi mặt gương nổi hiện lớp lớp tượng Phật và ánh sáng. Nhân đó tất cả đều hiểu ý nghĩa: Biên quốc độ giao chiếu xen lẫn nhau lớp lớp điệp trùng, không cùng tận, không ngăn mé. Đây là cảnh tượng trang nghiêm của Hoa Tạng thế giới hải. Bài kệ trên ý nói: Câu niệm Phật sẽ đưa hành giả vào cảnh đại trang nghiêm không cùng tận đó. Cho nên niệm Phật chẳng phải là pháp thấp kém thông thường. Đã có bài kệ khen ngợi.

*Niệm Phật vào tương thật  
Chúng biết Phật với Phật.  
Cảnh vô tận trang nghiêm  
Môn Đại ba la mật!*



**Hán 26:**

*Nhứt cú Di Đà  
Tợ không hợp không.  
Liễu vô ngân phùng  
Khước hữu Tây Đông.*

**Việt 26:**

*Một câu A Di Đà  
Như không hợp hư không.  
Tuyệt không chút lần đầu  
Nhưng vẫn có Tây Đông.*

**Lược giải:**

Dem một ly nước đổ vào chậu nước thì nước cùng nước dung hòa nhau, không làm sao tìm thấy lần đầu. Khi trút nước ra, khoảng hư không trong ly hợp với hư không bên ngoài, cũng tuyệt không lần đầu. Hành giả niệm Phật, nếu trong quên thân tâm, ngoài quên cảnh giới, chẳng thấy mình là người hay niệm, Phật là vị được niệm, thì tâm rỗng rang hồn nhiên, dung hợp với thể tánh chân không. Tâm cảnh ấy chẳng phải trống rỗng không có chi, vì như thế là lạc vào ngoan không của ngoại đạo. Trái lại, hiện tượng chân không ấy sáng suốt vô tận bao hàm muôn pháp, vẫn có đầy đủ màu sắc của cỏ cây, sông, núi, trời mây, vẫn có các phương hướng, cho đến cõi Ta Bà thuộc phương Đông, cõi Cực Lạc ở phương Tây. Đó mới đích xác tánh không chân chánh, cũng gọi là Như Lai như thật cảnh giới.

Thuở xưa có vị cư sĩ đến hỏi đạo một cao tăng ở chốn sơn lâm. Bậc thượng nhân này không đáp, duy trỏ mây trên trời cùng cái bình đựng nước của mình. Tuy nhiên tuệ căn đã sẵn, vị cư sĩ liền ngộ vào thể đạo, tức thật tánh chân không, liền làm bài kệ, trình lên rằng:

*Luyện được thân hình tợ hạc hình  
Ngàn thông tươi tốt mấy pho kinh.  
Ta nay hỏi đạo không chi khác  
Mây ở trời xanh, nước ở bình!*

Niệm Phật đến chỗ vô niệm, sẽ dung hợp với tánh không bao la, tìm không thấy mối mang dấu vết, mà vẫn đầy đủ tất cả, không thêm bớt là như thế.



**Hán 27:**

*Nhứt cú Di Đà  
Nhứt Đại tạng kinh  
Tung hoành giao thái  
Tuyệt đãi u linh.*

**Viết 27:**

*Một câu A Di Đà  
Là một Đại tạng kinh  
Dọc ngang giao chói sáng  
Tuyệt đối, thể u linh.*

**Lược giải:**

Có một độ, bút giả vừa tụng xong bộ kinh Hoa Nghiêm, tâm niệm bỗng vắng lặng quên hết điều kiện giải, hên nhiên viết ra bài kệ sau:

*Vi trần phâu xuất đại thiên kinh  
Nghĩ giải thiên kinh không dịch hình!  
Vô lượng nghĩa tâm toàn thể lộ  
Lưu oanh hựu chuyên tịch thường thinh.*

Bài kệ này có ý nghĩa: Chê hạt bụi cực vi để lấy ra tạng kinh rộng nhiều bằng cõi đại thiên thế giới. Tạng kinh ấy đã từ điểm bụi cực vi nơi không tâm diễn ra, thì tìm hiểu nghĩa lý làm chi cho một tâm hình? Tốt hơn là nên trở về chân tâm, bởi tâm này đã sẵn đầy đủ vô lượng vô biên diệu nghĩa, lúc nào cũng lộ lộ hiện bày. Kia chim oanh bay chuyên trên cành cây kêu hót, đang nói lên ý nghĩa chân thường vắng lặng ấy!

Câu niệm Phật cũng thế, nó bao hàm vô lượng vô biên nghĩa lý nhiệm mầu, đâu phải chỉ một Đại tạng kinh? Gọi một Đại tạng kinh chỉ là lời nói ước lược mà thôi. Khi niệm Phật dứt hết vọng tưởng, đi thẳng vào chân tâm hay vô lượng nghĩa tâm, thì ánh sáng tự tâm phát hiện dọc ngang chói suốt bốn bề. Tâm cảnh ấy dứt hết sự đối đãi, u linh nhiệm mầu không thể diễn tả!



**Hán 28:**

*Nhứt cú Di Đà  
Nhứt Đại tạng luật.  
Miết nhĩ tịnh tâm  
Giới ba la mật.*

**Viết 28:**

*Một câu A Di Đà  
Là một Đại tạng luật.  
Chớp mắt vào tịnh tâm  
Đủ giới ba la mật.*

**Lược giải:**

Câu niệm Phật đã bao hàm đầy đủ nghĩa lý của một Đại tạng kinh, thì đối với một Đại tạng luật nó cũng như thế. Vì luật chẳng ngoài nhiếp giữ thân, khẩu, ý cho trong sạch. Và thân, khẩu, ý lại không ngoài tâm, nếu tâm thanh tịnh thì ba nghiệp cũng đều trang nghiêm thanh tịnh. Luật nói: “Phật chế tất cả giới, mục đích để trị tất cả vọng tâm. Nếu không có tất cả vọng tâm, thì cần chi dùng tất cả giới?” (Phật chế nhứt thiết giới, vị trị nhứt thiết tâm. Nhược vô nhứt thiết tâm, hà dụng nhứt thiết giới?)

Cho nên khi niệm Phật, thoáng chốc dứt hết vọng tưởng đi vào tịnh tâm, tức đã đầy đủ giới ba la mật rồi. Ba la mật là “Bờ bên kia”, là nơi giải thoát rốt ráo. Niệm Phật thanh tịnh, tức đã đầy đủ sự giữ giới đến bờ cứu cánh giải thoát vậy.



**Hán 29:**

*Nhứt cú Di Đà  
Nhứt Đại tạng luận.  
Đương niệm tâm khai  
Huệ quang như phúng.*

**Viết 29:**

*Một câu A Di Đà  
Là một Đại tạng luận.  
Đương niệm tâm mở thông  
Ánh huệ tuôn vô tận.*

**Lược giải:**

Như trên, câu niệm Phật đã bao hàm Kinh, Luật, tất nhiên đối với Luận cũng như thế. Kinh Viên Giác nói: “*Trí tuệ sáng sạch vô ngại, đều từ nơi thiền định mà sanh*”. Niệm Phật thanh tịnh chính là thiền định, từ định phát sanh trí huệ. Đã có trí huệ thì nguồn biện luận sẽ vô cùng. Từ vô ngại biện cũng từ nơi niệm Phật thanh tịnh tâm cảnh mở sáng, mà tuôn trào như suối chảy.



### Hán 30:

*Nhiệt cú Di Đà  
Nhiệt tạng bí mật.  
Phát bản thân thông  
Cụ đại uy lực.*

### Lược giải:

Câu niệm Phật đã gồm ba tạng của Hiền giáo lại cũng đủ thân thông uy lực của bí tạng Mật giáo. “Bản thân thông” là thân thông sẵn có, phát sanh từ nguồn gốc chân tâm, không phải do tập luyện mà được. Niệm Phật công thuần đến mức thanh tịnh, cũng như người có sẵn tiền muốn mua món gì cũng được. Dùng công đức niệm Phật để cầu an, cầu siêu, trừ tai nạn, trị đau bệnh, hàng tà ma, sám tội chướng, cầu phước huệ duyên lành, nguyện sanh lên cung trời hoặc về cõi Phật, cho đến cầu Đại Niết Bàn cũng đều thành tựu. Tất cả uy lực thân thông cũng từ câu niệm Phật mà phát sanh. Như thuở xưa, Thiện Đạo đại sư khi niệm Phật, mỗi câu đều có một luồng ánh sáng phóng ra. Một Đại sư về Tịnh tông bên Nhật Bản, mỗi câu niệm hồng danh, trong miệng bay ra một vị Phật. Liên Trì đại sư lúc

### Viết 30:

*Một câu A Di Đà  
Là một tạng bí mật.  
Phát nguồn cội thân thông  
Đầy đủ uy lực lớn.*

dân chúng nhờ đảo võ, ngài chỉ ra ngoài đồng gõ mõ niệm Phật, đi tới đâu mưa rơi đến đó. Niệm Phật tùy ý phát ra thân thông uy lực là như thế.



### Hán 31:

*Nhiệt cú Di Đà  
Hồn toàn Đại tạng  
Giới, định, huệ quang  
Lưu xuất vô lượng!*

### Lược giải:

Bài kệ trên nói tổng quát về sự bao hàm các Đại tạng của câu niệm Phật. Các Đại tạng đây, gồm Kinh tạng, Luật tạng, Luận tạng, Tập tập tạng và Bí mật tạng. Tập tập tạng nói về các pháp Đại thừa cũng gọi Bồ Tát tạng. Bí mật tạng gồm các phương thức đàn, ấn, chú, mở một lối tu đặc biệt, gọi là Kim cang thừa.

Đường lối chúng lên thánh đạo không ngoài căn bản giới, định, huệ, nhưng chỉ một câu niệm Phật đã gồm đủ. Niệm Phật nhiếp thân, khẩu, ý trong sạch là Giới. Niệm Phật thanh tịnh lòng không loạn động là Định. Niệm Phật sáng suốt dứt hết vọng tưởng điên đảo là Huệ. Hành trì như thế, công càng dày, niệm càng sâu, thì ánh nhiệm mầu của giới, định, huệ, càng sáng tỏ và chiếu xa đến nơi vô cùng tận!



### Viết 31:

*Một câu A Di Đà  
Gồm toàn cả Đại tạng.  
Giới, định, huệ ánh mầu  
Tuôn ra không hạn lượng!*

## LUẬT TỊNH

**T**hích Luật Tịnh tự Minh Triệt, họ Tiền, người huyện Đức Thanh thuộc Hồ Châu. Ban sơ sư xuất gia nơi am Tứ Thánh ở Hàng Châu, kế đó qua am Đức Ninh tại Đông Viên, chuyên tụng kinh Pháp Hoa làm nhứt khóa. Sư hành trì như thế suốt hai mươi năm không gián đoạn.

Một hôm có vị Tăng đồng bạn là Giới Thừa báo rằng: “Đạo tâm của thầy đã bền chắc như thế, nếu sau khi tụng kinh, thêm niệm Phật hồi hướng lại càng quý hơn. Thuở xưa Trí Giả đại sư đã chứng Pháp Hoa tam muội, còn cầu sanh về Tịnh độ, sao pháp hữu chẳng lấy đó làm gương?” Nhân trao cho quyển Thập Nghi Luận để khuyến tấn. Luật Tịnh xem xong chợt như tỉnh ngộ, từ đó sau mỗi thời kinh, đều niệm Phật hồi hướng về Tây phương. Tu hành như thế lại hơn một năm, vào tháng bảy niên hiệu Gia Khánh thứ mười một, sư báo đệ tử là Tăng Tú rằng: “Trước tiết Trung thu, thầy sẽ sanh về Cực Lạc”. Đến ngày mừng hai tháng tám, lại báo: “Vào giờ Mão ngày mừng bảy là thời khắc vãng sanh”. Hàng đệ tử hỏi duyên do đâu mà biết được, Luật Tịnh cười nói: “Ao thành trăng hiện!” Đến kỳ hạn, các môn đồ tập họp, thấy Luật Tịnh đã đáp y mới, ngồi kiết già nơi pháp tọa. Chư Tăng ở gần quanh đều tới muốn trợ niệm, Luật Tịnh ngăn lại báo: “Sư dụng công toàn do lúc bình

nhựt, để khát nước mới đào giếng nào có ích lợi gì?” Rồi dõng vào ngòi trong khám gỗ, lưu kệ rằng:

*Cõi tam tùy duyên sáu chín năm*

*Nây lời chân thật khắp khuyên răn*

*Buông tay cùng thẳng về Tây độ,*

*Trăng thượng tuần lên sáng mặt đêm!*

Viết kệ xong chấp tay niệm Phật mà hóa.

### LỜI BÌNH:

Chư tôn đức khi xưa, lúc lâm chung đều báo đại chúng cao tiếng xưng hồng danh Phật. Như thế đủ thấy rõ duyên trợ niệm rất là khẩn yếu. Lời của Luật Tịnh bảo chớ khát mới đào giếng là vô ích, chứng tỏ công hạnh của sư đã đến mức thuần thực, mục đích khuyên người lúc bình nhựt phải gắng tinh tấn mà thôi. Những vị tam muội chưa thành, rất không nên mượn câu nói ấy để phô trương. Dù cho đã đắc tam muội, cũng cần đề xướng sự trợ niệm nên quy củ lợi ích khắp tất cả. Cho nên, lời nói trên tuy cao, nhưng không đủ để làm pháp tắc.



## HUỆ MINH

**H**ích Huệ Minh, người đời Thanh, quê ở huyện Cần thuộc Ninh Ba. Sau khi xuất gia, sư thường trụ nơi chùa Báo Quốc tại Hàng Châu. Tánh sư ngay thật, duy biết trì câu hồng danh, mỗi khi niệm Phật tiếng liên tiếp tuôn tuôn như suối trào, nên tất hương tàn dường như không hay biết. Được của cúng dường, Huệ Minh liền mua vật mạng phóng sanh, tùy xưng danh hiệu Phật hồi hướng về Cực Lạc. Gặp người sư chẳng hỏi thăm chuyện hàn huyên, chỉ bảo: “Cái chết sắp đến gần, hãy mau gắng niệm Phật!”

Hàng tăng tục nơi miền đất Việt biết công hạnh của sư, mỗi khi gặp cơn nguy nạn hoặc yếu đau, thường rước đến niệm Phật để cầu nguyện. Có người hỏi chỗ sở đắc, sư đáp: “Tôi nhớ lúc trước bị bệnh nhiệt mỗi ngày càng tăng, cơ hồ không tự gắng gượng nổi. Nhưng rất may trong ý căn danh hiệu Phật câu này dội câu kia mà hiện ra”. Năm Gia Khánh thứ mười hai, Huệ Minh đau ung thư phía sau cổ, song tuyệt chẳng rên than. Khi lâm chung nhan sắc hòa vui, tay lằn như lằn chuỗi, niệm Phật giây lâu rồi viên tịch.

Trước lúc ấy, một người ở thành Hàng Châu mộng thấy vị Tăng quen biết đã mãn phần là Huỳnh hòa thượng bảo: “Ta khuyên người quy y sư Huệ Minh, người lần lựa mãi nên không đi đến kết quả. Nay vị sư ấy sẽ sanh về Cực

Lạc nội trong tháng này, nếu chân chờ tất không còn kịp nữa. Nên mau qua cầu thỉnh, pháp danh của người là Đại Thông đã định sẵn rồi”. Thức giấc người đó lấy làm lạ, sáng ra tới chùa thăm dò, thì chứng ung thư của Huệ Minh phát hiện rất nguy kịch. Ông ta vội trở về nhà mời năm người đồng bạn đến cầu xin quy y. Sư hứa nhận, đến khi trao cho pháp danh, tự tay biên năm chữ vào năm miếng giấy nhỏ vo tròn để bên đài đựng hương rồi bảo: “Ta bị bệnh nên không thể mỗi mỗi dặn dò. Chữ dưới của pháp danh đều là chữ Thông, còn chữ trên các người tùy duyên mà bắt thăm lấy một”. Người đó bắt được chữ Đại, đúng như vị Hòa thượng trong mộng đã cho biết trước.



## KHỞI TÍN

**H**ích Khởi Tín, tự Hương Hải, họ Đan, người ở Phú Xuân. Cha là Hoa Tạng, rộng thông về nội điển, tỏ suốt việc hương thượng, khuyến tấn Khởi Tín bảo xuất gia. Sau khi thoát bạch (*bỏ y phục đời*) sư qua Nam Bình cầu giới, thầy dạy tham cứu chữ “Thùy”. Khởi Tín dụng công hết sức hành trì, thường suốt

đêm không ngủ, ngồi thẳng trên bờ đoàn như hình tượng gỗ.

Niên hiệu Gia Khánh năm đầu đời Thanh, vào ngày rằm tháng bảy, sư lên viếng cảnh Ngô Sơn. Lúc tới nơi vào khoảng đầu hôm, đèn đuốc thấp giăng như hội hoa đăng, ánh sáng rục rờ chói lòa cả mắt. Xúc chạm cảnh ấy, Khởi Tín chợt tỏ ngộ, khi trở về đem trình lại với cha. Hoa Tạng ấn khả, lại bảo đi tham vấn khắp hàng trí thức. Sư vâng lời, đi lần đến Tô Châu, đóng cửa nhập thất nơi am Cổ Mai, mỗi ngày niệm mười muôn câu Phật hiệu. Lúc ra thất, ngẫu nhiên làm thi, đều chỉ hướng về Tịnh độ. Sư có bài Niệm Phật Ca như sau:

*Niệm Phật mâu*

*Duyên tối hảo!*

*Quét sạch trần tâm muôn vọng ảo*

*Trốn cha mây lúc ruồi phong trần*

*Quán khách nhiều phen hồn mộng nảo!*

*Chẳng tham thiền*

*Không nghiên giáo!*

*Ngồi tịnh lò hương khói vi nhiều*

*Hỏi tìm khắp chốn biết về đâu*

*Tham phỏng chùng nao ngày kiết liễu?*

*Đừng cầu ngoài*

*Trong lặng chiếu!*

*Vạt áo Ma-ni vô giá bảo*

*Tùy nơi hiện sắc rất phân minh*

*Sáu nẻo thân quang đâu chút thiếu!*

*Nước lững lờ*

*Non cao ráo*

*Trong tịnh nhìn xem đều cảnh diệu*

*Cười ai danh lợi luống bôn ba*

*Bỏ sự nhàn vui mê lối đạo!*

*Trăng lặng mờ*

*Chuông sáng báo*

*Cây mình dung sắc chưa suy lão*

*Xưa nay hiền triết số hăng sa*

*Ai chẳng xương tàn vùi bích thảo?*

*Chỉ tâm ấy*

*Không thọ yếu*

*Thoát ly biển khổ vòng điên đảo*

*Trăm năm thân thể tự không hoa*

*Khám phá không hoa đời cũng hảo!*

*Nương gậy bình*

*Mang bát áo*

*Thanh thân muôn duyên vui với đạo*



Kiếp sanh định số đã an bài

Tánh Phật thiên chân đâu phải tạo?

Ăn am tranh

Bền tiết tháo

Quan khó khiến sai, vua khó triệu.

Trợn ngày ngồi tịnh dứt tâm cơ

Bích nhãn hồ tăng nhìn chẳng thấu!

Mưa song mai

Trăng rèm liễu

Canh rau com đồ tùy duyên liệu

Dám rằng đóng cửa mền thanh cao

Cũng chẳng nhìn ai hèn kém thiếu!

Sống ít quen

Chết chẳng điều

Hơi tắt dẫy da quàng mãnh chiếu

Vùi chôn thiêu hóa mặc tình người

Khởi bận cháu con hiền, bất hiếu!

Vui vẫn điềm

Khô chẳng yếu

Cõi mộng phù sanh đà thấu hiểu

Khắp khuyên quăng phứt gánh ưu phiền

Cùng nhau ca khúc hoàn hương điệu!

Có đôi lời

Rất giản yếu

Đời người tợ lưới giăng phi điều.

Lưới giăng muốn thoát phải làm sao?

Niệm Phật về Tây, phương tối diệu!

Năm Gia Khánh thứ mười bảy, ngày mười chín tiết  
mạnh đông, Khởi Tín viên tịch nơi am Ân Tu ở Đông Viên.  
Trước khi lâm chung, sư tắm gội thay y phục, rồi ngồi kiết  
già niệm Phật mà qua đời, hưởng dương ba mươi bảy tuổi.  
Người thân cận dò xem thấy đánh nóng tợ lửa. Lúc đem  
liệm vào bảo khám, thi thể nhẹ như bông. Hoa Tạng đến  
thăm, tặng đôi liễn khen ngợi rằng :

Nóng đành quyết sanh An Lạc quốc

Nhẹ thân hiển rõ Niết Bàn tâm!



## ĐÔNG QUA HÒA THƯỢNG

**Đ**ông Qua hòa thượng, họ Tôn, sót mất tên, người  
ở Hàng Châu. Tánh ông ưa ăn trái đông qua (trái  
bí), nên nhiều người gọi lâu thành tên. Ông xuất  
gia ở am Hoa Nghiêm, tánh trầm lặng, suốt ngày  
đi dạo ở chợ phố, dù tiết lạnh nóng cũng không mấy khi

vắng mặt. Trái hơn mười năm như vậy, không ai lường biết là người thế nào? Hòa thượng thân thiện với vị Tăng ở am gần bên là Huệ Chiêu. Trước khi viên tịch một tháng, ông bảo Huệ Chiêu rằng: "Ngày mùng sáu tháng giêng năm tới, tôi về cõi Cực Lạc, xin thầy niệm tình đến đưa nhau!" Tới kỳ hạn, Hòa thượng đi phó trai nơi am Pháp Huệ trở về thấy Huệ Chiêu đã có mặt ở tịnh thất, liền hỏi: "Thầy đến đây có việc chi?" Chiêu cười đáp: "Ngài nói hôm nay về Tây phương, nên tôi lại đây theo lời ước hẹn!" Hòa thượng bảo: "Thầy không nhắc, cơ hồ tôi quên mất!" Nói đoạn, vội tắm gội thay y phục, lễ Phật xong, bảo Huệ Chiêu rằng: "Đã về Phật, chẳng thể không có lời kệ để lưu niệm. Xin thầy vì tôi mà ghi chép!" Rồi đọc kệ rằng:

*Trọn ngày đạo phổ phương  
 Trong lòng niệm Phật luôn  
 Thế nhơn đâu biết được?  
 Riêng có một thiên đường!*

Thuyết kệ xong, vui vẻ niệm Phật mà hóa.

**LỜI BÌNH:**

Tới ngày về Phật mà quên, sự sống chết tự do đến thế? Xét kỹ nguyên nhân, cũng không chi khác, đó là tâm cùng Phật tương ưng mà thôi! Công phu niệm Phật của người thời nay, mỗi ngày chỉ một ít giờ, tâm lại không thường được chuyên nhất. Như thế mà muốn khi lâm chung cảm thối ứng, chẳng cũng là chuyện khó hy vọng lắm ư!

**NGỘ LINH**



hích Ngộ Linh, hiệu Huyền Như, con nhà họ Kim ở Hải Xương tỉnh Triết Giang. Từ thuở bé, sư đã có chí xuất trần, thấy Phật liền cúi lạy. Đến chín tuổi nhân hay đau yếu, xin với cha mẹ cho mình xuất gia. Được chấp thuận, sư xuống tóc nơi chùa An Quốc, lễ Thượng tọa Tạng Lũng làm thầy. Về sau lại thọ giới Cụ túc tại chùa Chiêu Khánh ở Hàng Châu.

Bây giờ ngài Tất Đản Thuần đang mở hội Niệm Phật tại Lưu Thủy Cư ở Tô Châu. Ngộ Linh nghe biết đến xin tham dự, sáu thời trì niệm không biếng trễ. Kế tiếp sư tuân tự lễ các kinh: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Kim Cang, Viên Giác, mỗi chữ một lạy. Thuần công thấy hai lòng bàn chân của sư đầy đặn bằng phẳng, liền truyền cho y phát. Đối với pháp môn Tịnh độ, Ngộ Linh tin chắc không dờn dỗi nghi ngờ. Cha mất sớm, sư khuyên mẹ là Châu thị niệm Phật cầu vãng sanh. Sau quả nhiên bà mẹ không bệnh, niệm Phật mà thoát hóa. Người anh của sư là Liên Ân thấy thế, cảm động quyết chí xuất gia.

Sau khi Thuần công thị tịch, Ngộ Linh nói tiếp hoằng hóa ở Nam Thiên ba năm, rồi về quy ẩn nơi am Vi Đà tại Tòng Giang. Nơi đây sư cùng anh là Liên Ân nung nấu trong vài gian am tranh thanh vắng, lấy niệm Phật làm nhứt khóa. Một đêm khi đang thiền quán, Ngộ Linh thấy các

ngôi sao trên trời từ bốn phương tụ họp lại thành bốn chữ Ưc Phật Niệm Phật. Mỗi chữ đều vuông rộng hơn một trượng, ánh sáng rực rỡ chói lòa. Từ đó đôi mắt của sư lấp lánh có thần quang, kẻ tăng tục cho đến hàng nông mục công thương, trông thấy đều sanh lòng kính mến. Số người cảm hóa niệm Phật theo không dưới vài ngàn.

Ngộ Linh đã chuyên chí nơi tịnh nghiệp, nghĩ đến lúc sau khi bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục ra đời, từ đó tới giờ bậc cao hạnh niệm Phật cũng nhiều, chẳng nên để cho mai một. Vì thế sư ra công sưu tầm dò hỏi các sự việc vãng sanh, góp lại viết thành một quyển nhan đề là Nhiệm Hương Tập. Tập này ghi chép từ đầu năm Gia Khánh trở về sau, những vị niêm hương niệm Phật được vãng sanh đều không bỏ sót, trải năm năm mới hoàn thành, và khắc bản cho lưu hành nơi đời. Mùa xuân niên hiệu Đạo Quang thứ tám, sư bị bệnh nấc hơi, biết mình không sống lâu, liền cho mời các hàng liên hữu đến khuyên tấn và định hạn kỳ già biệt. Sư lại tự đặt cho mình hai câu đối để nơi Ảnh đường như sau:

*Nê ngư hồng lạc giang tâm nguyệt*

*Mộc mã tê quy hải thượng vân.*

*(Ngựa gỗ hí gom mây mặt bể*

*Trâu bùn rớt lọt nguyệt lòng sông)*

Kể đó Ngộ Linh tuyệt thuốc thang, một lòng niệm Phật cầu sanh. Sang tháng năm bệnh tăng nhiều, có ai đến viếng

thăm, sư chỉ bảo: "Sống chết là việc lớn lao, mỗi người phải tự gắng sức!" Rồi lâm râm niệm Phật, không đề cập đến việc chi khác. Tới ngày mười bảy, sư ngồi ngay thẳng hướng về Tây niệm Phật. Có vị Tăng hỏi: "Một câu sau rốt (mạc hậu cú) khi sắp đi là thế nào?" Sư đáp: "A Di Đà Phật!" Giây lát, tiếng niệm Phật thấp nhỏ dần rồi lặng lẽ mà hóa, tuổi đời được sáu mươi một, tăng lạp ba mươi lăm. Ba ngày sau mới nhập khám, dung mạo còn tươi như sống.



## VIÊN DUNG

**V**ích Viên Dung tự Trúc Phong, họ Diêu, người ở huyện Đức Thanh thuộc Hồ Châu. Sư xuất gia nơi chùa Yên Hà đình Thạch Ốc tại Hàng Châu năm hai mươi tuổi. Kế đó đến chùa Chiêu Khánh học luật, thọ giới Cụ túc, giữ gìn rất nghiêm cẩn. Sư chuyên cần lễ niệm, lấy sự vãng sanh Tịnh độ làm chí nguyện quyết định trong một đời.

Viên Dung không lãnh chùa am, hằng nương theo tăng chúng mà tu, bảo rằng làm thế để cho khỏi sự dụng tâm tạp loạn. Sư cũng chẳng như định ở một chỗ, hợp thì ở không

hợp thì đi, ý khí rảnh rang không cố chấp. Tùy chỗ ở, sư không thích theo chư Tăng làm công việc, cầu xin với đại chúng đóng cửa để tịnh tu. Hằng ngày Viên Dung nếu không lễ bái thì niệm Phật, không niệm Phật tất lễ bái, hoặc có khi lễ niệm song hành chẳng lúc nào gián đoạn. Sư cũng chẳng xem thêm pháp tu nào khác, chỉ hành trì theo hai phương thức ấy đến trọn đời. Có nhiều lúc từ giờ ngộ, sư gõ mõ niệm Phật tiếng nghe rành rạnh trải suốt đêm cho đến xế hôm sau. Chúng tăng thấy tụng niệm mãi không thôi, lớn tiếng nhắc gọi, sư mới nghỉ. Đồng bạn hỏi: "Niệm lâu như thế không mỏi mệt và đói khát hay sao?" Sư đáp: "Đâu có chi lâu, tôi thấy chừng độ nửa ngày. Trong miệng tôi thường tuôn ra chất nước ngọt thơm như mật, thường đầy thường nuốt, thọ dụng không cùng, nên chẳng nghĩ đến sự ăn uống!" Viên Dung niệm Phật luôn ngày đêm, không đặt lưng xuống chiếu hơn vài mươi năm, nên ít khi có mộng. Ngẫu nhiên mơ màng, cũng chẳng rời lễ niệm, không có duyên nào khác. Đôi khi mộng, lại thấy Phật, Bồ Tát hoạt động như sống, nhắc nhở khuyên tu! Có lúc sư thấy đức Di Đà tôn thiên hướng dẫn cho niệm Phật. Các điềm mộng của sư đại loại đều như thế cả.

Năm Đạo Quang thứ mười đời Thanh, vào ngày mười chấn tháng ba, Viên Dung tịch nơi am Thiên Hoa tại Đông Viên thành Hàng Châu. Trước đó vài ngày, sư cảm bệnh nhẹ, dự biết thời khắc vãng sanh, đến già biệt vị am chủ nói đôi lời chúc nguyện, rồi thắm trì niệm không đề cập việc

chi khác. Sau khi sư viên tịch, đánh đầu còn nóng ấm rất lâu. Lúc trà tỳ để đem di cốt vào tháp phổ đồng ở chùa Long Khánh, thi thể phân hóa rất mau, không tốn củi nhiều. Sư không thọ nhận đệ tử xuất gia, hưởng tuổi đời được sáu mươi bốn.

### LỜI BÌNH:

Không thường ở một chỗ, là chân giải thoát. Không nuôi dưỡng đồ chúng, là chân thanh tịnh. Lúc trà tỳ thi thể cháy thiếu mau, há chẳng phải là điều minh chứng không luyến nhiễm nơi duyên đời đó ư.



### DIỆU TRẠM

**T**hích Diệu Trạm, họ Hầu, người ở Kim Lăng. Sư bảm tánh trung hậu, lúc còn bé không tranh cãi với người, cũng chẳng ưa nói nhiều. Lớn lên, rất thích làm lành, nhiều người gọi đùa là cư sĩ.

Không bao lâu, sư đến núi Lang Gia, nương theo ngài Trí Nghiễm xuống tóc. Sau khi thọ đại giới, Diệu Trạm tu hành tinh tấn, thông hiểu ý mầu của Phật pháp. Có người

khuyến làm trụ trì cùng lãnh chúng, sư bảo: "Lãnh mình giữ đạo, muốn ẩn tu hay hiển hóa đều tùy tiện cơ nghi. Khi lãnh chùa lớn có đồ chúng đông nhiều, tất khó tránh khỏi nạn duyên, không biết lúc nào mới xong dứt!" Sau sư lãnh nạn binh đao đến Duy Dương, ở nơi viện Tăng kinh, giữ phận sự hướng dẫn người niệm Phật, phóng sanh và khắc kinh điển. Vài năm sau, Diệu Trạm đem công việc giao phó cho chúng, rồi thôi cư gắng sức tu trì. Các chùa khác có việc cần nhờ cậy, đều phương tiện kết duyên tùy hi. Giới xuất gia đều kính là bậc Thượng tọa, hàng đạo tục quy y rất nhiều.

Trong năm Đông Tri, Kim Lăng được khắc phục, sư bèn trở về quê cũ. Hàng quen biết đều cảm sâu đức hóa, nương theo tu Tịnh độ rất đông. Khi đoàn thể chư Tăng gồm các vị: Dương Chí, Diệu Không, Thanh Phạm, Thiện Thành, đề xướng việc khắc in Đại tạng kinh, Diệu Trạm cũng tán trợ, chẳng ngại mưa gió đi khắp bắc nam, quyên mộ được hơn ngàn lượng vàng. Mọi việc hoàn thành, sư quì trước bàn Phật, đốt liều hương nơi cánh tay, đem công đức hồi hướng nguyện cùng chúng sanh kết trí huệ nhân, đồng sanh về Tịnh độ. Sư có các đức tánh: ôn hậu, bình hòa, chí thành, từ ái, nên đại chúng đều kính trọng nương về. Sanh bình, khi sư nghe thấy người làm một việc tốt, hoặc phát một tâm lành, đều chấp tay khen ngợi. Đối với kẻ ác muốn phá hoại, thì an nhẫn thâm niệm Phật, lâu ngày chúng cũng cảm hóa theo. Sư thường nói: "Làm phận xuất gia, nếu bên

trong chẳng cương quyết nghiêm minh, tất dễ bị phiền não cảnh trần xoay chuyển. Bên ngoài không hòa nhẫn từ ái, thì khó xử thế để hóa độ người".

Năm Quang Chử thứ chín, vào ngày mùng bảy tiết Quý thu, Diệu Trạm cảm bệnh nhẹ. Các hàng đệ tử không hẹn trước mà hội đến hơn trăm người, cùng nhau xưng hồng danh trợ niệm. Khi lâm chung, sư dạy chúng rằng: "Niệm Phật tuy xem dường dễ dàng, song rất khó thành tựu. Cho nên lúc bình thời mỗi người phải để ý tự gắng sức. Hiện tại đại chúng niệm tức là tội niệm, đôi bên đều không phân cách nhau!" Nói xong, an nhàn vãng sanh trong tiếng niệm Phật, hưởng dương được sáu mươi tuổi. Từ khi nhiễm bệnh cho đến lúc mãn phần, dung sắc của sư vẫn an lành không cải biến. Sư di chúc thiêu hóa sắc thân, đem tro xương hòa với bột làm hoàn liêng xuống sông thí cho loài thủy tộc, để đền trả nợ đời trước đã ăn thịt chúng.



## THỌ TÂM

**T**hích Thọ Tâm tự Chuyên Tây, họ Mao, người ở Phương Thành tại Triết Đông. Từ khi mới sanh ra, sư chi ăn uống thức thanh đạm, không dùng sữa và thịt cá. Lớn lên, nhàm chán cảnh trần lao, lập chí tu hành liả thể tục. Năm mười tám tuổi, sư vào chùa Tiểu Linh Sơn ở Thành Tây, nương theo Giới Am pháp sư xuống tóc xuất gia.

Lúc sắp thọ Cụ túc, ngài Giới Am đau nặng, Thọ Tâm nghĩ: "Sự hoằng dương Phật pháp phải nhờ những bậc túc đức như thầy mình. Tự xét bản thân mong manh tợ sương mai, mạng này đâu có chi đáng tiếc!" Do đó sư nấu nước thơm tắm gội, đến trước Tam Bảo đốt hương khấn nguyện, rồi trở về phòng mình tự mổ bụng, muốn cắt lá gan hòa với thuốc để trị bệnh cho thầy. Đâu hay vừa mới đưa dao rọc nhẹ vào bụng, bỗng đau đớn xây xảm té xuống đất. Giây lát sư hồi tỉnh, bò lại giường thì phương đông trời đã rạng sáng. Đại chúng phát giác, cùng nhau lo buộc thuốc băng bó cho sư. Ngài Giới Am hay biết chuyện đó, vội Thọ Tâm đến an ủi rằng: "Lòng hiếu tử của con tuy mạnh mẽ, nhưng trọn không phải là chánh hạnh của người tu. Huống nữa ta tự biết thời tiết nhân duyên, đã rõ sanh vốn vô sanh, thì có chi là diệt? Việc của con làm hoàn toàn do vọng tưởng, nhưng ta nghĩ thương con một niệm hiếu thành, nên tạm lưu

lại ít lâu!" Quả nhiên sau khi sư thọ Cụ túc trở về vừa độ một tháng, thì ngài Giới Am liền quy tịch. Thọ Tâm thiên tánh hiếu thuận, thương khóc quá phần, lo việc tần liệm chôn cất, mỗi mỗi đều chu đáo.

Không bao lâu, sư đem việc chùa giao phó cho pháp đệ là Liên Đường, còn mình thì đi các nơi tham học. Sư nghiêm giữ giới luật, tu hạnh đầu đà, trần chân lộ đánh, mùa đông tiết hạ chỉ một manh áo, thường chuyên lo niệm Phật. Mọi người thấy thế đều xưng gọi là Xích Cước đại sư. Mùa thu năm Tân Ty trong niên hiệu Quang Chử, Thọ Tâm trở về chùa Tiểu Linh Sơn. Lúc ấy nắng hạn đã lâu, những làng quanh vùng đều lập đàn đảo võ. Quan huyện là Tôn công lòng lo như đốt, ngày đêm khẩn cầu mà chưa thấy ứng nghiệm. Thọ Tâm động lòng thương xót, đi thẳng đến ra mắt Tôn công, an ủi khuyên chớ quá lo, việc cầu mưa để tự mình lãnh trách nhiệm. Hôm sau là ngày Nhâm Tý, sư ôm bát đến vực suối cạn lấy được một vật hình như cái Thủ cung. Đến ngày Ất Mão, Thọ Tâm lập đàn trì chú, lễ bái sáu thời. Sang giờ Dần ngày Bính Thìn, trời xuống cơn mưa nhưng giây phúy lại tạnh. Tôn công sai các thân hào do ông Lý Tiêu Nham hướng dẫn, đến xin cầu đảo thêm. Sư bảo: "Các vị chớ lo, ngày mai sẽ có mưa lớn!" Đêm ấy Thọ Tâm chí thành trì chú cầu nguyện, đánh lễ tới sáng. Quả nhiên vào giờ Ngọ ngày Đinh Ty mưa đổ xuống như trút dẫn đến chiều tối, ruộng nương đều đầy dẫy nước. Dân chúng trong vùng vui mừng hơn hờ, Tôn công xuất lãnh hàng thân hào

lên núi tạ ơn. Quan huyện giữ lễ đệ tử, tự tay viết bốn chữ lớn “Bát Long Giáng Trạch” để kỷ niệm. Sư vẫn an tĩnh điềm nhiên, không lộ vẻ chi khác. Tôn công than rằng: “Nay mới biết tăng đức uyên thâm, không thể nghĩ bàn được!”

Mùa thu năm Nhâm Ngọ, Thọ Tâm đóng cửa thất tạ tuyệt các duyên, mỗi ngày trì chú Đại Bi một trăm lẻ tám biến, niệm Phật mười muôn câu. Ngoài ra còn tụng danh hiệu Quán Âm, Thế Chí một ngàn lần, lễ hồng danh đức Thích Tôn và Tây phương Tam Thánh, mỗi vị đều ba mươi lay. Trong thất sư có nuôi một con chó và mèo, mỗi ngày đều vì chúng quy y chú nguyện. Do đó nên mèo không bắt chuột, chó chẳng ăn đồ dơ. Sau ba năm, vào ngày mười chín tháng chín, sư ra thất. Đến đầu tháng mười một, Thọ Tâm nhiễm bệnh kiệt lực nhẹ vài ngày rồi lành. Nhưng từ đó thân thể lần suy yếu, chư Tăng thay phiên hầu hạ, sư không cho, bảo: “Phận xuất gia, mỗi người đều có công khóa tu hành, đừng nên để làm lờ nhau. Nếu quả đến thời, sẽ cho người kêu gọi!” Chiều tối ngày hai mươi sáu, Thọ Tâm vờ các đồ chúng đến gần giường dạy rằng: “Đêm nay ta sẽ về Tây phương, nên mau nấu nước thơm đem đến!” Sau khi cạo tóc, tắm gội và thay y phục xong, sư ngồi kiết già cử bài tán Phật, bảo chúng hòa theo. Lúc niệm Phật độ hơn trăm câu, tiếng sư thấp nhỏ dần, đầu hơi cúi xuống. Bỗng lại ngược đầu lên ngay thẳng, nói: “Ta đi đây! Đại chúng nên trân trọng!” Rồi cao tiếng niệm Phật một câu mà viên tịch.

Đêm ấy hai con thú chó và mèo nuôi trong thất, cũng đồng ngồi thoát hóa. Mọi người đều bảo nó vãng sanh theo sư.

Bấy giờ nhằm năm Ất Dậu, niên hiệu Quang Chử.



## TƯ NGẠN

**T**hích Tư Ngạn tự Nguyên Đăng, con nhà họ Tạ ở Tiên Đường tại Hàng Châu. Lúc tuổi trẻ ông theo học Nho vào hàng chư sanh. Không bao lâu cảm thấy việc đời vô thường, nên quy y Tam Bảo, đi tham học khắp các bậc tri thức về Tông và Giáo. Sau ông nghe Ngọc Phong pháp sư khai thị: “Muốn cầu thoát khổ, chỉ có pháp môn Niệm Phật là dễ thành tựu”, liền phát tâm mỗi ngày trì Phật hiệu sáu muôn câu lấy làm định khóa. Bình sanh có làm công đức chi, đều hồi hướng về Tịnh độ. Năm Nhâm Thân niên hiệu Đồng Trị, lại phát tâm thọ ngũ giới nơi chùa Hải Triều.

Năm Quang Chử thứ chín, ông chán cuộc trần lao, muốn sớm cầu giải thoát, nên đem việc nhà giao phó cho hai con, đi thẳng đến chùa Hộ Quốc, lễ Hòa thượng Kính Phong cầu xuống tóc xuất gia. Mùa đông năm ấy, sư được duyên lành thọ giới Cụ túc nơi chùa Kỳ Viên ở Túc Sơn. Kế đó lại trở về chùa Hộ Quốc chuyên tu tịnh nghiệp. Do

gắng công lao nhọc đã lâu, Tư Ngạn lần nhiễm bệnh, tuy thuốc thang điều trị nhiều phen, song bệnh lành rồi lại tái phát. Hai con trai nhớ mến, rước sư về dưỡng bệnh nơi nhà, mở một gian tịnh thất để làm chỗ tĩnh tu. Mùa thu năm Quang Chử thứ mười lăm, sư bỗng vương chứng hạ ly, thuốc thang không công hiệu. Từ đó sự ăn uống tuy lần kém giảm, song sức niệm Phật lại thêm thành kính thiết tha. Tới ngày mùng mười tháng chín, Tư Ngạn gọi hai con lại bảo rằng: "Thời kỳ vãng sanh của thầy đã đến, hai con hãy đi thỉnh chư Tăng về nhà niệm Phật bảy ngày, để hộ trợ ta về Tây phương!" Sư định sáng sớm ngày mười hai khởi đầu kỳ Phật thất, bảo với vị Tăng là Lăng Phong rằng mình chỉ còn lưu trụ bảy hôm nữa thôi. Sang ngày rằm, lại cầm tay tăng hữu là Đình Sơn nói: "Chỉ còn ba hôm, tôi sẽ về Cực Lạc!"

Đến tối ngày mười bảy, sang canh tư, sư hỏi mấy giờ, hai con đáp là giờ Sửu. Tư Ngạn nói: "Giờ Sửu tức đã qua ngày mười tám, là kỳ hạn thầy vãng sanh. Vậy nên thỉnh chư Tăng xưng hồng danh trợ niệm!" Khi chúng xưng Phật hiệu, sư cũng niệm theo. Ước chừng tàn nửa cây hương, bỗng lặng thình nhảm mắt. Giây lâu chợt mở mắt chấp tay, đôi chúng Tăng xưng tạ và nói: "Tôi đã được đến Tây phương lễ cần đức A Di Đà cùng hai vị đại sĩ. Phật rù lòng thương xót trao tịnh y cho tôi. Còn Quán Âm Bồ Tát thì cầm cành dương rảy nước cam lộ nơi đầu. Nhìn ra xa, tôi thấy Liên Trì đại sư đang thuyết pháp cho các bậc thượng thiện nhơn nghe. Bay dạo trên ao thất bảo rộng lớn mênh mang, nhìn khắp các hoa sen báu, tôi thấy một hoa tòa ghi tên chỗ mình sanh về. Đức Phật dạy tôi hãy tạm trở lại Ta Bà, cáo tri cho mọi người biết rằng mình được sanh

về Tịnh độ. Xin phụng khuyến các vị nên gắng chuyên tinh niệm Phật, để ngày kia cùng gặp nhau nơi cõi Liên bang!" Nói xong bảo đem nước mát uống ba hớp, rồi lại giường nằm nghiêng bên hữu, niệm Phật vài mươi câu mà thoát hóa.

Hôm sau, khi nhập quan, đánh đầu hãy còn nóng.



## NGỌC PHONG



Ngọc Phong pháp sư tự Luyến Tây, người ở huyện Quảng Tín, tỉnh Giang Tây. Ông xuất gia nơi chùa Phổ Ninh lúc mới hơn mười tuổi. Thầy thế độ dạy đọc tụng các kinh đại thừa, do linh căn đã gieo sẵn, Pháp sư liền hiểu rõ đại ý. Sau khi thọ giới Cụ túc nơi chùa Quốc Thanh ở Thiên Thai, Ngọc Phong lập trí tuân giữ theo kinh Phạm Võng. Kế đó lại đồng chúng tham thiền, đem hết sức mình dụng công: ngày nọ canh khuya nghe tiếng chuông ngân vang, bỗng hoát nhiên tỉnh ngộ.

Một hôm xem đèn quỳên Viên Trung Sao của ngài U Khê, thấy khế hợp với tâm mình, Pháp sư vui mừng lập thế nguyện giữ giới luật trang nghiêm và chuyên tâm niệm Phật để cầu sanh Tịnh độ. Ngọc Phong tự tu và khuyến hóa người rất thành khẩn, nên hàng tăng tục hướng ứng ngày



càng đông. Giảng đến sự khổ trong vòng sống chết luân hồi, lời nói của Pháp sư rất thông thiết, khiến cho thính giả phải rơi lệ. Cách thuyết giáo về Tịnh độ, thì dạy bốn chúng phải tùy tâm lực hoàn cảnh, mỗi ngày lập định khóa niệm Phật ghi số, hoặc từ một hai muôn cho tới mười muôn câu, giữ đến suốt đời đừng gián đoạn. Đó là phương pháp đã kinh nghiệm của tiền nhơn, nếu cứ giữ y như thế không thôi chuyên, thì khi mạng chung quyết định sẽ được sanh về Cực Lạc, không còn nghi ngờ. Pháp sư lại viết nhiều sách xiển dương môn Tịnh độ, đại khái khen ngợi đó là đường lối dễ tu dễ thành, công năng siêu hơn các hạnh, như tuân hành theo tất được sự lợi ích rộng to nhanh chóng. Ngọc Phong lại mượn thợ khắc bản đá kinh A Di Đà đem ấn tống, san hành các kinh luận đại thừa, và làm những thangka hạnh khác để trợ tu khuyên người, lưu thông Phật pháp, đền đáp bốn ân.

Năm Quang Chử thứ mười lăm, trụ trì chùa Tây Phương ở Minh Châu là Hòa thượng Tịnh Quả, gởi thư mời về tịnh tu tại bản tự, vì tên chùa hợp với tâm nguyện mình, nên Pháp sư nhận lời cầu thỉnh. Từ khi phát tâm cho đến lúc lâm chung, mỗi ngày Ngọc Phong niệm Phật sáu muôn câu, hai thời hồi hương, dù tiết lạnh nóng cũng không trễ bỏ, lấy đó làm định khóa.

Năm Quang Chử thứ mười tám, vào ngày mùng sáu tháng bảy, sau thời ngộ trai, Pháp sư cảm thấy hơi thở ngắn uất khó khăn. Ngày kế, Hòa thượng Tịnh Quả cho mời danh

y đến chẩn trị. Sau khi xét nghiệm, y sĩ bảo: "Mạch đã hoàn toàn kiệt mất, không còn dùng thuốc chi được nữa!" Nhưng Ngọc Phong vẫn ngồi kiết già hướng về Tây niệm Phật, không nói năng chi, tinh thần xem có vẻ sáng kiên hơn lúc bình thường. Y sư thấy thế than thở ngợi khen cho là điều ít có. Hòa thượng Tịnh Quả hỏi: "Xin thỉnh chư Tăng đến xưng hồng danh để trợ niệm có được chăng?" Pháp sư gật đầu. Khi đại chúng đứng hai bên niệm thánh hiệu Di Đà, ước chừng tàn một cây hương, thì Pháp sư chấp tay gắng sức xưng Phật danh độ vài trăm câu, rồi an vui mà thoát hóa. Ngày mùng chín, lúc nhập khám, mọi người kiểm thấy đánh đầu còn nóng, sắc mặt hiện tướng sáng suốt tươi nhuận.

Rằm tháng hai năm sau, khi thiết lễ trà tỳ, hàng tăng tục hội về hơn vài trăm người. Ngọn lửa vừa bốc cháy đều, cửa bảo khám sụp xuống trước, đại chúng thấy thi thể Ngọc Phong vẫn còn ngồi kiết già, nghiêm nhiên tươi tỉnh như sống. Lúc lửa cháy dữ dội, mọi người lại thấy trên đánh Pháp sư hiện ra mười vị Phật, nơi mỗi bàn tay hiện ra một đức Như Lai tướng tốt trang nghiêm. Đó là lúc sanh tiền, Ngọc Phong từng đốt mười liêu hương nơi đầu cúng mười phương Phật. Và mỗi bàn tay lại đốt một ngón, một cúng dường đức Thích Ca, một cúng dường đức A Di Đà. Do Pháp sư có lòng chân thành, nên lúc thiêu hóa mới hiện ra điềm lành hy hữu như thế. Xét công hạnh tự tu và độ người, Pháp sư tất được sanh về thắng phẩm.

## CHÍ THIỆN



Chí Thiện thiên sư, người đời Thanh, chưa được rõ xuất xứ. Trong niên hiệu Đồng Trị Quang Chử, ngài mở pháp hóa nơi chùa Hải Hội ở Lô Sơn. Thiên sư đạo hạnh cao siêu, bốn chúng ngưỡng mến nương về, là bậc danh đức ở miền Giang Tây trong thời cận đại. Sau khi ngộ suốt tâm tông, ngài chuyển sang niệm Phật, sự tự tu và khuyến hóa người đều lấy Tịnh độ làm nơi quy hướng. Cho nên trong thời gian đó, cư dân nơi vùng núi ấy, người đều đeo chuỗi, nhà đều thờ Phật. Từ hạng nông công cho đến kẻ tiểu phu mục đồng, khi rảnh việc phân nhiều ngồi nơi gốc cây hoặc trên tảng đá nhắm mắt niệm Phật, là điều thường thấy không ai còn lấy làm lạ. Di phong ấy đến nay vẫn còn nổi tiếp lưu truyền.

Lúc lớn tuổi, thiên sư đem việc chùa giao phó cho hàng cao đồ là Thanh Hư hòa thượng, còn mình thì ở nơi tịnh thất chuyên tu. Học chúng khi vào thất thỉnh ích, ngài đều bảo tự tiện ngồi, rồi tùy cơ mà ứng đối chỉ dạy. Có vị Tăng là Cẩm Phong, làm chức Tăng chủ coi kho vật thực trong chùa, mỗi ngày cũng trồng rau bổ củi tham thiền niệm Phật, chúng đều xem như người thường. Một năm vào đầu mùa đông, sư đến phương trượng xin nghỉ việc. Thanh Hư hòa thượng dạy: "Thường trụ mới khởi kỳ Phật thất, ông chớ vội rời bỏ sớm, nên ở lại đây hết năm rồi sẽ đi!" Sư thưa: "Thời kỳ đã đến, không thể chờ đợi!" Hòa thượng bảo: "Ta vì ông mà cầm lại!" Cẩm Phong lễ tạ rồi lui ra. Sang xuân vào ngày mùng ba, sư lại đến xin đi. Hòa thượng nói: "Đầu năm mới ông đi chúng sẽ động niệm, nên nán lại đôi ba

hôm nữa!" Cẩm Phong lại lui ra.

Qua ngày mùng mười, sư lên phương trượng kiên quyết xin đi và nói: "Tôi cùng các bạn đồng tham sống chung với nhau đã lâu, nên có mối hậu tình. Qua tiết Nguyên Tiêu, phần đông tăng chúng sẽ tản đi du phương các nơi, về sau không còn có cơ duyên gặp gỡ. Vì thế tôi muốn các đồng bạn đưa nhau một đoạn đường!" Hòa thượng nghe nói chấp thuận. Cẩm Phong lễ tạ, rồi sang yết kiến ngài Chí Thiện. Thiên sư dự biết trước, để sẵn một chén nước trong vắt, dặn thị giả rằng: "Nếu Cẩm Tăng chủ đến đây, bảo hãy uống chén nước này, không cần phải vào ra mắt". Thị giả đem điều ấy nói lại, Cẩm Phong bái lãnh mà uống. Đến giờ ngộ, sư vẫn theo chư Tăng thọ trai. Trai cúng xong, Hòa thượng bạch với chúng rằng: "Cẩm Tăng chủ sắp đi xa. Vậy sau giờ ngộ hai tiếng bồng, xin đại chúng đồng đắp y đem mõ nhỏ và khánh cùng đến liêu phòng tiễn đưa Tăng chủ!" Chúng nghe nói hầu hết đều có vẻ ngơ ngác lấy làm lạ. Đến giờ, Duy na hướng dẫn chư Tăng đến nơi, Cẩm Phong đã dọn thất trống trải sạch sẽ, chính giữa để bàn hương án thờ Phật, hai bên sắp chỗ ngồi cho đại chúng. Giây phút Hòa thượng tới, Cẩm Phong cúi lạy, rồi hướng về chư Tăng đánh lễ. Ngài Thanh Hư ân cần nói kế phú pháp. Chừng đó đại chúng mới biết là Tăng chủ sắp viên tịch, sanh về Tây phương. Sau khi Hòa thượng lui ra, Duy na cử xướng kinh A Di Đà, Cẩm Phong về chỗ ngồi theo chúng mà trì tụng. Khi đến bài kệ tán tiếp sang niệm Phật, cây hương vừa cháy thêm độ một tấc, tiếng của sư thấp nhỏ lần, xâu chuỗi cầm nơi tay rơi xuống chiếu. Vị Tăng ngồi gần bên dò thăm, rồi ra dấu Tăng chủ đã tắt hơi. Đại chúng không dám kinh động, vẫn niệm Phật như cũ.

Một lúc, Cẩm Phong bỗng mở mắt, yêu cầu chư Tăng luân phiên trợ niệm luôn một ngày đêm. Nói xong, sư liền nhắm mắt đi thẳng.

Năm Mậu Tuất trong niên hiệu Quang Chử, triều đình thay đổi chính sách mới. Ngài Chí Thiện than rằng: "Thời kỳ Phật pháp suy tàn đã đến, ta già rồi không làm sao cứu giúp được! Chi nguyện sớm sanh về Cực Lạc, sau khi chúng quả Vô sanh, sẽ trở lại cõi này để hộ trì chánh giáo!" Nói xong, viết thư gởi chư đại đức khắp nơi, ngõ lời già biệt. Bấy giờ Thanh Hư hòa thượng đang trụ trì tại chùa Viên Thông ở Nam Xương, được tin thư vội vã trở về. Khi Hòa thượng vừa bước vào chùa, thì ngài Chí Thiện còn đang ngồi tựa án viết lời phú chúc. Thấy Hòa thượng, thiền sư thu tất công việc rồi cười bảo: "Việc lớn đều giao phó hết cho ông. Ta đi đây!" Nói xong ngồi ngay nơi tòa mà thoát hóa.



### KHẮC CÂN

**T**hích Khắc Cân, họ Tường, người huyện Suong Âm tỉnh Hồ Nam. Lúc bé, ông ngu bướng ngay thẳng, lại có sức khỏe. Lớn lên vào am Hồng Thế ở Thiện Hóa xuống tóc, và sau đắc giới nơi chùa

Lộc Sơn.

Sư không biết chữ, nhờ chúng bạn dạy hai thời khóa tụng, đến năm năm mới thuộc lòng. Khắc Cân hành cước đi khắp các miền danh thắng, trải năm non bốn núi để tham học suốt mười năm, song kết cuộc không hiểu biết chi thêm, vẫn còn tánh thẳng bướng như cũ. Đến sáu mươi tuổi, sư gặp ngài Minh Quả làm hộ chủ kỳ Phật thất, nghe lời giảng: "Công đức niệm Phật quý ở nơi một lòng không loạn. Nếu khi tán loạn, phải lắng tai nghe câu Phật hiệu cho rành rõ, thì tạp niệm tự trừ, vọng tưởng tự diệt, tâm liền được thanh tịnh". Do đó sư mới cảm biết pháp môn Tịnh độ là siêu thắng nhiệm mầu. Khắc Cân y theo lời dạy chuyên tu sáu năm, dứt trừ được tánh bướng bỉnh, tâm hằng tự tại lặng yên. Lúc rảnh rỗi, sư thường nói với mọi người rằng: "Tu hành quý ở nơi một lòng không loạn. Nghiệp chướng của tôi do công đức niệm Phật, nay đã tiêu trừ. Mấy năm gần đây, chẳng những không phiền não, mà thân tâm còn được khinh an!"

Một ngày nọ bỗng Khắc Cân nhờ người thỉnh sư huynh của mình là Hàm An tới đến để trao gởi hậu sự. Hôm sau Hàm An tới, sư trông thấy cười bảo: "Đệ xin già từ sư huynh!" An hỏi: "Pháp đệ dự tính đi đâu?" Đáp: "Vãng sanh về Tây phương Cực Lạc thế giới". An nghiêm nét mặt bảo: "Lại định muốn nổi khùng phải không?" Sư cũng nghiêm trang đáp: "Sáu năm nay đệ chuyên trì Phật hiệu, nên tâm chẳng còn tạp niệm, mỗi câu Hồng danh rành rẽ rõ ràng. Gần đây đã được thân thấy cõi Tịnh độ, tự biết kỳ hạn

quyết định sẽ vãng sanh, không phải có ý khi dối đầu!”  
 Liền đó, sư đem các thủ tục trong am và hậu sự của mình, mỗi mỗi đều giao phó dặn dò rành rẽ. Lại nói: “Vào giờ Ngọ ngày mai đệ sẽ vĩnh biệt sư huynh. Cùng là anh em bạn đạo tuổi già với nhau, xin sư huynh cố gắng chuẩn bị tư lương Tịnh độ, đồng tu pháp môn Niệm Phật, để chờ đợi giờ phút giải thoát lúc lâm chung!”

Đêm đó, Khắc Cần không nói chuyện với ai cả, chỉ ngồi một mình niệm Phật. Rạng ngày sư tắm gội thay y phục, niệm hương lễ Tam Bảo, xuống Ánh đường lạy giã từ chư Tổ xong, rồi trở về tịnh thất ngồi niệm Phật. Vừa đến giờ Ngọ, sư bước đi chậm rãi vào ngôi kiết già trong bảo khám, tay cầm chuỗi niệm Phật, rồi lặng lẽ mà vãng sanh. Hơn hai giờ sau, Hàm An cùng chư Tăng như Phổ Âm lại dò thăm thì thấy hơi thở đã dứt, đỉnh đầu còn nóng, lại nghe mùi hương lạ bay thanh thoảng. Tất cả đều kinh hãi, chùng ấy mới tin lời Khắc Cần nói hôm trước. Bảy giờ nhằm ngày mùng năm tháng bảy năm Tân Sửu, niên hiệu Quang Chử đời Thanh.

Lúc đó khí hậu nóng bức, vì việc nông của nhà chùa đang gấp rút bộn bề, nên phải đình khảm bảy ngày mới đem thiêu hóa. Nhưng sắc thân của sư vẫn tươi tắn, phát ra hơi thơm không có chút mùi hôi. Tất cả đều khen ngợi và lấy làm lạ.



## TỊNH HẢI

**T**hích Tịnh Hải tự Việt Ngạn, họ Châu, quê ở huyện Thái Bình tỉnh Triết Giang. Lúc bé ông mồ côi cha, người bác không con xin đem về làm thừa tự, dạy cho coi sóc gia nghiệp. Nhưng Tịnh Hải tuy sống trong cảnh đầy đủ nơi thị tứ, mà lòng u uất không vui. Một hôm, đọc xong bộ Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa, ông bỗng có sự cảm ngộ lớn, tự suy nghĩ: “Những vị như Gia Cát, Quan Công, Trương Phi, có thể gọi là hạng nhơn tài bậc nhất, nhưng tất cả đều thân chết trước mà công nghiệp chưa thành. Ta sánh với người xưa muôn phần chưa được một, mà muốn lập công danh nơi đời, chẳng cũng khó khăn lắm ư?” Trong một niệm, ông ngộ được lý: chỉ có tiêu dao ngoài vòng tục lụy mới đích thực là an vui giải thoát.

Năm mười tám tuổi, ông trốn lên non Thiên Thai, lễ Tế Chu đại sư cầu xin xuống tóc xuất gia. Ba năm sau, được thọ đại giới tại chùa Quốc Thanh, rồi trụ nơi thiền đường theo chúng tu học. Đến ba mươi ba tuổi, nghe chùa Linh Thứu ở Tô Châu có giảng kinh đại thừa, sư liền mang gậy bát tới nơi xin dự vào pháp hội. Sau đó lại đóng cửa nhập thất tịnh tu ba năm ở một ngôi chùa tại Mộc Thục Sơn. Khi ra thất, nhân vì Năng Thuyên pháp sư trụ trì chùa Bảo Liên quy tịch, các bậc tôn túc đều khuyên ép phải lên kế nhiệm, bắt đắc dĩ sư miễn cưỡng vãng lời. Chùa ấy đã trải qua cảnh

binh lửa chỉ còn nền tảng trống không, ngài Năng Thuyên vừa kiến trúc xong hai ngôi điện Địa Tạng, Quán Âm thì mãn phần. Tịnh Hải nối tiếp theo siêng tu Phật sự, nhờ suốt thông đạo lý lại khổ hạnh hơn người, nên cảm sức Tam Bảo gia bị, của đàn tín hội về, không bao lâu từ liêu phòng cho đến Phật điện, đều tiếp tục lạc thành. Công việc xong, sư càng cố gắng chuyên tu, mỗi ngày đều tụng một bộ kinh Pháp Hoa và niệm Phật hồi hướng về Tịnh độ, như thế trọn ba mươi năm không chút biếng trễ.

Ngày rằm tháng sáu năm Nhâm Dần, niên hiệu Quang Chử, sư viên tịch. Trước khi mạng chung vài tháng, Tịnh Hải mộng thấy một thế giới báu đẹp trong sạch như lưu ly, ánh sáng rực rỡ không ngăn mé, mình ngồi kiết già trong hoa sen ở nơi cảnh đó. Thức giấc, sư tự biết không còn sống lâu giữa cõi trần, đem diễm ấy thuật lại với hàng đệ tử. Khi sắp thị tịch, sư nhóm họp bốn chúng, rồi ngồi nơi thiền sàng giảng nói một đoạn trong kinh Niết Bàn. Sau khi ấy ngó lời quyết liệt với đại chúng và bảo: "Đẹp bỏ trần vọng, một niệm vượt thẳng vào chân tâm mà chuyên trì Phật hiệu, quyết định sẽ được vãng sanh. Xin đại chúng nên trân trọng và gắng sức tinh tấn!" Nói xong niệm Phật mà quy tịch, thọ được sáu mươi ba tuổi.



### MẶC AM

MẶc Am đại sư, pháp danh Thượng Nhân tự Chân Nguyên, họ Châu, người ở Hoàn Châu tỉnh Hồ Nam. Cha học Nho, mãn phần sớm, ngài còn bé mà đĩnh ngộ sáng lẽ, liếc mắt qua đã đọc xong mấy hàng sách. Năm mười lăm tuổi, văn tài tiến vượt xa các đồng bạn, thầy dạy học nghĩ rằng đường công danh về sau tất sẽ rực rỡ. Hai năm kế đó, ngài đến ở trọ chùa Nhạn Phong học tập, nhân chép kinh Kim Cang tới câu: "*Tâm quá khứ, hiện tại, vị lai đều không thể được*", bỗng chợt nảy sanh tư tưởng xuất trần.

Năm Hàm Phong thứ bảy, mẹ muốn tìm nơi hỏi vợ cho, ngài lén trốn đến chùa Nam Phong, nương theo Phổ Chiêu thiền sư xuất gia. Năm sau, lại đắc giới nơi Thủy Đình thượng nhơn ở chùa Phước Nghiêm. Đại sư nghe Chúc Thánh Lượng thiền sư pháp hóa rất thanh, đến thọ tâm ấn. Qua năm kế, lại yết kiến Pháp Vân thiền sư, đi sâu vào giáo nghĩa, do đó đối với sách Nho cũng được suốt thông. Các bậc danh tài thạc học nghe tiếng đại sư, đều thích tìm đến để giao du. Ngài đồng mãnh về việc hướng thượng nên tới ẩn tịch ở Kỳ Cung Nham tại Nam Nhạc, cùng với Thiêm Vân pháp sư nương nhau sách tấn để tham cứu tu hành.

Sang niên hiệu Đồng Trị, đại sư đi tham phòng khắp các bậc tôn túc nam bắc ngộ nhập nguồn tâm, rồi trở về chùa Phước Nghiêm duyệt xem Đại tạng. Mùa thu năm Quang Chử thứ hai, ngài lại cất tịnh xá bên chùa Chúc Thánh ở Nam Nhạc, khổ thiết mật tu, lâu ngày sự tỏ ngộ

càng thêm sâu sắc. Từ đó các sách vở nội ngoại thầy đều quán triệt, hàng danh sĩ lại tìm đến giao du như cũ. Chùa Đại Thiện ở Nam Nhạc, nguyên là một danh lam cổ, bị người xâm chiếm, đại sư quyên tiền chuộc lại rồi trùng tu. Ngài phóng theo quy tắc của Triệt Ngô thiên sư tổ chức sự tu học, nên chư Tăng mười phương vân tập về, đến đâu không đủ chỗ dung chứa. Tất cả học chúng nơi đó đều suốt thông tánh tướng, giữ luật hạnh trang nghiêm. Đại sư lấy Thiên Thai giáo quán làm tiền đạo cho hàng học giả, lấy Di Đà Tịnh độ làm chỗ cứu cánh nương về. Ban sơ đại sư giữ nhứt khóa niệm Phật sáu muôn câu, lâu ngày đi đến cánh không niệm tự niệm, nên câu hồng danh chẳng lúc nào gián đoạn.

Mùa xuân năm Nhâm Dần, đại sư đem việc chùa giao phó cho đệ tử thượng thủ và nói: "Ta sắp về Tây phương!" Sang đông, ngài cử hành lễ Phật thất. Được hơn một tuần, trong định đại sư thấy nước bát công đức lỏng lánh nơi ao thất bảo trang nghiêm. Không bao lâu ngài cảm bệnh nhẹ, từ khước thuốc thang một lòng niệm Phật và bảo đồ chúng luân phiên trợ niệm. Kế đó đại sư tuyệt thực rồi tuyệt âm, nằm theo lối kiết tướng nghiêng về bên hữu, giữ pháp Kim Cang trì niệm. Hôm sau ngài thấy đức A Di Đà hiện thân, tướng bạch hào quang sáng chói, liền chỗi dậy ngồi kiết già hướng về Tây, bảo xếp dọn chăn gối. Thị giả ngăn ngại trình thưa tiết trời quá lạnh, đại sư bảo: "Ta sắp từ bỏ tẻ phục đôi lấy trần phục, bỏ huyền thân như nhóp thay thân bảo chất đẹp nghiêm!" Tăng chúng hay tin tụ hội đến, ngài an tường nhìn khắp xung quanh và chăm rãi hỏi: "Thế nào là giải thoát?" Chúng đều nhìn nhau không khê hội. Đại sư mỉm cười bảo: "Đã vậy, chi bằng học theo ông già bà cả

quê mùa, ăn chay trường chân thành mà niệm Phật là chắc chắn hơn cả!" Kế đó dạy chúng đánh mõ trợ niệm, giầy lát tiếng mõ hơi gấp, ngài bảo dừng lại, chỉ đồng thanh xưng Nam mô A Di Đà Phật. Khi niệm độ hơn một trăm câu, đại sư chấp tay mà thị tịch. Bảy giờ nhằm ngày mười ba tháng chạp, năm Quang Chử thứ hai mươi tám. Vài giờ sau chúng dò thăm thấy đánh của ngài còn nóng, thân thể đều nhu nhuyễn.

Đại sư hưởng tuổi đời được sáu mươi bốn, Tăng lập bốn mươi lăm.



## LƯƠNG TU

**L**ịch Lương Tu, người đời Thanh, quê ở Trấn Hải tỉnh Triết Giang. Thuở thiếu thời, ông làm chức sự nơi Bưu tín cuộc tại vùng đó. Lúc rảnh lại thường đi hành hương đến chùa núi Bảo Hoa tại Kim Lăng, am Mâu Bông ở ngọn Cửu Liên và có quen biết với Tùng Càn hòa thượng. Một hôm, Lương Tu chán cuộc thế vô thường, mang hành lý lên non cầu ngài Tùng Càn thế độ. Thọ giới Cụ túc xong, sự chuyên tâm niệm Phật quyết trí cầu vãng sanh.

Sau Tùng Càn hòa thượng được thỉnh chủ trì chùa Kim Tiên ở Từ Khê, Lương Tu cũng đi theo. Vùng ấy có cư sĩ Diệp Minh Niên mến đạo hạnh của sư, cất một cái am gần năm gian rồi mời về ở. Tất cả sự nhu cầu đều do Diệp cư sĩ cung cấp. Lương Tu ở đó niệm Phật mấy năm, trong am không có vật chi quý giá. Nơi góc phòng thường thấy lưu một đồng tro, chẳng ai biết là duyên cớ gì. Người đến viếng thăm, sư ít tiếp chuyện, bên mình chỉ có một ông lão làm công do Diệp cư sĩ mướn để tùy tiện sai bảo.

Vào đầu năm Tuyên Thống, một hôm Lương Tu đến nhà Diệp Minh Niên xin từ biệt và nói: "Tôi có việc sắp đi xa. Nhờ đạo hữu mấy năm chiếu cố, nguyện khi sanh về Tây phương đắc quả rồi sẽ trở lại đền ơn!" Diệp cư sĩ lưu lại nhà dùng ngộ trai. Sư tùy hí theo lời, nhân khuyên tân cư sĩ thêm về sự niệm Phật, rồi già từ trở về am. Hôm sau thời tiểu thực sáng xong, Lương Tu gọi lão làm công báo: "Đến bữa cơm trưa ông cứ nấu rồi tự tiện ăn, tôi không dùng". Ông lão tưởng rằng sư có việc đi đâu, cũng chẳng để ý. Tới trưa ông theo lệ thường nấu cơm xong, lên thăm chùng chỉ thấy cửa am nửa khép, gọi thử vài tiếng không nghe đáp. Ông đẩy cửa bước vào, thấy Lương Tu đang đứng, tay mặt cầm chuỗi để ngang ngực, tay trái buông xuôi ống áo tràng rũ xuống. Lão công quả lên tiếng gọi cũng không đáp, lay thử chẳng thấy động, vội chạy trở về thưa với Diệp Minh Niên rằng: "Thầy đã quy Phật rồi!" Diệp cư sĩ đem theo vài người đến am, thấy Lương Tu quả nhiên đã vãng sanh, thân

hình vẫn đứng ngay ngắn giữa thất, thật là điều hy hữu ít nghe thấy. vén tay áo bên trái lên, thì bàn tay của sư đang nắm một bao gói, đem ra soát lại trong ấy có ba chục đồng bạc. Xem xét kỹ, thấy mấy ngón tay còn dính tro. Chùng đó mọi người mới nghiệm biết đồng tro là chỗ Lương Tu cất dành tiền, để sau khi mãn phần mua quan quách tẩn liệm, khỏi phiền lụy tới người. Dụng ý của sư thật cũng tế nhị và lành tốt.

Xét ra Lương Tu một đời tín nguyện, trì niệm siêng năng, đến khi lâm chung lại biết trước ngày giờ đứng thẳng mà hóa. Như thế ngôi vị vãng sanh của sư chắc chắn phải thuộc phẩm cao.



## TỊNH THIÊN

**T**hích Tịnh Thiên, người huyện Bảo Khánh tỉnh Hồ Nam. Sư tánh cô độc, ít nói cười, cũng không chổng trái với ai. Bình thời sư thích ngôi thiên, đối với Tâm địa pháp môn có chỗ tò ngộ.

Năm Quang Chử thứ 34 đời Thanh, Tịnh Thiên trở về Sương Châu trụ nơi chùa Chúc Thánh, mỗi ngày giữ việc

đóng chuông và quét dọn. Trừ phật sự chánh ra, sư thường ngồi yên nhắm mắt. Mùa thu năm Tuyên Thống thứ ba, Tịnh Thiên bỗng vương bệnh. Có người khuyên đến lương y xem mạch bốc thuốc, sư chỉ mỉm cười mà không đáp. Đến khi bệnh mỗi ngày tăng thêm, Tịnh Thiên tới vị Tri khách thưa: "Tôi sắp về Phật, xin dự bị cho một chiếc bảo khám để đợi lúc mạng chung". Tri khách tặng y lời lo liệu chu tất. Nửa tháng sau, sư nấu nước tắm gội thay y phục, rồi bảo bạn đồng tham rằng: "Ngày hôm sau tôi sẽ từ trần, xin xung hồng danh Phật để trợ niệm cho sự vãng sanh!" Vị Tăng đồng tham nói: "Từ trước đến nay thầy vẫn tu thiền, sao đến khi lâm chung lại muốn niệm Phật!" Tịnh Thiên bảo: "Tôi mật tu Tịnh độ đã lâu, vả lại niệm Phật có chướng ngại gì với môn thiền định!" Bạn đồng tham nghe nói, liền mời thêm hơn mười vị Tăng khác đến trợ niệm. Khi tất cả tới nơi, Tịnh Thiên bước vào bảo khám ngồi kiết già ngay thẳng, cử xướng bài Hương tán xong, đầu bỗng hơi cúi xuống. Bạn đồng tham quở rằng: "Bình sanh dụng công đặc lực cùng không, đều ở giờ phút này! Tại sao đầu lại cúi xuống?" Sư ứng tiếng đáp: "Xin vâng!" Rồi ngược đầu lên ngay thẳng. Lúc tụng kinh A Di Đà tới đoạn: "Vô lượng chư thiên đại chúng câu", sư lần lần nhắm mắt. Một vị Tăng nói sẽ: "Tịnh sư đi rồi!" Sư nghe nói mở mắt ra bảo chưa, và yêu cầu cứ tiếp tục đừng loạn động. Khi tụng đến câu: "A Di Đà Phật thành Phật dữ lai ư kim thập kiếp", Tịnh Thiên bỗng chợt hé mắt hiện tướng mỉm cười rồi nhắm mắt

đi thẳng. Chư Tăng vẫn tiếp tục tụng kinh niệm Phật rất lâu mới chấm dứt. Kiểm soát lại, thấy nơi đánh sư còn nóng, đầu vẫn ngay thẳng, không nghiêng ngửa cũng chẳng cúi xuống. Đình khám ba ngày, sắc mặt của sư còn tươi như sống.

Lúc ấy, người xung quanh nghe tin đồn tới quan chiêm rất đông đảo. Ai nấy đều khen đạo hạnh của sư. Cho đến các tín đồ Gia Tô, ngày thường hằng chê bai phá hoại Phật giáo, cũng tới dò xét và bảo: "Cái chết của ông Hòa thượng này, thật cũng rất ly kỳ và tốt đẹp!" Hơn bảy hôm sau, đại chúng mới đem thi thể của sư ra làm lễ thiêu hóa. Công việc xong, chư Tăng kiểm soát lại trong liêu phòng của sư, thì chỉ còn một chiếc áo tràng rách mà thôi.



## KHUYÊN TU

### I

*Chẳng kết duyên lành làm đạo diệu thâm*

*Lừa danh lợi đốt, khổ thặng trầm.*

*Đâu hay nhà ruộng cùng tiền của*

*Tạm mượn người coi ít chục năm!*

*Tán, Bạt Đà La Tôn giá.*



II

Ái dục trời lôi chẳng lúc xong  
 Hằng ngày phiền não quân quanh vòng.  
 Ngục tù quan pháp còn khi mãn  
 Cái ngục gia đình mãi đóng gông!

Tán, Ca Rị Ca Tôn giả.

III

Bốn đại hợp hòa có huyễn thân  
 Chết rồi bốn đại thây qui chân.  
 Oan cứu ân ái vui buồn mộng  
 Trước mắt mình theo với nghiệp nhân!

Tán, Bán Thác Ca Tôn giả.

IV

Ăn ngon ý sanh tham  
 Ăn dở tâm sanh giận!  
 Thịt cá thích say no  
 Chúng sanh đây khổ hận!  
 Đời người trong bữa ăn  
 Tham giận mê luẩn quẩn.  
 Bạc trí dứt trần duyên  
 Vui đạo hằng tinh tấn.

Từ Thọ Thâm thiên sư.

V

Kẻ ngu thói ác tập thành quen  
 Đen trắng nào hay chuyện dữ hiền.  
 Đến lúc hơi tàn bày khổ nghiệp  
 Mới kinh mình vương mối oan khiên!  
 Nếu không xưng Phật trông căn thiện  
 Đâu được trời Tây nở bảo liên?  
 Mượn nước càn dương trần cầu lạng  
 Bờ mê sớm thoát bước lên thuyền.

Xung Mặc đại sư.

VI

Chuông chiều trống sớm giục ngày qua  
 Lăn lữa hoa dung thấy kém già!  
 Tóc bạc răng long đừng ngó ngần  
 Diêm vương tin gởi biết chẳng mà?

Bắc Sơn đại sư.



## NHƯ TRÍ

**T**hích Nữ Như Trí, người thời Trung Hoa Dân Quốc, họ Vương, hiệu là Lễ Tuyên. Cô sanh quán ở thôn Uyên Bình tại Kinh Triệu. Thuở bé Như Trí đã trường trai, thích nghe tiếng tụng kinh niệm Phật. Lớn lên tánh tình càng đoan trình nghiêm tĩnh.

Thấy người chị họ xuất gia ở am tranh trên núi, giữ tiết thanh khổ tu hành, cô hằng muốn đi theo. Nhưng vì cha mẹ quá mến yêu, nên cô chẳng dám nói ra, chỉ thường theo chị lên núi ở, bẻ củi gánh nước, lấy sự ăn mặc thô sơ thanh đạm làm vui. Năm mười tám tuổi, Như Trí bị bệnh nguy kịch, thuốc thang vô hiệu, chỉ còn hơi thở thoi thóp ra vào. Trong cơn hôn mê, cô chỉ kêu xin xuống tóc thọ giới, không nói điều chi khác. Cha mẹ quá thương con gái, liền đến trước bàn Phật quỳ khẩn nguyện, nếu được lành mạnh sẽ cho xuất gia. Sau khi đó bệnh cô lần lần thuyên giảm.

Đến hai mươi một tuổi, Như Trí và người chị cùng tôn lão Hòa thượng Đồng Bảo làm thầy thế độ, xuống tóc nương ở chùa. Mùa đông năm ấy, trước khi thọ giới, cô lạy sám hối, học tập luật hạnh, ngày đêm tinh tấn không xen hờ. Nhưng vì quá lao khổ, đến khi vào giới đàn, bệnh cũ tái phát, cô chỉ gắng gượng thọ được mười giới Sa di ni. Các giới sư thương xót, khuyên cô trở về chùa điều dưỡng, để kỳ khác sẽ thọ giới Cụ túc. Nhưng vừa về tới chùa, bệnh cô

trở nặng, thầy thuốc đều bảo không thể chữa trị. Tuy nhiên, Như Trí vẫn bình tĩnh giữ chánh niệm, lâm râm xưng Phật hiệu không ngớt.

Trái qua vài tuần như thế, một hôm cô bỗng mở mắt, chấp tay nhìn lên hư không cao tiếng xưng Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát ba lần, lại xá ba lượt trạng như lễ bái, rồi lặng lẽ mà vãng sanh. Lúc ấy nhằm ngày mười bảy tháng mười một, năm Dân Quốc thứ tám (*Tây lịch 1919*).



## NHƯ GIÁC

**T**ỳ kheo ni Như Giác, họ Hứa, người ở Thai Châu. Cô có ba anh một chị, anh hai và anh ba đều xuất gia. Như Giác cùng chị cũng mến hạnh thoát ly, nên vào ngày rằm tháng giêng năm Quang Chử thứ 11 đời Thanh, cả hai đồng làm lễ xuống tóc. Bảy giờ người chị niên kỷ đã hai mươi hai, cô vừa đúng hai mươi tuổi.

Sau khi thọ giới Cụ túc, hai chị em cùng đóng cửa chuyên tu ba năm. Đến khi ra thất lại đồng đi dâng hương nơi các danh sơn, hơn một năm mới trở về. Kế đó cùng tiếp tục nhập thất thêm chín năm nữa. Ngày hoàn mãn ra thất,

hai chị em dung sắc tươi sáng, sự tu trì càng thêm tinh tấn. Riêng phần Như Giác, mỗi ngày lễ Phật một ngàn lạy, niệm Phật nhiều không tính kể. Khi gặp người, cô đều khuyên niệm Phật cầu vãng sanh, thường nói bài kệ giản dị như sau:

*Bớt nói một câu chuyện*

*Bớt sanh một lỗi ác.*

*Thêm niệm một câu Phật*

*Thêm nhiều duyên giải thoát!*

Hàng Phật tử được sự cảm hóa của cô, phát tâm tinh tấn niệm Phật rất đông. Ngày mùng ba tháng sáu năm Nhâm Tuất thời Dân Quốc, sau khóa tụng sáng, Sư cô cảm thấy trướng muện uất hơi. Các đệ tử vội đem thuốc thang đến cho uống, hôm sau đã hơi khỏe, vẫn tiếp tục khóa niệm như thường. Nhưng xé qua, Sư cô bỗng phát lãnh, vội trùm chăn nằm, song chẳng thấy ra mồ hôi. Đến ngày mùng sáu, bệnh tăng thêm nặng, nhưng Sư cô thần trí vẫn thanh tỉnh, gọi đồ chúng đến bên giường trợ niệm. Tới chiều mắt lần nhắm, tay chân giá lạnh, ni chúng lộ vẻ bi thương khóc lóc. Như Trí bỗng mở mắt mỉm cười, bảo chúng rằng: "Kiếp người vẫn như huyễn, sống có chi đáng mừng, chết có chi đáng thương? Tại sao các con lại tỏ vẻ thương tình khóc lóc như thế? Sau khi thầy đi rồi, các con càng nên cư xử với nhau thêm hòa hảo, càng gắng tu trì chớ biếng trễ. Sống chết luân hồi là việc lớn, ngày giờ có hạn, muôn lần các con

đừng để lầm lẫn luống qua! Đã mang thân người nữ, lại có duyên lành được hiện tướng ni-tăng, đó là một nhân phước rất lớn. Vậy các con phải nghiêm cẩn giữ gìn phẩm cách Tỳ kheo ni, việc làm đúng như lời nói, để trở thành một ni-tăng có danh có thật!" Dặn dò xong lặng lẽ mà thoát hóa, trạng thái cực an lành.

Qua giờ ngộ hôm sau, đánh đầu của Sư cô càng thêm nóng, hưởng tuổi đời được năm mươi bảy, giới lập ba mươi tám.



## LIÊN TRINH



ư cô Liên Trinh, nguyên là con gái của nhà họ Triệu ở Đan Đồ. Mùa thu năm Quang Chử thứ hai mươi lăm, nửa đêm cô trốn đến am của Tỳ kheo ni Viên Tín cầu xin xuất gia. Thấy người tuổi trẻ mà có tâm lành, quyết trí thoát trần, Viên sư thương xót chấp nhận và làm lễ thế độ. Lúc ấy cô mới vừa mười bảy tuổi.

Khi đã hiện tướng ni-tăng, Liên Trinh tu hành rất siêng năng thành kính. Mỗi ngày cô tụng kinh A Di Đà bốn mươi

chín biển, niệm Phật vài muôn câu, dù đau yếu cũng không trễ bỏ. Sau khi thọ đại giới, Sư cô mới trở về hương lý thăm viếng song thân. Gặp nhau, cha mẹ đều mừng rỡ, nhưng dùng đủ lý lẽ khuyên ép phải để tóc hoàn tục. Liên Trinh thề chịu chết, không dám vâng lời. Ở nhà một tháng an ủi cha mẹ, Sư cô lại trở về am. Từ đó sự tu trì lại càng thêm tinh tấn.

Chiều ngày hai mươi chín tháng bảy, năm Dân Quốc thứ 11, sau khi dâng hương đức Địa Tạng, Sư cô bỗng cảm thấy nhức đầu, liền lại giương nằm. Sáng hôm sau, Ni cô Duyệt Thiên đem cháo đến, Liên Trinh không ăn mà nhờ nấu nước cho mình tắm gội. Sau khi cạo tóc tắm rửa xong. Sư cô thay áo mới sạch, đắp ca sa vào, ngồi nghiêm chính niệm Phật. Cả am nghe thấy lạ, đồng tụ hội tới thăm. Liên Trinh chấp tay hướng về Viên sư thưa: “Đức A Di Đà Thế Tôn và Địa Tạng Vương Bồ Tát báo cho con biết, nhân hạnh đã thuần, ngày giờ vãng sanh đã đến. Xin thầy gắng bảo trọng, con đi đây!” Rồi hướng về đại chúng cúi đầu cáo biệt. Giã từ xong, Sư cô liền nhắm mắt mà qua đời.

Lúc ấy vào khoảng ba giờ chiều ngày mùng một tháng tám năm Nhâm Tuất.



## QUẢ NHƠN

**T**hích Nữ Quả Nhon, con gái họ Đào ở Bành Trạch, trước kia cha mẹ gả về nhà họ Tôn. Đến năm Bình Ngô niên hiệu Quang Chử đời Thanh, cô xuất gia nơi am Tịnh Độ ở bản ấp, lễ ngài Thánh Tôn làm thầy. Tới đầu kỷ nguyên Trung Hoa Dân Quốc (*Tây lịch 1912*), cô mới được cho xuống tóc.

Ban sơ, cô tu tập theo thuật Đạo dẫn của bàng môn. Khi phong trào chấn hưng Phật giáo bộc phát, nhóm cư sĩ ông Lưu Khê Tịnh đến am lập thành hội Phật học, cô mới được hiểu qua về nội điển. Nghe giảng thuyết: niệm Phật cầu sanh Tịnh độ là pháp môn dễ chóng nhiệm màu, cô liền phát lòng tin, bỏ hết lối tu tập sai lầm trước kia, hướng về Cực Lạc. Mỗi ngày cô đều tụng kinh Kim Cang, Di Đà, trì chú Đại Bi và niệm Phật, chia làm hai thời khóa khuya và tối. Mùa đông năm Giáp Tý, cô hơi vương bệnh demam, đệ tử là Thường Tham vào đêm mùng tám tháng chạp, mộng thấy bốn vị đồng tử cầm tràng phan dẫn đầu, phía sau lại có bốn người khiêng một chiếc kiệu đi theo, mách cho biết: “Chúng tôi đến rước Sư cô ở am này về Tây phương!”

Đêm hai mươi tám tháng tư năm Ất Sửu (*1925*), Quả Nhon tự nằm mộng thấy một vị Tăng, tay trái ôm chiếc bát hoa sen, tay mặt duỗi xuống quá đầu gối, bảo: “Ngày mùng năm tháng sáu tới đây, người sẽ được ngồi trên tòa sen cõi

Phật!" Sáng ra, cô đem diên ấy thuật lại với Thường Tham, rồi trao cho chìa khóa, sắp đặt mọi việc, dặn rằng: "Thầy được sanh về Tây phương, gán gửi Phật Bồ Tát, nghe lời giáo huấn tu hành là điều rất hân hạnh. Con nên khéo hầu hạ Sư ông, giữ gìn cấm giới, duy trì mỗi đạo và cố gắng niệm Phật tụng kinh. Mọi việc phải giữ như lúc thầy còn hiện tiền, chớ làm điều chi lầm lỗi!" Bảy hôm trước khi từ trần, cô bảo đệ tử xuống núi chuyên lời giảng biệt các hàng Phật tử. Cư sĩ Khế Tịnh thấy cô chưa thọ đại giới, liền tới chùa Thành Hoàng thỉnh Tỳ kheo Ngô Đạo và chư Tăng Ni đến tại bàn am lập đàn truyền cho giới Cụ túc. Cư sĩ lại sắm ba y, bình bát và tọa cụ để cúng dường.

Đêm mừng ba tháng sáu, Thường Tham lại mộng thấy vị Tăng cao hơn một trượng, khoác áo ca sa đỏ, nơi vai quàng chéo qua ngực một chiếc băng, trên có đề chữ: "Nam mô Tây phương tiếp dẫn, A Di Đà Phật". Vị Tăng ấy đầu đội mào cánh sen, chóp mào nổi hiện một đóa bạch liên, trên có đức Phật ngồi kiết già. Tăng sĩ bảo: "Ta đến đây thỉnh Ni cô Quả Nhon đồng về Tây phương Cực Lạc thế giới!" Hai hôm sau, Sư cô báo cho biết đã tới kỳ Tây quy và từ giả đại chúng. Tỳ kheo Ngô Đạo, cư sĩ Khế Tịnh cùng nhiều vị khác hay tin trước, đều đến trợ niệm. Sau thời ngộ trai, Quả Nhon thưa với đại chúng rằng: "Tiết trời quá nóng nực, xin các vị tạm trở về nhà nghỉ ngơi tắm gội, vì vào giờ Tuất tôi mới đi. Tắm xong các vị tới đây cũng chưa muộn". Đại chúng nghe nói đều tan về.

Trước giờ, mọi người y hẹn đều tụ hội đến. Quả nhiên, đúng giờ Tuất, Sư cô ngồi ngay thẳng niệm Phật giây lát rồi viên tịch. Hôm sau làm lễ nhập khâm, sắc diện còn tươi như sống. Sư cô dặn đồ chúng thiêu hóa thi hài đem tro rải nơi đường để kết duyên với chúng sanh.



## THÁNH ĐẠO

**T**hích Nữ Thánh Đạo, con gái họ Tôn ở Bành Trạch, thuở niên thiếu cha mẹ gả về nhà họ Đào. Niên hiệu Quang Chử thứ 32, cô xuất gia nơi am Tịnh Độ ở bản ấp. Năm Dân Quốc thứ chín, cư sĩ Lưu Khế Tịnh lập Phật Học Hội tại am, Ni sư nhân nghe pháp, mới quyết lòng niệm Phật cầu sanh Cực Lạc.

Vào tháng tám năm Dân Quốc thứ mười lăm (1926), Thánh Đạo mộng thấy có người đến am trao cho một phong thơ rồi chấp tay thưa: "Ni sư sắp được tiếp dẫn sanh về Tây phương, thơ tín này đừng nên để lạc mất!" Khoảng tháng mười, Đạo lại mộng thấy mình đi triều lễ đức Quán Thế Âm ở Nam Hải, thuyền ra khơi độ vài ngày, ghé vào bờ rồi lên núi. Trên đường lên non, Ni sư thấy một bà lão ngồi

trên gộp đá, nơi lòng hai bàn tay hiện ra đôi mắt chớp chớp như điện. Thánh đạo hỏi: "Đây là nơi nào?" Bà lão đáp: "Linh Sơn!" Ni sư nghe nói liền lột mũ, cúi xuống lạy. Bà lão khen: "Người niệm Phật rất thành kính, ta sẽ rước đến Tây phương. Nhưng hiện thời hãy tạm trở về!" Rồi nắm tay dắt đứng dậy. Thánh Đạo giật mình thức giấc, thì chiếc mũ đã rớt nằm trên gối. Rạng ngày Ni sư liền đem điềm mộng ấy thuật lại với đồ tôn là Thường Tham và bảo: "Vào ngày mười ba tháng giêng sang năm, ta sẽ được vãng sanh!" Kế tiếp, dặn dò hậu sự rất rành rẽ.

Cuối tháng chạp, vào đêm trừ tịch, Thường Tham mộng thấy Thánh Đạo lên chánh điện lễ Phật. Lễ xong thốt lời giã biệt ra đi, lại nghe ngoài am có tiếng người huyền não bảo rằng đến tiếp rước lão Hòa thượng. Ngày mười ba tháng giêng năm Đinh Mão, khóa tụng buổi sáng xong, Ni sư bảo Thường Tham rằng: "Hôm nay có Phật sự, con nên nấu cơm sớm". Rồi liền vào phòng tụng in giấy tiền Vãng sanh. Sau thời cúng ngộ, dùng cơm gần xong, Thánh Đạo cảm thấy hơi phát lạnh, vội bảo: "Ta sắp đi!" Lúc ấy chén cơm nơi tay bỗng bay lên quay tròn như bình hoa sen, cao khỏi đầu người. Ni sư cười bảo: "Đẹp lạ thay!" Ước chừng một khắc, chiếc chén mới từ từ hạ xuống đứng ngay thẳng, không rơi đổ hạt cơm nào. Việc này thật không thể nghĩ bàn!

Đến giờ Mùi, quả nhiên Ni sư an lành niệm Phật mà thoát hóa.

## ĐẠI NGỘ

**T**ỳ kheo ni Đại Ngộ tự Pháp Lâm, họ Viên, người ở huyện Nam Thông tỉnh Giang Tô. Lúc tuổi trẻ, cha mẹ hứa gả về nhà họ Thiệu, nhưng chưa làm lễ vu quy mà chồng đã chết. Cô liền thê không tái giá, rồi vào am Đại Bi ở phía tây bán huyện mà xuất gia làm ni. Bên nhà chồng chấp theo lễ tục ở đời, dùng trăm cách để cản. Song cô lập chí kiên quyết, nên rốt cuộc sở nguyện cũng được thành.

Sau khi xuất gia, cô gắng sức làm công quả, gánh nước, giã gạo, bô củi, nấu cơm. Những thời tịnh khóa sớm hôm cũng không trễ bỏ, mỗi ngày càng thêm tinh tấn. Sư cô quyết chí niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, thường nói: "Sự rộng lớn của Phật pháp, duy có môn Tịnh độ là hợp thời cơ. Ngoài ra, việc tụng kinh lễ sám là để giúp tiêu nghiệp chướng, tăng phước huệ, khiến cho tịnh nghiệp dễ thành mà thôi".

Thấy cảnh am hoang phế, Sư cô ra công quyền góp sửa sang lại, xây dựng Phật đường, liêu phòng, lập vườn trồng rau, để giúp cho chúng được yên ổn thanh tu. Gặp kẻ đau khổ, Đại Ngộ đều tùy duyên nói pháp, khiến cho nhiều người cảm mến nương về rất đông.

Lúc lớn tuổi, Sư bà thấy sắc lực lần suy mòn, vội đi triều lễ các non: Phổ Đà, Cửu Hoa ... cảm được nhiều thoại

tướng. Tháng hai năm Dân Quốc thứ mười sáu, Sư bà vương chứng cảm mạo nhẹ, trong bình viết lời kệ rằng:

*Việc thế muôn viên rữ sạch không  
 Duy câu Phật hiệu vẫn gìn lòng.  
 Luân hồi một niệm siêu miền khổ  
 Kiết sử mười dây thoát mối vòng.  
 Sáng suốt dài tâm hơi bụi lắng  
 Nhiệm mầu tánh tịnh ánh trăng trong.  
 Ngày nay mãn nguyện về Tây cảnh  
 Thuyền độ rồi soi đuốc tuệ hồng!*

Đến ngày mười tám, Đại Ngộ thấy đức A Di Đà phóng quang tiếp dẫn. Sư bà thuật lại cho chúng biết, ngộ lời già biệt, rồi an nhiên niệm Phật mà vãng sanh, hưởng thọ được 73 tuổi. Ngày hai mươi tám làm lễ trà tỳ, được năm viên xá lợi tròn sáng.



### HOÀNG NGUYỄN



ư cô Hoàng Nguyễn tự Tánh Lượng, người thời Dân Quốc, thế độ nơi am Huệ Nguyệt Cư ở Nam Kinh. Cô phát tâm rất sớm, bình sanh ưa niệm Phật siêng lễ sám, tôn kính thầy, hòa đồng chúng,

mỗi mỗi đều trang nghiêm thành khẩn. Tánh lại đoan trang ít cười nói, giữ mình nghiêm, đãi người hậu, sự ăn mặc ở rất đơn giản đạm bạc. Mỗi khi sư cô lãnh chúng lên chánh điện niệm Phật, thường lo đi trước sợ trễ sau, sớm tối vẫn một mực, dù tiết lạnh nóng cũng không gián đoạn. Sự tu tập cứ đều đều như thế, trải vài mươi năm như một ngày.

Mùa thu năm Canh Ngọ thời Dân Quốc (1930), Hoàng Nguyễn bỗng vương bệnh. Đại chúng vẫn kính mến hạnh kiểm của Sư cô, hết sức lo thuốc thang đổi thay điều trị, song chẳng thấy hiệu nghiệm. Hoàng Nguyễn nằm nơi giường bệnh hơn hai tháng, gương mặt khô gầy, thân mình phù thũng, sự ăn uống lần giảm. Biết cơn đau là do túc nghiệp, khi có người đến thăm, Sư cô ít nói năng, chỉ lâm râm gắng công niệm Phật. Về sau nhiều ngày không ăn được, song sự trì niệm vẫn không thôi bỏ. Vài hôm trước khi lâm chung, Sư cô mấy phen thấy đức A Di Đà, đại chúng cũng nghe mùi hương lạ đầy thất. Riêng Hoàng Nguyễn lại thấy một đóa hoa sen to lớn tươi đẹp hiện ở trước giường.

Khi sắp mãn phần, tuy hơi thở còn yếu thoi thóp, song Sư cô vẫn động môi lưỡi tùy theo tiếng khánh của đại chúng mà niệm Phật. Kế đó giữ chánh niệm phân minh, an lành thoát hóa trong tiếng xung danh trợ niệm. Lúc ấy nhằm tháng mạnh đông, ngày hai mươi tám.

### KHUYÊN TU

#### I

Đường Tây cần chỉ giữ lòng bền  
 Gắng sức siêng tu thẳng bước lên.  
 Chánh hạnh ví thêm công trợ hạnh  
 Di Đà từ thế vẫn đâu quên!

#### II

Tây phương báu lạ cảnh hằng xinh  
 Từ phụ xót thương độ hữu tình!  
 Tám vạn bốn ngàn môn giải thoát  
 Di Đà sáu chữ tuyệt cao minh!

Minh, Nhất Nguyên đại sư.

#### III

Ao sen hoa đẹp nở hàng ngày  
 Sắc lạ quang minh chiếu bảo đài.  
 Bị nguyện tay vàng xa tiếp dẫn.  
 Chúng sanh sao mãi vẫn còn say?

#### IV

Bao quát muôn phương môn Niệm Phật  
 Cao hơi đập cửa khuyến tu hành.

Duyên sao vội gặp kêu đường ấy?  
 Vì sợ người mê rớt hỏa khanh!

Nguyên, Trung Phong đại sư.

#### V

Mai trắng vừa tàn, hạnh nở xinh  
 Gió xuân há phải có riêng tình?  
 Lòng thanh sáu chữ hàm muôn tượng  
 Công đức Di Đà thăm vạn linh.

Minh, Diệu Ý đại sư.

#### VI

Lá biếc điểm xen bốn sắc hoa  
 Mỗi hoa vị niệm Di Đà.  
 Chớ nghi Tịnh độ đường xa cách  
 Mưa phùn người về tợ nước sa!

Tống, Bắc Sơn đại sư.

#### VII

Đường Tây thẳng tắt biết hay chưa?  
 Sáu chữ hồng danh Tối thượng thừa!  
 Muốn dứt tay lôi nhưng chẳng được  
 Do người tự nguyện Phật duyên đưa.



VIII

Tây phương quê cũ sớm quay về  
 Hơi thở mạng người chớ trê mê!  
 Kiếp tạm có chừng nên quý tiếc  
 Đừng cho lỡ bước lạc sơn khê!

IX

Liên bang rảo bước sớm tu trì  
 Sống chết vô thường chẳng hẹn kỳ.  
 Khảy ngón ánh dương ngoài cửa tắt  
 Thương câu: "Thất thập cô lai hy!"

Minh, Nhật Nguyên đại sư.

X

Trần sa sông chết kiếp trần sa  
 Lại hết trần sa chẳng thoát ra!  
 Một niệm chỉ nhân tình chứa dứt  
 Vô biên số kiếp đắm mê hà!

Nguyễn, Trung Phong đại sư.



PHẠM NGUỒN LỄ



ư sĩ Phạm Nguồn Lễ tự Dụng Hòa, người đời Thanh, quê ở Tiền Đường. Thuở niên thiếu ông học Nho, tâm hạnh thành thật, thờ song thân rất có hiếu. Một độ, người cha đau, ông cắt thịt bắp về sắc hòa với thuốc đem dâng, bệnh được lành. Mẹ là Dư thị ốm nặng, ông lại làm như thế một lần nữa, bệnh cũng thuyên giảm.

Không bao lâu, song thân đều quá vãng, vợ cũng kế tiếp mãn phần. Bảy giờ đang lúc tráng niên, Nguồn Lễ cảm khái cuộc thế vô thường, dẹp bỏ duyên trần, theo nhà dưỡng chân tu học đạo Tiên. Trải hơn mười năm như thế, cộng phu đã có đôi phần hiệu nghiệm. Sau nhân đọc sách của ngài Liên Trì, ông chợt tỉnh ngộ, đến chùa Vân Khê xin thọ tam quy ngũ giới. Nguồn Lễ giữ giới hạnh rất bền chắc, những thứ phục dụng bằng tơ tằm lông thú đều không dùng, bỏ hết lối tu cũ, chuyên về Tịnh độ. Đối với pháp quán tướng, cư sĩ lại càng tinh mật. Trước kia khi thân mẫu sắp lâm chung tinh thần mờ loạn, cư sĩ khuyên chuyên lòng quán tưởng đức Quán Thế Âm, bà mẹ y lời làm theo. Vài hôm sau, bỗng nói: "Mẹ đã được Bồ Tát tiếp dẫn đến cảnh giới lạ màu sắc đẹp!" Nói xong vui vẻ mà qua đời. Bởi duyên do đó, Nguồn Lễ rất tin sự hiệu nghiệm của môn quán tướng.

Cư sĩ tánh hiền lành, ưa phóng sanh bồ thí, giúp đỡ kẻ nghèo khổ hoạn nạn. Khi làm những việc từ thiện, ông rất siêng cần chu đáo, không nài mỏi nhọc. Gặp chư Tăng Ni, đều phát tâm tùy sức cúng dường không bỏ sót. Vì thế đương thời nghe tới tên Nguơn Lễ, hàng tăng tục đều biết và mến trọng.

Mùa hạ năm Đạo Quang thứ tám, cư sĩ đóng cửa nhập thất nơi Đại Động Các ở Thành Nam, định kỳ hạn trăm ngày niệm Phật. Một hôm đang khi ngồi tịnh, huyền công tu Tiên thườ trước bỗng phát hiện. Lúc ấy ông cảm thấy thanh khí của trời đất từ giữa hư không kết thành nhiều lần, liên tiếp đi vào đánh, mũi, miệng, rồi thẳng xuống đơn điền, cùng với nguơn khí của mình hòa hợp. Bấy giờ thân tâm rất an ổn nhẹ nhàng và điềm lạc không thể thí dụ. Giây phút có một đũa anh nhi cao chừng vài tấc, từ đánh môn xuất hiện. Đũa bé ấy bay liệng xung quanh đùa giỡn trái một thời gian, rồi do đánh đầu trở vào. Từ đó về sau, mỗi khi tu đến mức cực tĩnh quên trần niệm, liền có anh nhi ra vào như trước. Ban sơ Nguơn Lễ tâm ý rất mừng, sau đó chợt nghĩ: "Đây có phải là một trong năm mươi thứ ám ma của kinh Lăng Nghiêm nói chăng? Nếu ta cho là kỳ đặc tất sẽ lạc vào bầy tà. Và lại người niệm Phật chỉ ở Tây phương, thánh cảnh không hiện, lại chuộng thứ này để làm gì?" Do đó thường thường giác chiếu giữ chánh niệm, anh nhi mới không còn xuất hiện. Nhờ duyên này, cư sĩ mới khế ngộ sâu lý duy tâm, sức tín nguyện hạnh càng thêm thuần chắc. Về

sau ông thường bảo người rằng: "Cảnh giới ấy là cửa ải nguy hiểm nhưt thuờ sanh bình. Nếu tôi không sớm giác tỉnh, tất sẽ lạc vào bầy môn. Thế nên biết sự tu hành cần phải tinh tường đề dặt!"

Mùa hạ năm Đạo Quang thứ mười một, Nguơn Lễ tĩnh dưỡng nơi chùa Tích Chiêu ngoài cửa Thanh Thái. Ở địa phương này có bà họ Trầm lừa cả đôi mắt. Bà có chí niệm Phật, song bị con dâu thường gàn trở. Cư sĩ nghe biết liền bảo: "Việc này có thể dần xéп ôn hòa. Hành động của cô dâu kia là do vì gia cảnh nghèo thiếu, nếu giúp cho sự sống tất mọi việc đều yên". Nói đoạn ông vào thành quyên mộ, nhờ người giúp cho Trầm bà mỗi tháng vài đấu gạo. Bà dùng có dư chuyên giao cho người dâu, nên cô này hoan hỷ không còn gàn trở nữa. Nguơn Lễ lại diễn nói sự lợi ích về niệm Phật cho nghe, và dạy bảo cách sám hối phát nguyện. Mấy tháng sau, một người hàng xóm của Trầm thị tới nói với cư sĩ: "Bà lão niệm Phật hôm trước, nay đã vãng sanh rồi!" Nguơn Lễ hỏi nguyên do, người ấy thuật lại từng việc: "- Sau khi được sự giúp đỡ, bà lão siêng năng niệm Phật thế nào? - Sám hối phát nguyện ra sao? - Đến tháng vừa rồi, Trầm thị biết trước ngày về Tây phương, bảo cho cô dâu hay. Tới kỳ hạn, bà tắm gội thay y phục, ngồi chấp tay niệm Phật mà vãng sanh. Trầm bà di chúc cho cô dâu nhờ chuyển lời tạ ơn Phạm công. Hiện thời bà vừa mãn phần chưa có quan quách và đồ tẩn liệm. Cô dâu định bán đũa con gái để lo sắm về việc ấy. Bấy giờ phải làm thế nào?"

Ngươn Lễ nghe nói, liền bàn với các thiện hữu, góp chung được một số tiền, giao cho người hàng xóm đem đến giúp cô dâu. Hơn tuần sau, ông lại tới nhà hỏi thăm. Đến nơi thì người dâu tay đang cầm tràng chuỗi, miệng lầm râm niệm Phật. Thấy cư sĩ đến, cô vui mừng đón rước kính lời tạ ơn. Vừa ngồi xong, những người hàng xóm hay tin tề tựu, tranh nhau muốn biết mặt Phạm công. Rồi hết kẻ nọ tới người kia chuyện nhau thuật lại việc của bà họ Trầm, đại khái y như ông hàng xóm đã nói hôm trước. Họ lại chỉ một cô bé nói: “Khi mua quan quách tản liệm xong, hàng xóm đều bàn luận: Phạm công vốn người ở trong thành, mà còn chịu từ xa làm việc thiện. Chúng ta là tình lân lý, đâu nên làm khách bàng quan! Do đó tất cả mới chung góp tiền mua đất, đem quan tài của mẹ cháu và luôn linh cữu của chồng cháu đã quàn để từ lâu, đồng một ngày đem đi an táng!” Cư sĩ nghe nói vui vẻ ra về.

Mùa đông năm ấy, Ngươn Lễ đem những công việc từ thiện của mình làm còn dở dang lo tính toán kết thúc và chuyển giao trách vụ cho một liên hữu khác. Tháng giêng năm sau, cư sĩ đến riêng từng nhà các đồng bạn, ân cần khuyên khích tu hành, dường như kẻ sắp đi xa. Người con trai của cư sĩ có việc đến miền Tòng Giang, ông bảo: “Con đi ra ngoài, mọi việc nên khéo xử sự. Cha nay tuổi già, tháng có điều chi biến cố, cũng chớ nên kinh lo. Phải giữ bốn phận mình đối với trách vụ của người giao phó!” Nghe nói, cậu trai tuy hiểu biết, song chỉ cho đó là lời quá lo xa

của người lớn tuổi mà thôi.

Đến ngày hai mươi bốn tháng giêng, Ngươn Lễ thức dậy sớm bảo gia nhơn rằng: “Hôm nay ta thấy trong người hơi mỏi nhọc!” Nói đoạn vẫn dùng cháo sáng như thường. Ăn xong, cư sĩ đi tản bộ đến trước nhà gần bên đứng bàng hoàng một khắc, rồi trở về ngồi ngay thẳng nơi giường niệm Phật. Con cháu trong nhà thấy hơi lạ hỏi thăm, ông khoác tay ra dấu bảo im lặng. Đến giờ Ngọ, tiếng niệm nhỏ dần rồi an ổn mà qua đời. Giờ Dậu ngày hôm sau nhập liệm, đánh đầu hấy còn nóng. Bảy giờ nhằm năm Đạo Quang thứ mười hai, cư sĩ hưởng thọ sáu mươi ba tuổi.

### LỜI BÌNH:

Xem cách thức Dụng Hòa lo kết liễu mọi việc, từ biệt bạn, dặn dò con, chẳng thể gọi là không dự biết trước giờ lâm chung. Nhưng tại sao ông lại không nói ra mình bạch? Theo thiên ý, sự biết trước ngày giờ quý ở chỗ tự biết để cho tâm được yên vững, không chủ đích để phô trương với mọi người. Huống chi nếu đến giờ mà bạn lạnh đều tụ họp, hoặc ra có sự lợi ích trợ đạo. Tháng như quyền thuộc không nên được thể tình, vây quanh ngậm ngùi thương khóc, há chẳng phải muốn thành mà trở lại bại ư? Việc cư sĩ Dụng Hòa không nói ra, tất cũng bởi lý do đó.



## TÔN PHỤC NGUYÊN



ư sĩ Tôn Phục Nguyên tự Mãn Tư, người đời Thanh, vốn hàng chừ sanh ở Nhơn Hòa. Tánh ông rất từ thiện, lúc thiếu thời thích đọc các sách: Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn, lập chí tuân hành theo. Chỗ Phục Nguyên ở, đối diện với nhà hàng thịt. Một hôm thức dậy sớm, ông thấy họ giết heo liền phát nguyện giữ giới sát, mua heo đem phóng sanh ở chùa Vân Khê. Tuy chưa thể dứt hẳn cá thịt, Phục Nguyên thường ăn chay. Những loài kiến muỗi rận rệp, cũng dè dặt không dám để tổn thương.

Đến tuổi tráng niên, mỗi ngày cư sĩ đều tụng Đại Bi Sám, kinh Kim Cang, niệm Phật, lại thêm ghi Công Quả Cách. Vừa được hai năm, ban đêm đi không cần đèn đuốc, trước mắt tự có ánh sáng. Thấy thế ông càng cố gắng tu các công đức, lấy chuyện phóng sanh giúp kẻ nghèo đói làm điều cấp thiết. Phàm các việc thiện, không luận lớn nhỏ, đều hết sức mà làm. Sau nhân quản lý về vụ muối, lo tính phân vân, ban đêm đi ánh sáng lờ mờ. Phục Nguyên chợt tỉnh ngộ tự bảo: "Ta lầm lạc rồi!" Liên chuyển giao công vụ, trở về lo tu niệm làm lành như trước. Từ đó ánh sáng lại hiện ra, khiến ông lại càng tin thêm lý cảm ứng.

Cư sĩ niệm Phật quán tưởng, một lòng cầu vãng sanh, mấy chục năm như thế không hề gián đoạn. Tuổi hơn bảy

mười, ông càng gia công tinh tấn, nên thường cảm hiện nhiều điềm lành. Lắm khi Phục Nguyên mộng thấy ngôi sao to như cái chén, chiếu ánh sáng đến mình. Hoặc nằm mơ tự thấy quì trên đài hoa sen trắng, đối Phật trì tụng. Một đêm, ông vừa nằm xuống gối, bỗng nghe có tiếng nói: "Đức do mình chứa, phước tự trời dành!" Vội mở mắt ra thì không thấy chi cả, song âm vang còn rành rành bên tai. Ngày hai mươi một tháng trọng xuân, năm Đạo Quang thứ mười hai, đang khi lễ bái, cư sĩ chợt phùng phát thấy một vị khoác áo ca sa đứng trước chỗ bồ đoàn. Lúc cúi xuống lạy, đầu đụng vạt áo, nhưng khi ngược lên thì vị ấy đã ngồi trên tòa cao. Trái ba hôm sau, ông cảm thấy yếu kém mới nhọc, song vẫn nằm nghiêng bên hữu niệm Phật. Vừa lúc đó, đức A Di Đà hiện thân ngoài song cửa, tướng trang nghiêm màu đẹp vô cùng!


Đến ngày mừng hai tháng ba, Phục Nguyên thức dậy sớm, thần trí vui tươi, tùy ý đi ngồi không lộ vẻ chi đau yếu. Tới chiều tối, cư sĩ bảo gia nhơn rằng: "Sáng mai đi mua cho ta hai gánh ốc, một trăm cân lươn, rồi đem thả nơi sông hồ". Lại bảo: "Sau khi ta mãn phần, các con cháu phải gắng sức niệm Phật, phóng sanh, làm các việc lành, chớ quên lời căn dặn!" Bảy giờ đang ngồi bên án, ông liền vịn đỡ đèn, cầm bút viết văn sớ phóng sanh, nét chữ ngay ngắn không chút sai lầm. Viết xong lại giương nằm lâm râm niệm Phật, một lúc rồi yên ổn qua đời, thọ bảy mươi lăm tuổi.

### LỜI BÌNH:

Công niệm Phật quán tưởng sâu, nên hằng có điềm lành ứng hiện, đó là sự lý rất thường, không đủ lấy làm lạ. Người tu tịnh nghiệp phải gắng hết công thành kính, một lòng nhớ niệm. Ngoài ra chẳng nên vọng cầu điều chi, mới có thể tâm cùng Phật hợp, không đến nỗi khởi sanh việc ma.



### LÝ CÂN

ur sĩ Lý Cân tự Hương Đài, người đời Thanh, nhà ở Nhon Hòa. Tánh ông thuần hậu không hay chống trái với người, lại đĩnh ngộ ham học, những kinh sách của đạo Nho cùng Bách gia chư tử thầy đều thông thuộc. Tuy hoài bão tài năng, Hương Đài lại lạnh nhạt với lợi danh, không có niệm tiến thủ. Ý chí ông thanh khiết hằng nghĩ cách thoát trần, nên theo tu Tiên với các nhà huyền học.

Qua tuổi trung niên, Lý Cân chuyển sang tin hướng Phật thừa, thọ tam quy ngũ giới, được pháp danh là Diệu Tịnh. Từ đó ông hằng dụng công tiến tu, đối với Thiên tông

có phần lãnh ngộ sâu sắc, nhưng lại lấy Tịnh độ làm chỗ nương về. Cư sĩ thường bảo: "Một đôi chút hiểu biết về tông và giáo, cũng không giúp ích được chi. Tôi thà giữ pháp vững chắc là thiết thật niệm Phật, ngoài ra không dám nói cao xa lớn lối, để tự dối mình!" Ông gia tư vốn chẳng dư giả lắm, song gặp chuyện cần bỏ thì tất không tiếc, lại thường điềm đàm ẩn danh. Đối với việc Tam Bảo, cư sĩ hết lòng tôn trọng, từng chạm tượng Phật bằng gỗ chiên đàn và tháp để kính Kim Cang. Lại cho khắc hai tấm bia tuyên dương Phật pháp, dựng nơi chùa Hải Triều. Kế tiếp, ông mướn thợ chạm một bảng Cục Lạc Thế Giới Toàn Đồ, để tiêu biểu chí tín nguyện. Một hôm nhân thiết lễ trai tăng, cư sĩ nghỉ lại nơi chùa, ở nhà bọn trộm thừa cơ vượt tường lên vào, mở toang cả cửa lớn nhỏ, sáng ra mới biết. Gia nhon kinh kinh hãi kiểm soát kỹ lại, song chẳng thấy mất vật chi. Người xung quanh đều bảo do ông thành tín tu hành, nên có chư thần ủng hộ.

Thời đó, Giám Đương hòa thượng là bậc kiệt xuất trong tông lâm, khi viên tịch có để lại một tập di cáo. Lý Cân nghe nói thâm nhập đem ra in truyền bá, song vẫn chưa từng quen biết với Giám công. Mùa hạ năm Đạo Quang thứ mười hai, đưa cháu gái là Hạnh Cô đau nặng sắp mãn phần, cư sĩ hôm sớm ở gần bên khuyến tấn và xưng hồng danh để giúp phần chánh niệm. Kết cuộc Hạnh Cô gắng niệm Phật đến hơi thở cuối cùng và an lành mà thoát hóa. Không bao lâu, Lý Cân cũng vương bệnh, thầy thuốc đến chẩn trị rồi

dặn: “Đây là do bởi sự tôn nhọc dồn chứa nên sanh ra chúng thương khí, cần phải yên lặng tĩnh dưỡng. Nếu chẳng thế, thì bệnh càng thêm nặng!” Sau khi y sĩ ra về, ông ôn tồn bảo: “Lời đó tuy đúng, nhưng là trách vụ của một lương y, cũng là quan niệm theo tình đời. Riêng mình, ta xét thân này như huyễn, nên không muốn vì giữ việc nhỏ mà làm tổn thất điều lớn”. Rồi lại càng tinh tấn gia công niệm Phật, và lo kết thúc tất cả việc công đức làm còn dở dang.

Đến tháng mười, bệnh tăng thêm nặng. Giữa đêm ngày mười một, cư sĩ ngồi kiết già niệm Phật rồi yên ổn mà vãng sanh. Trước đó ba ngày, Lý Cần đòi một chiếc tăng mạo, thân quyến vội sắm đem trao cho. Ông tiếp lấy đội lên đầu rồi mừng rỡ bảo: “Mạn y ta đã có, chỉ còn thiếu thứ này thôi. Nay được đội để ra mắt đức A Di Đà, thì lòng mong ước đã đủ. Nên dùng hai món này thành liệm, để tạ tội chút ý nguyện thuở sanh bình!”

Ngày mười hai, lúc sắp nhập quan, các liên hữu thủ đỡ mũ để dò thăm, thì thấy hơi nóng từ đánh xông lên như dờ nấp chiếc nồi đang sôi. Cư sĩ hưởng dương được bốn mươi bảy tuổi.



## TÀO HÀI HÒA



ư sĩ Tào Hải Hòa, pháp danh Quảng Trí tự Thanh Ngũ, quê ở huyện Thượng Ngươn tỉnh Giang Nam. Gia đình ông làm nghề nhuộm tơ lụa do đó lại dời về Tô Châu lập cơ nghiệp.

Mùa thu năm Đạo Quang thứ bảy, nhân vợ đau yếu, Hải Hòa rước y sĩ Hạ Văn Vinh đến xem bệnh và điều trị. Văn Vinh là một Phật tử, nên giảng giải về pháp môn Tịnh độ, khuyến tấn tu hành. Ban sơ Hải Hòa tin vâng theo, sau lại sanh nghi hỏi Văn Vinh rằng: “Có kẻ bảo anh đem hình thức niệm Phật để dối gạt người, việc ấy như thế nào?” Văn Vinh đáp: “Dẫn dụ người tạo nghiệp làm quấy, để cho họ bị sa đọa vào ba đường ác chịu quả khổ, lưu lạc luân hồi, có thể bảo đó là dối gạt. Khuyến người tu giới định huệ, ăn chay niệm Phật, cầu sanh cõi Cực Lạc ở Tây phương, để cho họ trở về quê cũ thành quả Bồ đề, độ mình và tất cả chúng sanh, sao lại gọi là dối gạt?” Hải Hòa nghe nói chột lãnh ngộ, dứt hết mối nghi, lại hỏi: “Làm thế nào để chắc chắn đến quê hương Phật quốc?” Văn Vinh đáp: “Giữ giới làm nền tảng, tu phước làm trợ duyên, chấp trì câu hồng danh làm chánh hạnh, niệm cho đến khi được nhứt tâm. Đó là đường lối trở lại quê xưa Cực Lạc!” Nghe xong, Hải Hòa vui mừng khắp khởi, liền đến quy y với ngài Bôi Độ Hải. Mùa xuân năm sau, lại thọ ngũ giới nơi ngài Nghĩa công ở

chùa Linh Thứu. Từ đó cư sĩ mới thiết thật tinh tấn tu hành.

Một đêm, Hải Hòa nằm mơ thấy tòa Hắc sơn cao chón chờ đón trước mặt. Trong ý muốn vượt qua, nhưng lại bị khe suối ngăn cách. Sau núi, vầng hồng từ từ chìm lặn về phương Tây trong cảnh ánh chiều rắng đỏ. Tỉnh giấc, cư sĩ nghiệm biết là duyên trần của mình sắp mãn. Nhân đó lại càng gia công tinh tấn, đem gia tư gồm ba ngàn lượng vàng trong vài năm lần lượt tu phước bố thí hết. Tháng tư năm Đạo Quang thứ mười bốn, thôi làm nghề nhuộm, thu gọn dư sản trở lại quê hương. Trước đó Hải Hòa khuyên thân mẫu tu Tịnh độ, bà mẹ thấy ông không có con trai, bảo cưới vợ lẽ. Ông thưa: "Con nguyện cùng mẹ đồng sanh về Cực Lạc. Ở cõi ngũ trược dễ bị mê lầm gây nhiều tội ác, không nên tạo thêm duyên nghiệp làm chi!"

Về quê chưa bao lâu, bà mẹ niệm Phật mà qua đời. Đầu tháng sáu năm đó, cư sĩ cũng nhiễm bệnh. Đến ngày mùng sáu, ngồi kiết già niệm Phật mà thoát hóa. Đưa con gái của cư sĩ thấy thế, phát lòng tin sâu thiết, niệm Phật liên tục trong bốn mươi chín ngày đêm, cũng ngồi vãng sanh với nét mặt an lành tươi tỉnh.

### LỜI BÌNH:

Trong vòng một trăm ngày mà mất luôn ba người, kẻ chưa hiểu đạo, theo quan niệm đời tất bàn luận phân vân cho là vô phước. Nhưng cả quyền thuộc đồng gởi chất nơi

thai sen, được thân kim cương đẹp tươi rực rỡ, ở cõi thất bảo trang nghiêm, và sẽ cùng chúng đắc thân thông giải thoát là điều cực hân hạnh, đối với bậc trí còn có chi hơn?



## TỔNG LAI



Cư sĩ Tổng Lai tự Vọng Sơn, người đời Thanh, quê ở Tô Châu. Đến tuổi hơn sáu mươi, ông mới được nghe biết pháp môn Tịnh độ. Từ đó phát tâm mỗi ngày niệm Phật vài muôn câu. Ông thường nói với bạn rằng: "Việc đã qua đường như mộng, tôi chỉ còn nương hồng danh sáu chữ để giải quyết một kiếp tàn sanh!"

Sau cư sĩ đến ở trọ tại vùng Kiều Giang để dạy học. Chủ nhà lấy việc ông ăn chay niệm Phật làm rộn phiền, ngăn cấm mãi chẳng được, nên không cho ở. Cư sĩ liền dời đi nơi khác mở trường dạy học, thầy trò rất là tương đắc. Có lúc ông gọi môn đồ bảo: "Quang cảnh ở học đường rất tốt. Già sư thầy mãn phần tại nơi đây, các con thầy có nên chăng?"

Một hôm học sinh tề tựu đến, thấy Tổng Lai còn đang chấp tay niệm Phật, nên lui ra. Giây lâu trở vào vẫn thấy

còn ngồi im lặng, liền lại gần dò xem thì thầy đã qua đời. Tìm xung quanh, dưới nghiên gần đó có dần một mảnh giấy. Tất cả họp lại xem, thì đó là lời dự báo ngày giờ vãng sanh, đã viết sẵn từ ba hôm trước. Trong trường có mùi hương lạ cách đêm sau vẫn chưa tan. Lúc ấy nhằm năm Đạo Quang thứ mười lăm.



### TRẦN CƯ SĨ

**T**rần cư sĩ quên sót tên, người ở Thường Thục, nguyên là chú của tú tài Trần Thế Anh. Mỗi sáng sớm, cư sĩ đều đốt hương ngồi hướng về phương Tây yên lặng rất lâu, người nhà không am hiểu đó là hành động gì? Sau khi cư sĩ mãn phần, mới biết là ông mật tu hạnh Trì danh niệm Phật. Dù cơn gió mưa, tiết lạnh nóng, cư sĩ cứ giữ như thế không hề bỏ sót, trải qua mấy mươi năm.

Tháng bảy niên hiệu Đạo Quang thứ mười lăm, cư sĩ bảo: "Ngày hai mươi ba tháng chín tới đây, ta sẽ về Tây phương!" Người nhà thấy ông vẫn khỏe mạnh, nên không tin. Trước khi mãn phần ba hôm, cư sĩ hơi cảm bệnh nhẹ,

song sự ăn ở cũng như thường ngày. Đến đúng kỳ hạn, ông ngồi yên tắt hơi, quyển thuốc vẩy quanh kêu gọi, liền mở mắt dặn bảo vài lời rồi nói: "Thôi ta đi đây!" Kế lại nhắm mắt thoát hóa. Lúc ấy mùi hương lạ từ khắp lỗ chân lông của cư sĩ bay ra sức nức. Thành liệm xong, ba hôm sau trong nhà vẫn còn hơi thơm chưa tan.

### LỜI BÌNH:

Tu mật hạnh, sự huân tập rất sâu. Thân thể bay mùi thơm, đó là sự đôn chứa công đức từ lâu phát tiết ra vậy.



### NGÔ TÔN NGUY

**C**ư sĩ Ngô Tôn Ngụy tự Thu Đình, người ở Nguyên Hòa. Cha ông là Ngô Liêm tu Tịnh độ được vãng sanh, mẹ Châu thị vẫn có chứng đau gan. Tôn Ngụy thờ thân mẫu chí hiếu, khi mẹ đau nặng, ông cắt thịt bắp về hòa với thuốc sắc đem dâng, bệnh chứng lần truyền giảm. Không bao lâu thân mẫu lìa trần, trong vòng bốn mươi chín ngày, ông chích máu tả kính Địa Tạng để cầu cho mẹ được siêu thoát.

Từ đó Tôn Ngụy quy tâm về Phật thừa, lần lần suốt



thông cả tông lẫn giáo, được nhiều bậc lão túc ở các nơi khen ngợi. Ông trường trai thọ ngũ giới, chuyên tu Tịnh độ, tự hiệu là Nhứt Như cư sĩ. Tôn Ngụy từng thành lập liên xã ở am Kỳ Diệp, khuyên người niệm Phật. Đối với các việc lành như: phóng sanh, bố thí, đều gắng hết sức mà làm. Về sau ông vướng bệnh, tự biết mình khó qua khỏi, viết thơ nhờ người chuyển giao cho các liên hữu, xin đến giúp phân trợ niệm. Trong thơ có đoạn nói: "Với sức thông hiểu sâu về tông lẫn giáo, với sự hành trì có thể gọi là không dám biếng trễ, hiện thời tôi thấy mình vẫn chưa tự chủ được. Công phu lúc bình nhứt của tôi, khi đau bệnh chỉ còn được phân nửa, có thôi lui không tiến triển, thật khó gắng sức. Xin các bạn đồng tu đừng nên nói: Bây giờ ta hãy tạm lo việc đời, đợi đến lúc bệnh sẽ dụng công, tất sẽ tự làm lạc rất to, ăn năn không kịp!" Trước khi cư sĩ lâm chung một ngày, có liên hữu Tiên Văn Xán đến thăm viếng, hỏi: "Anh vẫn còn nhớ niệm Phật chăng?" Lúc ấy Tôn Ngụy nói năng đã khó khăn, ra dấu đem giấy bút lại, đáp rằng: "Con đau đớn lúc mãn phần đã khổ như thế, nên sức niệm Phật nguyện cầu vãng sanh càng thêm bền chắc!" Qua hôm sau, trong tiếng trợ niệm của đồng bạn, ông an lành tươi tỉnh mà qua đời.

Cư sĩ di chúc người nhà không nên đốt áo, giấy tiền cùng vẽ chân dung lưu lại. Trong đám không được sát sanh để cúng tế, tiếp đãi. Bấy giờ nhằm ngày hai mươi sáu tháng bảy, năm Đạo Quang thứ mười tám.

## TRƯƠNG XỈ DIÊN

**T**ương Xỉ Diên, người đời Thanh, nguyên là Quốc học sinh ở Thương Thục. Ông tánh hào sảng, tài lượng cao, thường cho mình là phi phạm, nghe ai nói đến kinh Phật, liền tác sắc to tiếng.

Một hôm, Xỉ Diên nhân được xem quyển Nhân Quả Luân Hồi, bỗng giác ngộ sự sống chết là việc lớn, liền giới sát, dứt uống rượu, mỗi ngày đều tụng kinh Kim Cang, chú Đại Bi và niệm Phật. Sau mỗi thời khóa, quì hồi hướng phát nguyện cầu sanh về Tây phương. Kế đó, ông quy y Tam Bảo, ăn chay trường, chí thành sám hối nghiệp trước. Lúc ấy cư sĩ đang bị chứng thiên phong, nửa mình bên mặt khô gầy. Có kẻ khuyên nên dùng thịt cá để điều dưỡng, ông chỉ mỉm cười từ tạ mà thôi.

Mùa xuân năm Đạo Quang thứ mười chín, cư sĩ tả phẩm Phổ Môn rồi mượn người khắc bản để ấn tống. Có kẻ hỏi lý do, ông nói: "Đức Quán Thế Âm Bồ Tát bi tâm sâu rộng, ứng thân khắp pháp giới, là thuyền từ nơi biển khổ, cơ duyên trước mắt, chớ để làm qua!" Mùa thu năm ấy, Xỉ Diên mộng thấy mình nuốt hoa sen, nên từ đó càng thêm tinh tấn. Cư sĩ bảo em là Nhi Đán rằng: "Anh phải tụng phẩm Phổ Môn một muôn hai ngàn quyển, mới vừa ý nguyện!" Nhi Đán hỏi duyên cớ, ông than thở đáp: "Bốn nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết trong đời anh đã trải qua ba

thứ, chỉ còn cái chết là chưa biết lúc nào đến mà thôi. Nhưng chắc nó cũng đã tới gần rồi. Như thế đâu nên lo là chẳng lo dự bị tư lương trước ư?”

Đêm mười một tháng giêng năm Đạo Quang thứ hai mươi, Nhi Đản nằm không yên giấc, trong cơn mơ màng nghe Xi Diên tụng phẩm Phổ Môn tiếng rang rang. Lúc ấy chợt thức tỉnh, liền quay mình sang định hỏi, thì thấy ông đang nằm nhắm mắt ngủ. Thì ra cư sĩ đã tụng kinh trong giấc mộng. Rạng ngày Xi Diên thức dậy sớm, khóa tụng theo thường lệ xong, rồi có việc đến nhà người thông gia. Vừa tới nơi, ông bị chứng đàm lên ngăn cổ họng, được tạm cứu chữa trở về nhà, liền nằm bất tỉnh nơi giường. Chiều ngày mười ba, bạn đồng tu là Tạ Phụng Ngô khi đến thăm bệnh, báo người nhà đốt hương nến bày nơi bàn trước giường Xi Diên, rồi lấy tràng chuỗi lúc bình nhứt của ông trao vào tận tay. Cư sĩ liền nắm lấy để trước ngực lần từng hạt, ánh mắt nhìn thẳng lên, cả thân mình đều rung động, giây phút tắt hơi mãn phần. Các liên hữu đều quyết đoán đó là cái chết lành, tất được sanh về Tây phương. Riêng có người vợ của ông không tin, đối trước quan tài khẩn rằng: “Nếu quả như thế, xin về báo mộng cho biết!”

Trái qua năm ngày, đêm lại người vợ nằm mơ thấy có vị gọi bảo: “Chớ nên thương khóc! Ông bạn đời của người đã đi xa cách đây mười muôn ức cõi Phật rồi!” Thức giấc bà lấy làm lạ, nhưng vì bình sanh chưa từng tụng kinh A Di Đà, nên không biết năm chữ: “Mười muôn ức cõi Phật” có

ý nghĩa gì? Sáng ra, bà đem điềm ấy hỏi mấy nhà tu Phật, mới biết chồng mình đã vãng sanh, có chứng nghiệm chắc chắn.



### TỪ HY

**T**ừ Hy tự Mộng Bạch, người đời Thanh, nguyên là một nho sĩ. Thuở thiếu thời ông từng du ngoạn đất Sầm Diên, thấy cảnh sông núi thẳng tươi, lòng dạ thanh thoát; gặp việc trung hiếu tiết nghĩa, liền khắp tuyên dương. Tuổi trung niên, mở trường dạy học ở tỉnh ngoài. Đến hơn bốn mươi, được người quen là Châu Lân Thơ tặng cho tập Long Thơ Tịnh Độ Văn, xem xong liền tin thờ Phật, lấy hiệu là Mộng Liên.

Kế tiếp ông đến am Tôn Thắng quy y với Lượng Khoan hòa thượng, được pháp danh là Như Siêu. Từ đó cư sĩ giữ thập trai, lập nhứt khóa trì niệm, quyết cầu sanh về Tây phương. Hơn sáu mươi tuổi, Từ Hy lại nương ngài Linh Thứu Nghĩa thọ giới Bồ Tát, sự tu tập càng thêm tinh tấn. Bảy giờ chư Tăng ở am Sô Sư quyền tiên xây dựng ngôi Đại Thông Các, ông hết sức giúp đỡ cho đến khi lạc thành.

Năm Đạo Quang thứ hai mươi một, vào mùa hạ, cư sĩ bồng thanh lý việc nhà, bảo gia nhơn rằng: "Người đời sống được bảy mươi, đã mừng xưa nay ít có. Ta nay may mắn thọ được bảy mươi hai tuổi, mùa thu này mạng chung cũng đã vừa thời!" Kế đó ông viết một thiên nhan đề là Phán Bản Tòa Ngôn nhắc nhở các việc khi mình sắp mãn phần. Trong ấy có đoạn nói:

"Kiếp người như gởi tạm, đã sanh tất có tử. Cái chết vẫn là việc thường của nhơn thế, nhưng vì ân tình giữa vợ chồng con cái từ đây vĩnh biệt, nên chẳng khỏi có sự kêu gọi khóc thương. Tuy nhiên phải biết sống gởi thác về, được yên ổn mãn phần là phước. Huống chi chúng ta đã tu tịnh nghiệp, chính muốn vượt qua biển khổ, về đến cõi sen. Như thế, lúc lâm chung cần phải giữ một lòng không loạn, mới mong được ý nguyện vãng sanh. Nếu để nghe tiếng kêu khóc, tất kẻ sắp chết dễ bị tình ái kéo lôi, tâm tư rối loạn khóc than. Sau khi ta tắt hơi, ít nhất phải hơn bốn giờ, mới được thay y phục cứng di động, càng chậm càng tốt. Thuở xưa cha của Thiệu Khang Tiết tiên sinh, cũng là trượng nhơn của ngài Y Xuyên, lúc sắp chết bảo người nhà rằng: "Phải đợi khi thành liệm xong mới được cử ai, chớ vội kêu khóc làm cho ta lạc lối!" Lời này có ghi trong quyển Khang Tiết Ngoại Truyện.

Cư sĩ có viết mấy lời chọn lọc về Thiên và Tịnh như sau:

*Tham thiên chẳng niệm Phật  
Phải như thùng lọt đáy.  
Tháng còn một điểm nghi  
Kết cuộc uổng công lực!*

*Niệm Phật lại tham thiên*

*Hai việc chính là một*

*Tham niệm dính liền nhau*

*Chẳng thể dễ phóng dật.*

*Không tham cũng chẳng niệm*

*Đắc đạo mới bỏ pháp.<sup>(14)</sup>*

*Nếu chưa đến bờ kia*

*Biển khổ không thuyền vớt.*

Mùa thu năm ấy, quả như lời đã nói, cư sĩ vương bình. Mỗi ngày ông cho người mời chư Tăng hoặc các liên hữu luân phiên đến nhà trợ niệm. Lại dẫn trước giường thiết bàn Phật, hương đèn tiếp nối luôn. Từ đầu hạ tuần tháng bảy đến đầu hạ tuần tháng tám, suốt ba mươi ngày. Từ Hy

<sup>14</sup> Nguyên văn "Bất tham diệt bất niệm. Đắc pháp khả xả pháp". Ý nói: Tham thiên và niệm Phật đều là phương tiện để chứng đạo pháp, cho nên không tham thiên tất phải niệm Phật. Nếu không tham cũng chẳng niệm, chỉ trừ bậc đã chứng đạo pháp mà thôi. Bậc đắc đạo mới bỏ pháp phương tiện, như người đã qua bờ kia mới bỏ chiếc bè. Trái lại, tất phải chìm trong biển khổ, không làm sao cứu vớt được.

không ăn cơm cháo được, chỉ uống nước gạo rang tiếp sức mà thôi. Người nhà rước y sĩ đến, ông tự biết không thể qua khỏi, kiên quyết chẳng chịu uống thuốc. Khi bệnh ngặt sắp mãn phần, cư sĩ mạnh mẽ đem hết tàn lực chấp tay niệm Phật to tiếng mà vãng sanh.

⊗ Vợ của Từ Hy là Nghiêm thị, thờ bình cư cũng trì chú niệm Phật. Đến bảy mươi ba tuổi, vì vương chứng kiệt lý, nằm liệt trên giường, song vẫn liên tiếp thầm trì niệm. Một hôm bà cảm thấy sự đau khổ nơi thân bỗng tiêu tan, chứng điếc tai từ lâu cũng dứt hẳn, nghe được tiếng lớn nhỏ gần xa. Người con là Lập Phương đem việc vãng sanh để sách tấn. Nghiêm thị bảo: “Mẹ vẫn thường niệm Phật, chưa từng tạm quên”. Vào khoảng canh hai đêm ấy, bà bảo người nhà rằng: “Rạng ngày ta sẽ đi!” Rồi ngồi dậy cầm chuỗi, lớn tiếng niệm hết một tràng, tới đó mới sức mới chịu nằm xuống. Đến sáng hôm sau, bà nhìn quanh thốt lời giã biệt rằng: “Đã tới thời khắc ta vãng sanh!” Nói đoạn gượng ngồi lên, chấp tay nghiêm chỉnh. Lập Phương khuyên: “Mẹ nên đi thẳng một đường, đừng nghĩ ngợi chi cả!” Nghiêm thị quả quyết ứng tiếng đáp: “Được!” Rồi niệm Phật độ mười hơi mà thoát hóa.

⊗ Bạn đồng sư của Từ Hy là Kim Đình Đông tự Hữu Lan, người ở Tô Châu cũng chuyên tu tịnh nghiệp. Mùa đông năm Đạo Quang thứ hai mươi, ông mang bệnh. Biết mình sắp mãn phần, ông cho thỉnh thầy quy y là Lượng Khoan hòa thượng cùng vài thiện hữu đến thưa rằng: “Hữu Lan đã

đến bờ vực sống chết, xin thầy và các đồng bạn giúp cho thành tựu duyên sen!” Hòa thượng và đại chúng đồng thanh xưng danh hiệu Phật trợ niệm. Giây lát, ông nói: “Hiện thời tôi thấy trước mắt đất đai đều là bảy báu hợp thành, chân đạp bước lên mềm mại êm như bông. Những tiếng nghe bên tai đều nhiệm màu khó diễn tả. Lại thấy xa xa về phương Tây có tám chữ sắc vàng rất phân minh”. Một liên hữu cái chính nói: “Anh lầm rồi! Nay đại chúng chỉ niệm tụng có sáu chữ thôi”. Kim Đình Đông đưa tay chỉ bảo: “Cực Lạc Thế Giới A Di Đà Phật, chẳng phải tám chữ là gì?” Độ một lúc lâu, cư sĩ lại chấp tay thưa với thầy rằng: “Đệ tử xin đi!” Rồi nhắm mắt mà hóa.



### TIÊN VẠN DẬT



Cư sĩ Tiên Vạn Dật tự Dục Sơn, người đời Thanh, quê ở trấn Mai Lý xứ Thường Thục. Buổi thiếu thời, Vạn Dật theo gia nghiệp, chuyên bán rượu. Sau ông đổi nghề, giới sát làm lành tu tịnh nghiệp, hết sức sửa lỗi lầm trước. Vạn Dật chỉ có một trai, chẳng may bị bệnh lao, niệm Phật mà qua đời. Người láng giềng chê cười, bảo tại lo tu hành nên con mới chết. Ông nghe nói chỉ mỉm cười, vẫn an nhiên thờ Phật như cũ.

Một đêm lửa bén cháy nhà, Vạn Dật chấp tay ngửa lên hư không khẩn rằng: “Nghiep con nặng, đáng bị thiêu hủy gia sản, nguyện xin đừng tổn thương đến những nhà gần bên!” Sau khi lửa tắt, chỉ có nhà ông tiêu ra tro, các gia cư gần đó đều không sao cả. Cố gắng lo chỗ ở tạm xong, Vạn Dật lại khuyên mẹ là Ngô thị trường trai niệm Phật, bà mẹ y theo lời. Kế tiếp ông cũng tự ăn chay trường, nhưng vì tập quán cũ hễ còn, nên thường hay uống rượu. Song nhờ có người thân thích là cư sĩ Tạ Phụng Ngô khuyên can, ông cố gắng lần dứt trừ được.

Mùa xuân năm Đạo Quang thứ hai mươi hai, vợ đầu chết, Vạn Dật vẫn sống trong cảnh lẻ loi. Nhiều người khuyên nên tục huyền, ông cự tuyệt và bảo: “Đã có con mà bị chết sớm, tái thú nữa để làm gì? Và lại chỉ tôi ở nơi xuất tục, có phải khăng khăng trong sự nối dõi đâu!” Mùa hạ năm ấy, ông đau bệnh lạc huyết, chí thoát trần càng tha thiết, vẫn cố gắng gia công niệm Phật. Đến đầu tháng bảy, bệnh ông thêm nặng, ăn vào liền mửa ra. Phụng Ngô sang viếng thăm, nhân an ủi bảo cho biết: Cổ đức đã có một vị nhịn ăn để cầu thấy Phật. Vạn Dật nghe nói, mừng rỡ bảo: “Nếu có việc rất tiện lợi như thế, tôi sẽ gắng sức làm theo”. Liên hôm sau, ông tắm gội sạch sẽ, đến trước bàn Phật niệm hương phát nguyện giữ thanh trai trong bảy ngày, xuất tiền mua vật mạng phóng sanh để cầu về Tịnh độ. Kế đó ngày đêm ông niệm Phật không dứt, lúc khát chỉ ăn trái dưa mà thôi. Có người hỏi: “Suốt đêm không ngủ như thế, có

mệt mỏi chẳng?” Vạn Dật đáp: “Nhờ không ngủ mới niệm Phật được nhiều. Khi tôi không bệnh thì chẳng được an nhàn. Nay nhân lúc bệnh được rảnh rang, phải gắng sức, có mệt nhọc chi đâu!”

Bảy ngày vừa mãn, bởi tuyết cốc nên kiệt sức, thân thức ông hôn loạn. Người nhà cho ăn chút cháo loãng, liền buồn dạ no hơi, hôn loạn càng thêm. Vạn Dật cả sợ, chấp tay để trên gối, bảo đốt ngón tay cúng dường Phật. Phụng Ngô nói: “Lúc này mà anh phát được tâm nguyện ấy, thì cũng đồng như đã đốt ngón tay rồi. Thôi chi bằng rửa sạch muôn duyên, nhứt tâm cầu về Cực Lạc là hơn!” Ông nghe nói liền nhắm mắt niệm Phật, ban sơ như còn gắng gượng, kế đó nhờ dùng sức đông mãnh, nên thân chí lần lần an định. Duyên may nhờ mười mấy liên hữu hay tin đến trợ niệm, nên ngày đêm trong nhà ông tiếng niệm Phật nói nhau không dứt.

Chiều bữa mùng mười tháng bảy, Vạn Dật tự nói thấy một vị đi đến trước đầu giường, bảo cả dưa và trái cây đều cho chó ăn, hỏi thì xưng là sứ giả ở thượng giới. Qua ngày hôm sau, ông bỗng thấy Tây phương Tam Thánh hiện thân sáng đẹp trang nghiêm đứng giữa hư không. Đức Đại Thế Chí Bồ Tát tay bung kim đài mỉm cười nhìn xuống. Ông muốn vượt lên ngòai vào kim đài, chợt nghe tiếng bảo: “Thân ngươi còn chưa sạch!” Kế đó các tướng đều ẩn mất. Vạn Dật liền nấu nước thơm để mình tắm gội. Sau khi tắm rửa thay y phục mới xong, Tam Thánh lại hiện ra như

trước. Ông gọi người nhà lại nói: "Tôi đã dạo chơi Tịnh độ, thấy vô số hoa sen, mình ngồi trên một đài hoa, vui không thể tả!" Lại tự chỉ thân mình nói: "Đây không phải là thân tôi".

Sáng sớm ngày mười hai, Vạn Dật tạm biệt mẹ và thưa rằng: "Phật cùng chư thánh chúng đã đến đây nhà. Con đi đây!" Nói xong, liền chấp tay niệm Phật mà vãng sanh. Lúc bấy giờ, ông được ba mươi bảy tuổi.



### CHÂU LÂN THƠ



ư sĩ Châu Lân Thơ tự Văn Tuyên, người đời Thanh, nguyên là hàng chư sanh ở Tân Dương. Lúc gần năm mươi tuổi, ông bị bệnh nặng suýt chết, sau khi được lành mạnh, sanh niệm sợ hãi mới đề tâm nghiên cứu về kinh Phật. Ông duyệt xem nội điển rất nhiều, thường đem các sách khuyến thiện tặng cho người.

Bấy giờ Lượng Khoan hòa thượng từ chùa Sư Lâm thối viện, về trụ ở am Tôn Thắng, nổi tiếng là bậc hạnh giải kiêm toàn. Lân Thơ nghe danh đến thọ Tam quy ngũ giới, được pháp danh là Như Nhân. Cư sĩ gọi các bạn đồng tu

đến kiết Liên xã ở am Tôn Thắng, mỗi tháng họp một lần, lễ Đại Bi sám pháp và niệm Phật. Mỗi kỳ hội đều có giảng diễn về pháp môn Tịnh độ, và cùng trình bày chỗ kinh nghiệm để sách tấn lẫn nhau. Về sau cư sĩ đôi mắt lần kém không xem kinh sách được, nhưng khóa tụng càng siêng cần. Khi đi đứng nằm ngồi, đều thâm niệm Phật hiệu không dứt. Đến bảy mươi tuổi, Vân Thơ vương bệnh dây dưa vài tháng. Trước khi mãn phần mấy ngày, cư sĩ mộng thấy hào quang sắc trắng chiếu sáng rực rỡ. Thức giấc, ông viết mấy bài kệ như sau:

#### I

*Lạc bước trần lao danh lợi mê  
Đua toan nào kẻ tội muôn bề!  
Vợ nhà hờn trách khi cùng quẫn  
Kiếp tạm ngày qua luống ừ ê!*

#### II

*Lân hồi vui đạo biết an phân  
Dưỡng tánh gìn lòng lại nẻo chân.  
Ứng phó tùy cho xong nợ trước  
Cánh duyên hoa mộng mặc xoay vần!*

#### III

*Trôi dạt tha hương bảy chục thu  
Nổi chìm vinh nhục há không đo?*

*Quay đầu bên gác đi về thẳng  
Tùy cảnh chỉ sờn bước tịnh du.*

IV

*Nghệp báo ngày nay trả dứt xong  
Rất may tánh Phật chẳng mê lòng.  
Vô sanh đặt bước đường bằng ổn  
Liên quốc miền vui trước mắt trông!*

Khi bệnh ngặt sắp mãn phần, cư sĩ gắng sức ngồi lên niệm Phật mà hóa. Tuy tắt hơi đã lâu, song hai tay vẫn chấp lại chẳng buông ra. Các liên hữu dò thăm, đỉnh đầu rất nóng. Bảy giờ nhằm mùa đông năm Đạo Quang thứ hai mươi lăm.



**CỦ TẤN HÒE**



ù Tấn Hòe, người ở Thường Thục, bình thời không tin Phật, cho việc cầu sanh Tây phương là đại ngu. Tháng ba năm Đạo Quang thứ mười bảy, ông bị chứng lạc huyết lần lần chuyển nặng, thuốc thang vô hiệu. Một đêm, Tấn Hòe nằm thấy thần báo mộng

rằng: “Bệnh của người duy có họ Tôn mới chữa trị được thôi!”

Tỉnh giấc, ông nhớ trong hàng thích hữu có y sĩ Tôn Chiên Lâm, liền cho người mời đến điều chân. Chiên Lâm xem mạch xong, bảo: “Bệnh đã thâm nhập khó bề cứu vãn, dù hốt thuốc chẳng qua là gắng gượng làm cho tận hơn sự mà thôi. Nếu anh chịu phát tâm niệm Phật hồi hướng, đó mới chính là diệu phương. Bằng chẳng thế thì tôi không thể nào làm chi hơn được!” Tấn Hòe nghe nói liền nguyện xin niệm Phật, rồi gọi người nhà dặn: “Từ nay tôi giữ giới sát, xin vì tôi mua vật mạng phóng sanh”. Lại bảo: “Nay tôi đã tỉnh ngộ, hãy đến chùa mời Hòa thượng đến nhà để truyền thọ quy giới, và xin sám hối túc nghiệp!” Đó là ông đột nhiên tự phát tâm, từ trước đến nay chưa có ai nói cho biết chuyện ấy.

Trước khi mãn phần vài ngày, Tấn Hòe đem việc nhà giao phó dặn dò với mẹ, như người sắp đi xa. Đến ngày mười bốn tháng tư, ông gượng ngồi dậy tựa vào ghế, bỗng ngược mắt nhìn lên như thấy cảnh giới chi. Kế đó chấp tay lớn tiếng liên tiếp niệm A Di Đà Phật hơn mười câu, rồi tắt hơi đi thẳng.

**LỜI BÌNH:**

Có kẻ nghĩ rằng Tấn Hòe cơ duyên đã thuận thực, tại sao vị thần không dạy bảo ngay, lại chuyển lời nhờ đến họ

Tôn? Ôi! Há chẳng nghe thờ Phật còn tại thế, dân chúng trong một thành nọ không ai hóa độ được, mà chỉ có duyên với ngài Mục Kiền Liên đó ư?



### TÔN TÙNG ĐÌNH

**T**ôn Tùng Đình, người ở Tiền Đường, bình thời vốn thờ bà Đầu Mẫu. Mùa thu năm Đạo Quang thứ mười bảy, đang lúc năm bình, thấy có nhiều vị đem cờ lọng xe ngựa đến chờ đón rước. Ông liền gọi thân quyến thuật lại việc đó, và nói: “Thôi xin trân trọng già biệt tất cả, tôi sắp đi đây!” Người em út là Tôn Hựu Thôn ngăn lại bảo: “Hãy khoan! Đó là cõi qui thần, không phải chỗ tốt, xin anh đừng đi theo!”

Giây lát, Tùng Đình nói: “Vì tôi không chịu đi, nên các vị ấy đều ần mắt, bây giờ biết về nơi nào?” Hựu Thôn đem pháp môn Tịnh độ ra giảng khuyên. Tùng Đình nghe nói vui vẻ phấn chấn, muốn xưng hồng danh Phật, song lúc đó lưỡi cứng nói đờ không thể niệm thành sáu chữ. Hựu Thôn liền giúp lớn tiếng trợ niệm, Tùng Đình mới nương theo tụng ra tiếng được rõ ràng. Niệm đến hơn một ngàn câu, ông liền im lặng mà về Phật.

### ĐÌNH ĐỒNG TỬ



Đình đồng tử, người ở trấn Mai Lý xứ Thường Thục. Lúc lên bảy, cậu bé nghe cha mẹ niệm Phật, nên mỗi buổi sáng cũng ra trước bàn Phật trì niệm theo.

Không bao lâu em vương bệnh nhẹ, sớm mai đang nằm bỗng chợt ngồi dậy nói: “Hôm nay chưa niệm Phật là tự lầm lỗi to rồi!” Liền vội gượng đi súc miệng rửa mặt, ra trước lễ Phật trì niệm xong, mới nằm trở lại. Đến xế chiều cậu bé thưa với mẹ rằng: “Con thấy đằng xa trước mắt có ao bấu lớn, hoa sen đua nhau tươi nở, giữa hư không Phật và chư thánh đang chờ đón rước. Con xin theo Phật về Tây phương, mong cha mẹ đừng lấy làm kinh lạ!” Đoạn liền tiếp niệm Phật một lúc lâu rồi ngất đi. Trong cơn bất ngờ, người mẹ còn mong chờ con tỉnh lại, song chỉ nghe tiếng nấc nấc trong cổ họng, như muốn nói mà không ra lời. Bỗng đồng tử niệm to bốn chữ: “Đại từ đại bi...” rồi tắt hơi.

Qua hôm sau nhập liệm, cả mình đều lạnh, chỉ có đỉnh đầu còn nóng.





### KHUYÊN TU

I

Biển trần tham dục biết sao cùng!  
 Khóa lợi vàm danh có dứt xong.  
 Tinh niệm nếu xoay thành Phật niệm  
 Tây phương Cực Lạc một đường thông.

II

Nghĩ sâu địa ngục phát bồ đề  
 Trở gót quê sen chớ lại mê!  
 Nong nả lối xưa nên sớm bước  
 Kẻo khi trời tối lạc đường về.

III

Niệm Phật đâu từng ngại việc làm  
 Người theo công việc tự mê tâm.  
 Bóng câu thân huyền không tồn tại  
 Chớ phụ trời Tây đấng Nguyên vương!

IV

Mãi tranh mưa tạnh ánh dương hồng  
 Thoáng chốc mù che lại chẳng đồng.  
 Huống nữa mạng người trong nhịp thở  
 Chuông mai còn chắc được nghe không?

V

Sống chết mênh mang khắp biển trần  
 Di Đà thuyền nguyện độ mê tân.  
 Kiếp xưa có phận đời nay gặp  
 Mau bước lên thuyền lại cõi chân.

VI

Một niệm mê sanh vạn mối mang  
 Trần lao nghiệp thức kết thành đoàn!  
 Nếu không phải bậc tâm hùng liệt  
 Đâu dễ vơn mình đến Lạc Bang?



## DƯƠNG THỊ

**D**ương thị người thời Càn Long nhà Thanh, nguyên là bà nội của cư sĩ Viên Từ Tài. Vì con trai mất sớm, bà nương theo con gái là Hồng phu nhân mà tu hành.

Dương thị tĩnh cư riêng ở một gian lầu, ba mươi năm chân không bước xuống đất. Bà thờ Quán Âm đại sĩ rất thành kính, tụng kinh niệm Phật không ngắt. Tánh lại hiền từ, nếu nghe dưới lầu có tiếng đánh đập nô tỳ, thì bâng hoàng ăn không được. Có đứa tớ gái nào lên lầu, bà liền chia thức ngon của mình cho ăn. Đến chín mươi bảy tuổi, trước khi mãn phần, Dương thị bảo lấy bồn để rửa chân. Cô tớ gái xách cái bồn bằng gỗ thường dùng đem đến. Bà nói: "Không được! Lân đi này ta sẽ bước lên hoa sen, hãy lấy cái bồn bằng đồng đem lại đây!"

Rửa chân vừa xong, bỗng nghe mùi hương thanh lạ như chiên đàn bay ngào ngạt khắp gian phòng. Dương thị liền ngồi kiết già niệm Phật mà hóa. Trái hơn ba ngày đêm mùi hương ấy mới tan.



## NHAN THỊ

**N**han thị, hiệu Huệ Phương, người ở Triều Dương tỉnh Quảng Đông, nguyên là vợ của Lâm Chi Kỳ và mẹ của cư sĩ Lâm Tiết. Chi Kỳ nhà nghèo, khổ công học tập song thi mãi không đỗ, nên u uất thành bệnh mà mãn phần. Lúc ấy Nhan thị đang có thai, hơn tháng sau mới sanh ra Lâm Tiết.

Tánh bà hiền thực, tuy chồng vừa chết, nhưng nhờ bên cha mẹ ruột giàu có được chia phần ăn, nên sự sống cũng tạm yên. Nhan thị hiếu đễ với cha mẹ chồng, hòa thuận cùng làng xóm, giữ tiết nuôi con cho đến khi khôn lớn. Gia thế vốn thờ phụng đức Quán Âm, đến phiên bà lại càng thêm lễ niệm thành kính. Một hôm bàn tay bà bị gai đâm sưng lên đau đớn khó chịu, dùng nhiều thứ thuốc xoa uống vẫn không hiệu nghiệm. Đêm nọ, Nhan thị mộng thấy Bồ Tát đến xoa nắn chỗ đau, trao cho một hạt đậu, ăn vào thấy ngọt. Lúc tỉnh dậy, bệnh liền dứt hẳn. Từ đó bà phát tâm ăn chay trường và tụng kinh niệm Phật, mỗi ngày đều có định khóa.

Trái mười lăm năm, Nhan thị tu hành một mực như thế không thôi chuyển. Trước khi mãn phần một tháng, bà gọi con và dâu lại khuyên bảo trai giới tu niệm, lại dặn sắm y phục mới cho mình cách thức như nhà tu. Trước giờ lâm chung, Nhan thị ngồi niệm Phật một lúc rồi yên lặng vãng

sanh, thọ sáu mươi lăm tuổi. Sau khi bà mất, Lâm Tiết mộng thấy mình theo thanh y đồng tử, ngồi thuyền vượt biển đến một chỗ lâu các nguy nga ánh sáng rực rỡ. Có một vị lại gần bên báo: "Mẹ ngươi là Ưu bà di Nhan thị, đã vãng sanh về cõi Cực Lạc!"

Bảy giờ vào khoảng cuối năm Gia Khánh đời Thanh.



### TIỀN LAN TRINH

**T**iền Lan Trinh, người đời Thanh, quê ở Tô Châu. Thuở bé, tánh cô rất đoan trang nghiêm tĩnh. Lớn lên, được cha mẹ gả cho họ Cố. Về sau đang lúc mang thai, cô bị bệnh nguy ngặt, nửa thân hình đều lạnh, tâm thần mê loạn. Có hàng chí thích nhân đến thăm, khuyên người chồng nên lập thế giữ sát, và niệm thánh hiệu Quán Thế Âm. Họ Cố chí tâm tin theo lời. Ba hôm sau, Tiền thị cả mình đều xuất hạn, con bình dương như mất hẳn.

Sau khi lành bệnh, Lan Trinh phát tâm niệm Phật và thánh hiệu Quán Thế Âm. Cô giữ thời khóa rất chắc, dù lúc tiết trời giá lạnh hoặc nóng bức, vẫn không thay đổi. Mùa

đông năm Đạo Quang thứ hai mươi tám, Lan Trinh nhiễm chứng lạc huyết, bệnh lần thêm nặng. Dây dưa đến ngày mùng tám tháng mười năm sau, cô bỗng nói: "Biển khổ mệnh mang, ba hôm nữa tôi đã có thể ra khỏi!"

Đến sáng ngày mùng mười, Lan Trinh bảo lập bàn hương án phía bên hữu giường nằm, rồi báo: "Hôm nay quyết định về Phật!" Nói đoạn, niệm danh hiệu đại sĩ, giầy lát bông xung A Di Đà Phật. Tới giờ Thân tiếng niệm Phật lần thấp nhỏ, hướng về Tây an lành mà mãn phần. Qua hôm sau, đánh đầu còn nóng. Cô hương dương được hai mươi chín tuổi.



### TRÂM TRINH NỮ

**T**râm trinh nữ, quên sót tên, nguyên là con gái của cư sĩ Trâm Tuyết Phong. Thuở bé, cô nghe cha mẹ giảng nói về lý nhân quả, lập chí giới sát phóng sanh. Lớn lên, nghe nói đến việc nghị hôn, liền khóc lóc không ăn. Cha mẹ dò hỏi ý, cô đáp: "Con muốn chờ học cho kinh nghĩa thông thuộc, rồi sẽ xuất gia làm ni". Trâm cư sĩ nghe nói, liền khen ngợi chấp thuận.

Bây giờ cô mới vừa thông văn tự, chỉ đọc Di Đà, Kim Cang, Tâm kinh, chú Đại Bi, Song chưa hiểu nghĩa, duy một lòng niệm Phật mà thôi.

Không bao lâu mẹ mất, Trinh nữ liền phát tâm trường trai. Lúc cô hai mươi một tuổi, vào đầu tháng năm, bỗng vương chứng thời khí, bệnh dây dưa hơn vài mươi ngày. Trầm cư sĩ thăm bệnh, thường thường dặn con niệm Phật quán Phật, một lòng hướng về Tây phương. Sáng sớm ngày ba mươi, cô hôn mê, cư sĩ gọi tên để cảnh tỉnh, chỉ bày sự vui vẻ khi sanh về Tây phương, và bảo con an lòng niệm Phật. Sang giờ Mùi, cô bỗng bảo đưa tở gái đỡ dậy, ngồi hướng về Tây chấp tay niệm Phật. Lúc đó, nhân bà mẹ của quan Tri huyện bị bệnh, Trầm cư sĩ được rước đến chẩn mạch, nên đi vắng. Trinh nữ niệm Phật giây lát, bỗng mở mắt nhìn quanh, hỏi cha ở đâu? Gia nhơn đáp: "Ông đi lên huyện". Cô nói: "Không việc chi, chẳng cần gọi cha tôi về, chỉ xin nhờ chuyển lời nói người nên an lòng. Vừa rồi tôi được hai vị Bồ Tát dẫn đi đến thế giới Cực Lạc, bảo Phật đã thọ ký cho vào hàng Hạ phẩm hạ sanh. Nhân vì tôi có hiểu tâm cát thịt bấp về hai phen sắc hòa với thuốc để trị bệnh song thân, nên được đổi lại thành Hạ phẩm trung sanh!" Lúc đó bà quản gia họ Tôn, cũng trường trai niệm Phật, nghe cô thuật lại tình hình ấy, liền thưa: "Tiểu thơ là bậc đồng nữ tu chân, nên mới được sự lợi ích như thế. Còn chúng tôi tu hành nửa vời, chắc bước theo không kịp!" Trinh nữ bảo: "Các vị bình thời niệm Phật chưa chân thiết,

e không đắc lực. Nếu có thể chân tâm niệm Phật, đến lúc lâm chung như thế này mới biết được sự thọ dụng. Các vị nên cố gắng. Thôi tôi xin đi!" Nói xong, liền nhắm mắt mà qua đời.

Đến giờ Dậu, Trầm cư sĩ trở về, mới nghe thuật lại mọi việc. Ông lại dò thăm, thấy đánh dấu cô hầy còn nóng.



### BẠCH THỊ

**B**ạch thị, người vào thời Quang Chử nhà Thanh, nguyên là bà ngoại của cư sĩ Châu Thuần Phu. Đến tuổi trung niên chồng bị bạo bệnh mất, kế tiếp con trai và dâu đều nối nhau qua đời. Nỗi thương chồng khóc con quá nhiều, khiến cho bà đôi mắt mù lòa, không còn chút chi là sanh thú.

Từ đó, Bạch thị lạnh lùng với trăm việc, chuyên tu Tịnh độ, đi đứng năm ngồi niệm Phật không ngớt. Đến năm sáu mươi sáu tuổi, vào tháng tám bà bỗng cảm bệnh nhẹ, cho người gọi con gái về gấp. Lúc đó cư sĩ Châu Thuần Phu cũng theo mẹ sang nhà bà ngoại. Tới nơi, thấy bà ngồi ngay thẳng trên giường, tở hồ như không có bệnh chi. Bà bảo con

gái: “Mẹ định vào giờ Dần ngày hai mươi sáu tới đây sẽ về Tây phương nên mới bảo con sang gấp!” Thân mẫu của Châu cư sĩ thăm hỏi, giọng nói đầy vẻ bi thương. Bạch thị khuyen: “Từ lâu đối với việc đời, lòng mẹ đã nguội lạnh như tro tàn, không còn chi tham luyến. Mẹ xem sự sống chết đều là tướng huyễn, con hãy cố gắng niệm Phật để cầu giải thoát, chớ nên lo buồn!” Đến nửa đêm ngày hai mươi lăm, bà bảo con gái vì mình nấu nước tắm gội và thay đổi y phục mới sạch. Mọi việc xong, bà ngồi kiết già nơi giường, xây mặt về Tây niệm Phật.

Lúc đó hàng thân tộc tụ họp hơn hai mươi người. Tới canh năm, Bạch thị bảo mỗi người cầm một cây hương đốt lên chấp vào tay, đồng thanh to tiếng niệm: Nam mô A Di Đà Phật. Bà cũng cao tiếng niệm theo. Đến lúc trời hừng sáng, một cơn gió thơm nhẹ thổi tới, tất cả đều nghe có tiếng âm nhạc văng vẳng giữa hư không. Tiếng niệm của Bạch thị cũng thấp nhỏ dần rồi dứt hẳn. Một người thân lại gần xem thì bà đã về Phật.



## MỘT TRINH NỮ

Một trinh nữ ở làng Đông tại Hoàng Pha, tỉnh Hồ Bắc, ký giả quên sót tên họ. Cô bẩm sinh đã có túc huệ, rất nhiệt tâm hướng về đạo. Lúc hơn mười tuổi cha mẹ chọn nhiều nơi định hôn phối, Trinh nữ đều khóc lóc từ chối thệ quyết không chịu lập gia đình. Chẳng bao lâu, cô xin cha đến chùa cầu thọ giới Bồ Tát, kế tiếp chuyên tu Tịnh độ. Cô giữ thời khóa tụng rất chắc, chân không bước khỏi khuê môn.

Một hôm, người chị dâu đang bồng con, bảo cô lấy giùm tâm tã. Trinh nữ đáp: “Tâm em là tâm Phật, tay em tức là tay Phật, thiết tưởng không nên đụng chạm đến những thứ đó!” Người chị dâu cười lạt bảo: “Em không phải kẻ xuất gia, cứ ở nhà mãi như thế này, ngày kia cũng chưa khắc khỏi có đôi bạn. Rồi chừng ấy làm sao tránh được việc nuôi con?” Trinh nữ nghe nói đứng ngậm ngùi bàng hoàng một lúc, bất đắc dĩ nhón hai ngón tay cầm tâm tã đem lại. Đến tuổi cập kê, cha mẹ nhận lời người đến hỏi và bắt buộc cô phải lấy chồng. Trinh nữ chỉ biết buồn thương và chí thiết niệm Phật cầu nguyện. Gần tới ngày cưới cô cảm bệnh nhẹ, thưa với cha mẹ rằng mình sắp về Phật, xin lo trước hậu sự. Song thân cô không tin, nên chẳng nghe lời. Trước lễ cưới một ngày, Trinh nữ từ giã cha mẹ rằng: “Con đã được hân hạnh sanh về Tây phương Cực

Lạc thế giới, xin song thân cố gắng tu hành, đừng nên hoài niệm!” Nói xong, cô chấp tay niệm Phật một lúc rồi thoát hóa.

Sau khi cô mãn phần, người nhà y lời trời dẫn trước, liệm thi hài trong một chiếc vại to bằng sành. Ba năm sau đem ra định thiêu hóa, thấy thân thể cô không tan rã, chẳng có chút mùi hôi, dung mạo tươi như sống. Duy nguyên hai ngón tay cầm tã thì lộ sắc nám đen.



### CHÂU PHU NHƠN



hâu phu nhơn, người đời Thanh, nguyên là vợ của Vương Sở Thân ở huyện Sơn Âm tỉnh Triết Giang, và mẹ của Vương Tâm Tam, một cư sĩ hữu danh thuở ấy. Năm hai mươi sáu tuổi, bà về với họ Vương. Bên chồng nhà giàu, lại rất tin Phật pháp. Phu nhơn cũng sùng tín ngôi Tam Bảo, từng xuất cửa lập chùa thờ đức Quán Âm đại sĩ và cất miếu thờ thần Thiên Y. Ngoài ra, lại còn bố thí giúp đỡ kẻ nghèo bệnh, phóng sanh, tiếu giấy chữ, tóm lại tất cả việc lành đều hết sức đề xướng và thật hành. Những thiện cử trên tuy do Vương quân nắm phần cương lĩnh, song kỳ thật nhờ phu nhơn âm thầm

khuyến khích và giúp đỡ rất nhiều.

Từ khi về nhà chồng, phu nhơn liền ăn chay trường, mặc áo vải, ban ngày thì thêu dệt may vá, ban đêm lại lễ Phật tụng kinh. Công việc cứ giữ điều hòa như thế, suốt cả năm không bước chân ra ngoài cửa ngõ. Phu nhơn tánh trầm lặng ít nói, khi hàng thân thích đến thăm, sau ít lời hàn huyên, liền dẫn giải việc tội phước nhân quả. Lúc Vương quán qua đời, hai trẻ hầy còn nhỏ dại, phu nhơn phụng sự mẹ chồng, giáo huấn con thơ, trải đủ nỗi gian nan, hiểu từ đều trọn vẹn. Bà có hỏi con gái họ Lữ cho Tâm Tam, song chưa kịp cưới thì cô ấy bị đau, mù cả đôi mắt. Hàng thân tộc đều khuyên bảo nên thôi hôn, nhưng phu nhơn cự tuyệt không nghe theo, cưới đem về, lại dặn Tâm Tam rằng: “Đang khi con sang làm lễ hỏi, thì vợ con đôi mắt hầy còn sáng và tươi đẹp. Nhưng trước khi cưới, nó lại bị mù lòa, đây cũng là phần số của con. Nếu mẹ và con chê bỏ, tất sẽ làm hư hỏng và tui nhục đời một người con gái. Vậy con phải săn sóc và thương yêu vợ con, giữ trọn bốn phận làm chồng cho đến lúc nó mãn phần!” Chi riêng một điều này, đủ thấy phu nhơn là một người đầy lòng từ bi và nhân hậu.

Trước kia cứ sáng sớm phu nhơn đều tụng Tâm kinh, mỗi ngày có định số. Từ khi sùng cư, bà chuyên tâm niệm Phật, quyết định cầu sanh về Tây phương. Vào tháng ba đầu niên hiệu Tuyên Thống, mẹ chồng mất, phu nhơn lo việc tang lễ chôn cất rất chu đáo, nỗi thương cảm nhọc nhằn khiến thành đau bệnh. Bà nằm liệt nơi giường hơn bốn mươi

ngày mới mãn phần. Ba hôm trước khi lâm chung, phu nhon dặn hai con lo các việc hậu sự và bảo: "Ba ngày sau vào giờ Ngọ, mẹ sẽ về Phật. Hai con nên tiến tu đức nghiệp, gắng làm người hoàn thiện, và theo gương mẹ chuyên niệm Phật cầu sanh Tây phương!" Đến thời khắc đã định, bà gượng ngồi dậy nhắm mắt thàm niệm Phật, trạng thái rất an lành. Tâm Tam hỏi có thấy chi không, phu nhon đáp: "Hãy đốt ngọn đèn lồng treo trước cửa và đừng hỏi han làm loạn chánh niệm của ta!" Nói xong bà ngồi yên một lúc rồi lặng lẽ thoát hóa. Máy giờ sau, Tâm Tam dò xem thấy hai tay phu nhon đều mềm dịu, đánh đầu rất nóng.



### XÓA SẠCH DUYÊN TRẦN

(Phỏng dịch "Thất Bút Câu" của ngài Liên Trì)

#### I. XÓA SỰ HIỆU DƯỞNG THEO ĐỜI

Công sanh dưỡng  
 Biển thẳnon cao  
 Gắm vóc trần tu đáp được nào?  
 Cha mẹ lia trần cầu  
 Đạo con mới thành tựu!  
 Ôi chà chà!  
 Giải thoát xuất trần nhân lớn lao  
 Phàm tình đâu đã hiểu!  
 Châu hiền cùng con thảo

Chân không, lẽ diệu mau tham cứu!  
 Bởi thế nên đem  
 Năm sắc kim chương xóa sạch lâu!

#### II. XÓA TÌNH VỢ CHỒNG ÂN ÁI

Vợ chồng duyên đẹp  
 Loan phượng mến yêu  
 Mỗi giây ân ái thuở nào tiêu?  
 Mộng ảnh theo lẻo đẹo  
 Duyên hết lia đôi nẻo!  
 Ôi chà chà!  
 Vần vương vui hết lại buồn đau  
 Tam đồ thêm khổ não!  
 Xét rõ phá oan gia  
 Tìm cửa đạo mau mau thoát tháo.  
 Bởi thế nên đem  
 Cá nước duyên kia xóa sạch lâu!

#### III. XÓA LÒNG QUYỀN LUYẾN CON CHÁU

Cháu con đeo đẳng  
 Như thịt bừa thừa.  
 Vì con cháu chịu kiếp trâu lừa!  
 Họ Đậu non Yên xưa  
 Ngày nay đâu còn nữa?  
 Ôi chà chà!  
 Nghĩ lo trăm kể lại ngàn mưu  
 Cũng về nơi Ô hữu!  
 Trở lại tánh Bản lai  
 Dẫu rằng vạn kiếp trường xuân hảo!  
 Bởi thế nên đem  
 Con cháu kim lan xóa sạch lâu!

IV. XÓA BỎ NIỆM CÔNG DANH

Công danh khoa bảng  
 Riêng chiếm ngao đầu  
 Vui mừng đặc ý buổi thanh thu!  
 Ăn vàng ngồi tỉnh đầu  
 Danh đẹp thơm trường cửu  
 Ôi chà chà!  
 Bao nhiêu thanh thiếu những mong cầu  
 Tóc xanh thành bạch thủ!  
 Khi tỉnh giấc hoàng lương  
 Một tiếng cười khan đời mộng ảo!  
 Bởi thế nên đem  
 Quý hiển công danh xóa sạch lâu!

V. XÓA BỎ SỰ THAM SANG GIÀU

Của tiền giàu có  
 Xe ngựa nhà lầu.  
 Lây lừng thanh thế sánh vương hầu.  
 Khi cầu nhiều kiếp khổ  
 Lúc được lo nghiêng đổ!  
 Ôi chà chà!  
 Đạm thanh biết đủ thặng trân tu!  
 Áo gai đường cầm tú!  
 Khoảng trời đất tiêu dao  
 Nhà rộng của nhiều đâu đủ báu?  
 Bởi thế nên đem  
 Tài sản điền viên xóa sạch lâu!

VI. XÓA TÂM MÊ ĐÂM SẮC TÀI

Cầm kỳ văn họa  
 Tài sắc phong lưu  
 Gieo vàng tỏ ngọc vẽ tươi màu!  
 Cờ thi hòa rượu đầu  
 Cầm ca đều đặt tầu!  
 Ôi chà chà!  
 Gấm hoa xán lạn suốt canh thâu  
 Nhã nhạc lưng ngưu đầu!  
 Già chết chợt đến nơi  
 Cấp cứu trăm luân ai đảm bảo?  
 Bởi thế nên đem  
 Tài sắc văn chương xóa sạch lâu!

VII. XÓA TÁNH ƯA THÍCH DU NGOẠN

Dạo chơi thắng cảnh  
 Thu đẹp xuân kiều!  
 Túi thi đàn rượu khắp ngao du!  
 Non nước vãi thân hữu  
 Mưa khói mờ hoa liễu!  
 Ôi chà chà!  
 Ráng hồng suối bạc sánh phong lưu  
 Đâu nghĩ ngày mai hậu?  
 Sáng tối thoáng qua mau  
 Thắng thốt quay đầu suy, bệnh, lão!  
 Bởi thế nên đem  
 Phong nguyệt tình vui xóa sạch lâu!





## VIỆT QUỐC PHU NHƠN



Việt Quốc phu nhơn Vương thị, nguyên là vợ của Kinh Vương. Kinh Vương lại là chú của Triết Tôn hoàng đế đời Tống. Phu nhơn chuyên niệm Phật ngày đêm không gián đoạn, lại hướng dẫn các hàng tỳ thiếp đều tu Tịnh độ cầu sanh Cực Lạc. Trong hàng tỳ thiếp ấy, có một cô thường hay biếng trễ. Phu nhơn gọi lên bảo: “Không thể vì một mình ngươi, mà phá hoại quy củ của ta!” Rồi liền đuổi ra khỏi đoàn thể.

Người thiếp sợ hãi ăn năn, phát tâm tinh tấn niệm Phật không nài mỏi nhọc. Một hôm, cô báo bạn đồng sự rằng: “Em sắp đi xa!” Đêm lại mùi hương lạ bay đầy phòng, cô không bịnh chi mà qua đời. Cách vài hôm sau, cô bạn đồng sự thưa với phu nhơn rằng: “Đêm vừa rồi, con mơ thấy người thiếp mãn phần nhờ chuyển lời kính xin cảm tạ ân đức vô lượng của phu nhơn. Bởi nhờ phu nhơn răn trách, mà cô đã được sanh về Cực Lạc!” Phu nhơn bảo: “Nếu nó có thể ứng mộng cho ta biết thì ta mới tin”. Đêm ấy, phu nhơn nằm mộng thấy người thiếp quá cố đến tạ ân như lời đã nói, liền hỏi: “Cõi Tây phương có thể đến được chăng?” Cô đáp rằng được, rồi dẫn phu nhơn bay đi. Độ giây phút, đến một bảo trì to rộng mênh mang, ánh sáng giao hòa chói suốt. Trong ao báu, hoa sen lớn nhỏ xen lẫn gồm nhiều màu sắc và quang minh, có đóa hoặc tươi hoặc héo. Phu nhơn hỏi duyên cớ, người thiếp thưa: “Chúng sanh ở Ta Bà vừa phát tâm niệm Phật cầu về Cực Lạc, thì nơi đây liền hóa sanh một hoa sen. Nếu dương nhơn mỗi ngày tinh tấn tu niệm, thì hoa càng thêm lớn và tươi đẹp. Trái lại nửa chừng lẩn lẩn biếng trễ, tất hoa sẽ héo. Như không tiếp tục tu

hành, hoa liền tàn rồi ảm mất. Còn phát tâm tinh tấn niệm Phật trở lại, thì một hoa sen khác mọc lên. Nếu công tu lâu ngày vẫn không thôi chuyển, tất tịah quả sẽ thành thực. Khi dương nhơn bỏ báo thân ở Ta Bà, thân thức sẽ nương gối vào thai sen ấy, đợi đến khi hoa nở thấy Phật”. Nhìn ra xa, trên một đài hoa có vị đội mào ngọc, cổ đeo chuỗi anh lạc, phục sức và thân tướng trang nghiêm, phu nhơn hỏi: “Ai đây thế?” Người thiếp thưa: “Đó là Vô Vi cư sĩ Dương Kiệt. Vị ấy vừa mới vãng sanh về đây”. Phu nhơn thấy một người khác mặc triều phục, ngồi trên đóa sen hơi kém hơn, lại hỏi thăm. Cô đáp: “Đó là cư sĩ Mã Vu, chờ khi công thành quả mãn, cũng lại sắp vãng sanh về đây”. Phu nhơn hỏi: “Còn ta sẽ sanh về chỗ nào?” Người thiếp liền dẫn bà bay đi độ vài dặm. Nơi ấy có một hoa tòa to lớn, cánh bích ngọc, đài hoàng kim, phóng ánh sáng rực rỡ. Người thiếp chỉ đóa hoa nói: “Đây là chỗ sanh của phu nhơn, thuộc về kim đài thượng phẩm!”

Khi thức dậy, phu nhơn ghi nhớ rõ điềm mộng, nổi vui mừng bị cảm lẫn lộn, càng tinh tấn tu hành. Đến hơn tám mươi tuổi, nhằm ngày sanh nhật, sáng sớm bà thức dậy, hai tay bung lò trầm hương nhỏ, khói thơm bay tỏa, nghiêm kính đứng hướng về phía Quán Âm Các. Tất cả tỳ thiếp y phục chỉnh tề, sắp thành hàng bước đến đình làm lễ chúc thọ. Nhưng khi nhìn xem lại, thì phu nhơn đã thoát hóa.

### LỜI BÌNH:

Ấn Quang Pháp sư nói: “Tác dụng của thân thức và nghiệp lành dữ đều không thể nghĩ bàn! Có kẻ tạo ác, tuy còn sống ở trên dương thế, mà một phần hình thân đã thọ khổ nơi địa ngục. Lại có hành giả tu Tịnh độ, tuy hiện đang

ở cõi trước, mà một phần thần thức đã sanh về Liên bang". Trường hợp của Mã Vu trên đây cũng như thế.

Người nữ sanh về Cực Lạc, đều chuyển thành thân nam đủ ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm. Nhưng cô thiếp lại hiện ra thân nữ cho đồng bạn và Kinh Vương phu như trông thấy cũng chỉ là phương tiện hóa hiện, để người quen dễ được nhận thức đó thôi. Điều này độc giả nên thông hiểu và đừng lấy làm nghi hoặc.



### TÂN THỊ

**T**ân Thị có chồng là họ Vu, làm nghề đánh cá ở sông Tiền Đường. Con của bà chơi bời theo đu đảng, phạm hình luật bị bắt đến quan, khiến cho sản nghiệp đều tiêu tán. Tân thị sầu khổ, đến mé sông muốn tự trầm.

Vừa may đâu, bà gặp một vị tăng ở chùa Tịnh Trụ hỏi thăm biết duyên cớ, khuyên bảo rằng: "Người đời khi bị những cảnh khổ bức bách, đó đều là nghiệp duyên kiếp trước. Vậy nên cố gắng an lòng nhẫn chịu. Nếu quản trí mà tự tử, tất gốc tội nghiệp càng sâu. Muốn giải trừ nghiệp khổ, chỉ có con đường duy nhất là làm lành niệm Phật!" Tân thị nghe nói tinh ngộ, liền đốt một ngón tay trước bàn Phật để cúng dường, và phát nguyện ăn chay trường tu Tịnh độ. Bà hành trì như thế hơn mười năm không biếng trễ. Khi gặp mọi người, đều chấp tay xưng là Phật tử.

Một hôm Tân thị thỉnh tăng đến nhà tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ, còn mình thì lần chuỗi niệm Phật. Khi tụng đến chương Quán Tượng, bà yên lặng mà thoát hóa.



### PHÙNG THỊ

**P**hùng Thị, tên Pháp Tín, người đời Tống, quê ở quận Quảng Bình. Bà nguyên là vợ của quan Thừa tuyên sứ Trần Tư Cung. Thuở nhỏ phu như vốn hay đau yếu, khi về nhà họ Trần, bệnh càng nhiều.

Bấy giờ Từ Thọ Thâm thiền sư đang hoằng pháp ở Vương Thành. Bà đến nơi đánh lễ, cầu xin chỉ dạy phương pháp trừ bệnh tật. Thiền sư bảo phải trì trai và niệm Phật. Phu như tin nhận, về nhà chùa đầy một tháng, liền bỏ đồ trang sức, ăn chay trường, mặc áo vải, mỗi ngày hằng tụng kinh niệm Phật. Khi làm các công đức, bà đều hồi hướng cầu sanh Tây phương. Không bao lâu, bệnh hoàn toàn lành mạnh. Tuy vẫn lo liệu việc nhà như cũ, nhưng phu như không bỏ thời khóa tu trì.

Hành đạo như thế hơn mười năm, bà không lộ dáng biếng trễ, chẳng tỏ vẻ kiêu căng, thể mạnh tâm an, thần khí càng thêm hưng vượng. Một hôm phu như cầm bút viết kệ rằng:

*Duyên nghiệp cuốn lôi xót những ngày!  
Từ lâu ủng chịu kiếp trâu cày  
Buộc vằm số mũi nay đã thoát  
Rũ sạch thân tâm lại cõi Tây.*

Hàng tùy thuộc thầy lời kệ, đều lấy làm lạ. Phu nhon bảo: "Ta từ thanh tịnh giới, vì sai một niệm nên lạc đến chốn này. Nay duyên Chi ta sắp mãn, quá Liên quốc hầu kẻ, rất thích hợp với nguyện ta, có điều gì mà kỳ lạ?" Tháng chín năm ấy, phu nhon nhiễm bệnh. Vào ngày đầu tháng mười một, bà gọi thị nữ bảo: "Thần thức ta dạo chơi Tịnh độ, lễ cấn đức A Di Đà Thế Tôn. Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí dùng con mắt từ bi hoan hỷ, ngắm nhìn. Trăm ngàn muôn ức Phật từ thanh tịnh đều cúi đầu chào mừng ta được sanh về cõi ấy. Đến như rừng quỳnh ao báu, cung ngọc lười châu, ánh sáng vẻ đẹp, đều đúng y như kinh Thập Lục Quán đã nói. Cảnh trí kỳ diệu không cùng, đến đó mới biết, không thể diễn tả cho hết được!" Thị nữ mời Trần Tư Cung tới thuật lại, rồi đồng cùng nhau chấp tay niệm Phật.

Đến sáng hôm sau, phu nhon nằm nghiêng mình bên mặt mà mãn phân. Ba ngày kể mới nhập liệm, người trong nhà vẫn còn nghe mùi hương lạ. Khi sắp trà tỳ, gia nhon còn quyen luyến giờ ra nhìn, thấy gương mặt còn tươi như lúc sống. Phu nhon hưởng dương ba mươi sáu tuổi.



### NGÔ THỊ



Ngô Thị, người đời Tống, nguyên là vợ quan Đô viên ngoại lang Lữ Hoảng. Viên ngoại lang vốn là bậc thông suốt Phật lý, cùng vợ trí hướng thanh tu.

Phu nhon có hai vị thị nữ, cũng trường trai tu niệm như bà. Một cô ưa Thiên tông, sau mang bệnh nhưng vẫn thân nhiên cười nói, và ngồi thoát hóa xem rất tự tại. Cô kia giữ giới khắc khổ, nhiều khi trọn ngày không ăn, chỉ uống một chén nước gia trì chú Đại bi của phu nhon mà thôi. Ngày nọ, cô thấy ba vị đứng trên ba đài sen báu hiện ra trước mắt, nhưng chỉ lộ những bàn chân. Vài hôm sau đến đầu gối. Đôi ba bữa nữa, Thấy tới thân mình. Rồi lần lần đầu mặt, viên quang, các tướng tốt đều hiện ra đầy đủ. Trước mắt, nghiêm nhiên là diệu tướng của Tây phương tam thánh, đức A Di Đà đứng giữa, hai bên là Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí. Không bao lâu, đất vàng, ao báu, lầu đài, rừng cây, chim lạ, các nam từ thanh tịnh ngồi thiên hoặc đi kinh hành, đều lần lượt hiện ra đầy đủ rõ ràng, như nhìn chỉ trong lòng bàn tay. Cô thấy như thế suốt ba năm, chớp mắt cũng không ngăn cách, hằng đem cảnh giới ấy thuật lại cho mọi người biết. Đôi ba kẻ hỏi: "Cô có nghe được Phật thuyết pháp chăng?" Đáp: "Tôi chỉ được thiên nhãn, chưa đắc thiên nhĩ, nên không nghe được lời thuyết pháp của Phật và chư Bồ Tát". Ít lâu sau, cô tự biết trước ngày vãng sanh, từ biệt người quen thân, rồi niệm Phật mà hóa.

Riêng phần phu nhon, thờ đức Quán Thế Âm rất thành kính. Trên bàn Phật, bà để vài mươi chiếc bình đựng đầy nước sạch. Mỗi khi phu nhon trì chú Đại bi, thường thấy đức Quán Thế Âm phóng ánh sáng vào bình. Ai đau bệnh, bà đem nước ấy cho uống đều được an lành. Có điều lạ, qua tiết đông nước trong bình không hóa thành băng, và dù để lâu sắc vị cũng chẳng biến đổi. Do những sự việc trên, người trong vùng đều gọi phu nhon là Quán Âm huyện quân. Sau bà trì chú niệm Phật rồi an lành mà vãng sanh.

### ĐIỀU BÀ

**Đ**iêu Bà, chưa được rõ tên và nguyên quán. Bà chuyên tu Tịnh độ, quán tưởng và niệm Phật không xen hờ. Một buổi chiều, đang ngồi hướng về Tây trì niệm, bà bỗng thấy nơi vầng nhật, đức Phật A Di Đà hiện thân, tướng tốt trang nghiêm đầy đủ. Bà đem việc đó thuật rõ với Tư Tịnh đại sư, xin họa cảnh tượng ấy. Có vị tăng là Pháp Di, làm bài kệ tán như sau, để dưới bức tượng:

*Thế giới Cực Lạc có phương sở.  
 Ở chỗ mặt trời lặn mỗi ngày.  
 Vì thế Phật dạy Vi Đề Hy.  
 Quán vầng nhật lặn như huyền cô.  
 Lành thay Diệu thimột lão bà!  
 Dùng được tâm này cầu Tịnh độ  
 Sáng tướng tối tướng qua nhiều năm  
 Đi niệm ngồi niệm quên lao khổ.  
 Di Đà lặn từ tâm tịnh sanh.  
 Hốt nhiên trước mặt kim dung lộ.  
 Bây giờ hư không chẳng chút mây.  
 Ngọn dâu bóng xế ngự ngàn cây.  
 Rực rỡ Phật huy nhờ ánh nhật.  
 Ngọc hào, mắt biếc tướng màu đây.  
 Mừng vui kinh lạ lẫn thương bi!  
 Bà liền đến chùa bạch đại sư.  
 Thuật rành chỗ thấy điềm hy hữu.  
 Xin vẽ kim dung cảnh tượng này.  
 Tôi khen việc lạ, khi nghe rõ.  
 Khai thị người mê dùng kệ tỏ.*

*Đức Phật, Tây phương vốn chẳng xa.  
 Xiển đề đâu hiểu sự lý đó.<sup>(15)</sup>  
 Mười muôn ức cõi tuy cách nhau.  
 Một niệm vượt qua nguyên chẳng khó.  
 Nếu muôn tìm đường hỏi lối Tây.  
 Tây phương thẳng lối từ tâm nọ.*



### VƯƠNG THỊ

**V**ương Thị, người đời Tống, quê ở Minh Châu, mỗi ngày thường trì tụng kinh Kim Cang. Cô mang thai đã hai mươi tám tháng mà chưa sanh, thân hình càng lúc càng gầy. Ngày nọ, ngẫu nhiên đứng tựa cửa, một bậc dị tăng đi ngang qua chăm chú nhìn, rồi bảo: "Người có căn lành, sao chẳng ản thí kinh Kim Cang một ngàn quyển?" Vương thị y theo lời, lại trai tăng ngàn vị và tụng ngàn quyển kinh Kim Cang. Việc hoàn tất, canh ba đêm hôm ấy, cô mộng thấy vị thần cầm Kim Cang bảo xữ chỉ vào bụng. Khi thức dậy đã sanh hai đứa con trai nơi giường.

Từ đó Vương thị trì trai tụng kinh không thôi nghỉ. Đến năm sáu mươi một tuổi, cô bị bạo bệnh chột tất hơi, thấy hai sứ giả dẫn xuống ra mắt Minh Vương. Sau khi trình bày mình đã tụng kinh Kim Cang từ lúc tuổi trẻ, cô được Minh Vương cho ngồi nơi giường bằng vàng bên mé điện, và bảo

<sup>(15)</sup> Xiển đề: Người không có lòng tin.

thử tụng qua một biến kinh. Vương thị vâng lời tụng xong, vua hỏi: “Sao chẳng niệm chú bồ khuyết?” Cô đáp: “Trên dương thế không thấy bản chân ngôn ấy?” Minh Vương sai phán lại soạn trong đại tạng, lấy bản chú ra trao cho Vương thị và bảo: “Khi trở lại dương gian, nên lưu thông bản chú này đừng sơ sót. Về sau người mãn phần, sẽ được sanh thẳng sang thế giới Cực Lạc, không còn trở lại đây nữa!”

Sau khi hoàn sanh, Vương thị làm y theo lời chỉ dạy. Đến năm chín mươi một tuổi, không bệnh mà tọa hóa. Chân ngôn bồ khuyết ấy như sau: “Um! Hô rô hô rô xá duệ mục khế sóa ha”.



## VỢ TƯỚNG THẬP BÁT



Ợ Tướng Thập Bát, người đời Tống, quê ở Hải Diêm. Đến tuổi trung niên, cô khuyên chồng cùng mình dứt trừ ái dục, hợp chí tu hành. Mỗi ngày vợ chồng đều tụng kinh đại thừa và niệm Phật. Hai người hành trì như thế trái hơn bốn mươi năm.

Một hôm, cả hai tắm gội thay y phục, rồi đốt hương lễ sám niệm Phật. Kế đó, đều lưu lại một bài tụng mà vãng sanh. Tướng Thập Bát viết bài tụng rằng:

*Chât thân hư huyễn nầy.  
Bốn đại hợp thành đây!  
Sẽ tan về gốc cũ  
Rời tiếp tục vắn xây.  
Các huyễn khi đã diệt*

*Tro bay, khói cũng tuyệt  
Như khoảng không cơn gió  
Tợ trời xanh bóng nguyệt.  
Đã chẳng chi ngăn cách  
Lại một màu sáng sạch  
Tất cả đều dứt trừ  
Không nghĩ bàn biện bạch!  
Năm qua hơn bốn chục  
Xa lìa các thị dục  
Chỉ xiển dương đại thừa  
Sớm chiều niệm tụng đọc  
Ngày nay buông xả trở về Tây  
Tự có duyên lành quả cụ túc!*

Bài tụng của vợ Tướng Thập Bát như sau:

*Tụng quá Liên kinh muôn bốn thiên  
Bình sanh hương hỏa có nhân duyên  
Tây phương là chỗ ta về đến  
Trăng gió đồng nương Bát nhã thuyền!*



## CHỨC THỊ



hức Thị, người đời Minh, quê ở Công An, nguyên là vợ của Cũng Trọng Thuần. Cô có mấy người cháu là anh em Viên Hoàng Đạo thường luận bàn về Phật lý, nên được nghe hiểu, tin nhận và hành trì theo pháp môn Tịnh độ. Ngoài việc niệm Phật, cô còn kiêm tụng kinh Kim Cang.

Một hôm, Chúc thị báo các con rằng: “Phật dạy ba ngày nữa sẽ đến rước mẹ!” Đến kỳ hạn, cô tắm gội, mặc lễ phục ngồi trước bàn Phật. Người trong thân quyến đều đứng sấp hàng hai bên. Giây phút, cô tự nói: “Đức Phật đã đến, phóng ánh sáng nơi bạch hào xa vài trượng”. Lại nói: “Tôi thấy một vị tăng tướng tốt trang nghiêm, tự xưng là Tu Bồ Đề. Trong khoảnh khắc ngài phân thân ra hơn một trăm vị khác”. Một thân quyến ở gần bên bảo: “Kinh Kim Cang điệp lại một trăm ba mươi tám lần Tu Bồ Đề, có phải là sự cơ cảm đây chăng?” Đoạn các quyến thuộc đều đốt hương cầm nơi tay, xưng danh hiệu Phật. Chúc thị mỉm cười mà qua đời.

Lúc ấy trong nhà có một tỷ tử mới chín tuổi, đang nằm nơi đất bỗng tự kêu to lên rồi đứng dậy. Gạn hỏi, nó thưa: “Con thấy mấy vị thần mặc giáp vàng rất cao lớn, cầm tràng phan đưa bà đi. Cán phướn đựng trướng mặt, con đau quá nên bất giác kêu lên thất thanh”. Người nhà kiểm lại, thấy dấu bầm còn hiện rõ nơi mặt. Đến lúc tản liệm xong, khách tới thăm viếng đều nghe từ quan tài mùi hương lạ tỏa ra bát ngát.



### LƯ THỊ



ur Thị, tên Phước Trí, vợ của Trình Quý. Thanh, trước tiên ở Huy Châu, sau cả nhà thiên cư về Hồ Châu.

Quý Thanh thờ Phật rất kính thành, gắng sức tu

phước nghiệp. Lư thị cũng đem hết tài sản phụ giúp vào việc ấy. Cô ăn chay trường, mỗi ngày niệm Phật ba muôn câu, kiêm ước phần mình, rộng giúp kẻ dưới, chưa từng mắng người. Niên hiệu Sùng Trinh thứ năm đời Minh, cô đau nặng, thỉnh bậc Pháp sư cao đức đến thọ năm giới. Sau khi được nghe lời pháp yếu về Tịnh độ, cô bèn quyết ý vãng sanh. Quý Thanh vì vợ tụng kinh Hoa Nghiêm, đến đoạn Thiện Tài tham phòng năm mươi ba bậc thiện tri thức, mỗi mỗi đều giải thích rành rẽ. Lư thị lãnh ngộ được tất cả. Quý Thanh lại sách tấn về việc vãng sanh, bảo rằng: “Trăm kiếp ngàn đời, quan trọng ở giờ phút lâm chung này. Cô phải gắng sức thẳng về Tây phương, chớ nên do dự!” Lư thị nghe xong, phát tâm mạnh mẽ như quên cả đau bệnh, cao tiếng niệm Phật liên tiếp cả đêm ngày, như thế suốt cả nửa tháng. Bà mẹ và con gái đến thăm hỏi, cô đều từ tạ bảo đi nơi khác, xin đừng làm rối loạn tâm mình.

Ngày mùng tám tháng mười một năm ấy, Lư thị bỗng thấy hoa sen hiện ở trước mặt, Hóa Phật duỗi tay xuống tiếp dẫn. Nỗi vui mừng tràn ngập cả thân tâm, cô bảo người nhà mau nấu nước thơm đem đến cho mình tắm gội và thay y phục mới sạch. Xong mọi việc, cô nằm nghiêng bên mặt, chấp tay hướng về Tây, liên tiếp xưng danh hiệu Phật mà qua đời. Lúc ấy vừa đúng giờ Ngọ. Đến chiều, người nhà thờ rờ nơi đánh, còn cảm thấy nóng ran cả bàn tay. Cô hưởng dương được ba mươi chín tuổi. Ngẫu Ích đại sư vì cô viết truyện ký, có phụ thêm lời khen ngợi rằng:

*Thương chúng sanh ba cõi  
 Ái dục sâu thành căn!  
 Góc ái nếu chẳng nhỏ  
 Làm sao được vãng sanh?*

Cõi hoa sen sáng sạch  
 Là hẳn các trần tình.  
 Duyên ái này dứt được  
 Chát ngọc kia mới thành  
 Mạnh mẽ thay Phước Trí  
 Bậc nữ lưu hùng anh!  
 Suốt ngày đêm nỉa thán  
 Công tịnh niệm ân cần  
 Mẹ con, niềm ái luyến  
 Như khô mộc, hàn băng  
 Hoa hiện, Phật tiếp dẫn  
 Mắt nhìn thấy rõ ràng  
 An lành nằm xả báo  
 Vĩnh viễn từ khổ luân.  
 Nay ta xin tùy hỉ  
 Nguyên cùng các đồng nhơn  
 Dứt trừ lưới ân ái  
 Chứng nhập Diệu huyền môn!



### PHÍ THỊ

**P**hí Thị, vợ của Trầm Xuân Giao, nhà ở trấn Song Lâm tại Hồ Châu. Bà góa chồng sớm, làm nghề dệt vải để sanh sống. Cảm xúc về thân thể mình, bà phát tâm ăn chay trường tu niệm, nhà có thờ tượng vẽ Tam Thế Phật và tượng cốt Quán Âm bằng gỗ chiên đàn. Mỗi ngày bà tụng một quyển kinh Kim Cang,

niệm Phật ngàn câu, cứ giữ mực thường như thế không hề thiếu sót.

Niên hiệu Sùng Trinh thứ mười một, binh dịch hoành hành khắp vùng ấy. Chàng rể là Trương Thế Mậu, rước bà tản cư về ở nhà mình. Phí thị đem theo cốt tượng Quán Âm, thờ riêng ở một gian lầu nhỏ để chiêm bái trì tụng. Mỗi ngày trong thời khóa lễ, bà đều khấn nguyện cho khói hương bay đến chỗ thờ tượng Tam Thế Phật ở ngôi nhà cũ. Như thế trải qua ba năm, một hôm giữa hư không bỗng có khói hương nhiều quanh gian lầu nhỏ vài ngày. Kế tiếp nơi bức tường quét vôi trên chỗ thờ tượng Quán Âm, nổi hiện lên tượng Tam Thế Phật rất trang nghiêm tinh diệu, hình nét màu sắc đều rõ ràng. Kế gần xa nghe chuyện ấy, đến chiêm lễ mỗi ngày một đông. Có người thử dùng khăn sạch lau mạnh chà xát, màu nét càng hiện lên sáng rõ.

Đến năm thứ tư, một hôm Phí thị bảo chàng rể rằng: "Mẹ muốn trở về thăm ngôi nhà cũ, để viếng tượng Tam Thế Phật". Vừa về đến nơi xưa, bà liền quét dọn rửa lau sạch sẽ, rồi đốt hương lễ Phật tịnh kinh. Đến sáng sớm ngày thứ ba, Phí thị tắm gội thay y phục, ngồi ngay thẳng niệm Phật. Đến giờ ngọ, bà bỗng to tiếng báo: "Đức Phật A Di Đà đã quang lâm tiếp dẫn. Mọi người ở lại cố gắng tu hành. Tôi đi đây!" Nói xong, liền nhắm mắt mà vãng sanh, hưởng thọ bảy mươi ba tuổi.





### TỪ THÁI NGHI NHƠN

**T**ừ Thái nghi nhơn là mẹ của Từ Hạo Hiên ở Tiền Đường. Bình sanh bà chuyên tu Tịnh độ, thờ cúng rất nghiêm cẩn. Ở chùa có cho thỉnh bức họa đồ Tây phương công cứ, chính giữa in hình tượng Phật, xung quanh gồm vài ngàn vòng tròn, niệm đủ ngàn câu ghi một điểm son vào giữa vòng ấy. Thái nghi nhơn niệm Phật theo bức Tây phương công cứ đó, mỗi khi ghi số đầy đủ xong một họa đồ, liền đem cất vào túi vải vàng. Bà niệm hết bức này sang bức khác như thế được mấy năm.

Niên hiệu Khang Hy thứ 34 đời Thanh, Thái nghi nhơn mãn phần. Khi tẩn liệm xong, người nhà đem túi vải vàng đốt ở trong bồn. Bỗng một tiếng nổ nhẹ nổi lên, nơi bồn chiếu ra ánh sáng năm sắc. Mọi người lại gần xem, thấy túi vải biến thành màu nâu, trên đó hiện lên nét lầu các câu lơnh khắp xung quanh. Chính giữa nổi lộ rõ vài mươi đóa hoa sen, mỗi đóa hoa có một đức Phật chấp tay ngồi kiết già. Trên hoa lại hiện hình các thiên nữ đang cung kính vi nhiều. Mỗi nét của bức họa rất tinh vi, màu trắng như sắc phấn. Ai trông thấy cũng đều kinh lạ thờ than khen ngợi. Rạng ngày khế vách tro ra, thấy hình tượng hiện nơi lưng túi vải cũng giống như bề mặt không khác. Duy phía sau mỗi đức Phật lại có một lão bà cầm phát trần đứng hầu.

Cư sĩ Từ Hạo Hiên viết truyện ký về thân mẫu, có ghi rõ việc này.



### TÔN THỊ

**T**ôn Thị có chồng họ Du, sương cư sớm, quê ở Từ Châu, và nguyên là mẹ của Chiêu Minh Hòa thượng. Khi Hòa thượng chủ trì chùa Cao Mân ở Dương Châu, rước thân mẫu về phụng dưỡng nơi một gian tịnh thất bên chùa.

Tôn thị lúc mới đến ở, rất đổi nhớ nhà. Mỗi khi cùng Hòa thượng tiếp chuyện, bà thường đề cập đến chuyện quê hương gia sự. Hòa thượng vì mẹ nói về các pháp: Khô, Không, Vô thường, Vô ngã, khuyên bà nên xả bỏ tất cả, nhứt tâm niệm Phật để cầu sanh về Cực Lạc. Nhưng nói mãi Tôn thị vẫn chẳng tỉnh ngộ. Hòa thượng liền ân bóng, chuyển lời báo: "Nếu muốn được gặp mặt, phải ráng niệm Phật!" Bà mời gọi mãi cũng chẳng đến. Cuối cùng không biết làm sao, bà phải gắng gượng trì danh hiệu Phật, nhưng bước đầu còn khó khăn, chưa thể liên tục. Được ba năm, công tịnh niệm càng thuần, bà phát lòng tin sâu, xin thọ giới Bồ Tát, rồi sớm hôm lễ niệm rất tinh cần. Lúc ấy Hòa thượng mới đến thăm và hỏi: "Mẹ còn nhớ nhà chẳng?" Bà đáp: "Niệm Phật rất tốt, tôi không còn nhớ nhà nữa!"

Một hôm Tôn thị ngồi trước sân, đối diện với tháp chùa mà niệm Phật. Bỗng nhiên tâm nhãn mở sáng, bà thấy thế giới Kim Sắc hiện ra, quang cảnh trang nghiêm chói rực rỡ không ngần mé. Lúc ấy tưởng vách núi rừng dường như tan rã tiêu trầm. Bà cả mừng, đứng lên sấn bước muốn đi tới, đột nhiên tất cả đều ẩn mất. Từ đó sáu căn của bà lặng lẽ, khi động tịnh ăn ở câu Phật hiệu thường hiện khởi, không sanh ra vọng niệm khác. Trải qua khoảng thời gian lâu như thế, đêm nọ Tôn thị mộng thấy đi đến một nhà, có người



đàn bà đang nằm chỗ sắp sanh. Bà kinh hãi tự nghĩ: “Mình chí nguyện cầu về Tây phương, tại sao lại đến chỗ này? Và lại sự luân hồi, hết ra bào thai này, lại vào bào thai khác, thật rất đáng sợ!” Nghĩ xong, vội chạy trở ra, bỗng giật mình thức giấc. Sáng ngày, bà đem việc ấy thuật lại với Chiêu Minh Hòa thượng và nói: “Duyên đời của tôi đã mãn. Xin tập hợp chư tăng trợ niệm để đưa tôi về Tây phương!” Hòa thượng y như lời. Bà ngồi day mặt về Tây, chấp tay niệm Phật theo chư tăng mà vãng sanh.

Lúc bấy giờ nhằm niên hiệu Càn Long thứ hai mươi bảy.



### DƯƠNG THỊ

**D**ương Thị, người đời Thanh, nhà ở trên gò Đá Vôi phía cửa bắc thành Hàng Châu. Hơn năm mươi tuổi bà đau bệnh phong, nằm rên la suốt đêm ngày.

Một hôm có vị tăng là Lữ Đình từ kinh sư trở về núi Thiên Mục, đi ngang qua nhà. Con trai của bà mời vào nấu đồ chay cúng dường, nhân tiện thỉnh bước sang phòng bên thăm mẹ mình. Dương thị chau mày kêu rên rồi hỏi: “Tôi đau nhiều lắm, sư có phương thuốc nào làm cho lành mạnh chẳng?” Lữ Đình đáp: “Có, nhưng sợ e bà không chịu uống!” Bà nói: “Nếu quả thật có phương thuốc hay, tại sao tôi lại không chịu uống?” Sư bảo: “Bệnh từ nơi thân mà sanh, thân này lại do bốn đại giả hợp, nhân nơi nghiệp mà

có. Nếu bà có thể xả bỏ thân, bệnh sẽ tự dứt trừ”. Bà hỏi: “Trừ ra khi chết, chớ làm sao mà bỏ thân được?” Sư dạy: “Cách bỏ thân là bà phải xả tất cả, đừng nghĩ đến thân đau hay mạnh, chỉ một lòng hướng về Tây phương chuyên niệm A Di Đà Phật. Đức A Di Đà là bậc đại y vương, có thể trừ tất cả bệnh của chúng sanh. Bà nên đem hết lòng thành khẩn mà niệm Phật, đức Phật A Di Đà sẽ đến cứu độ!” Dương thị hỏi: “Đức Phật quả thật sẽ đến đây chẳng?” Sư nói: “Chắc chắn sẽ đến, chỉ e bà niệm không tha thiết mà thôi!”

Sau đó, sư từ giã ra đi. Dương thị chỉ thành hướng về phương Tây chuyên trì danh hiệu Phật, mỗi ngày càng thêm khẩn thiết. Độ năm tháng qua, bà gọi con bảo: “Đức Phật A Di Đà đã đến. Bốn hôm sau, mẹ sẽ về Tây phương Cực Lạc Thế giới. Con hãy đi thỉnh sư Lữ Đình, để mẹ từ biệt và cảm ân giáo hóa!” Bấy giờ sư đang ở núi Thiên Mục không đến được. Tới kỳ hạn, người con thỉnh mười vị tăng khác đến nhà tụng kinh niệm Phật hộ trợ. Dương thị tâm gột sạch, chấp tay hướng về Tây mà vãng sanh.



### DƯ THỊ

**D**ư thị, pháp danh Chân Tu, là vợ của cư sĩ Châu Vĩnh Phù ở đất Ngô. Năm ba mươi hai tuổi cô góa chồng, đến năm ba mươi sáu tuổi phát tâm trưởng trai thờ Phật.

Lúc hơi lớn tuổi, Dư thị đem hết việc nhà giao phó cho con trai và dâu, rồi chuyên tu Tịnh độ. Đến tuổi bảy mươi,

vào lúc cuối hạ sang thu, đêm nọ bà nằm mơ thấy mình đi dạo tới một bờ hồ to rộng mênh mang. Trong hồ có chiếc thuyền chở mười mấy người gồm chú ni và các nữ Phật tử. Trong số ấy có một vị đưa tay vờ thỉnh nói: "Mau đi theo về Tây phương!" Dư thị tự nghĩ: "Lúc bây giờ chưa thuận tiện, đợi đến cuối năm sẽ đi". Vị đó liền nói: "Thôi, hãy đợi chuyến sau!" Đến ngày mừng sáu tháng chín, bà lại mộng thấy Phật A Di Đà hiện thân tiếp dẫn. Thức giấc, Dư thị tự biết đã tới thời kỳ vãng sanh, sáng ra cho người thỉnh thầy quy y là Pháp sư Văn Kỳ đến để từ biệt. Bà có xin một cành sen nơi chùa, nhưng lúc ấy hoa đã tàn, nên Pháp sư chỉ đem cọng lá sen đến trao cho. Dư thị vui mừng tiếp lấy, niệm Phật càng chí thiết. Khi đó mọi người đều nghe mùi hương lạ bay, thơm cả trong ngoài. Tới sáng sớm ngày mười một, bà báo người nhà nấu nước cho mình tắm gội, thay y phục mới sạch. Xong đầu đầy, bà ngồi ngay thẳng niệm Phật độ một lúc, rồi nằm nghiêng bên mặt mà qua đời.

Việc này ở vào niên hiệu Càn Long thứ ba mươi sáu.

**LỜI BÌNH:**

- Cõi Tịnh độ ở mười phương, chỉ thuần là hóa sanh, không có người nữ. Khi xưa, Vi Đề Hy phu như vì con ác nghịch, phát tâm chán lìa cõi Ta Bà, được Phật thuyết pháp và thọ ký cho vãng sanh về miền Cực Lạc. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật cũng huyền ký cho người thọ trì kinh này sẽ được sự lợi ích vãng sanh. Thế nên biết hàng phụ nữ ở Ta Bà có nhân duyên lớn với cõi Tây phương Cực Lạc. Từ khi Liên tông thanh hành, những bậc hiền lưu trong khuê các phần đông đều phát lòng tin, chuyên chí niệm Phật, và được

sự lợi ích giải thoát trong một đời. Những vị mang hình dáng trượng phu, xem gương ấy há không hổ thẹn ư?



**CHIM ANH VŨ**

**Đ**ời Đường, nhà họ Bùi ở Hà Đông có nuôi một con Anh vũ. Vì trong kinh A Di Đà có nói đến loại chim này, nên Bùi thị thường dạy nó niệm Phật và phép tu Lục trai. Đến ngày trai kỳ, nếu quá Ngọ có ai đem thức ăn đến, suốt buổi chim không ngó tới. Có kẻ bảo nó khi niệm Phật, phải từ nơi "có niệm" đến chỗ "không niệm", thì chim ngược đầu đương cánh dường như nhận thức.

Đến sau thấy nó thường im lặng, có kẻ nói đùa: Anh vũ không còn niệm Phật nữa, chim liền phát thanh xưng: Nam mô A Di Đà Phật. Khi mùa hè gió mát, lúc đêm vắng trăng trong, Anh vũ thường cất giọng cao thấp hòa nhã, thanh thoai như cung đàn tiếng sáo, niệm Phật liên tục không dứt. Mọi người nghe thấy đều khen ngợi và phát tâm cảm ngộ.

Tháng bảy, niên hiệu Trinh Nguơn, thứ mười chín, chim có vẻ tiêu tụy ủ rũ. Bùi thị đã nuôi dưỡng quen, biết nó sắp chết, liền cầm khánh ra và bảo rằng: "phải chăng con sắp muốn về Tây phương? Vậy con hãy giữ chánh niệm, nương theo tiếng khánh mà niệm Phật!" Nói xong, liền đánh khánh niệm Nam mô A Di Đà Phật, Anh vũ cũng niệm theo. Được một lát, chim xếp cánh đứng yên, an lành

mà vãng sanh. Sau khi thiêu hóa xác nó, Bùi thị bới tro kiểm lại, được hơn mười hột Xá lợi. Quan Tiết đại sứ Vi Cao có viết truyện ký về chim Anh võ này.

\* Đời nhà Minh, một thổ dân ở Lãnh Nam cũng có nuôi con chim Anh võ trắng, thường dạy nó tụng đọc. Mỗi buổi sáng sớm, chim đều tụng Bạch y thần chú, rồi kể tiếp niệm Thánh hiệu Quán Thế Âm. Nó cũng đọc thuộc bài Quy Khứ Lai Từ, phú Xích Bích, và nhiều thi hay của Lý Bạch. Nếu thời khóa sớm mai chưa xong, dù có ai đem thi văn ra dạy bảo, chim cứ tiếp tục trì niệm không nghe theo. Sau Anh võ cũng niệm Quán Âm rồi thoát hóa.



### CHIM CÙ CÁP

**T**rong niên hiệu Nguyên Hựu đời Tống, một người ở quận Trường Sa có nuôi con chim Cù cáp (một loại giống như chim Cu, Bồ câu), và đặt tên nó là Bát Bát Nhi. Một hôm ngẫu nhiên nghe vị tăng niệm Phật, chim liền ứng thanh niệm theo. Nhà chủ liền đem nó tặng cho tăng sĩ ấy. Về chùa, chim niệm Phật từ sáng đến tối không dứt. Lâu ngày, Cù cáp chết, vị tăng đem xác nó chôn sau chùa. Vài hôm, nơi chỗ chôn có một cành hoa sen mọc lên. Bới đất tìm, thấy cọng sen phát xuất từ nơi mỏ chim. Một văn nhơn làm bài thi khen ngợi việc ấy rằng:

*Có một linh cầm Bát Bát Nhi  
Biết theo tăng dạy, niệm A Di*

*Chết chôn nơi đất sen lành mọc  
Nghe chuyện người đời cũng nghĩ suy ...!*

\* Một vị tăng nơi chùa chánh Đẳng tại Hoàng Nham ở núi Thiên Thai, cũng có nuôi một con Cù cáp. Mỗi ngày vào thời khóa tụng, chim đều tùy theo chư tăng niệm Phật. Một hôm nó đứng chết trong lồng, vị tăng đem xác ra đào đất mà chôn. Vài ngày sau, từ nơi mỏ chim mọc lên một cành hoa sen màu tím vượt cao khỏi mặt đất. Đại Trí Luật sư làm bài kệ khen ngợi chuyện đó, trong ấy có hai câu:

*Lồng son đứng hóa âu thường sự  
Sen tím mọc lên mới diệu kỳ!*



### GÀ BIẾT NIỆM PHẬT

**T**rong niên hiệu Sùng Trinh đời nhà Minh, có quan Tư Lý ở Phước Châu là Ngô Tuyết Nhai thờ Phật rất thành kính. Chư tăng nơi chùa Khai Ngon trong vùng ấy, phần nhiều ăn thịt, không giữ giới hạnh. Ông liền tới chùa quở trách và dựng bia đá ngăn cấm.

Một hôm Tuyết Nhai đến chùa du ngoạn, bất ngờ gặp một con gà đang cất tiếng niệm Phật. Ông bảo kẻ tùy tùng ví bắt được, rồi đem vào chùa gạn hỏi chư tăng rằng: "Các sư bảo trong chùa từ lâu không nuôi sanh vật, tại sao lại có con gà này? Nay tôi thấy gà là loại súc sanh mà còn biết niệm Phật, xét lại các sư mang hình thức xuất gia song phá giới, thì còn thua nó rất nhiều!" Chư tăng ở đó nghe qua hồ

thẹn, từ đó lập thệ quyết giữ gìn trai giới. Tuyết Nhai đem con gà về nuôi trong dinh thự, nó thường niệm Phật không dứt.

Sau ông được thuyên chuyển làm quan ở Đơn Dương, thấy am Hải Hội ở gần đó là nơi tiếp chúng đông đảo, mới đưa con gà đến am, để cho người tới lui nghe thấy phát lòng tín hướng. Sau khi về am một thời gian, ngày nọ gà đứng niệm Phật mà thoát hóa. Hàng thiện tín cảm ngộ, chung nhau xây tháp cúng dường để lưu niệm.

\* Lại một chuyện: Sư Giác Viên ở Trung Châu phát tâm muốn trai tăng nơi chùa Đông Lâm ở Lô Sơn, liền gửi tờ Phở khuyến mộ các nơi, và nhập thất ba năm để cầu nguyện. Vị tăng hộ thất đi khát thực nơi nhà họ Hoa, thì có con gà ở nhà ấy theo ông mãi. Về nửa đường, vị tăng sợ mang tiếng, bắt con gà đem giao trả nhà họ Hoa, bảo đóng cửa nhốt nó lại. Nhưng gà vẫn vượt lên xà nhà tìm chỗ chui ra, bay theo vị tăng về đến tịnh thất. Sư Giác Viên an thất ba năm, gà cũng quanh quần đứng ngoài thất ba năm để nghe niệm Phật. Sau sư ra thất, đem nó đến chùa Đông Lâm để cho quy y thọ giới. Khi đại chúng lên chánh điện niệm Phật, gà cũng đi theo. Đến cuối năm, việc trai tăng xong xuôi, gà liền đứng mà thoát hóa. Chư tăng chú nguyện và đem chôn bên chùa.

\* Lại chuyện chép: ở Giang Tây có con rắn biết nghe kinh. Nơi Lô Châu có con mèo ngồi thoát hóa. Tại Hiệp Trung có con khỉ nghe kinh rồi ngồi thoát tục. Ở Sào huyện có chim sẻ đứng hóa. Và quan Đại tham Hoàng Đình Thúc đem con heo vào chùa phóng sanh sau nó cũng ngồi thoát hóa. Các chuyện linh dị như thế không thể thuật hết được.

**LỜI BÌNH:**

- Cổ đức nói: "Súc sanh nguyên cũng là người. Xưa nay người, súc luân hồi đổi thay!" (*Súc sanh bán thị nhơn lai tổ. Nhơn súc luân hồi cổ đảo kim*). Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Các súc thú trong đời trước, khi còn làm người, có nhiều loại đã gieo hạt giống Phật. Nhưng vì ác nghiệp quá nặng, chúng mới bị lôi cuốn trong nẻo luân hồi. Thế nên trong ba ác đạo từ Địa ngục, Ngạ quỷ đến Bàng sanh, nếu có chúng sanh nào nhớ lại tiền căn, hướng về Phật pháp, niệm hồng danh đức A Di Đà, đều được sanh về Cực Lạc. Kinh nói: Thà chịu khổ Địa ngục, được nghe hồng danh Phật. Chẳng muốn hưởng phước trời, mà không nghe Phật hiệu!" Kinh cũng bảo: "Tu hành đồng mãnh một ngày ở cõi Ta Bà, công đức thắng hơn tu ở Tịnh độ một trăm năm". Các súc sanh như trên, một niệm hướng về Phật còn được giải thoát, huống nữa loài người ư?"



## KHUYÊN TU

(Điệu Giang Nam Vọng)

### I

Ta Bà khô!

Thân thể tợ bèo trôi.

Sừng ốc đuổi đeo danh rỗng hào.

Lông ruồi giành giựt lợi suông thôi.

Một niệm sớm tâm hồi.

### II

Nhơn ngã thạnh!

Sớm tối kết vô minh.

Địa ngục từng đoàn vào thọ khổ

Tây phương không kể chịu tu hành.

Luống chết luống hoàn sanh!

### III

Ta Bà khô!

Năm tháng nước xuôi dòng.

Vinh nhục bi hoan bao thuở dứt

Thị phi nhưn ngã lúc nào xong?

Sống chết nẻo mơ màng?

### IV

Trong ba cõi

Mặt nước điểm phù đầu.

Tài sắc dù cho lừng tiếng khắp

Gò hoang vùi dập năm xương sâu.

Sao chẳng sớm quay đầu?



# MỘT TRĂM BÀI KỆ NIỆM PHẬT

(Của TRIỆT NGỘ Thiền Sư)

## Hán 32:

*Nhiệt cú Di Đà  
Thằng bản thị ma.  
Nại hà bất hội  
Phiên nghi tác xà?*

## Lược giải:

Duy Thức Luận có đoạn thí dụ: Người nọ đi trong cảnh trời nhá nhem tối, chợt thấy một sợi dây to nằm uốn lượn, tưởng là con rắn, vội nhảy tránh la hoảng lên. Đến chùng nhìn kỹ lại mới biết mình lầm, vì đó chỉ là đoạn dây. Nếu người ấy thể nhận sâu thêm, sẽ thấy dây kia cũng không thật, vì do những tơ gai nhỏ kết hợp thành.

Lầm dây là rắn, Duy thức học thí dụ cho tánh Biến kế sở chấp thuộc Phi lượng, tức chấp trước mọi sự và lượng định một cách sai lạc. Nhận ra là dây, thí dụ cho tánh Y tha khởi thuộc về Tỷ lượng. Y tha khởi là tánh chất nương nơi cái khác khởi hiện, như sợi dây nương nơi cái khác khởi hiện, như sợi dây nương nơi tơ gai mà có. Tỷ lượng là sự lượng định tương tợ của ý thức so sánh, như thấy dây tương tợ như rắn. Thể nhận sâu thêm, thấy dây cũng giả, chỉ do tơ gai kết hợp thành, thí dụ cho tánh Viên thành thật thuộc Hiện lượng. Viên thành thật là tánh bao la sáng suốt tròn đầy xác thật. Hiện lượng là tâm lượng của trực giác không phân biệt. Đây mới là tánh lượng xác thật rốt ráo của chân tâm.

## Việt 32:

*Một câu A Di Đà  
Dây gốc vốn là gai.  
Tại sao không thể nhận?  
Nghi là rắn lầm thay!*

Sự ứng dụng về niệm Phật cũng thế. Nếu cho câu hồng danh là một pháp lành, dùng nó để tu cầu phước báu hư huyền của cõi nhơn thiên, đó thuộc về tánh Biến kế sở chấp và Phi lượng. Có người dùng câu niệm Phật như một thoại đầu hay phương tiện để dứt trừ vọng tưởng trở lại chân tâm, cũng còn thuộc về tánh Y tha khởi là Tỷ lượng. Như thể nhận niệm Phật tức là Phật, ngay câu hồng danh là phước, là huệ, là thật tướng, là chân tâm và Bồ đề niết bàn, đó mới là tánh Viên thành thật thuộc Hiện lượng. Ứng dụng niệm Phật như thế mới đúng mức. Dùng với hai cách trước còn là khuyết điểm sai lầm. Bài kệ trên, Triệt Ngộ thiền sư muốn nêu cao sự diệu dụng về niệm Phật, để phá lối nhận thức sai lạc của một số người đối với pháp môn này.



## Hán 33:

*Nhiệt cú Di Đà  
Hàn văn hàn đồ.  
Ảnh hiện cảnh lâm  
Hương tuyên thiên cổ.*

## Lược giải:

Nơi cõi trời Đao Lợi có chiếc thiên cổ do Bồ Tát hóa hiện. Khi chư Thiên mê say theo ngũ dục, trống ấy nổi lên tiếng âm âm để cảnh giác, và nói ra các pháp: Khô, Không, Vô thường, Vô ngã. Thiên chúng nghe xong như chợt tỉnh, liền bỏ các thú vui, cùng nhau tụ họp lại Thiện pháp đường để giảng luận về đạo đức. Niệm Phật cũng có tác dụng giống như thế. Bởi công đức câu hồng danh, do sự nhiếp tâm xưng niệm, hành giả sẽ được tiêu trừ nghiệp chướng,

## Việt 33:

*Một câu A Di Đà  
Rất ít nghe ít thấy.  
Gương hiện bóng rìng cây  
Trống trời tiếng vang dậy.*

lần lần đi đến chỗ giác ngộ.

Lại như tấm gương tròn sáng vẫn lặng lẽ không phân biệt, mà hiện rõ bóng hoa cò, rùng cây với đầy đủ chi tiết. Hành giả niệm Phật đến mức tịch tĩnh vô phân biệt, thì tấm gương lòng tức Đại viên cảnh trí sẽ lần lần hiện ra sáng suốt lan rộng. Trong ấy cảnh y báo và chánh báo của mười phương đều ảnh hiện, đương nhơn có thể nhận biết rõ từng số điểm hạt mưa trong tam thiên thế giới. Như Di Lạc Bồ Tát đã khai thị cho Hư Vân thiên sư: "Gương đại trí trang nghiêm. Hiện cảnh giới sum la. Trời người và phàm thánh. Thiện ác đều an lạc".

Công đức câu hồng danh rất ít nghe ít thấy như thế, song tiếc thay cũng rất ít người am hiểu suốt thông!



**Hán 34:**

*Nhiệt cú Di Đà  
Vô khả thí dụ!  
Cổ cảnh đương đài  
Thủy ngân đọng địa.*

**Viết 34:**

*Một câu A Di Đà  
Không thể thí dụ tất!  
Gương xưa nơi đài cao  
Thủy ngân rơi xuống đất.*

**Lược giải:**

Công năng niệm Phật rất mau nhiệm, không thể nào dùng thí dụ mà nói ra cho hết được! Về thể, thì niệm Phật sẽ phát hiện Đại viên cảnh trí, ảnh hiện mọi cảnh giới: như tấm gương xưa để nơi đài cao chiếu rõ và in bóng cảnh vật một cách không phân biệt. Đã vô phân biệt thì làm sao dùng lời nói mà diễn tả thí dụ? Về dụng, câu niệm Phật viên dung không ngại, như hạt thủy ngân rơi xuống mặt đất liền lăn tròn. Sự trì niệm hồng danh có đủ Thiên, Giáo, Luật, Mật,

một ngàn bảy trăm công án, tám muôn tư pháp tạng. Nói rộng ra, lục độ vạn hạnh, tất cả hành môn đều dung thông hàm chứa trong câu niệm Phật.



**Hán 35:**

*Nhiệt cú Di Đà  
Lão bà tâm khổ!  
Vạn vạn học chu  
Phát thiên quân nổ.*

**Viết 35:**

*Một câu A Di Đà  
Lòng thương xót khổ tâm!  
Đẩy thuyền nặng muôn học  
Kéo cung mạnh ngàn cân.*

**Lược giải:**

Vì lòng đại từ đại bi, đức Thích Tôn cùng hàng hà sa số chư Phật ở sáu phương, đều hiện tướng lưới rộng dài, khen nói công đức không thể nghĩ bàn của môn Niệm Phật, khuyên chúng sanh nên phát nguyện cầu sanh về Cực Lạc. Từ xưa đến nay, chư Tổ cũng đã dẫn kinh viết luận rất nhiều, để tán dương môn Tịnh độ. Tâm xót thương sâu rộng, lời khổ thiết khuyên răn của chư Phật, Bồ Tát, Tổ sư như thế, thật đã hết lòng hết sức. Ví như người đẩy thuyền chở nặng muôn học, giương cung cứng mạnh ngàn cân, sự dùng tâm vạn lực đã đến mức điểm cuối cùng vậy.



**Hán 36:**

*Nhiệt cú Di Đà  
Minh minh thị hữu  
Tứ biện Bát âm  
Bà tâm khổ khẩu!*

**Viết 36:**

*Một câu A Di Đà  
Rõ ràng chính là có.  
Dùng Tứ biện Bát âm  
Khổ lời thương giải tỏa!*

**Lược giải:**

Trong cảnh giới Nhứt chân, chẳng phải rỗng không, cũng chẳng phải thật có các pháp. Cho nên Tâm kinh nói: *“Nây Xá Lợi Tử! Huyền sắc chẳng khác chân không, chân không chẳng khác huyền sắc. Huyền sắc chính là chân không, chân không chính là huyền sắc”*. Tóm lại, chân không chẳng phải cái không trống rỗng, mà chính nó ở ngay nơi hiện tượng huyền hữu. Có một số người tu về Không môn, như Thiên tông chẳng hạn, chưa hiểu chân lý này, lầm nhận chân tâm là một tự thể sáng suốt rỗng không. Chư cao đức bên tông môn cũng bác lối tu theo nhận thức sai lạc ấy, cho đó là Hư đầu thiên. Bởi hiểu biết sai lạc như thế, nên họ rất ngại niệm Phật, cho tu Tịnh độ còn có cái chướng của tướng có, như cát lẫn vào cơm. Hoặc họ cũng nhận niệm Phật là có công đức, nhưng còn thuộc về pháp hữu vi. Vì vậy các vị ấy có người đã mượn câu nói của cô đức để thí dụ: *“Mặt vàng tuy là quý, nhưng rơi vào mắt thì xôn xang thành bệnh!”* Kỳ thật cổ nhơn cũng có lời ấy, song nói với một ý khác về bên Thiên khi hành giả hỏi, chớ không phải thuộc bên Tịnh. Các vị ấy cũng không hiểu: Pháp vô vi dung thông bao quát, đâu riêng có ngoài pháp hữu vi?

Thuở xưa Ni cô Đạo Càn đến chùa quốc Thanh ở non Thiên Thai để phỏng đạo, có hỏi Bảo Lâm Trần thiên sư: *“Bạch tôn đức! Thế nào là tướng đại nhơn?”* Trần công đáp: *“Đợi khi nào người trừ hết ngũ chướng, đến đây ta sẽ nói cho!”* Ni cô thưa: *“Thế thì Hòa thượng đã bị che lấp rồi đây!”* Ngũ chướng là thân tướng người nữ. Ý Đạo Càn muốn nói chân tánh không có tướng nam nữ, nếu y cứ nơi hình tướng để tìm chân tánh là sai lầm. Ngài Bảo Lâm Trần

nghe nói biết chỗ tu của Ni cô còn lạc vào lối chấp thiên không, nên quát bảo: *“Người học ở đâu được cái hư đầu thiên như thế?”* Đạo Càn bị quở, bất giác xuất hạn đảm mình, chột tò ngộ, liền cúi xuống đánh lễ. Trần công gan hỏi lại: *“Thế nào là tướng đại nhơn?”* Ni cô liền đứng chằm hăm dang đôi chân, giăng hai tay ra. Đây là hành động biểu thị tướng đại trượng phu, cũng ngầm nêu rõ tánh chân không ở ngay trong tướng có. Ngài Bảo Lâm Trần thấy thế biết cô đã lãnh ngộ, liền gật đầu ân khà.

Bài kệ trên của Tổ Triệt Ngộ, nhấn rõ lý chân không ở ngay nơi hình thức diệu hữu của một câu A Di Đà, nên mới nói: *“Rõ ràng chính là có”*. Tứ biện tài như tập trước đã dẫn giải. Còn Bát âm là tám giọng nói của Phật, gồm có: 1. Âm thanh rất trong tốt. 2. Âm thanh cực dịu dàng. 3. Âm thanh hòa nhã thích ý. 4. Âm thanh tôn trọng sáng suốt. 5. Âm thanh không pha lẫn giọng nữ. 6. Âm thanh giác ngộ không mê lầm. 7. Âm thanh rất sâu xa. 8. Âm thanh sang sảng tuôn trào bất tận. Vì thương xót muốn cho chúng sanh giác ngộ, chư Phật đã dùng bốn thứ vô ngại biện tài, tám diệu âm thanh, khổ thiết tỏ bày dẫn đủ phương tiện chỉ rõ lý chân không ở ngay trong diệu hữu. Và chư Tổ sư trước nay cũng đã thương xót nói đến đáng miệng cạn lời để giải thích lý này.



**Hán 37:**

*Nhứt cú Di Đà  
Đích đích thị vô.  
Dung tha vạn tượng  
Nhập ngã hồng lô.*

**Việt 37:**

*Một câu A Di Đà  
Đích xác chính là không  
Nếu tiêu muôn vật tượng  
Tan vào một lò hồng.*



**Lược giải:**

Như trên đã nói sáu chữ hồng danh nguyên là diệu hữu, bài kệ này khai thị một câu A Di Đà chính thật chân không. Với mục đích nêu rõ ý này, xin tạm mượn một việc đã qua để giải thích:

Nhớ lại độ nọ, có vị Sư cô tu thiền đến nói với bút giả: “Gần đây một cư sĩ niệm Phật hơn ba mươi năm, sau khi nghe lý thiền, muốn thể nhập vào cảnh chân không, cảm thấy mình bị trói buộc chướng ngại. Sở dĩ như thế, do vì niệm Phật đã lâu năm, dù muốn xả bỏ tất cả, câu niệm Phật trong tàng thức vẫn cứ hiện ra tiếp tục mãi, không làm sao dứt thoát được!” Biết cô muốn bác rằng: Niệm Phật còn sự chướng ngại về sắc tướng, bút giả đáp:

Lý tánh chân không vẫn ở ngay nơi các pháp có, nên Bát Nhã tâm kinh đã nói: “Thị chư pháp không tướng”. Nếu vị cư sĩ ấy muốn thể nhập vào chân không, mà còn e sợ câu niệm Phật làm chướng ngại, thì cái không đó là ngoan không của ngoại đạo, chớ chẳng phải chân không. Tôi xin dẫn ra đây một ít bằng chứng:

1. Thuở xưa, đức Thế Tôn chỉ dạy nhiều vị Sa Môn thật hành môn Bất tịnh quán để dứt trừ nhiễm dục. Và đã có vô số chư Tỳ kheo tu theo pháp này nên được chứng quả A La Hán. Bất tịnh vốn tướng như ác mà Phật còn bảo quán tưởng, huống chi câu hồng danh là tướng của công đức lành? Lại nếu như sắc tướng gây chướng ngại cho việc chứng lý chân không, thì làm sao các vị Sa môn kia đắc quả A la hán?
2. Từ trước đến nay, năm chi phái về Thiên tông như: Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Tào Động, Vân Môn, Pháp

Nhãn, đều dùng câu thoại đầu làm công phu hạ thủ. Chẳng hạn như các thiền giả tham cứu câu: “Muôn pháp về một, một về chỗ nào?” (*Vạn pháp qui nhất, nhất qui hà xứ?*) Hoặc có vị chỉ tham đơn độc một chữ Vô hay tham tương chữ A theo Phạm ngữ. Sự tham cứu như thế đều nương nơi tướng có, nào khác chi hành trì câu niệm Phật? Nếu tham thoại đầu chẳng thể nhập được vào chân không, thì làm sao các thiền sư xưa nay đắc ngộ cho đến chứng quả? Và nếu niệm Phật chẳng có công hiệu tương tự, thì tại sao nhiều bậc tôn đức như Nhứt Nguyên thiền sư, Minh Bản đại sư chỉ trì niệm một câu hồng danh mà được đại ngộ, đi sâu vào tam muội?

3. Nếu cho rằng hình tướng của văn tự ngôn âm gây chướng ngại đến lý tánh chân không, thì tại sao các bậc Tôn đức khi xưa, sau khi đại ngộ rồi, trở lại niệm Phật, trì chú, tụng kinh, cho đến phiên duyệt Tam tạng kinh điển? Trong số ấy, chẳng hạn như ngài Vĩnh Minh và Thủ Sơn Niệm thiền sư trọn đời trì tụng kinh Pháp Hoa. Phổ Am tổ sư trì tụng kinh Hoa Nghiêm, Khuê Phong Định Huệ thiền sư trì tụng kinh Viên Giác, Kim Hoa Câu Chi thiền sư trì tụng chú Chuẩn Đề. Minh Giáo Tung thiền sư, chuyên niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm. Cho đến như Phán Châu Vô Nghiệp thiền sư sau khi đại ngộ, ba lần duyệt xem qua Đại tạng kinh điển?

Cho nên vị cư sĩ đó nếu muốn thể nhập vào chân không, hãy bỏ sự nhận thức sai lầm ấy đi, đừng nghĩ rằng niệm Phật là chướng ngại mà tự thành chướng ngại. Vị đó cần chuyên nhứt niệm Phật hơn nữa, lâu ngày sẽ thấy tự thể câu

hồng danh chính là chân không. Niệm như thế, chẳng những câu hồng danh là không, mà cho đến muôn vật tượng ở thế gian cũng do nhờ niệm Phật, được tan biến dung hòa vào lò chân không to rộng bao la khắp mười phương nữa!



**Hán 38:**

*Nhứt cú Di Đà  
Diệp vô diệp hữu.  
Mộng lý sơn xuyên  
Cảnh trung hoa liễu.*

**Việt 38:**

*Một câu A Di Đà  
Cũng không cũng có tướng  
Non sông nơi giấc mộng  
Hoa liễu ở trong gương.*

**Lược giải:**

Bài kệ trên nêu rõ ý: Câu niệm Phật nói không cũng được, nói có cũng được. Ví như bóng cảnh hoa cội liễu lộ trong gương sáng, cảnh non cao sông rộng hiện giữa giấc mơ. Trường hợp ấy, nói không cũng được vì đó chỉ là hình bóng, là cảnh mơ; nói có cũng được, bởi nó vẫn có ảnh tượng của cảnh vật vậy.



**Hán 39:**

*Nhứt cú Di Đà  
Phi hữu phi vô.  
Nại trước tiên chuyển  
Thủy thượng hồ lô.*

**Việt 39:**

*Một câu A Di Đà  
Chẳng có chẳng hư vô.  
Chạm đến liền lăn chuyển  
Trên nước chiếc hồ lô.*

**Lược giải:**

Trong bốn bài kệ liên tiếp, bài đầu nói về lý Có, bài thứ hai nói lý Không, bài thứ ba nói lý Cũng Có Cũng Không, và bài thứ tư sau này nói lý Chẳng Phải Có Chẳng Phải

Không của câu niệm Phật. Thật ra câu hồng danh tuy không rời bốn lý trên, nhưng cũng chẳng thuộc riêng vào một thứ nào trong bốn lý ấy. Ý nghĩa đích thật của câu niệm Phật là "Viên dung tự tại chẳng thể nghĩ bàn!" Nếu hiểu ý này, hành giả có thể tùy duyên ứng phó với mọi hoàn cảnh trong mọi trường hợp: hoặc có, hoặc không, cũng có cũng không, cho đến chẳng phải có chẳng phải không, một cách dung thông tự tại, không bị nó làm dính mắc chướng ngại. Ví như chiếc hồ lô thả nổi trên mặt nước, chạm đến liền tùy tiện lăn chuyển, không nằm hẳn một bề nào. Bài kệ tiếp sau đây, sẽ nói rõ thêm về thật nghĩa của câu niệm Phật.



**Hán 40:**

*Nhứt cú Di Đà  
Đệ nhứt nghĩa đế.  
Thượng siêu Bách phi  
Khởi lạc Tứ cú!*

**Việt 40:**

*Một câu A Di Đà  
Là Đệ nhứt nghĩa đế.  
Còn vượt khỏi Bách phi  
Huông rơi vào Tứ cú!*

**Lược giải:**

Trước tiên xin giải qua về Tứ cú, Bách phi. Tứ cú là bốn câu gồm: Có, không, cũng có cũng không, và chẳng phải có chẳng phải không. Bách phi: Bách là ước số lấy một trăm làm giới hạn. Phi là chẳng phải, tiêu biểu cho nghĩa bách phá. Đây nói chân lý vốn phi hữu, phi vô, phi thường, phi đoạn, phi sanh, phi diệt, phi nhứt, phi dị, phi lai, phi khứ, phi hữu biên, phi vô biên v.v... cho đến cả một trăm thứ phi. Tại sao thế? Bởi lý tánh ấy tuyệt ngôn luận, dứt tâm tư, chẳng thể dùng lời nói và sự suy nghĩ mà vịn đến và diễn tả được.

Còn Đệ nhưt nghĩa đế là thế nào? Đây là nghĩa chân thật bậc nhưt, bên Tông mệnh danh là: Một bước trên đầu sào trăm trượng, bên Giáo gọi là: Bất nhị pháp môn hay Thánh đế. Xin mượn lời vấn đáp của vua Lương Võ hỏi tồ Đạt Ma để tạm giải thích: Hỏi: “Bạch ngài! Sao gọi là Đệ nhưt nghĩa đế hay Thánh đế?” Đáp: “Rõng rang không thánh!”

Quy kết lại, ý bài kệ trên nói: Một câu A Di Đà, nếu vận dụng đến mức cùng tột, hành giả sẽ lia Tứ cú, vượt khỏi Bách phi, đi ngay vào Đệ nhưt nghĩa môn, tức thế nhập chân tâm vậy.

Qua năm bài kệ liên quan nhau nơi trên, từ diễn dịch cho đến quy nạp, ở điểm nào câu niệm Phật cũng dung thông không ngại. Nhưng luận về phần căn bản, các lỗi chấp của nhà tu học Phật pháp xưa nay chẳng ngoài hai điểm: Có và Không. Bước đầu tiên vào đạo, và cũng thuộc phần đa số, người tu Phật thường hay chấp Có. Khi làm các công đức lành, họ sanh niệm trước tướng, đôi khi dẫn đến sự tự mãn khoe khoang. Lỗi chấp này gây trở ngại cho bước ngộ đạo, tiến trình đến cảnh giới giải thoát.

Sau khi đi sâu thêm vào biển Phật pháp, xem đến kinh Kim Cang, Pháp Bảo Đàn, hoặc nghiên cứu về thiền lý cao siêu, hầu hết lại rơi vào lỗi chấp Không. Do đó, có nhiều kẻ đã không xem trọng điểm ăn chay giữ giới, bác bỏ sự niệm Phật tụng kinh, cùng các việc làm lành, cho là thấp kém trước tướng, chẳng hợp với trình độ cao siêu của lý Không. Họ đâu hiểu lý Không của Đại thừa, là làm tất cả công đức hữu vi mà không chấp thấy có tướng làm. Chẳng hạn như kinh Kim Cang bảo Bồ Tát bố thí chẳng nên trụ tướng, là

không chấp thấy mình là người thí cho, đây là vật trao giúp, kia là kẻ được ân huệ nhận lãnh. Bố thí như thế công đức mới vô hạn lượng, rộng lớn như hư không. Trong ấy cũng nói về tụng kinh này sẽ được công đức như thế nào? Vậy thì kinh Kim Cang, một áo điển điển đạt về lý Không của Đại thừa; đâu từng bác bỏ việc tụng kinh, bố thí?

Trong hai lối chấp trên, chấp Có hãy còn gốc luân hồi, song chấp với những việc lành, cũng sẽ được phước báu cõi nhơn thiên. Đến như chấp Không, bác phá tất cả sự tướng, thì quả thật là tai hại. Kinh Phật gọi đó là tội phá chánh kiến, bởi vì bài bác nhân quả. Nó gây sự lầm lạc cho mình và người, hủy hoại Phật pháp, khiến cho đương nhơn dễ sa vào địa ngục! Đây là hiện tượng mà các bậc thiện tri thức gọi là nhưc đầu đau tim (*thống tâm tột thủ*) vì nó gây tổn thương rất nhiều cho Phật giáo. Chấp Không như thế lại dễ khiến cho loài không ma dựa vào tác hại, làm hành giả đảo điên. Bút giả đã gặp một Thượng tọa thuật lại câu chuyện như sau:

Theo ý tôi, vị Thượng tọa ấy nói, việc tham thiền chỉ thích hợp riêng cho một số ít người bậc thượng căn. Thời nay, phần đông hàng tăng tục khi tu, nên lấy niệm Phật làm phân chánh, tụng kinh hoặc trì chú làm phụ. Bởi tham thiền mà chưa thể thường nhiếp tâm vào định, hoặc hiểu sai lầm rồi trụ tâm nói cái ngoan không ám muội, tất sẽ bị loài không ma dựa vào. Chính tôi đã mục kích vài ba người trong trường hợp này. Độ nọ, có một Sư cô đến gặp tôi đánh lễ trình thưa rằng: “Huynh đệ con hơn mười người, trước kia đã thọ giáo với một vị tự xưng là Khán Không thiền sư. Vị này bảo phải gạt hết tướng có, trụ tâm vào nơi không. Huynh đệ con thật hành theo một thời gian, về sau

tất cả đều bị loài ma ám nhập, nói việc vị lai quá khứ, luận thuyết toàn là lý không. Riêng phần con, nó đã dựa vào hơn mười năm. Hiện thời khi gặp tượng hay kinh Phật, nó giục báo phải đập phá xé bỏ. Gặp hàng Tăng Ni, lại giục báo phải chửi mắng nói những lời thô tục. Con tự kềm hãm chống trả lại, tìm nhiều bậc Pháp sư cầu cứu, song họ đều nói con ma này uy lực cao không thể trục xuất ra được. Nay con đến đây đánh lễ cầu xin thầy có phương pháp chi giải thoát đùm con!" Tôi nghe nói, bảo Sư cô ấy tạm nằm nơi ghé dựa, rồi ngồi phía sau để tay kiết ấn nơi đánh mà trì chú Chuần Đề. Tụng một lát, cô ấy chuyển lời nói con ma năn nỉ xin tha, vì nó ra ngoài bờ bờ không nơi nương tựa. Tôi không chấp thuận, tiếp tục trì chú mãi. Ban sơ Sư cô nghiêng trở dần vật mình, kế tiếp lần lần thờ gập gần như đứt hơi. Tôi thấy thể liền dừng lại, vì biết nếu cứ trì tụng tiếp, nó có thể liều chết giết người bệnh trước, phò mặc cho sự thể ra sao thì ra. Đã có vài vị Pháp sư bị cảnh ma giết người bệnh trong trường hợp này.

Tối hôm ấy, tôi trì chú cầu nguyện xin chư Thần giúp đỡ. Hơn một giờ đêm, trong giấc mơ tôi thấy có hai vị Kim Cang sứ giả. Một vị thân màu đen như sắt, khôi giáp toàn trắng; vị kia thân trắng như bạc, khôi giáp toàn đen. Trước tiên, Thiết sứ giả lấy ra một binh khí lạ dường như xa luân múa lên. Giây phút, từ binh khí ấy phát tiếng kêu vo vo, phóng ánh sáng lạ mắt. Kế tiếp vị Ngân sứ giả đưa tay ra ngăn lại bảo: "Hãy từ từ xem nó có chịu cái hỏi hay không đã!" Tối đây, cảnh tượng đều ảm đạm. Thức tỉnh, tôi ngẫm nghĩ biết chư vị mách bảo: Nên khuyên hóa hơn là dùng uy lực gây oan trái. Sáng ra tôi thuyết giáo chỉ rõ lỗi chấp sai lầm không lợi ích cho con ma nghe, nó xin sẽ chuyển

hướng tu theo chánh pháp. Riêng phần Sư cô nọ, tôi bảo vì loài ma đã dựa vào quá lâu, nên thể phách của nó có phần dính liền với thể xác. Nếu vội trục xuất, e cho thân của người bệnh sẽ bị tổn. Tôi truyền ấn và chú Chuần Đề bảo cô nên hằng ngày trì tụng. Với uy lực của chú, ma sẽ từ từ xuất ra. Sư cô ấy vâng lời.

Nói xong vị Thượng tọa kết luận: Sự nhận thức cùng tu tập sai lầm, gây nên tôn hại và cứu gỡ khó khăn là như thế.



**Hán 41:**

*Nhứt cú Di Đà  
Diệu viên Tam đế.  
Tối thanh lương tri  
Đại mãnh hỏa tự.*

**Việt 41:**

*Một câu A Di Đà  
Mầu tròn Tam đế lý.  
Như ao rất thanh lương  
Tự lửa to thiêu hủy.*

**Lược giải:**

Tam đế là ba lý chắc thật: Không, Giả, Trung. Không để hiển công dụng phá tình chấp. Giả để hiển công dụng lập các pháp. Trung để hiển công năng dứt đối đãi. Trung Quán Luận có bài kệ:

*Các pháp nhân duyên sanh  
Ta nói tức là Không.  
Cũng gọi là Giả danh.  
Cũng là nghĩa Trung đạo.*

Các pháp vì hư huyền chẳng có thật thể, nên gọi là Không. Vì sanh diệt vô thường nên gọi là Giả. Vì tự tướng lộ lộ hiện bày, chẳng thể nói riêng là Không, là Giả, dứt ngôn thuyết tâm tư, nên gọi là Trung. Kinh Pháp Hoa nói:

“Các pháp từ xưa nay. Tự tướng hằng tịch diệt” chính là nghĩa này. Trong ba đế, Không bao hàm cả Giả, Trung. Giả và Trung cũng đều lại như thế, nên gọi là mâu tròn, cũng gọi là Tam đế tương tức.

Dùng trí tuệ quán chiếu, các pháp đã như thế, thì câu hồng danh cũng đủ lý Tam đế nhiệm mâu tròn thông như vậy. Hiểu được lý này, tất có thể ứng dụng hạnh niệm Phật siêu vào cảnh giới đại tịch diệt, như đồng lửa lớn cháy hừng đốt tiêu tất cả rác rến trần cấu, như ao to mát mẻ dứt trừ tất cả hơi nóng của não phiền. Hành giả sẽ lần lần chứng vào chân cảnh Tịnh Bảo Nguyệt Quang Minh tam muội vậy.



**Hán 42:**

*Nhứt cú Di Đà  
Đắc Đại tự tại.  
Chuyển biến thánh phàm  
Dung thông thể giới.*

**Việt 42:**

*Một câu A Di Đà  
Chứng được Đại tự tại.  
Hay chuyển thánh siêu phàm  
Dung thông mười giới hải.*

**Lược giải:**

Với câu niệm Phật, nếu hành giả ngộ suốt lý Tam đế như trên, sẽ vượt Thánh siêu phàm chứng vào chân tâm tuyệt đối. Cảnh trí này không còn giới hạn giữa tự cùng tha, nhơn với pháp, chúng sanh và Phật, nên gọi là Đại Tự Tại tam muội. Ánh sáng chân tâm sẽ từ đó lan rộng ra, chiếu suốt đến vô biên thể giới ở mười phương. Trong ánh đại quang minh, biến thể giới mười phương đều lung linh như huyễn, tròn trặn nhiệm mâu, dung thông vào một chân cảnh.

**Hán 43:**

*Nhứt cú Di Đà  
Hữu công giả thường.  
Vương thiện dinh tiền  
Kế châu tại chường.*

**Việt 43:**

*Một câu A Di Đà  
Thường kẻ có công hay.  
Yên tiệc vua đầy trước  
Châu mái tóc nơi tay.*

**Lược giải:**

Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật có thí dụ đại khái: Như vua Chuyển luân đem quân dẹp giặc, thấy những binh tướng có công, đều tùy phần mà ban thưởng, hoặc cho y phục, châu báu, chí đến thành ấp tỵ lạc. Duy hạt minh châu nơi mái tóc chẳng đem cho, vì riêng trên danh vua chỉ có một viên bảo châu ấy thôi. Nếu vua thấy vị nào có công lớn, mới đem hạt ma ni vô giá để từ lâu nơi mái tóc ra cho. Đức Như Lai cũng như thế, nếu thấy hàng đệ tử y theo các kinh khác dứt trừ ba độc năm ám, liền ban cho các pháp thiên định, giải thoát, chí đến thành Niết Bàn, bảo rằng đã diệt độ. Nhưng riêng kinh Pháp Hoa lại không nói ra, vì kinh này rất sâu khó tin, quý báu bậc nhất. Nếu hàng đệ tử nào có công lớn phá các vô minh phiền não, vượt ra ba cõi, phát tâm Đại thừa, mới đem kinh Pháp Hoa là tạng bí mật, từ lâu hằng nghiêm cẩn giữ gìn, ngày nay tuyên thuyết.

Môn Niệm Phật cũng như thế, là Bí mật tạng chi thường riêng cho những kẻ có công tin nhân diệu pháp thành Phật này. Tin tưởng và thật hành theo môn Niệm Phật tức như người đã có trước mặt yên tiệc đầy đủ sơn hào hải vị của vua ban, đã cầm vào tay viên minh châu nơi mái tóc của Chuyển luân vương vậy.



**Hán 44:**

*Nhứt cú Di Đà  
Lý nhân vì mỹ.  
Cư bosc lai quy  
Khô thung phi qui.*

**Lược giải:**

Thuở thầy Mạnh Tử còn bé, nhà ở xóm có hàng thị. Khi ông cùng lũ trẻ nô đùa, thường họp nhau nắn đất thành hình súc vật, rồi bày ra trò giết heo dê. Bà mẹ thấy thế e con mình về sau thành kẻ đồ tể, liền dời nhà đi nơi khác. Chỗ ở kể lại không may gặp nhằm xóm có một nhóm người chuyên nghề ma chay chôn cất. Hằng ngày Mạnh Tử lại cùng đám trẻ bắt chước đào huyệt, nắn đất thành hòm, giả trang súc đồ tang, bày trò chơi khóc than tẩn táng. Thấy vậy bà mẹ không ưng, tìm chỗ tản cư. Lần sau này, nhà ở gần trường học. Mạnh Tử lại cùng lũ trẻ bắt chước lời nói khiêm nhường lễ nghĩa, học dáng điệu cung kính chào thưa, cùng é a đọc sách. Bà mẹ trông thấy mừng thầm, yên lòng không dời đi đâu nữa. Cũng như thế, người gặp pháp giải thoát của môn Niệm Phật, có khác nào kẻ tìm chỗ ở, được may mắn gặp nhằm xóm nhân đức hiền lương. Gia đình kẻ ấy sẽ lần lần tập nhiễm hạnh lành tánh tốt vậy.

Một người đi đêm bắt ngờ gặp trụ cây khô, làm tưởng là qui nên thảng thốt kinh hoàng. Nhưng quan sát kỹ, đó chỉ là cây khô không làm sao có tác dụng của ma qui được, nên lại yên tâm ngắm nghĩ buồn cười cho mình. "Trụ cây khô" còn tiêu biểu cho pháp chân như bất biến. Cổ đức có câu: "Cây khô xơ xác tựa rừng đông. Mấy độ xuân sang chẳng

**Việt 43:**

*Một câu A Di Đà  
Xóm nhân là tốt qui.  
Lựa chỗ ở nương về  
Cây khô không phải qui.*

đổi lòng!" (Tôi tàn khô mọc ý hàn lâm. Kỳ độ phòng xuân bất biến tâm). Pháp Niệm Phật là viên ngọc ma ni, là con thuyền giải thoát, mà kẻ không biết giá trị xem thường như đất sạn, khác nào anh chàng thảng thốt kia nhìn cây khô, tưởng là ma qui đâu!



**Hán 45:**

*Nhứt cú Di Đà  
Phi nan phi dị.  
Cửu phẩm liên hoa  
Nhứt sanh tâm lực.*

**Lược giải:**

Môn Niệm Phật quá dễ thật hành, câu hồng danh niệm ra không phải khó. Tuy nhiên, niệm với tâm tín nguyện chắc thật, niệm với hạnh bền bỉ lâu dài, niệm với ý dứt tuyệt trần duyên, lại là điều không phải dễ. Với ba điều kiện vừa kể trên, trong muôn ngàn người khó tìm được một. Cho nên cũng đừng vội xem thường hạnh niệm Phật. Muốn được dự vào chín phẩm sen ở cõi Tây phương, người tu tịnh nghiệp phải đem hết năng lực của thân và tâm, chẳng nài khổ nhọc thật hành suốt một đời, mới mong đạt được kết quả.



**Hán 46:**

*Nhứt cú Di Đà  
Tự lộ hoàn gia.  
Khả tích si nhơn  
Khí kim đâm ma!*

**Việt 45:**

*Một câu A Di Đà  
Chẳng khó, nhưng không dễ.  
Được về chín phẩm sen  
Một đời dùng tâm lực.*

**Việt 46:**

*Một câu A Di Đà  
Theo đường trở lại nhà.  
Tiếc cho kẻ khờ dại  
Bỏ vàng gánh vỏ gai!*

**Lược giải:**

Trong kinh có đoạn thí dụ về điểm cố chấp của kẻ khờ dại: Hai người nọ vào rừng róc lột vỏ gai để lấy tơ dệt vải bố. Trên lối về với đôi gánh vỏ gai oằn oại nơi vai, cả hai gặp một đồng tơ gai của ai bỏ sót trên đường. Một người mừng rỡ bảo: "Chúng ta đem vỏ gai về, chẳng qua để đập rồi ngâm lấy tơ. Nay đã có sẵn, tơ gai ở đây, nên bỏ thứ vỏ nặng nề này, lấy tơ đem về!" Nói xong liền thật hành theo ý định. Kẻ kia chấp nê rằng mình đã ra công gánh vỏ gai trái qua một quãng đường rồi, nên không chịu bỏ. Đi thêm đoạn nữa, cả hai bỗng gặp mây xấp vải bố của một chiếc xe tải làm rơi rớt ngồn ngang. Người gánh tơ lại mừng nói: "Vỏ gai hay tơ gai dù đem về cũng chỉ dùng để dệt vải bố. Nay đã có thứ này ở đây, chúng ta phải bỏ hết cái cũ mà chọn lấy vải là quý hơn!" Nói đoạn vội bỏ tơ gai, chắt vải bố đầy gánh. Kẻ kia cũng chấp rằng mình gánh vỏ gai quá xa, nên không chịu bỏ. Đi thêm một đoạn đường, cả hai dừng lại ngồi nghỉ, chợt thấy một hóc dưới gốc cây khô nằm la liệt mấy hũ vàng, có lẽ của ai đã chôn giấu từ lâu. Người gánh vải quá mừng, vội vớt lại thứ cũ, chọn lấy hai hũ vàng đem về, vì vải không làm sao bằng vàng được. Còn kẻ si mê kia vẫn cố chấp mình đã ra công quá nhọc, thà chịu gánh vỏ gai chớ không lấy vàng.

Môn Niệm Phật là pháp viên đốn, là đường lối thẳng tắt để trở lại nhà. Người đã gặp môn tối thượng mau thành phật này, mà còn tham cầu phước báu như thiên, còn mê chấp lối tu tà ngoại, còn giữ theo những hành môn quanh co khó bảo đảm cho sự giải thoát. Tổ Triệt Ngộ cho đó là một lối si chấp, như kẻ thà cam gánh vỏ gai không chịu chọn lấy vàng vậy.

**Hán 47:**

*Nhiệt cú Di Đà  
Hoành xuất Ta Bà.  
Như tín bất cập  
Ngô mặc như hà?*

**Lược giải:**

Có hai lối tu để thoát vòng luân hồi trong Tam giới. Đó là lối thụ xuất, vượt ra theo chiều dọc. Và Hoành xuất, vượt ra theo chiều ngang. Kẻ tu đường lối Thánh đạo, dùng sức giới, định, huệ lần lượt dứt trừ Kiến hoặc cùng Tư hoặc của Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới, thoát ra ba cõi, gọi là Thụ xuất. Ví như con ong muốn ra khỏi cây tre, dùng sức khó nhọc đục từng mắt tre theo chiều đứng, mà tìm lối thoát. Còn người tu theo đường lối Vãng sanh, tuy chưa dứt trừ hoặc nghiệp, nhưng biết dùng sức tín, nguyện, hạnh của mình và nương theo sức bản thể nhiếp thọ của Phật, cũng được vượt thoát ba cõi Ta Bà, sanh ngang về Lạc quốc. Đã về cõi ấy rồi, tất không còn bị luân hồi, lần lượt chứng lên các Thánh phẩm, cho đến khi thành Phật. Đây gọi là lối tu Hoành xuất. Ví như con ong biết dùng phương tiện đục ngang cây tre mà thoát ra, đã dễ dàng lại ít nhọc công phí sức.

Pháp môn Tịnh độ là lối tu Hoành xuất tam giới, là phương tiện nhiệm mầu để mau thoát luân hồi, chứng lên quả Phật. Trong nhiều kinh luận, chư Phật và chư Tổ đã tuyên dương khen ngợi rộng về môn này. Song tiếc thay những kẻ kém duyên sức tin chưa thấu đáo, thì lòng từ bi của các Ngài dù trải ra vô lượng vô biên, nhưng kết cuộc cũng không biết làm sao mà cứu vớt được!

**Việt 47:**

*Một câu A Di Đà  
Vượt ngang thoát Ta Bà.  
Người tin không thấu đáo  
Ta biết làm sao mà?*



**Hán 48:**

*Nhứt cú Di Đà  
Quy nguyên tiếp kính.  
Khẩn yếu tư lương  
Duy Tín, Nguyên, Hạnh.*

**Viết 48:**

*Một câu A Di Đà  
Là đường tắt về nguồn.  
Nhưng tư lương cần thiết  
Tín, Nguyên, Hạnh gọn suông.*

**Lược giải:**

Câu niệm Phật là con đường thẳng tắt để trở lại nguồn tâm. Như người đi xa cần dự bị cho đủ tư lương là: tiền nong, đồ phục dụng và thức ăn uống. Tư lương cần thiết đi về Tịnh độ cũng thế, chỉ suông gọn trong ba điểm: Tín, Nguyên, Hạnh mà sau đây sẽ nói.



**Hán 49:**

*Nhứt cú Di Đà  
Yếu tại Tín thâm  
Liên hoa cứu phẩm  
Sưu tại thờ tâm.*

**Viết 49:**

*Một câu A Di Đà  
Cần ở điểm Tín sâu.  
Mâm hoa sen chín phẩm  
Tư tâm đây nhỏ đầu.*

**Lược giải:**

Lòng Tín là phần tư lương trước tiên của môn Niệm Phật. Hoa sen chín phẩm ở Tịnh độ cũng từ lòng Tín này mà nảy mầm nhỏ đầu lộ mọc lên. Nhưng Tín cần phải sâu chắc, có thể tóm gọn trong ba điểm:

Một là tin cõi Cực Lạc trang nghiêm tốt đẹp kia vẫn thật có, không phải chuyện hư huyền hay thí dụ. Vì đức Phật Thích Ca không bao giờ nói dối, Ngài đã diễn tả rành rẽ từng chi tiết của cảnh ấy trong ba kinh Tịnh độ. Vì đã có

rất nhiều người niệm Phật trong đời hiện tại, do tâm thanh tịnh, từng chứng kiến cảnh giới này.

Hai là tin sự vãng sanh về cõi kia cũng hiện thật. Vì đức A Di Đà Thế Tôn không bao giờ nguyện suông, nói mà chẳng thật hành. Vì từ xưa đến nay có rất nhiều người niệm Phật, khi lâm chung hiện ra điềm lành, được Tây phương Tam Thánh hiện thân tiếp dẫn sanh về Cực Lạc.

Ba là tin mình dù còn phiền hoặc, dù nghiệp chướng nặng nề đến đâu, nếu chí tâm niệm Phật cầu nguyện vãng sanh tất sẽ được tiếp dẫn. Vì trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói, kẻ tạo nghiệp ngũ nghịch thập ác khi lâm chung dùng mười niệm cũng được vãng sanh. Vì trong truyện ký đã có ghi, những kẻ tạo ác nhiều như Hùng Tuấn, Duy Cung, nhờ biết hồi tâm niệm Phật đều được sự tiếp dẫn.



**Hán 50:**

*Nhứt cú Di Đà  
Yếu tại Nguyên thiết.  
Thôn tâm dục phần  
Song mục lưu huyết.*

**Viết 50:**

*Một câu A Di Đà  
Cần ở nơi Nguyên thiết  
Lòng về tựa lửa nung  
Mắt thương khóc ra huyết.*

**Lược giải:**

Nguyên là phần tư lương thứ hai của môn Niệm Phật. Nhưng Nguyên phải tha thiết, không tham luyến trần cảnh, gia tư, quyền thuộc, không mong cầu hưởng sự vui phước báu hơn thiên nơi đời sau. Chỉ nguyện mau sanh về Cực Lạc, để thoát khỏi nỗi khổ luân hồi, để sớm thấy Phật và chứng kiến cảnh trang nghiêm của Liên bang, để độ thoát mình, kẻ oan người thân và vô lượng chúng sanh trong



vòng chìm đắm. Chí nguyện cầu sanh ấy nung nấu như lửa đốt lòng, đôi mắt thương cảm tha thiết trông về hầu như tuôn ra huyết lệ.



**Hán 51:**

*Nhứt cú Di Đà  
Yếu tại Hạnh chuyên  
Đơn đề nhứt niệm  
Trảm đoạn vạn duyên.*

**Việt 51:**

*Một câu A Di Đà  
Cần ở chỗ Hạnh chuyên.  
Chỉ nêu cao một niệm  
Đứt sạch cả muôn duyên.*

**Lược giải:**

Sau rốt, Hạnh là phần tư lương thứ ba của môn Niệm Phật. Song Hạnh cần phải tinh chuyên. Điều này có thể tóm lại trong hai câu: "Rũ sạch muôn duyên. Một lòng niệm Phật". Muốn rũ sạch muôn duyên, phải thấu đáo cảnh Ta Bà là khổ, mọi sự vật đều vô thường, như huyễn mộng, mà không còn niềm tham luyến. Muốn một lòng Niệm Phật, phải hăm mộ cảnh Cực Lạc y báo chánh báo vui đẹp trang nghiêm, mong mỏi cầu về như con thơ nhớ mẹ, như lữ khách tưởng nghĩ trở lại quê xưa.

Ba điều Tín, Nguyện, Hạnh trên tuy giải thích riêng từng phần, song thật ra cả ba đều liên quan hỗ trợ lẫn nhau. Như cái đánh có ba chân, nếu thiếu một phải sụp đổ tất cả vậy.



**Hán 52:**

*Nhứt cú Di Đà  
Thệ thành phiến đoạn.  
Bản thủ nhứt sanh  
Tác cá nhân hán.*

**Việt 52:**

*Một câu A Di Đà  
Thệ niệm thành một khối.  
Liều tu mãn kiếp này  
Được làm người nhân rồi.*

**Lược giải:**

Người tu tịnh nghiệp do ý thức nổi khổ sống chết luân hồi là việc lớn cần phải giải quyết, nên phát tâm Bồ đề. Từ nơi điểm này dùng lòng tin nguyện sâu thiết, hành trì câu hồng danh thệ niệm thành một khối, không để phiến nào xen vào. Trong đời này phải liều mình hết sức tu hành như thế, để bảo đảm cho sự vãng sanh lúc lâm chung. Khi đã được về Cực Lạc rồi, chừng đó mới thoát vòng sống chết, làm người an nhàn tự tại, không còn lo bị luân hồi sa đọa nữa.



**Hán 53:**

*Nhứt cú Di Đà  
Chỉ nhâm ma niệm.  
Bách bát luân châu  
Tuyệt đoạn trùng hoán.*

**Việt 53:**

*Một câu A Di Đà  
Nên niệm như thế này.  
Chuỗi lòn trăm lễ tám  
Dây đứt lại đôi dây.*

**Lược giải:**

Kẻ sức yếu lúc lên non, muốn được vững vàng, phải nương cây gậy. Cũng như thế, người tu tịnh nghiệp khi niệm lực chưa thuần, cần nương nơi tràng chuỗi giữ chắc định số mỗi ngày để phòng ngừa sự biếng trễ. Cứ niệm mãi như vậy, chuỗi đứt lại đôi dây khác, khi nào đến cảnh giới

“không niệm tự niệm”, chừng đó muốn lần chuỗi hay không cũng được. Đừng nghĩ rằng lần chuỗi sẽ mất sự tự tại. Cô đức đã trình thuật lại kinh nghiệm lần chuỗi vẫn được viên dung vô ngại như sau: “Năm lần chuỗi tràng trần niệm dứt. Nghiễm nhiên thành Phật đã từ lâu!” (Niết khởi sở châu thẳng sách đoạn. Thế hương phạn thực dĩ đa thời).

Còn phương pháp niệm Phật như thế nào, dưới đây sẽ lần lượt chỉ rõ.



### HÁN 54:

Nhứt cú Di Đà  
Bất cấp bất huốn.  
Tâm khẩu nhứt như  
Lịch lịch nhi chuyển.

### VIỆT 54

Một câu A Di Đà  
Chẳng gấp cũng chẳng huốn.  
Lòng miệng ứng hợp nhau  
Ràng rõ mà chuyển niệm.

### Lược giải:

Cách niệm Phật không nên gấp hoặc huốn lăm. Niệm gấp tất khó ràng rõ, có hại cho sự huân tập câu hồng danh, ngày kia cảnh giới “không niệm tự niệm” phát hiện, câu Phật hiệu cũng không được ràng rõ. Niệm huốn thì vọng tưởng dễ xen lẫn vào. Lại quá dùng sức niệm mau gấp, hư hỏa sẽ bốc lên, thần kinh căng thẳng, tất sanh bệnh nám mặt đau đầu. Niệm huốn dãi lơ là thì tâm ý buông lơi, sẽ sanh lỗi hôn trầm biếng trễ.

Khi niệm phải tiếng nương nơi tâm, tâm duyên theo tiếng, lòng và miệng ứng hợp nhau, cứ niệm đều đều ngoài ra không trông nghĩ chi khác.



### HÁN 55:

Nhứt cú Di Đà  
Dữ đa dữ hảo.  
Như nhơn học xạ  
Cửu tập tác xảo.

### VIỆT 55:

Một câu A Di Đà  
Niệm càng nhiều càng hay  
Ví như người học bắn  
Tập lâu thì khéo tay.

### Lược giải:

Người học bắn, càng tập lâu tất nghề càng tinh xảo. Câu hồng danh là sự kết tụ vô biên phước huệ của Phật, niệm càng nhiều thì căn lành càng thuần, công đức càng to rộng, phẩm sen lại càng cao. Ngẫu ích đại sư đã nói: “Được vãng sanh cùng không, là do nơi Tín, Nguyện. Phẩm sen cao hoặc thấp, toàn bởi sự Hành trì!”



### Hán 56:

Nhứt cú Di Đà  
Nhiếp tâm mật trì.  
Như nhơn âm thủy  
Lãnh noãn tự trì.

### Việt 56:

Một câu A Di Đà  
Mật niệm hằng nhiếp tâm.  
Ví như người uống nước  
Nóng lạnh tự biết thâm.

**Lược giải:**

Kinh nói: *"Chỉ tâm niệm một câu A Di Đà, tiêu được tội nặng trong tám mươi tức kiếp sống chết"*. Một kiếp sống chết là một quãng đời trong nẻo luân hồi. Liên Trì đại sư cũng bảo: *"Câu niệm Phật là đại phước, đại đức, đại trí, đại huệ, đại thánh, đại hiển!"* Về phước thì câu hồng danh cảm hiện nhạc trời, hương lạ, ao báu, đất vàng, cho đến vô lượng cảnh tượng tốt đẹp trang nghiêm. Về huệ thì câu Phật hiệu sẽ khiến cho hành giả tiêu trừ tội chướng, lần lần đi sâu vào cảnh giới giác ngộ, chứng lên Thánh quả. Tiến trình chứng ngộ phước và huệ thấp hoặc cao ấy, duy đương nhơn tự biết; như người uống nước lạnh, nóng chỉ mình hay, không thể diễn tả ra được!



**Hán 57:**

*Nhiệt cú Di Đà  
Thí du quật tịnh.  
Tự hạ cận nê  
Giá liêm công tịnh.*

**Việt 57:**

*Một câu A Di Đà  
Như đào giếng lấy nước.  
Lần sâu thấy gần bùn  
Giá hời công kiệm ước.*

**Lược giải:**

Kinh Pháp Hoa có thí dụ: *"Như người đào giếng, trước tiên duy thấy đất cát khô ráo, biết mực nước hãy còn xa. Lần lần thấy đất ướt và bùn, biết đã gần tới mực nước. Người tu Phật cũng thế, khi chưa nghe hiểu kinh Pháp Hoa, kẻ ấy hãy còn xa đạo Vô thượng bồ đề. Lúc đã nghe hiểu kinh này, tất biết người ấy đối với đạo Vô thượng bồ đề không còn xa nữa ..."*

Với môn Tịnh độ cũng lại như thế, người nào đã biết và tu pháp Niệm Phật, tất kẻ đó đã gần đạo Vô thượng bồ đề. Chẳng những ngàn ấy mà thôi, với pháp môn này chỉ cần dụng công trong một đời, khi được vãng sanh, tức đã bước lên ngôi Bất thối chuyển, không còn bị lui sụt nơi Phật quả nữa. Sự dùng công phu ít nhưng thành đạo quả cao như thế, há chẳng giống kẻ đào giếng với giá hời, hoặc may mắn ra công sức chưa bao lâu mà đã thấy lộ bùn gần mực nước đó ư!



**HẾT TẬP HAI**

## MỤC LỤC

- Diệu Hiệp	5
- Minh Chứng	9
- Không Cốc	12
- Đức Thanh	13
- Vô Danh Tăng	17
- Đại Kinh	19
- Kiến Nguyệt	20
- Minh Hoảng	22
- Văn Ngôn	23
- Đạo Triệt	24
- Thành Chú	26
- Pháp Chân	27
- Hằng Nhứt	28
- Phật An	30
- Tánh Tu	31
- Hành Tu	32
- Thật Vỉnh	34
- Thường Trí	35
- Bản Ấn	37
- Toại Khâm	38
- Phật Kỳ	39
- Lãng Nhiên	40
- Diệu Thành	41
- Đạo Càn	42

- Ni Cô Am Lan Nhã	44
- Đạo Ngộ	45
- Trương Sư Thành	47
- Ngô Như Am	50
- Du Hữu Quang	52
- Tô Khởi Phụng	53
- Vương Trinh Sanh	54
- Thái Bằng Cửu	55
- Lục Sĩ Thuyên	57
- Mã Vinh Tổ	61
- Lân Đài	66
- Bành Thiệu Thăng	71
- Lữ Huất Nhược	80
- Tào Thánh Hữu	81
- Trịnh Thiệu Vinh	82
- Ngô Liêm	83
- Trần Đình Du	85
- Trương Hiếu Lâm	86
- Phan Vạn Tôn	87
- Trâm Thơ Hoa	89
- Hứa Nhân Thực	90
- Châu Quang	93
- Lộ Khôn	95
- Ngô Doãn Thăng	96
- Từ Thị	100
- Tào Thị	101

- Đào Quỳnh Lâu	104
- Bá Bất Quán	112
- Ưông Thị	114
- Vương, Trương, Trần	116
- Châu Thị	118
- Thiệu Thị	119
- Du Thị	120
- Tiền Nhự Nhon	121
- Lục An Nhon	123
- Một Trăm Bài Kệ Niệm Phật	126
- Luật Tịnh	136
- Huệ Minh	138
- Khởi Tín	139
- Đông Qua Hòa Thượng	141
- Ngô Linh	145
- Viên Dung	147
- Diệu Trạm	149
- Thọ Tâm	152
- Tư Ngạn	155
- Ngọc Phong	157
- Chí Thiện	160
- Khắc Cần	162
- Tịnh Hải	165
- Mặc Am	167
- Lương Tu	169
- Tịnh Thiên	171

- Khuyên Tu	173
- Như Trí	176
- Như Giác	177
- Liên Trinh	179
- Quả Nhon	181
- Thánh Đạo	183
- Đại Ngộ	185
- Hoảng Nguyên	186
- Khuyên Tu	188
- Phạm Nguơn Lễ	191
- Tôn Phục Nguyên	196
- Lý Cần	198
- Tào Hải Hòa	201
- Tống Lai	203
- Trần Cư Sĩ	204
- Ngô Tôn Ngụy	205
- Trương Xí Diên	207
- Từ Hy	209
- Tiền Vạn Dật	213
- Châu Lân Thơ	216
- Cù Tấn Hòe	218
- Tôn Tùng Đình	220
- Đinh Đồng Tử	221
- Khuyên Tu	222
- Dương Thị	224
- Nhan Thị	225

- Tiên Lan Trinh	226
- Trâm Trinh Nữ	227
- Bạch Thị	229
- Một Trinh Nữ	231
- Châu Phu Nhơn	232
- Xóa Sạch Duyên Trần	235
- Việt Quốc Phu Nhơn	239
- Tân Thị	241
- Phùng Thị	242
- Ngô Thị	243
- Diêu Bà	245
- Vương Thị	246
- Vợ Tướng Thập Bát	247
- Chúc Thị	248
- Lư Thị	249
- Phí Thị	251
- Từ Thái Nghi Nhơn	253
- Tôn Thị	254
- Dương Thị	254
- Dư Thị	255
- Chim Anh Vỡ	256
- Chim Cù Cáp	259
- Gà Biết Niệm Phật	260
- Khuyên Tu	263
- Một Trăm Bài Kệ Niệm Phật	265